

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT VỀ CHÍNH-SÁCH NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI DÂN VIỆT-NAM (1)

Muốn bày rõ cái chính - sách của nước Pháp đối với người bản - dân Đông-Pháp, phải mấy bài diễn-thuyết mới hết được. Trước hết phải xét về đại-cương, tôn-chỉ của chính-sách ấy thế nào. Lại phải xét xem nhân vi tình-thế trong thiên-hạ, nhân vi cuộc đại-chiến-tranh vừa rồi, nhân vi sự tiến-hóa về kinh-tế, chính-sách ấy đã dần dần liệt vào hạng các vấn-đề lớn mà sự giải-quyết phải theo những phép-tắc chung cùng những phương-kế riêng, tùy thời thay đổi cho thích-hợp, phép-tắc cùng phương-kế ấy gồm lại tức là cả nền chính-trị Đông-Pháp, chứ không phải một chính-sách đối với người bản-dân mà thôi. Nhưng mà cái đề-mục chúng tôi định bàn đây kể cũng đã rộng lắm rồi, không cần phải khuếch-trương ra thêm nữa.

Muốn bày rõ cái chính - sách của nước Pháp đối với người bản-dân Đông-Pháp, thì trước hết phải bày tỏ những cái nguyên-tố phức-tạp thuộc về tâm-lý, thuộc về xã-hội, mà nước Pháp đã từng tiếp-xúc ngay tự khi mới bắt đầu giao - thiệp với các dân-tộc trong cõi Ấn-đô-Chi-na này vậy.

Không nói từ đời Gia-long người Pháp đã can-thiệp đến việc nước Nam, kể hai cái văn-minh mới tiếp - xúc nhau là ở Nam-kỳ trước nhất. Nhân đó mà về sau sinh ra nhiều sự lầm-lỗi. Vì rằng không nên lấy lực-tính Nam-kỳ mà xét cả nước Nam : Nam-kỳ trước khi thành thuộc-địa nước Pháp, vốn là thuộc-địa nước Nam, là một cõi đất thực-dân của nước Nam.

Trước khi nhờ nước Pháp khai-hóa được tốt đẹp như bây giờ, Nam-kỳ còn là đất thực-dân của nhà Nguyễn khai-thác ra, trong cõi bình-nguyên hoang-mãng của giống Hời giống Mên ở miền hạ-lưu sông Cửu-long vậy. Lúc mới đầu còn là những sở « đồn-diên », sở « sơn - phòng » mà thôi. Cho nên người Nam-kỳ tuy vẫn là người Việt-Nam, nhưng không thể xét người Nam-kỳ mà biết người Việt-Nam được. Người Nam-kỳ chính là người thực-dân, cho nên những chế-độ, phong-tục nghiêm-mật về gia-đình xã-hội nước Nam, ở Nam-kỳ hầu như không có vậy.

Đối với người Âu-châu, đất Á-châu vẫn là cõi huyền-bí. Nước Pháp từ khi

(1) Dịch bài diễn-thuyết của quan Nguyên Khâm-sứ Trung-kỳ, nguyên quyền Toàn-quyền Đông-Pháp, hiện sung chức trưởng Kinh-tế-cục Đông-Pháp ở Paris, PIERRE PASQUIER, đọc ở trường Cao-đẳng Xã-hội-học (Institut des hautes études sociales) ở Paris, ngày 14 tháng ba năm 1928, cuộc diễn-thuyết có quan Thượng-thư ALBERT SARRAUT chủ-tọa. Bài này cũng không có ý-kiến gì mới lạ, nhưng nhân vi địa-vị của diễn-giã mà có một cái giá-trị đặc-biệt, chúng ta cũng nên chú-ý.

vào giao-thiệp với nước Nam đã gặp lắm sự khó-khăn, vì phải giải-quyết một cái vấn-đề rất nan-giải về tâm-lý chính-trị như sau này: là làm thế nào dung-hòa được hai cái văn-minh xa cách nhau để mưu sự tiến-bộ sau này.

Cái tinh-thần của Á-châu vốn nó phảng-phất, mơ-màng, khiến cho người Âu-châu phán-đoán thường sai-lầm, lý-hội thường không đúng.

Nếu chỉ để tai nghe cái tiếng gọi của cuộc ký-vãng, như ở nơi từ-đường, chốn phần-mộ kêu lên, thì tất không nghe thấy giọng hoan-hỉ của phái tân-tiến kia đang hăm-hở muốn theo đòi bất-chước Thái-Tây.

Nhưng nếu lại muốn chiều lòng bọn tân-tiến là học-trò của Tây-phương đó, thời liền thấy như cách-biệt hẳn với hoàn-cảnh, không biết nương-tựa vào đâu, vì phàm người Á-châu đâu đã chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Âu-châu, mà tinh-tinh tâm-lý vẫn còn chưa thoát được khỏi cái sức ngậm của lịch-sử nó sai-khiến.

Lịch-sử của Á-châu thì xa-xôi thăm-thẳm, không biết đâu mà lường. Bao nhiêu giấc mộng của loài người, Á-châu đã từng qua cả. Bao nhiêu những vấn-đề lớn-lao thuộc về người ta đối với bản-thân hay đối với xã-hội, Á-châu cũng đã từng lấy lý mà giải-quyết được cả.

Nay ta thử nghiên-cứu cái xã-hội nước Nam kia, ta sẽ lấy làm lạ mà nghiệm thấy rằng xã-hội ấy vốn là một xã-hội bình-đẳng dân-chủ, mà quyền chính-trị thì lại căn-cứ ở cái thuyết thiên-mệnh-quân-chủ.

Ta sẽ thấy trong chốn hương-thôn thì quyền dân là chúa-tể, mà quyền vua thì trên tự thiên-tử, dưới đến bách-quan, gồm khắp cả nước, duy đến chốn hương-thôn là không can-thiệp

gi, phép vua thua lệ làng, mà lệ làng là từ các bậc đàn anh, các bậc phụ-lão trong làng đặt ra cho con em theo. Cái chế-độ hương-thôn đó, trước kia ta vẫn ví như một nước cộng-hòa nhỏ, mà quyền chính-trị ở trong tay một số ít người chuyên-chế, nhưng có lẽ chỉ là gồm mấy họ lại mà các trưởng-tộc họp thành như một cái «Sô-viết», nghĩa là một đoàn-thể tự-trị, duy có khác Sô-viết nước Nga là có cái tinh-cách bảo-thủ cổ-tục vậy.

Thế thì ra xã-hội là một xã-hội công-cộng ở trong cái khuôn chính-thể quân-chủ, mà bọn thượng-lưu cầm quyền không phải là thượng-lưu thế-tập, chỉ lấy tài-cán học-thức mà kén chọn; bọn thượng-lưu ấy lại có cái chức-trách phải kén chọn ông quân-chủ, cũng chẳng khác gì như trong một làng kén chọn người lý-trưởng vậy, nghĩa là vua tuy chịu mệnh trời mà mệnh trời cũng là ở lòng dân mà ra, vì đại-biêu cho lòng dân ấy tức là bọn thượng-lưu, mà bọn thượng-lưu chính là ở trong dân-gian ra vậy. Xã-hội đó đã biết phân điền-sản, không có kẻ nghèo người dốt, ai ai cũng được hưởng cái ơn giáo-hóa, mà bọn công-nhân lao-động thời mới gọi là bắt đầu nhóm lên gần đây mà thôi.

Các quan thay mặt nước Pháp sang cai-trị nước Nam, đối với cái xã-hội cổ đó, biết rằng có nhiều điều hay không nên bỏ, nhưng cũng lại biết rằng có cái vẻ quá cũ không thích-hợp với đời này, trong lòng muốn điều-hòa thế nào cho ổn-thỏa hết cả, khiến cho được tuần-tự tiến-hóa mà vui-vẻ phát-đạt, thật lắm lúc đã lấy làm băn-khoăn khó nghĩ, khổ-tâm không biết giải-quyết thế nào, vì đã hiểu lắm cho nên không thể nhắm mắt làm liều, ra tay bạo-động, như kẻ mơ-hồ không biết vậy.

Bởi thế nên tìm những cách giải-quyết ôn-hòa thích-hợp, không muốn nhất-đán đòi cả tâm-hồn một dân-lộc, gột rửa cả cái óc người nước Nam cho mất hết cả cái tinh-túy của tổ-tiên di-truyền lại.

Cách giải-quyết đó là thuộc về chính-trị (chữ chính-trị đây là dùng theo nghĩa rộng về triết-lý), trước hết lại chỉ đem thi-thố thuần về đường kinh-tế. Vẫn biết rằng theo cái thuyết của phái SAINT-SIMON thì chính-trị có lẽ cũng chỉ là cách nghiên-cứu về sự sinh-sản các tài-hóa mà thôi, tuy-nhiên sự sinh-sản tài-hóa cũng không thể làm dao-động đến cơ-sở xã-hội được. Một nhà bác-học có bụng quảng-đại, đã từng nói một câu rằng: « Không nên để cho người bản-dân có ngày đau lòng xót ruột oán-trách ta rằng vì ta can-thiệp đến mà để cho cái hạnh-phúc của họ về đường tinh-thần hơn là về đường vật-chất không tăng lên được mà lại giảm bớt đi. »

Ấy cả cái vấn-đề là ở đó, vấn-đề phiền-tạp, hỗn-dộn, các bộ-phận lại mâu-thuẫn nhau, vì là gồm cả sự phát-đạt về đường kinh-tế, cái nghĩa-vụ của thuộc-địa phải giúp mẫu-quốc, cái nghĩa-vụ của chính-phủ phải giúp cho những người đem tài-sản sang kinh-lý ở thuộc-địa, lại cái nghĩa-vụ của nước Pháp phải tôn-trọng quyền-lợi của người bản-dân, phải chăm-chước với cái tâm-lý cùng sự nguyện-vọng của dân bản-xứ. Tinh-thần xung-đột, quyền-lợi mâu-thuẫn, văn-minh tu-tướng phản trái nhau, bấy nhiêu nguyên-nhân làm cho chúng ta rắp-tâm cải-cách một điều hay mà có khi thành gây ra một cái nguồn tệ ở đó. Lại thêm khó nữa là bởi cái tu-tướng chung của người xứ này có chịu cái văn-minh vật-chất của chúng ta là mạnh thật, nhưng trong lòng vẫn không phục mà lại có ý khinh; người Á-châu đối với

những sự chế-tạo kỳ-xảo của chúng ta, họ không có lấy làm lạ gì, những công-trình như đặt đường xe lửa, dựng xưởng công-nghệ, họ không có cảm-phục chi. Người Á-châu phán-đoán các dân-tộc, so-sánh các văn-minh, chỉ thuần đứng về phương-diện tinh-thần, phương-diện đạo-đức mà thôi.

Vậy thời nước Việt-Nam đó là thế nào? Dân-tộc Việt-Nam kia, vì lẽ trời run-rủi, nay sinh-trưởng ở dưới quyền bảo-hộ của chúng ta, vậy là dân-tộc thế nào và nguồn gốc tự đâu?

Bán-đảo Ấn-độ-Chi-na là cái bán-đảo cuối cùng trong cõi đông-nam châu Á, một đường duyên-hải chật hẹp từ bắc chí nam đã từng qua bao nhiêu giống người, bao nhiêu văn-hóa khác nhau, xung-đột nhau, khi dâng lên khi rút xuống như nước thủy-trào, rồi sau mới được bình-tĩnh phẳng-lặng hẳn. Nước thủy-triều ấy dâng lên tới cái độ cao nhất là ở chân trái núi kia, bên trên dựng chót-vót một cái tháp Hời mà bên dưới sàn-sàn mặt đất thì là cái đền hay cái miếu An-Nam tường vôi bạc phếch.

Các miền tây-nam, trong bán-đảo vì như bãi cát trắng hãy còn dấu nước triều, thì vẫn qui-y về đạo Phật, còn các miền đông-bắc thì thống-thuộc về Khổng-giáo.

Tôn-giáo, chính-trị, xã-hội, mĩ-thuật, hai đảng xa cách nhau hẳn, cho nên trong bao nhiêu đời xung-đột nhau mãi, sau mới tùy địa-thể mỗi nơi mà định cái phạm-vi đặc-biệt, cho nên đến ngày nước Pháp can-thiệp sang, thì mỗi nơi đối-đãi lại một cách khác vậy. Bởi thế nên về phương-diện tu-tướng cũng như về phương-diện thực-tế, không khỏi có điều ngang trái không hợp nhau. Những cái nguyên-nhân gây ra sự mâu-thuẫn đó cũng dễ nhận thấy ngay, nguyên-nhân ấy là nguyên-nhân biến-hóa, có biến-hóa mới có hoạt-

động, nhưng bởi hoạt-động mà tiện-thị làm cho ngang trái mất cái dịp-diệu thiên-nhiên từ trước. Cung-diệu cũ đã không hợp nữa thì tất phải nghĩ ra bài đàn mới. Bài mới rồi cũng có vẻ hùng-tráng mẽ-lệ; nhưng ai đã từng biết nước Nam về ba mươi năm trước, còn đương nổi đời cái cổ-văn-hóa của nước Tàu, thì không thể quên được cái cảnh-tượng một nước còn đương như ngưng-trệ trong cái vòng khuôn cổ-thời, và không thể không đem những cái bức tranh cũ-kỹ mà mỹ-miền của bấy giờ so-sánh với cái cảnh sinh-hoạt đời nay, đương như vội-vàng phác-họa ra một bức tranh cảnh mới, không khỏi làm nhòa làm ố mất những tấm tranh cổ kia tuy đã phai nhạt mà còn phong-thú biết dường nào.

Ôi! những cái cổ-tục kia, mỗi ngày một mai-một đi mất cả, ôi, những cách cử-động thanh-tạo nhã-nhặn kia, ngày nay bị cái ánh sáng điện-khí của văn-minh Thái-tây làm cho tiêu-tán đi mất cả, nhưng xưa kia khác nào như cái màn thêu giăng ra để che đậy lấy cái tinh-thần cổ-hữu của nước Nam này, bấy giờ kẻ nào biết hé cái màn ấy mà trông suốt được vào bên trong, thời khoái-lạc biết dường nào. Dân-tộc này là một dân-tộc nhưng văn-nhân thân-sĩ, vẫn có tính tự-cao tự-phụ lắm, nhưng mà biết khéo đem cái lễ-nghi phiền-phức để che đậy đi, khiến cho cái tinh-thần của họ như u-âm phảng-phất, huyền-diệu mơ-màng. Vẫn biết rằng cái binh-phong chẵn ở bên ngoài để làm cho chúng ta bị lầm, nhưng chính cái binh-phong ấy thì nước sơn dụ-dàng và bóng-bẩy biết dường nào, vừa có cái vẻ nồng-nàn mà lại lãnh-đạm.

Chúng tôi sang làm việc quan bên nước Nam từ hồi tuổi trẻ, nay hồi-tưởng lại nước Nam lúc bấy giờ, sao cái phong-vị mỹ-miền khả-ái như thế!

Tuy cũng gặp lắm nỗi khó-khăn, lắm sự nguy-hiểm, nhưng tới ngày nay không còn có cái kỷ-niệm cay-dắng gì cả. Bao nhiêu những cái ác-cảm-giác tán đi hết cả, mà chỉ còn lại cái cảm-giác mơ-màng một chốn bồng-lai tiên-cảnh vậy. Nhưng hồi-tưởng đến thế mà lại liền nghĩ ngay rằng chốn bồng-lai kia là tiếp-giáp ngay với nước Tàu đương nội-loạn tứ-tung, lại đối-diện với cái hồ Thái-bình-dương bát-ngát đến tận bờ Tân-thế-giới kia, tên là Thái-bình mà chử chắc đã thái-bình đầu; còn các lân-bang tứ phía, từ quần-đảo Nhật-bản đến quần-đảo Mã-lai, toàn là những dân-tộc sinh-trưởng theo những lý-tưởng khác với Âu-châu cả. Bấy giờ ta đối với cõi bồng-lai ấy lại càng thiết-tha luyến-ái hơn nữa, vì hình như trông thấy cái bóng tương-lai đã từ-từ đi lại vậy.

Tuy từ trước đến nay đã có lắm nhà văn như bọn LOTI, LAFCADIO HEARN, CONRAD, STEVENSON, KIPLING và BOISSIÈRE gia-công khám-phá cái tâm-lý của các dân-tộc Á-châu, nhưng ngày nay các nhà có chí vụ-thực cho cái cách nghiên-cứu như thế là cách nhà văn-chương, không được thiết-thực, bèn chỉ chủ quan-sát các vấn-đề Á-châu về phương-diện kinh-tế, phương-diện xã-hội mà thôi. Bấy giờ thời chỉ xét nước nào dân-số nhiều, nước nào dân-số ít, nước nào có những sản-vật gì, nguyên-liệu gì, có thể đem tiêu-thụ những đầu, nào số mục, nào biểu-kê, nào tỉ-hiệu nào thống-kê, đem ra mà nghiên-ngẫm để cho đoán biết những cái hiểm-tượng xung-đột ở đâu, cùng những duyên-cớ gì khiến cho nước nào vì lợi-quyền cần phải kết-liên với nước nào, đem con mắt tiên-tri mà dự-liệu xem sau này trên bờ bề Thái-bình-dương sẽ bày ra một cái sân khấu mới rực-rỡ to-tát là dường nào; kể những lời bàn của các nhà ấy cũng là cao-hùng vĩ-đại lắm vậy.

Cứ thực ra thì tất cả những vấn-đề ấy ta cũng phải biết, vì càng ngày nó càng có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt của nước Pháp ta. Các vấn-đề ấy phiền-phức vô-cùng, nhà tâm-lý-học, nhà chính-trị-học, nhà kinh-tế-học, hiệp-lực nhau lại mà cùng nghiên-cứu, cũng không phải là thừa vậy. Bấy nhiêu vấn-đề gồm lại thành như một cái khối hỗn-nhiên, muốn khám-phá cho thấu-triệt thì phải biết rõ từng cái nguyên-chất đã kết-tinh lại mà thành ra cái khối ấy vậy. Ở Á-châu không có cái gì là giản-đơn cả. Vậy thì các vấn-đề phải xét cho đủ các phương-diện, thật không phải dễ, vì cái nọ can-thiếp sang cái kia và thường khiên-động lẫn nhau vậy.

Vi ở Á-châu này công việc lại khó-khăn hơn là ở các nơi khác, khó là bởi các dân-tộc vốn đã có những văn-minh lão-đại, không thể bỏ qua đi được, tất phải đem ra châm-chước mà dung-hòa với văn-minh Thái-tây. Lại cũng vì ở Á-châu, và thứ nhất là ở đất Ấn-độ-Chi-na này, nước Pháp phải xử-trí vào một cái hoàn-cảnh đặc-biệt, thuộc về chính-trị, về gia-đình, về xã-hội, phải đối-phó với những tư-tưởng khác hẳn tư-tưởng Tây-phương.

Có phải bởi những lẽ khó-khăn đó mà cái chính-sách của ta đối với người bản-dân khi tuyên-bố với khi thực-hành có điều trước sau không hợp chăng? Hay là chính bởi cái tinh độc-đoán là một cố-tinh của người Pháp chăng, tin ở cái thuyết rằng người ta giống nào cũng cùng một tâm-lý như nhau, và phạm-sự trong nhân-loại đều không ngoài một chữ lý cả? Dù thế nào mặc lòng, có điều chắc, là theo như lời một quan Toàn-quyền trước đã nói rằng: « Trong việc chính-trị ở Đông-Pháp, các quan-lại thừa-hành thường làm sai cái ý-kiến của chính-phủ đi nhiều. » Muốn chứng lời nói đó là phải, tưởng không khó gì, cứ xét ngay cái cách

chúng ta giao-thiệp với các hạng người trong xã-hội bản-xứ : quan, dân, thân-hào các hạng thì đủ rõ vậy. Ta quả-quyết với họ rằng ta một niềm tôn-trọng các chế-độ phong-tục của họ, vậy mà trong cách cai-trị của ta, ta lại hay dùng những lẽ-lối trái với các chế-độ phong-tục ấy. Một cái chính-sách bảo-hộ tuyệt không có chút dã-tâm đồng-hóa, ta lấy làm khó lòng thi-hành. Vì như lời có người đã nói rằng : « Người Pháp vốn có cái tinh tự-cao tự-đại, ra đến ngoài xứ mình thì tưởng là mình đại-biểu cho cả nước Pháp vậy. » Tuy-nhiên, chính-sách bảo-hộ ấy dù nó có không thỏa cho cái lòng tự-cao của chúng ta, nhưng kết-quả nó còn tốt-đẹp hay-ho biết dường nào.

Muốn cho được những kết-quả mỹ-mãn đó, thì phải biết khéo lợi-dụng những cái sở-trường của người bản-dân mà thi-hành những phương-pháp cho thích-hợp.

Làm thế nào khiến cho người bản-dân có thể phát-siễn được hết những cái năng-lực cố-hữu của họ, đó chẳng phải là một phép chính-trị có thể làm cho cái công khai-hoá của ta được hoàn-toàn dư?

Ta muốn cầu lấy một sự tiến-bộ theo phương-pháp của ta, thì có khi đến làm trở-ngại, làm tiêu-diệt mất một cái năng-lực cố-hữu của người bản-dân, năng-lực ấy, vốn nó đã mang một cái mầm tiến-hóa ở trong, nếu mà ta biết thuộc tinh-tinh tâm-lý của người dân, khéo khai-thông nó ra, thì có phải hay biết dường nào!

Biết rõ lòng nguyện-vọng, sự yếu-cần chân-chính của người bản-dân, chứ không phải là sự yếu-cần của chúng ta tưởng-tượng cho họ, ấy đó là cái phương-pháp chắc-chắn, đủ giắt cho dân Bảo-hộ lên con đường tiến-bộ văn-minh.

Đừng phá hoại gì cả, đừng chấp nỡ gì cả, nhưng phải biết châm-chước mà theo những lẽ-lối cách-thức của người dân, rồi khéo lợi-dụng mà hiệp-lực với họ một cách thân-mật, cho đạt tới một cái mục-dịch thiết-thực hợp với quyền-lợi của chúng ta, lại hợp với quyền-lợi của các dân ở dưới quyền bảo-hộ của chúng ta.

Nói tóm lại, người bản-dân cần phải am-hiểu ta đã đành, đồng-thời ta cũng phải cố sức mà am-hiểu họ, uốn mình cho thích - hợp với tinh-tình phong-tục họ. Người bản-dân cần phải biết ta, ta có lẽ lại cần phải biết họ hơn nữa.

Nhưng mà hai giống người khác nhau, có khi trái nhau hẳn, lấy chỗ nào làm trường-sở mà hòa-hợp với nhau cho được? Lấy những tư - tưởng gì làm môi-giới cho hai bên? Lấy những cảm - tình gì mà đồng - tâm hiệp-lực với nhau được? Muốn cho cái chính-sách của ta đối với dân bản-xứ được thành-thực, được chính-đáng, thì phải nghiên-cứu cẩn-thận như thế.

Cứ theo tôn-chỉ như thế thì đủ biết rằng những phép hành-chính tư-pháp của ta đem ra ứng-dụng tất phải hạn-chế lại nhiều. Phải đối-chiếu với thực-tế-tuần-tự theo sự tiến-hóa chung trong hoàn-cảnh, thuộc về phong-tục, về tư-tưởng, về chủng-tộc, về tôn-giáo, về lịch-sử, bấy nhiêu mối hợp lại tạo-thành ra cái tâm-lý trong dân-tộc, và nhân đó xuất-hiện ra pháp-luật, lễ-nghi, phong-tục một nước. Ta phải biết rằng cái chính-sách ấy không phải là dễ-dàng đâu. Vì người Pháp tuy thường thường dễ làm thân với người bản-dân, có khi cũng thành-thực muốn cho người bản-dân được đẹp lòng, nhưng phải biết rằng sự cầu thân đó là gốc ở cái tình ham đồng-hóa của người Pháp, muốn đến gần với người bản - dân

không phải là dễ dò cho biết tư-tưởng của người ta thế nào, mà chính là dễ ép cho người ta phải theo tư-tưởng của mình vậy.

Quan Hải-quân tổng-trưởng GEORGES LEYGUES, năm 1906 đương làm Thuộc-địa tổng-trưởng, hồi tháng 7 năm ấy diễn-thuyết có nói một câu rằng: «Các dân-tộc ở trên mặt địa-cầu, tinh-thần có đối-chiếu nhau, không có giống hệt nhau bao giờ.»

Chính - sách ấy, các quan Toàn-quyền BEAU và SARRAUT đã từng quả-quyết đem ra thi-hành, hồi mẫu-quốc hữu-sự, gọi thuộc-địa sang giúp, đã kiến-hiệu hẳn-hoi, thì đủ biết là chính-sách thích-hợp và có giá-trị vô-cùng vậy.

Có người dễ tâm nghiên-cứu cái phong-trào tiến-hóa mới trong dân-tộc, đã từng nghiệm thấy rằng từ sau khi chiến-thắng đến giờ, trong hạng thượng - lưu trí - thức bản - xứ có nhóm lên một cái tư-tưởng mới, phần nhiều thì là một cái tư-tưởng chính-trị hãy còn chưa được rõ-ràng cho lắm, phần ít thì là một cái tư-tưởng thuộc về kinh-tế. Tư - tưởng ấy là một tư-tưởng đồng-tâm, cộng-tác, hỗ-trợ, hợp-quần, kết-quả tất gây ra một cái quan-niệm quốc-gia, nhất-thiết khuynh-hướng về 'đường hợp - nhất, nhưng hợp-nhất lấy căn-bản ở chủng-tộc mà lấy khuôn phép ở nước Pháp.

Vì các xứ trong cõi Đông-Pháp đã cùng nhau tham-dự vào cuộc Âu-chiến, tức là một cái công-trình hiệp-tác rất vĩ-đại, bao nhiêu dân-tộc xa cách nhau, nhất-dân hợp nhau một nơi mà chen vai thích cánh xông-pha nơi chiến-trường, thật là một cái cảnh-tượng lạ-lùng nhất trong cuộc đại-chiến năm 1914 vậy.

Cái công-trình vĩ-đại đó đáng làm cho chúng ta tự-cao, mà cũng dễ khiến cho chúng ta suy nghĩ. Vì nhân

đó mà người bản-dân thuộc-địa đã nghiêm-nhiên đứng đồng hàng với ta vậy.

Cái địa-vị của họ đối với ta thay đổi như thế, họ biết lắm, họ hiểu lắm. Trước họ còn mơ-màng tưởng-vọng những sự xa-xôi; sau thấy chiến-thắng rồi mà không được mãn-nguyện, bấy giờ mới sinh ra thất-vọng.

Vả lại trong cõi Đông-Pháp từ trước đã nhóm có cái quan-niệm quốc-gia rồi, bấy giờ nhân sự chiến-tranh kích-thích, cái tình liên-lạc trong các dân-tộc, cái quan-niệm quốc-gia ấy lại càng mạnh thêm lên vậy.

Ngày quan Toàn-quyền SARRAUT định đặt con đường Thiên-lý đi tự biên-thùy nước Tàu cho đến giáp-giới nước Xiêm, qua cả các xứ trong cõi Đông-Pháp chỉ trừ có xứ Ai-lao, khi ngài định đặt con đường ấy làm đường thuộc-địa số nhất thời cái dây liên-lạc đề nối các xứ với nhau đã hiển-nhiên ra đó. Con đường ấy là cái khí-cụ để cho chính-phủ kinh-lý mọi việc, mà lại cũng là cái khí-cụ để cho các dân cùng một giống được mật-thiết liên-lạc với nhau vậy.

Phàm dân-tộc tiến-hóa là theo những phép-tắc tự-nhiên, người ta không thể ngăn-cản được, thà cứ thuận đường mà xuôi theo, hay có thể đưa khiến được thời càng hay, chứ muốn cưỡng lại mà trở-ngại thì không được.

Nay muốn cho cõi Đông-Pháp được giàu-có thịnh-vượng, thì các đường giao-thông, các cách liên-lạc trong các xứ với nhau, ta còn phải mở-mang cho rộng thêm ra nữa. Làm đường-lộ chưa đủ, lại còn phải đặt đường sắt nữa, phải đào sông, phải đặt bến, phải mở thêm các đường giầy thép, giầy nói, các đường vô-tuyến-điện; nhưng mở-mang như thế tức là giúp cho sự hợp-nhất trong các dân-tộc bản-xứ, không khỏi có kẻ theo cái lối chính-

trị trần-hủ cũ, hay là kẻ dút-dát sợ-hãi, cho thế là không nên chăng.

Tuy-nhiên đã biết cái chính-sách nào là thích-hợp với thời-thế, với cái địa-vị của Đông-Pháp trong cõi Á-dông, với cái quyền-lợi tuyệt-đối của nước Pháp, thời phải quả-quyết mà theo, chứ không thể do-dự được.

Tôi đã từng làm khâm-sứ ở Huế, tức là ở nơi trung-tâm cái đôn gánh nối xứ Bắc với xứ Nam, ở đây có lẽ hiểu rõ được cái lòng ái-quốc của người Việt-Nam thế nào lòng ái-quốc ấy có thể cứ nhờ tay bảo-hộ của nước Pháp, không cần phải thay đổi gì cái hình-thực chính-trị hành-chính trong tam-kỳ cũng phát-siễn được. Lòng ái-quốc ấy cùng cái nghĩa thống-nhất trong dân-tộc Việt-Nam về đường kinh-tế, là đặc-biệt với các hình-thức kia, và chỉ nhờ nước Pháp mới có thể phát-siễn ra được. Sự thống-nhất tam-kỳ đây, không phải là có cái chí xứ nọ muốn bao gồm xứ kia, cũng không phải là có cái ý muốn đem một cách cai-trị cách-biệt với các cổ-tục nước Nam mà thi-hành cho cả các xứ trong cõi Đông-Pháp đâu. Nhưng sự thống-nhất ấy chỉ có một cách đặt cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang *État Indochinois Fédéral*, ở dưới quyền bảo-hộ Đại-Pháp thì mới có thể và mới có lẽ thực-hành được mà thôi. Muốn cho các xứ trong cõi Đông-Pháp, hiện nay trình-độ không giống nhau, lịch-sử, tài-sản về nông, công, thương, cho đến mục-dịch tiến-hóa cũng không giống nhau, muốn cho bấy nhiêu xứ điều-hòa nhau được, thời cần phải có nước Pháp đứng chủ-trương, cơ-sở mới có thể vững-vàng được. Bởi thế nên đối với các dân-tộc trong cõi Đông-Pháp, ta đều phải ân-cần như nhau, mà cách thi-thử lại phải tùy mỗi dân mỗi khác, cho dân nào dân ấy nhờ tay bảo-hộ nước Pháp đều được hoàn-toàn phát-đạt cả nhưng cái

chính-sách chung của ta phải cùng một tôn-chỉ, cùng một mục-dịch mới được, căn-bản của chính-sách ấy muốn cho được vững-vàng và được lòng dân thuận-nhân, phải đặt ở một nền giáo-dục Âu-Á, đem cái tư-tưởng sáng-suốt của nước Pháp mà chỉnh-đốn sự giáo-hóa của người bản-dân. Việc đó là một việc khó, phải có người ta, phải có thời giờ giúp vào mới làm thành được, lại phải thông-thuộc tâm-lý người bản-dân mà nghĩ đặt ra các chương-trình cho thích-hợp với lòng dân, tục nước, khiến cho đào-tạo ra được khắp các hạng người trong xã-hội, người làm ruộng, người làm thợ, người kẻ chợ, người nhà quê, người làm quan, người học-hành.

Tôi vừa nói muốn thực-hành các tư-tưởng ấy phải ăn-mặc-chức với cái sức mạnh của thời giờ; nay ở xứ này tư-tưởng đi mau quá, dân-trí biến-cải luôn, nhiều khi bắt-đầu thực-hành thì đã chậm mất rồi. Tôi từng biết nước Nam hồi còn đi vòng; nay xem ra như đã muốn lên bầu bay rồi! Ấy sự tiến-hóa mau như thế!

Vậy nhà chính-trị muốn chủ-trương thời-thế phải đón trước mà đi chứ không thể đến nơi mới theo được. Bởi thế nên có khi xướng lên cái tư-tưởng gì mới, tựa-hồ như trái với dư-luận đương-thời, nhưng kỳ-thực là suy trước đón sẵn mà dự-tưởng việc ngày mai sắp tới đó.

Các nhà cầm quyền Đông-Pháp từ trước đến nay, ta không thể trách được là không chăm-chút đến việc giáo-dục.

Ngay tự lúc đầu, ông PAUL BERT đã chỉ đường vạch lối cho theo, ai cũng biết thế, nhưng mãi đến về sau mới bắt đầu thi-hành được, là vì lúc đầu còn phải chăm về việc trị-an trước đã.

Giữa hồi ấy, trong xứ chưa được yên-tĩnh, đã nổi lên một bọn văn-thân hiếu-động, trách chúng ta là không đem học-thuật Thái-Tây mà dạy cho họ, học-thuật ấy họ coi như là một vị thuốc bách-giải, bệnh gì cũng có thể chữa được, vì mới trông thấy nước Nhật-bản kia cũng là một nước cổ Á-châu mà nhờ học-thuật ấy được trở nên phú-cường, thật cổ-lai giống da vàng chưa được thế bao giờ.

Bọn đó nóng-nảy oán-trách chúng ta là muốn cầm giữ cho người Việt-Nam ngu-dốt để áp-chế cho dễ, liền rủ nhau đi ra ngoại-quốc để kiếm lấy cái học Tây kia mà nước Pháp thâm-hiền không muốn dạy cho người Nam.

Chính bọn đó trước kia khao-khát cái học mới như thế, nay dường như lại muốn trách ta đã đem cái học ấy mà dạy cho họ vậy.

Hồi bấy giờ muốn cho thỏa cái lòng hiếu-học của họ, muốn cho yên cái lòng nóng-nảy của họ, muốn cho họ khỏi ngộ-nhận mà trách lầm, lại muốn dự-bị về đường kinh-tế mà khuyh-hướng cho một dân-tộc từ xưa chỉ biết nghề văn và nghề nông, nay biết xoay về đường công - nghệ, bèn đồng-thời mở ra các trường học thuộc về các bậc để đối-phó với các sự yếu-cần đó. Lúc mới hãy còn lộn-xộn, chưa được chỉnh-bị. Quan Toàn-quyền SARRAUT mới đem cái tri tổng-quát mà chỉnh-đốn lại cả cho có giòng-mối, Ngài dựng ra cái khung, cái khuôn, ngài xây lên tòa nhà tốt-đẹp, rồi các quan kế-tiếp sau mới sửa-sang sắp đặt cho hoàn-toan. Nhân vì các giáo-viên bản-xứ luyện-tập được mỗi ngày một nhiều hơn lên, nhân vì sự kinh-nghiệm năm ấy sang năm khác, nhân vì các giáo-viên Tây cũng mỗi ngày một am-hiểu tinh-tinh người bản-dân hơn, lại nhân vì kẻ thượng-lưu học-thức được nghị-luận tự-do, nên cái nền giáo-dục

Pháp-Việt mỗi ngày lại sửa-sang thêm cho thích-hợp với cái tôn-chỉ chính-trị của Nhà-nước muốn tạo-thành ra một cái đoàn - thể liên-bang Đông-Pháp, khiến cho mỗi dân-tộc được hưởng cái địa-vị xứng-đáng, mỗi cá-nhân được hưởng những quyền-lợi tương-đương với cái trình-độ tiến-hóa của mình.

Một xã-hội đặt trong một cái khuôn chính-trị như thế, muốn cho phát-đạt được, thời phải theo một cái tôn-chỉ giáo-dục thế nào cho vừa phát-siễn được các bản-năng cố-hữu của mình, lại vừa phát-khởi ra cái lòng cao-thượng về nhân-đạo mà duy có học-thuật tư-tưởng nước Pháp mới tạo-thành ra được.

Sự học như thế không phải là sự học tầm-thường, tức là một cách giáo-dục, một cách giáo-hóa cao-thượng, nhờ tay nước Pháp dạy - dỗ mà vẫn giữ được cái cốt - cách Việt-Nam, kết-quả đến tạo - thành ra một nước Pháp mới ở giữa đất Á-châu, hăng-hái, mạnh - mẽ, kiên-nhẫn, cần-cù, biết khao-khát sự tuyệt-đích, nhưng cũng biết thuận theo vào kỷ-luật, một nước Pháp mới sẵn-sàng ra hành- động một cách hòa-bình ở trên bờ bể lớn nhất trong thế-giới này.

Diện-tích 70 vạn cây-lô-mét vuông ; dân-số 20 triệu con người ; số giao-dịch buôn-bán hơn 8 ngàn triệu ; hiện nay là một xứ sản thóc gạo nhất nhì trong thế-giới ; sau này có thể trở nên một xứ công-nghệ to trong cõi Á-đông, nhờ công khai-khẩn của bọn thực-dân, nhờ trí khôn-ngoan của người bản-xứ, nhờ được nhân - công khéo-léo mà có phép-tắc, nhân-tài sẵn-sàng ra tay chủ-trương chế-tác, có thể mỗi ngày một khuếch-trương ra mà thành một nơi chủ-động trong trường kinh-tế thế-giới ; đường duyên-hải vừa dài vừa rộng, các hải-cảng vừa kín vừa sâu ; địa-thế ở giữa các đường giao-

thông-tự phương Nam và phương Tây sang Tàu, sang Nhật, và sang Mĩ ; có núi to, cách-biệt với các cõi khác trong Á-châu, mà hình-thể thời trơ-vơ như một khối cương-thạch đứng giữa làm trụ làm cốt cho cả đất châu Á đổ xô về mặt bể Ấn-độ và mặt bể Chi-na, khác nào như một cái điểm canh, một cái chòi gác, một ngọn hải-dăng đặt ở cuối cùng châu Á để chiếu cả một góc trời Đông vậy. Ấy cái hình-thể đất Ấn-đô-Chi-na này tốt-đẹp như thế, đất bình-tĩnh, vui-vẻ, giàu-có, sung-túc, thật là một cõi thái-bình vô-sự, không khỏi gọi cái lòng dục-vọng của kẻ bàng-quan vậy. Như vậy thời phạm những nguyên-lực gì có thể lợi-dụng được, nhất là những nguyên - lực về tinh-thần, ta cần phải biết lợi-dụng cho khéo, không nên bỏ mất một cái nào. Ta phải biết tập-hợp những cái sức mạnh ấy lại để giữ cho trong cõi được yên-tĩnh, tránh khỏi được những sự bạo-động vô-ích, và khiến cho các xứ được tuần-tự hòa-bình mà phát-đạt tiến-hóa.

Nay có những sự nguy-hiểm gì có thể ngăn-trở cái công khai-hóa của chúng ta ? Những sự nguy-hiểm to-tát có hại đến cái chủ-quyền của ta thì không có, nhưng có lắm cái hiểm-tượng hiển-nhiên có thể làm cho sự hành - động của ta sai-lạc đi được, làm cho sự tiến-hóa trong bản-xứ hoặc chậm-trễ quá, hoặc cấp-tốc quá, gây ra những lỗi chính-trị không hay, vừa không hay cho ta, vừa không hay cho các thuộc-dân của ta nữa. Những hiểm - tượng ấy là ở trong, chứ không phải ở ngoài, và là thuộc về phương-diện chính-trị, bởi lẽ tiến-hóa chung, lại cũng bởi vì có nước Pháp sang cầm quyền mà sinh ra vậy. Hiểm-tượng ấy vừa ở phái cực-hữu, vừa ở phái cực-tả.

Phái cực-hữu là phái phản-đối cũ của nước Nam, tùy thời-thế mỗi lúc

thay đổi một khác ; có lúc thì chủ-trương quyền quân-chủ chính-thống, như bọn Cường-Đề, Nguyễn Thượng-Hiền, Phan Bội-Châu (đây là nói Phan Bội-Châu hồi trước, chứ không phải hồi sau này) ; có lúc thì chủ-trương lối cộng-hòa lập-hiến như nước Tàu ; lại có lúc thì một bọn quan quyền mưu u-âm vận-động, mơ-mộng muốn tái-diễn ra ở nước Nam cái tấn kích Viên Thế-Khải ở Tàu năm nọ. Đảng phản-đối này thì cò-lai ở nước Nam bao giờ cũng có, phản-đối với vua, phản-đối với chúa, trong lịch-sử nước Nam đời nào là không có những chuyện âm-mưu phản-đối đó. Bọn này xưa nay vẫn là bọn văn-thân, đối với chính-phủ nào thì cũng là phản-đối cả, hưởng đối với chính-phủ ngoại-quốc thì lại sẵn lòng bài-xích lăm, hết sức bảo-thủ lấy cái đặc-quyền của một bọn thượng-lưu thiểu-số. Phái này kể cũng còn có kẻ nhiệt-thành theo lăm, muốn tâu-chiết cho được thì chính-phủ Bảo-hộ phải giúp sức cho vua quan bản-xứ có quyền mà trị cho riết mới được.

Về phía cực-tả thì là bọn theo về chủ-nghĩa quốc-gia, nhưng là cái chủ-nghĩa quốc-gia cách-mệnh, chứ không phải cái chủ-nghĩa quốc-gia ôn-hòa lấy nghĩa dân-tộc thống-nhất làm tôn-chỉ, như tôi vừa nói trên kia đây. Bọn này là những bọn bất-dắc-chí, vì lòng kiêu-căng tham-dục không được thỏa-mãn, xoay ra phản - đối kích - liệt, nhưng bất tài bất-lực, không thể tự mình sáng-lập ra được một cái chủ-nghĩa đích-dáng, phải theo đòi người ngoài để kiếm lấy một cái chương-trình, một cái hiệu cờ mà củ-tập nhau, sẵn ý-lại ở ngoài và chỉ chực a-đua với những đám cộng-sản, đám quá-khích, để mà phản-kháng quan-quyền, phá-hoại trật-tự.

Hai phái ấy là hai phái cực-đoan ; giữa hai phái ấy có hẳn một hạng

thượng-lưu trí-thức, nhiệt-thành yêu nước, nhờ tư-tưởng học - thuật của Đại-Pháp mà đào-tạo ra, nhưng xem cũng không được mãn-nguyên. Bọn trí-thức này đã thử lập một đảng ôn-hòa tiến-bộ, thành-thực hiệp-tác với Bảo-hộ, nhưng bị các phái cực-đoan tràn ngập mất mà không thành được. Nghiệm ra thì bọn này tư-cách cũng còn khuyết-diêm, chưa có cái lòng can-dảm nhiệt-thành về chính-trị; cũng chưa có cái trí kết-cấu, biết nhân một cái tôn-chỉ nhất-định bày ra các phương-lược thi-hành; lại chưa có cái tài chủ-trương thống-nhiếp được các sức mạnh trong một đảng.

Tôi đã từng nói chuyện lâu với những tay đại-biểu trong phái này. Tôi xét ra những người ấy là những tay thông-minh lối-lạc cả, tinh-thần mẫn-tiếp, tư-tưởng sâu-sắc, mà phải chăng biết điều lăm ; vậy mà hỏi ra cũng không thể phân-trần được rõ lòng nguyên-vọng, sự yêu - cầu của mình thế nào. Thực ra thì cái vấn-đề chính-trị ở đây là thuộc về tâm-lý nhiều hơn là thuộc về quyền-lợi.

Ông quan ngày xưa, xuất-thân ở nơi cò-học, đối với người ngoại-quốc còn có thể khinh là dã-man, không biết lễ-phép. Còn có thể lấy điều lễ-nghi cũ làm như cái bình-phong để ăn mình, dẫu có bị những cách đối-đãi nhục đến thể-diện cũng có thể lấy đấy mà tự an-ủi cho mình được. Chứ như người thanh-niên ngày nay, xuất-thân ở nơi tân-học của chúng ta, làm người giúp việc cho chúng ta, thì không làm như thế được nữa.

Bọn thanh-niên này không còn cái căn - bản cũ nữa, như cái cây đã bật rễ rồi, không thể lấy cái lễ-nghi cò làm nơi nương-náu nữa, khi ra đối-đãi với người đồng-sự Tây, thấy mình không được đứng bằng-dẳng với người, tựa như phải kém vai kém vế, lấy thế làm nhục.

Không phải là nói về phương-diện vật-chất đầu : đây là nói về cái thể-diện của người ta, chứ không phải là số tiền lương cao hay thấp vậy.

Vì hiện chế-độ trong xã-hội, cách sinh-hoạt của người ta, cùng cả mấy sự thí-nghiệm của mấy người có bụng-dạ thành-thực quảng-dại mà cũng đến thất-bại, thật là khó gây ra được cái không-khí, cái hoàn-cảnh bình-đẳng mà bọn thanh-niên đó đương khao-khát. Khao-khát mà không được, nên thường hăn-khoản mơ-màng không biết dùng cách gì cho được, có kẻ xin nhập tây-tịch, có kẻ thì xoay về chủ-nghĩa tôn-chỉ khác. Vả lại xét ra những quyền-lợi tự-do mà chúng ta cho họ, nhiều khi họ vì không hiểu mà không biết dùng, cho khéo. Song cũng phải biết rằng số-đĩ không hưởng được các quyền-lợi ấy cho hoàn-toàn, cũng là bởi một cái tâm-lý riêng của người Pháp và người Nam khiến nên như thế.

Tuy-nhiên những người ấy vẫn hi-vọng ở chúng ta. Những người ấy không có phụ-bạc gì với nước Pháp. Họ biết rằng không có nước Pháp giúp thì không làm gì nên được. Tôi dám quả-quyết rằng bọn đó sau này sẽ thành-thực quay cả về với chúng ta. Hiện nay họ còn phân-vân do-dự, đã bỏ mất các nền-nếp cũ rồi, mà lề-lối mới thì chưa quen, chưa hiểu, chưa biết khéo điều-hòa với những thói cách cũ còn di-truyền lại; nhưng sớm trưa rồi ta cũng thu-thập được bọn ấy mà gây thành ra một cái đoàn-thể vững-vàng.

Đến khi ta ra tay quả-quyết, chỉ đường vạch lối cho họ theo, thì cái tình-trạng bất-bình của phái thượng-lưu sẽ hòa-giải được ngay. Đối với bọn bình-dân cộng-chúng cũng thế, bọn này hiện còn mọc-mạc chưa biết gì, bao nhiêu đời đã phải bị vua quan chuyên-chế về chính-trị, về tinh-thần,

thường vẫn mơ-màng một cái chế-độ hay hơn, có khi gặp kẻ khéo nói khuyên-dỗ thì đến quên cả ơn cũ nghĩa xưa mà đem thân phó mặc cho cái may rủi, ấy là cái tâm-lý thường của các dân-chúng đất Á-châu tin ở số-mệnh xui khiến vậy. Trong khi mơ-màng tưởng-vọng đó, hăng hái nổi lên, dùng-dùng bạo-động, được một chốc lát. Giữa lúc say mê đó, thì gặp kẻ nào đứng lên cở-dộng, nói ra những lời phảng-phất với cái mộng hoang-đường của mình, là nhắm mắt theo liền, vì một giờ cuồng-dại mà rồi đến phải bao nhiêu năm cực-khò khổn-nạn cũng cam-tâm. Ấy chính bởi cái tâm-lý của dân-chúng bản-xứ, nhất là dân-chúng Việt-Nam, mà chúng ta hồi xưa chỉ có bốn người lính và một người cai đánh lấy được nước Nam dề-dàng như thế. Lại cũng bởi cái tâm-lý ấy mới có những cái phong-trào khởi-nghĩa đời có tinh-cách thần-bi, như việc Kỳ-đồng ở Bắc-kỳ, việc sưu-thuế ở Trung-kỳ hồi năm 1907, những khi ấy thì người dân như mê như cuồng, theo mấy tên thủ-xướng bảo làm sao nghe làm vậy, chẳng hiểu đầu đuôi thế nào, như mắc phải cái bệnh truyền-nhiễm phát cuồng lên mà làm bậy.

Đã biết cái tâm-lý bất-thường của dân-chúng như thế, mà hiện sự học chưa thể thay đổi được, nên có thể sợ rằng vụt chốc gây ra một cái phong-trào không thể lấy lẽ phải mà ngăn cản được.

Cũng bởi thế nên muốn gây ra và muốn giữ lấy cái lòng tin là điều cốt-yếu cho được hòa-bình tiến-bộ, thì cần phải có trật-tự, có kỷ-luật, có quyền trên mạnh - mẽ và sáng-suốt, khéo biết thi-hành một cái chính-sách rộng - rãi khôn - ngoan, khiến cho ai nấy có cái cảm-giác được sinh-hoạt tự-do ở dưới một cái quyền tôn-trọng.

Nhà luân-lý có câu nói rằng: « Nhiều khi sự tự - do bó - buộc, mà quyền

pháp-luật lại giải-phóng cho người ta.»
 Câu ấy đối với các dân-tộc Á-châu còn thích-hợp hơn là đối với các dân-tộc khác.

Nay ta đã kể qua những điều đại-cương về cách chính-trị của ta đối với người dân bản-xứ, đã phác-họa cái tâm-lý hiện-kim thế nào, vậy thì thử xét xem nhân đó có thể định được những phép-tắc chính-trị thế nào.

Nghĩa là nay ta thử xét xem nước Pháp đối với cái tình - thế kể trên kia đã thi-thố thế nào cho thích-hợp.

Đông-Pháp là gì? Đông-Pháp là một cuộc liên-hiệp mấy nước do những điều-ước khác nhau cùng do quyền chiếm-lĩnh mà thuộc nước Pháp thống-trị. Như Nam-kỳ là thuộc-địa, Bắc-Trung-kỳ, Cao-miên, Vạn-tượng (*Luang Prabang*) là đất bảo-hộ, các xứ Lào khác là đất chiếm-lĩnh, đất Quảng-châu-loan là đất tô-tá. Hình-thể chính-trị đã khác nhau như thế, đến chủng-tộc các dân lại khác nhau lắm nữa. Phần dân đông nhất là người An-Nam, ngoại-giả còn có dân Tàu, dân Mên, các dân thuộc về giống Thái, các dân thuộc về giống Ấn-độ-Mã-lai, dân thì theo đạo Phật, dân thì theo đạo Khổng, dân thì còn thờ những thần mộc-thạch thô-bỉ dã-man. Lại còn cái thời-giờ sớm muộn không giống nhau, vì chúng ta hành-động ở Nam-kỳ đã bảy chục năm, còn ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Ai-lao thời là gần về sau vậy. Như vậy thì chủng-tộc khác, văn-hóa khác, chính-trị khác, trình-độ tiến-hóa về đường vật-chất cũng khác. Bấy nhiêu cái nguyên-chất phiền-tạp như thế, chúng ta phải dùng cái tài tổng-quát, cái trí kết-cấu thế nào cho thích-hợp? phải dùng phương-pháp gì để điều-hòa được cả các chất ấy ở dưới quyền chúa-tể của Đại-Pháp?

Chính-thể Đông-Pháp phải xét về phương-diện công-pháp, chứ không xét

về phương-diện tư-pháp được, tùy mệnh-danh thế nào về công-pháp vạn-quốc, thời cái chính-sách thi-hành sẽ nhân đó mà suy ra.

Có lẽ cũng bởi chưa mệnh-danh được phân-minh như thế, cho nên trong lịch-sử nước Pháp chiếm-lĩnh xứ nào thường chia ra hết thời-kỳ tập-quyền lại đến thời-kỳ phân-quyền, cứ thay đổi liên-tiếp mãi như thế. Tôn-chỉ của Nhà-nước không nhất-định như thế, thành ra mỗi xứ khởi lên một cái phong-trào dư-luận riêng, lại cũng vì đó mà nhiều người ở mậu-quốc và ở cả ngay các thuộc-địa nữa nghị-luận về chính-trị Đông-Pháp thường sai lầm như thế. Có người chủ-trương cái thuyết đồng-hóa, có người đề-xướng cái thuyết tự-trị.

Cứ thực thì Đông-Pháp không phải là thuộc-địa, không phải là đất bảo-hộ, cũng không phải là đất chiếm-lĩnh. Như tôi vừa nói trên kia, Đông-Pháp là gồm cả bấy nhiêu thế, Đông-Pháp thực là một cuộc liên-bang.

Đông-Pháp đương có cái khuy-nh-hướng thành một cuộc liên-bang hoàn-toàn. Hiện nay thì mới là một thế liên-bang không có hiến-pháp, người ta thường lẫn với thế thuộc-địa, mà thuộc-địa không có cốt-cách gì, thế mà vẫn cưỡng ép theo các thuộc-địa khác mà thi-hành những phép-tắc trái ngược với cái chế-độ riêng của các bộ-phận trong cuộc liên-bang ấy.

Như vậy thì phải theo cái phương-pháp thế nào?

Phương-pháp ấy là ở ngay trong các điều-ước kiềm-kinh, các hiệp-rước ngoại-giao. Cứ theo như đây thì xứ nào có địa-vị xứ ấy, xứ nào có phạm-vi xứ ấy, cứ địa-vị cứ phạm-vi ấy mà tuần-tự tiến-hóa. Như vậy thì mỗi xứ sẽ được tận-lực phát-siễn mà hoàn-toàn giúp cho cuộc liên-bang được phú-

cường. Bấy giờ thì phủ Toàn-quyền không phải lo việc chính-trị riêng của mỗi xứ nữa, có thể tận-lực mà chăm những việc cốt-yếu cùng chủ - trương thống-trị cho cả toàn-cuộc liên-bang.

Quan Toàn-quyền không những là người thay quyền cho quốc-gia chúa-tể, không những là người bênh-vực quyền-lợi của thuộc-địa đối với mẫu-quốc, lại là cái dây liên-lạc trong các liên-bang, nhân đó mà quyền của quan Toàn-quyền, tức là quyền của nước Pháp, phải cho mạnh-mẽ và phải cho tuyệt-đối, phải thi-hành ra được mà không bị trở-ngại, tôi nói là không bị trở-ngại chứ không phải là không bị kiểm-soát. Quan Toàn-quyền phải thật được toàn-quyền, đó là điều thứ nhất.

Điều thứ nhì là nhân chính-thể, chủng-tộc, trình-độ các xứ không giống nhau, thì cách hành-chính của mỗi xứ cũng phải khác nhau, nhưng trái lại thời về đường tài-chính, về đường kinh-tế cần phải cho thống-nhất, vì có thể thì cái công kha i-hác cõi Đông-Pháp mới có thể tiến-hành phát-đạt được.

Như vậy thì cái phép chính-trị tôi vừa kể ra đó, có thể gọi là « chính-sách thích-dụng » (*politique d'adaptation*), hay là chính-sách hợp-tác cũng được, nay xin tóm - tắt đại - cương làm 19 điều như sau này, mỗi điều muốn cho tường thì còn cần phải thuyết-minh dài lắm mới được.

I. — Chủ-quyền nước Pháp phải tuyệt-đối, không thể để cho dị-nghị được.

II. — Đông-Pháp ngày nay là hợp mấy nước lại mà thành ra, nay phải tổ-chức cho thành một cuộc liên-bang hẳn-hoi.

III. — Cái chủ-quyền tuyệt-đối của nước Pháp là cần để làm cái giây liên-lạc các bộ-phận trong cõi Đông-Pháp, về đường chính-trị, đường hành-chính, đường chủng-tộc không giống nhau, mà trình-độ tiến-hóa cũng không bằng

nhau, bởi thế nên các phương-pháp chủ-trương, các phép-tắc hành-chính, phải mỗi xứ một khác cho thích-hợp, xứ này thì dùng cách trực-tiếp cai-trị, xứ kia thì dùng cách gián-tiếp bảo-hộ, v. v.

IV. — Mỗi xứ trong cõi Đông-Pháp phải giữ y-nguyên cái thể-chế riêng về chính-trị hành-chính, bởi thế nên phải dùng phép phân-quyền, nghĩa là tùy mỗi xứ mà cách cai-trị phải khác nhau, không thể đem cùng một thể-lệ mà thi-hành cho cả các xứ, như Nam - kỳ là xứ thuộc-địa, Trung - kỳ là một xứ bảo-hộ hẹp, Bắc-kỳ là một xứ bảo-hộ rộng, Ai-lao là một xứ chiếm-lĩnh, vân-vân. Nhưng trái lại thì về đường hành-chính và kinh-tế phải dùng phép tập-quyền cho được thống-nhất trong đoàn-thể liên-bang.

Khoản này cần phải giải-thích cho rõ. Đối với những xứ có văn-minh cổ, đã từng ký điều-ước với chúng ta, thì tôi quyết chủ-trương cái lối bảo-hộ, vì duy có lối này là còn giữ được cái thể-thống quân-chủ triều-đình hợp với những lý-tưởng cổ-hữu của các dân-tộc ta bảo-hộ, khiến cho dân-tâm có chỗ qui-phục mà được yên-ổn, ngăn được những cái phong-trào cực-đoan về bên tả hay về bên hữu, vì cái thể-thống đó là đề *duy-trì* cho chúng ta *hành-động*. Tuy-nhiên đối với những dân-tộc còn dã-man mà ta mới thu-phục về dưới quyền ta, thì tôi lại quyết chủ - trương cái lối trực-tiếp cai-trị.

Năm trước hồi tôi làm Khâm-sứ ở Trung-kỳ, tôi đã có làm một tờ chu-tri kể rõ cái chính-sách đối với các thổ-dân ở miền sơn-lâm xứ ấy. Những thổ-dân này chưa có văn-minh cũ đáng tôn-trọng gì, còn sinh - hoạt một cách khốn-nạn ở trong vòng vật-chất, chúng ta phải ra tay mà cứu cho họ ra ngoài cái trình-độ thấp hèn ấy.

Các thổ-dân ấy còn man-mọi lắm, không có sức mà chống lại với những dân văn-minh hơn, nên ta muốn khai-hóa cho họ thì không cần phải dùng ai làm môi-giới cả, ta có thể trực-tiếp mà hành-động ngay được.

Ở Đông-Pháp này duy có chúng ta mới có đủ tư-cách để đối với các dân kém hèn ấy thi-hành một cái chính-sách quảng-đại, hợp với nhân-đạo, vì phải có lòng thành-thực, có lòng kiên-nhẫn, có trí phán-đoán, có lượng bao-dung, có bụng công-bằng. Thứ nhất là ta không nên quên rằng ta đến các xứ đó là ta đại-biểu cho tổ-quốc ta đó, người các xứ ấy biết đến nước Pháp là chỉ biết ở công việc làm của chúng ta mà thôi.

V. — Trong đoàn-thể Đông-Pháp, mỗi cá-nhân do ta đào-tạo ra, ta phải cho một cái địa-vị xứng-đang với cái trình-độ trí-thức của họ, địa-vị ấy tuyệt-dịch là ở cái địa-vị người « công-dân trong cuộc liên-bang Đông-Pháp » (*citoyen fédéral indochinois*) mà phải qua một bậc dưới nữa mới lên tới được, là một bậc công-dân Việt-Nam, công-dân Cao-miên, công-dân Ai-lao, công-dân Thổ, công-dân Mường, công-dân Mọi nữa.

VI. — Cho người công-dân ấy được quyền tham-dự vào các công việc trong bản-xứ mình, quyền này dần dần mỗi ngày mở rộng ra cho; nhân tham-dự vào việc bản-xứ rồi cho hiệp-lực với người Pháp để chủ-trương cả các việc lớn trong đoàn-thể liên-bang.

Bởi thế nên cứ ý riêng tôi tưởng rằng trước khi đặt ra hội-nghị chung Đông-Pháp, cần phải đặt ra các hội-nghị riêng cho người Pháp và người bản-dân ở mỗi xứ đã. Tất phải qua bậc ấy trước đã, rồi mới lập thành được đoàn-thể liên-bang.

VII. — Về sự học thì không có hạn-chế gì cả: Người bản-dân có sức thông-minh học được đến đâu thì cũng được

khoa-danh bằng-cấp ngang bằng với người Tây cả.

VIII. — Nhân đó, phạm các ngạch quan-lại mở rộng cả cho người bản-xứ cũng được vào, chỉ trừ những chức-quyền nào là đại-biểu cho chủ-quyền nước Pháp hay là công-quyền dân Pháp mà thôi.

Quan Toàn - quyền VARENNE hội tháng 2 năm 1926 đã ký nghị-định mở rộng các ngạch tây thuộc về các sở chuyên-môn bản-xứ cho người bản-dân cũng được vào, thế là đã công-nhiên cải-cách theo về phương-diện đó rồi.

IX. — Phải ban-bố sự học trong dân-gian, nhưng học phải cho thích-hợp với sự yếu-cần trong bản-xứ, có thể thì mới có thể cải-lương được dân-tâm phong-tục.

X. — Phải khuếch-trương việc y-tế cho phổ-cập, để cải-lương chủng-tộc cho người bản-dân, và khiến cho thân-thể được hoàn-toàn phát-đạt.

XI. — Phạm luật-lệ phong-tục phải nên để cho người dân tình-nguyên xin hăng cải-cách, đừng nên tự-ý ta can-thiệp.

XII. — Sự cải-cách về chế-độ tư-pháp là kết-quả tất-nhiên (nhưng chỉ là kết-quả mà thôi) của sự biến-cải về phong-tục, về dân-trí, bởi cái công giáo-dục vệ-sinh về thân-thể, về tinh-thần, bởi sự phát-đạt trong xã-hội nhân sự biến-cải về kinh-tế mà thành ra; nghĩa là nhân-tâm xã-hội phải biến-cải trước đã rồi phép tư-pháp mới tùy đó mà cải-cách sau, chứ không nên vội-vàng đổi chế-độ tư-pháp trước khi phong-tục chưa thay đổi.

XIII. — Mở-mang các lợi-nguyên tài-sản trong xứ cùng với người bản-dân, phải để cho người bản-dân hiệp-lực không những về phương-diện nhân-công, mà lại về cả phương-diện tư-bản nữa.

XIV. — Nhân vì mục-dịch đó, phải thi-hành một cái chính-sách về tài-chính kinh-tế thế nào cho quyền-lợi của ta với quyền-lợi của dân bản-xứ được mật-thiết liên-lạc với nhau.

Hiện nay ở Nam-kỳ thường thấy có kẻ nhờ ơn thái-bình của Đại-Pháp làm ăn được giàu có, lại xoay ra phản-đối với nước Pháp.

Nào là các ông thân-hào điền-chủ, mỗi năm hoa-loy kể biết bao nhiêu, thóc nhiều bạc lắm, thường mơ-màng cho được có quyền có thế, vậy khi nào chúng tôi mời các ông cũng chung phần vào công việc với chúng tôi, thì bấy giờ các ông sẽ làm người bạn hợp-tác với chúng tôi, và nhân đó các ông sẽ sẵn lòng thừa-nhận cho chúng tôi ở nước các ông là vĩnh-viễn và chính-đáng. Bởi vậy nên các tư-gia gần đây đã có nhiều nhà đồn-điền Pháp mời các tay điền-chủ An-Nam chung vốn mà cùng làm với nhau, cái sáng-kiến ấy thật đáng khen lắm. Những người ấy đáng khen là bởi đã hiểu rõ cái mối lợi-quyền cao-thượng, biết vui lòng mời những tay thượng-lưu bản-xứ vào, ngồi cùng với mình ở ban hội-đồng trị-sự các công-ti; đã từng gặp nhau ở ban hội-đồng công-ti, cùng nhau bàn tính lợi-hại, thì đến khi ra nói nghị-trường nghị-viện bàn-bạc việc nước không đến nỗi coi nhau như kẻ cừu-thù vậy.

XV. — Thi-hành một cái chính-sách về nông công thương thế nào cho gây nên được một cái nền «tín-dụng» trong cõi Đông - Pháp (*credit indochoinois*) chắc-chắn và vững-vàng, khiến cho kẻ cá-nhân và các đoàn-thể bản-xứ biết dùng các cách giao-dịch bằng ngân-hàng và biết hùn-hợp lập ra các hội buôn, các công-ti theo như thương-luật dân-luật của Đại-Pháp.

XVI. — Nhờ đã có một nền tin-dụng chắc-chắn, lại nhờ thiên-hạ đã công-

nhien thừa-nhận cho các mối chính-trị, kinh-tế, xã hội lập thành ra đoàn-thể liên-bang Đông - Pháp là kết-hợp kiên-cố rồi, thời bấy giờ phải mở công-thải để lấy tiền mà chỉnh-bị các kinh-tế-dụng-cụ cùng khai-thác các lợi-nguyên trong xứ.

XVII. — Nhờ các tài-sản chung đã tăng-tiến lên, thì sự phong-phủ riêng cũng tăng-tiến theo, vậy các khoản kinh-phi của Nhà-nước cũng phải tùy đó mà tăng lên.

XVIII. — Về việc nội-trị trong mỗi xứ thời xứ nào dùng người bản-dân xứ ấy. Nghĩa là phải thi-hành một cái chính-sách thuộc về chủng-tộc (*politique des races*), điều đó là điều tối-cần.

XIX. — Việc quân-phòng trong cõi Đông - Pháp thời dùng đều cả các giống người phải gánh vác chung.

Tôi thật đã lạm-dụng cái sức chú-ý của các ngài, vậy mà cái vấn-đề về chính-sách nước Pháp đối với bản-dân Đông-Pháp là một vấn-đề quan-trọng vô-cùng, còn nhiều điều nên nói nữa.

Hồi này là giữa hồi ở Á châu có lắm cái nguyên-nhân khủng-hoảng, nhưng đối với tương-lai tôi vẫn giữ cái chủ-nghĩa lạc-quan, tôi muốn được rộng thi-giờ hơn nữa mà kể rõ những lẽ lạc-quan ấy để các ngài nghe.

Vấn biết rằng những nguyên-nhân khủng-hoảng kia, không nên bỏ qua không chú-ý đến. Phải biết cho tường, phải xét cho kỹ, phải cân nhắc cho biết nặng nhẹ thế nào, nhưng mà nếu đem trí suy-nghĩ, tính số hai bên, thì đối với những cái hiểm-tượng ấy còn có những cái hiện-tượng tốt đẹp rõ-ràng biết bao nhiêu, chỉ vì nó hiện-nhiên quá, nên ta thường không chú-ý đến, nhưng thực đủ khiến cho ta vui lòng hỏi dạ vậy.

Cái chủ-quyền của ta vẫn phải là tuyệt-đối, nhưng không nên dùng cách cưỡng-chế mà bắt người ta theo, cho nên vẫn phải lấy cái chính-sách khoan-dung mà thi-hành, hoặc cũng có khi rệu tự-do làm cho người ta đến say-sưa, cần phải hạn-chế lại cho khỏi sinh ra nhiễu-loạn, nhưng thực cũng nhờ sự khoan-dung của ta đó mà các năng-lực của bản-dân có thể nở-nang phát-dạt ra được một cách tốt-đẹp biết dường nào.

Tôi không biết rằng trong một bài lý-thuyết như thế này có thể khiến cho nhiều người hiểu được không rằng hiện nay ở Đông-Pháp cần phải thi-hành một cái chính-sách vừa mềm-mại mà vừa quả quyết, đủ làm cho người ta hiểu mà theo mình, nghĩa là biết thu-phục lấy tâm-tri người bản-dân, ấy là cách diệu hơn cả.

Hoặc-giải nói : Việc gì mà phải khó-nhọc nghiên-cứu những giống người, những tư-tưởng, những trí-não trong mấy nghìn năm đã theo những đường-lối khác hẳn với ta như thế; việc gì mà phải gia công cố sức giảng-dụ cho những người cái óc người ta không hiểu được những lẽ tiến-bộ theo như tư-tưởng của ta ? Bất-nhược mình đã có sức mạnh ở trong tay, lại có cái lòng tin rằng phép tiến-hóa của các dân-tộc đời nay phải như thế mới được, thì họ không theo, mình cũng cứ cưỡng bắt cho họ phải theo, thế chẳng phải dễ-dàng hơn ư ?

Muốn trả lời câu hỏi đó, không gì bằng cứ thuật lại những công việc và lời nói của các nhà chính-trị đã cầm quyền chúa-tể các thuộc-địa và thứ nhất là cõi Đông-Pháp từ xưa đến nay.

Tự quan Toàn-quyền DOUMER đến quan Toàn-quyền VARENNE, qua các quan Toàn-quyền BEAU, KLOBU KOWSKY, ROUME, LONG, MERLIN, những người như tôi đây đã được cái danh-dự đi đến các đất nước khác, ở cùng các giống người khác, mà theo như lời của nhà

văn-sĩ Anh KIPLING phải mang cái gánh nặng của giống da trắng (*le fardeau des Blancs*) đối với người dị-chủng, thời mới biết rằng phạm sự-nghiệp người ta phải có do một tấm lòng cao-thượng vô-tư-kỷ, phải có bởi cái công-phu am-hiểu cảm-tình với người ta, thời kết-quả mới được tốt-đẹp mà không để chút di-hận gì.

Ấy cả chính-sách của nước Pháp là ở đó ; tôi chẳng qua là chỉ tập-hợp lại đề-phô-diễn ra cho có đầu-đuôi manh-mối những việc làm cùng tư-tưởng của các quan đã từng giữ cái trọng-trách phải thi-hành chính-sách ấy ở Đông-Pháp từ xưa đến giờ. Hồi tháng 3 năm 1914, hội Công-thương Đông-Pháp ở Paris họp hội-đồng, ông nghị-viên DELONCLE làm chủ-tọa, bấy giờ quan SARRAUT đương làm toàn-quyền Đông-Pháp, ngài diễn-thuyết có nói rằng :

« Chính-sách ấy không phải mới xướng ra tự nay, chính-sách ấy không phải là của riêng tôi. Tôi lại lấy làm một điều danh-dự cho tôi là tôi không lấy ý-kiến riêng mà thi-hành một cái chính-sách riêng. Tôi chỉ theo con đường thẳng đã vạch từ trước, các nhà đã có kinh-lịch về việc Đông-Pháp cũng chứng-nhận cho thế. Ngay như ông DELONCLE đây, hồi năm 1905 đã nói một câu gần đây tôi thường nhớ mà đọc lại nói rằng :

« Chính-sách của ta ở Đông-Pháp phải là cố-kết người Việt-Nam, người Cao-miên, người Ai-lao với chúng ta, cho quyền-lợi và sự-mệnh đôi bên liền hẳn với nhau. » Lại cùng một năm 1905 đó, tôi nay đã ngót 10 năm rồi, ông CLÉMENTEL làm tổng-trưởng bộ thuộc-địa, đã phác-họa ra một cái chương-trình chính-trị cho các thuộc-địa rất rộng-rãi và dự-liệu được cả việc tương-lai. Hai ông CLÉMENTEL và DELONCLE chẳng qua cũng là thuật lại

mà biểu-dương lên cái chính-sách cổ-hữu của nước Pháp ở Đông-Pháp từ xưa đến giờ, chính-sách đã thuộc về lịch-sử rồi, vì từ hồi đầu chúng ta giao-thiệp với nước Nam đã từng tuyên-bố rằng sẽ một lòng thành-thực hiệp-tác với người bản-xứ, tôn-trọng những chế-độ phong-tục của dân bản-xứ, chính-sách ấy tuy cũng có sai-lầm, không khỏi do-dự, nhưng tự đấy đến nay thật đã cải-tạo hẳn cõi đất này; nói tóm lại chính-sách này là chính-sách

tự hồi mới bắt đầu đã được những tay đại-chính-trị như ông PAUL BERT và ông JULES FERRY chủ-trương vậy.»

Các ngài đến nghe cuộc diễn-thuyết này chắc có ý mong đợi rằng tôi sẽ trình-bày để các ngài nghe những lý-thuyết mới, những tư-trởng lạ, hay là một cái chương-trình xưa nay chưa ai nghĩ tới. Tôi xin các ngài nghĩ cho tôi thật đã làm cho các ngài không được mãn-nguyện.

N.-P. dịch

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

I

Khảo-nguyên

Cái mục-dịch của sự học-vấn là phải lấy phép thực-nghiệm mà xét tìm cho kỹ đến chốn chân-lý có thể căn-cứ được mới thôi; đã thấy chân-lý thì dù điều gì xưa nay người ta vẫn khinh thường, mình cũng tôn lên mà tin theo. Bằng chưa thấy chân-lý thì dầu điều gì xưa nay người ta vẫn sùng-chuộng mặc lòng, mình cũng đành hoài-nghi mà bỏ lại.

Tôi viết bài khảo-nguyên sách *Xuân-thu Tả-truyện* này, không phải cố làm cho phản-đối với bao nhiêu người học *Xuân-thu* từ xưa đến nay, để khoe mình cao-kiến gì, chẳng qua cũng là muốn tìm cho đến chốn chân-lý đó mà thôi. *Xuân-thu* là sách tàn-khuyết sai-suyễn và nhiều môn-phái nhất trong các sách nho tìm ra ở đời nhà Hán. Nay muốn tìm cho đến chỗ thuần-túy chân-chính của sách *Xuân-thu*, không có thể tóm-tắt một vài câu mà được, vậy nên phân-tích ra từng phần mà khảo xét như sau này.

Tên sách Xuân-thu. — Tên sách tức là cái biểu-hiệu tính-chất của một quyển sách, *Thi* 詩 là sách có những thơ; *Dịch* 易 là sách nói về lẽ biến-dịch, vậy *Xuân-thu* là sách gì? Từ Hán đến nay, các hậu-nho đều nhận *Xuân-thu* là sách chủ về kinh-học chứ không phải chủ về sử-học, bởi vì có cái nghĩa tôn-sùng gọi *kinh* là sách của thánh-nhân làm ra. Lại một nghĩa nữa, *kinh* là sách đối với *sử*, nên người ta tưởng *kinh* là sách của thánh chỉ dạy về đạo-lý, mà đạo-lý chỉ là lý-luật cho xuôi thì thôi, chứ không cầu gì sự thực.

Nhưng mà nghĩ thế là lầm, phải biết sự-thực là thể, đạo-lý là hồn, có thể mới có hồn, có sự-thực mới có đạo-lý được. Bởi thế bắt đầu bài này, tôi phải cắt nghĩa cái tên sách bằng hai chữ *Xuân-thu* 春秋, để định biết tính-chất của sách mà lấy làm trụ cho sự luận bàn.

a) Đỗ Dự 杜預 nhà Tấn có giải nghĩa hai chữ tên sách *Xuân-thu* rằng

« Năm có bốn mùa, nên lấy hai mùa cách nhau mà gọi. » Thế là Đỗ Dự cho Xuân-thu là một năm đó. Nay xem Quản Trọng cũng nói: « Mỗi tiết xuân-thu đến chịu vương mệnh 節春秋來承王命. » Lại sách *Hán-kỷ* kể tuổi vua còn trẻ cũng nói: « Xuân-thu đỉnh-thịnh 春秋鼎盛. » Vậy hai chữ xuân-thu là chỉ nghĩa về tuế-thời cả.

b) Từ trước khi sách *Xuân-thu* này của Khổng phu-tử chưa ra đời thì các sách về sử-loại đều gọi là *Xuân-thu*, như *Hạ Ân Xuân-thu* 夏殷春秋, *Bách-quốc Xuân-thu* 百國春秋 và *Án-tử Xuân-thu* 晏子春秋, v. v..

Cứ hai nghĩa trên ấy thì *Xuân-thu* là cái tên chung của sách sử đời bấy giờ mà nghĩa bóng thì là tuế-thời niên-đại vậy. Dạy từ khi có sách của phu-tử thì hai chữ *Xuân-thu* mới thành ra cái tên riêng mà đời cũng lấy cái thời-đại 242 năm trong sách phu-tử mà gọi là thời *Xuân-thu*.

Xuân-thu đã là sách sử, vậy không chủ về sự-thực về sử-học, thì còn chủ về sự gì. Khổng có sự-thực, đạo-lý ngụ vào đầu, thế mà từ Hán đến nay, chỉ vì một cái kiến-giải thiên về hình-thượng quá, bỏ cả sự-thực, thành ra giảng-giải ngày càng xuyên-tạc, bông-lông vô-bằng, mà cái học *Xuân-thu* cũng ngày càng mờ-ám mãi đi.

Sách nguyên-thư *Xuân-thu* thế nào? — Từ đời Chiến-quốc, ông Mạnh-tử đã khen sách *Xuân-thu* rằng: « Khổng-tử sợ mà làm sách *Xuân-thu* 孔子懼而作春秋 » và nói rằng: « Dấu vương-chính hết mà sách *Thi* mất, sách *Thi* mất mà sách *Xuân-thu* ra đời 王迹息而詩亡. 詩亡而春秋作. ». Xem thế thì biết phu-tử có làm sách *Xuân-thu* thực mà chính ông Mạnh-tử cũng đã được đọc rồi.

Song, vì bây giờ tôi hỏi rằng: Thế thì nguyên-thư sách *Xuân-thu* chính của phu-tử soạn ra thì đầu? Tất ai cũng

chỉ vào tập kinh-văn *Xuân-thu* ngày nay mà nói rằng: chính sách *Xuân-thu* của phu-tử soạn ra đấy.

Tôi cũng biết từ Hán đến nay ai cũng công-nhận như thế rồi. Song nay đem mà xét lại thì cả tập kinh-văn này mới là một bộ-phận đầu óc yếu-ước, chứ chưa phải là toàn-thể cả quyển sách. Vì trong phần kinh-văn này, mỗi đoạn từ một chữ đến một câu, năm ba câu chẳng hạn, đều còn là tinh-chất đầu bài, tinh-chất đề-mục cả, chưa lộn nghĩa độc-lập thành sách được. Hợp cả tập kinh-văn lại thì thành một cái biểu ký-sự 242 năm về lịch-sử cận-thể của phu-tử mà thôi.

Đọc cái biểu kinh-văn này chẳng khác như người đọc mục điện-tin các nước ở trên tờ nhật-báo hằng ngày mà chỉ đọc qua những đề-mục thôi, nếu không xem tường xuống dưới nữa thì không tài nào phán-đoán được việc gì.

Vậy thì còn một bộ-phận thân-thể tương-bị của sách *Xuân-thu* nữa thì đâu? Muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy, không gì bằng cứ hỏi xem phần kinh-văn này tìm thấy ở đâu. Từ Hán đến nay, nhờ ở đâu mà hiểu được phần kinh-văn ấy thì mới biết đường mà tìm xét được.

Mã Đoan - Lâm 馬端臨 nói rằng: « Từ Hán mới trích lấy những câu kinh-văn ở trong ba bộ truyện ra, hợp làm một tập cổ-kinh mà gọi là chính-kinh. » Ba bộ truyện tức là truyện *Công-dương*, truyện *Cốc-lương* và truyện *Tả-thị*. Truyện nào cũng có hai phần là kinh-văn với truyện-văn. Kinh-văn là phần của phu-tử viết, truyện-văn là phần của ba nhà tức là họ *Công-dương*, *公羊* họ *Cốc-lương* 穀梁 và họ *Tả-thị* 左氏, làm ra đề-diễn - giải-phần kinh-văn, nên cùng đội cái tên *Xuân-thu* mà gọi là: *Công-dương Xuân-thu* 公羊春秋, *Cốc-lương Xuân-thu* 穀梁春秋 và *Tả-thị Xuân-thu* 左氏春秋

Thế là sau khi nhà Tần đốt sách nho rồi, nhà Hán tìm ra chỉ được có ba bộ truyện ấy mà thôi.

Lại hai quan Thái-sứ là Nam-tuyền 南泉 và Lương-phổ 萇 圃 đã từng khảo-cứu kỹ mà nói rằng: « *Xuân-thu* chưa viết thành sách, phu-tử chỉ giảng miệng cho học-trò, học-trò về lại giảng miệng cho học-trò mình mà sai dần đi. Tả-thị thì chép sự thực ra làm truyện. Còn Công-dương với Cốc-lương thì mãi về sau cái lối dạy truyền-khẩu đã thành thói quen rồi mới viết ra sách. »

Cứ mọi lẽ trên ấy thì biết rằng sách *Xuân-thu* ở đương-thời phu-tử bấy giờ, cụ đã kết-cấu hoàn-toàn ở trong bụng rồi. Nhưng cụ chỉ mới viết ra có cái biểu đề-mục lịch-sử 242 năm, để làm cái chuẩn-dịch có thứ-tự, tiện giảng dạy cho học-trò mà đời sau tôn gọi là kinh-văn đó. Còn khi giảng dạy thì mỗi cái đề-mục lại phải giảng miệng ngoài ra bao nhiêu sự-thực và lý-luận nữa. Những sự-thực và lý-luận giảng miệng ở ngoài ấy mới là chính bài, là toàn-văn mà về sau ba nhà chép lại cũng có khác nhau ít nhiều.

Vậy thì quyết rằng sách *Xuân-thu* ở đời phu-tử có hai phần, phần đề-mục (đầu bài) đã viết rồi, còn phần toàn-văn (chính bài) thì chưa viết, hoặc mới thảo mà chưa hợp lại, vẫn còn giảng miệng mà thôi. Đến đời Hán tìm ra thì lại đã phân ra làm ba họ, đều chép thành sách cả rồi; kinh-văn tức là phần đề-mục ngày trước, truyện-văn tức là phần giảng miệng chép lại sau, chứ thực không có sách *Xuân-thu* toàn-thư của phu-tử soạn bao giờ.

Xem ông Phạt ở Ấn-độ, ông SOCRATE ở Hi-lạp đều không từng viết sách mà đạo-học vẫn lưu-truyền, thì Không phu-tử dạy sách *Xuân-thu*, phần toàn-văn chỉ giảng miệng mà thôi, cũng không lấy gì làm lạ vậy,

Ba truyện truyền-thụ hư thực thế nào? — Ba bộ truyện tìm ra ở đời nhà Hán thì truyện Công-dương với truyện Cốc-lương được công-bổ trước.

Công-dương Xuân-thu thì chỉ thấy nói từ Đổng Trọng-Thư 董仲舒 nhà Hán đã được học, rồi tư-truyền xuống bốn đời học-trò nữa mới được học-quan công-nhận.

Cốc-lương Xuân-thu thì chỉ thấy nói từ Thân-công 申公 nhà Hán dạy cho Giang-công 江公, rồi lại tư-truyền xuống mấy đời học-trò nữa đến Liêu Vọng-Chi 蕭望之 mới được học-quan công-nhận.

Tả-thị Xuân-thu công-bổ sau nhất mà cái nguyên-nguyên truyền-thụ từ trước còn nhớ được cả là Tả-thị thân học ở phu-tử rồi viết ra sách ngay từ bấy giờ. — Có người ngờ hay là Tả Khâu-Minh 左邱明 đã có tên ở sách *Luận-ngữ* chẳng. Nhưng xét bản-truyện chỉ nói Tả-thị (họ Tả) chứ không nói tên thì cũng bất-lắt là họ Tả nào. — Tả-thị dạy cho Lô Thân 魯申, Thân dạy cho Ngô Khởi 吳起, Khởi dạy cho Đạc Tiêu 鐸椒, Tiêu dạy cho Ngụ Khanh 虞卿, Khanh dạy cho Tuân-Huống 荀况, Huống dạy cho Trương Xương 張蒼, Xương dạy cho Giả Nghị 賈誼 nhà Hán, rồi từ đấy lại cứ tư-truyền đến tám đời học-trò nữa mới được học-quan công-nhận.

Nay đem cả hai phần kinh-văn, truyện-văn của ba truyện so-sánh với nhau xem truyền-thụ dị-đồng hư thực thế nào.

Về kinh-văn. — Về phần này, ba truyện đại-đề có mấy chỗ khác nhau, còn thì tương-đồng cả. Những chỗ khác nhau, như :

Tả-thị viết : ... 會于蔑 Hội vụ Miệt = Hội ở đất Miệt.

Công-dương với Cốc-lương viết : ...
會于昧 Hội vu Mễ = ... Hội ở đất Mễ.

Tả-thị viết : 君氏卒 Quân thị tốt
= Họ vua (mẹ vua) mất.

Công - dương với Cốc-lương viết :
尹氏卒 Doãn-thị tốt = Họ Doãn
(quan Đại-phu) mất.

Lại sách Tả-thị thì kinh-văn có câu
仲尼卒 Trọng Niệt tốt = Ông Trọng
Ni mất.

Sách Công-dương với Cốc-lương có
câu : 孔子生 Không-tử sinh = Ông
Không-tử sinh.

Lại sách nào cũng có những chỗ
kinh-văn khuyết nghĩa như : « 郭公
Quách công », cả đoạn chỉ có hai chữ
như thế, không ai biết là nghĩa gì.
Có người đoán hay là « 郭亡 Quách
vong = nước Quách mất » mà viết
lầm, v. v..

Xem hai câu : « Trọng-Ni tốt, Không-
tử sinh » thì ba nhà sao-lục kinh-văn,
tại mình hay tại học trò về sau, không
những sai-suyễn mất-mát mà lại còn
phụ thêm ra nữa. Song dù thế mặc lòng,
cứ lấy những chỗ phần nhiều giống
nhau thì có thể tin được là cùng sao-
lục ở một nguyên-bản cả.

Về truyện-văn. — Phần này thì Công-
dương với Cốc-lương về một phái,
còn Tả-thị thì riêng ra một phái, đây
trước xét về hai truyện Công Cốc, sau
sẽ xét về truyện Tả-thị.

Hai truyện Công Cốc tự-sự đều so-
lược quá, chỉ chuyên giải về cái nghĩa
chép những câu kinh-văn, cho rằng
mỗi câu kinh-văn thêm bớt một hai
chữ là có ngụ-ý bao (khen) biếm
(chê) cả. Việc gì có chép ngày là khen,
chỉ chép mùa và tháng, không chép
ngày là chê, người nào chép trước là
khen, chép tên là chê. thậm-chí kể có
tội thì khử họ đoạt tước đi, v. v.

Song chỗ nào cũng chỉ nói đại-khái
thế là khen hay là chê đấy, chứ không
có dẫn đủ sự thực đầu đuôi ra thế nào.
đơn-cứ một câu kinh-văn sau này, còn
sẽ suy ra thì biết, như :

無駭帥師入極 Vô-Hải suất sư
nhập cực = Người Vô-Hải đem quân
vào nước Cực.

Công Cốc đều giải rằng : Tên họ
của Vô-Hải là Chiễn 展. Vì y đem
quân diệt nước Cực là đồng-tính của
nước Lỗ, nên biếm mà khử họ đi. Lại
nói : chính là «diệt» nước Cực mà chép
là « vào » và không chép là Đại-phu, là
để kiêng cái ác cho nước Lỗ đó.

Cái chứng thực thế nào là «diệt»
chứ không phải là chỉ đem quân thẳng
«vào», thì hai nhà đều không dẫn đủ
mà chỉ nói thế là chê, thì không lấy
gì làm định-án cả. Phải biết rằng phạm
sự gì chứng-thực đã đủ, thì phải trái
khen chê tự rõ ra đấy, kể làm ác mà
càng chép đủ họ đủ tước ra lại càng là
chê lắm, chứ ai còn nhận là khen
được bao giờ.

Vả chính là «diệt» nước người ta mà
lại chép là «vào» thì sao gọi là tin-sử,
bảo rằng kiêng cho bản-quốc thì sao là
công-bằng. Việc đem quân đi diệt nước
người ta, quan Đại-phu tự quyền thế
nào được, chỉ trách một Vô-Hải cũng
là thiên. Vả đã kiêng mà chép « vào »
thì ác cũng không lấy gì làm nặng lắm!

Nhưng so với truyện Tả-thị thì lại
nói sau khi Vô-Hải chết, vua Lỗ mới
đặt cho là họ « Chiễn » thì lúc sinh-
bình Vô-Hải chưa có họ riêng, đó
là cái tục cổ-giã, ngành thứ nhà vua
sẽ được nhận cái tên hiệu của mình
hay tên phong ấp mà đặt họ riêng, tức
như họ Chiễn của Vô-Hải cũng là nhân
cái tên hiệu vậy. Như thế thì Công-Cốc
nói khử họ đi chữa chắc đã đúng, chỉ
vì Công Cốc thấy mọi chỗ chép người
đều có họ có tước, nay Vô-Hải họ là

Chiến, chức là quan đại-phu, mà chỉ chép tên, bèn đoán phỏng mà cho rằng phu-tử biếm Vô-Hải mà khủ họ với trước đi.

Như tôi thì tôi cho rằng phạm những chỗ kinh-văn không rõ nghĩa hay không theo lệ thường như thế, hoặc là lời sử cũ tự-nhiên, hoặc là sách-vở rách nát, sao-lục mất-mát đi mà thôi, chứ nếu chỗ nào như thế cũng cố xuyền-tạc phụ-hội ra cho có nghĩa mà bảo là có ngụ-y bao biếm cả thì thật là vô-lý quá.

Vấn biết lịch-sử là cái sở tài-phán của thế-giới, sự tài-phán đó phải lấy công-lý làm cốt-yếu, nhưng công-lý phải bằng-cứ vào chứng-thực mới định được. Phu-tử là một nhà soạn sử, cái nghĩa-vụ là phải tìm đủ chứng-thực mà bày tỏ ra, chứ phu-tử có quyền gì mà tự chế ra hình-luật để thực-hành kết những cái án khủ họ đoạt trước kẻ ác-nhân đã thiên-cổ. Ví phu-tử mà quả dụng-y như thế thật thì chả hóa ra phu-tử cũng hay nghĩ tẩn-mủn và thích làm sự giả-trá dư. Song bất-quá cũng là bởi các nhà ấy giữ cái quan-niệm mê-tín như bọn giáo-đồ tôn-sùng ông giáo-chủ mà vu cho phu-tử đó thôi.

Cho nên ông Chu-tử nhà Tống nói rằng : « Sách *Xuân-thu* là phu-tử cứ việc chép thực, phải trái hay dở đã có công-luận đời sau, dù có khen chê cũng chỉ ở cái ý ngoài lời nói mà thôi, chứ lấy một vài chữ để ngụ cái nghĩa bao biếm thì không có lẽ thế. » Coi đó thì biết cái học của Công Cốc không thể lấy làm căn-cứ cho sách *Xuân-thu* được. Hai quan Thái-sử là Nam-tuyền và Lương-phổ trên kia cho hai truyện *Công Cốc* là đến khi cái thói truyền-khẩu đã quen mới viết ra sách. Nghĩa là đã quên mất cả sự thực, chỉ còn « nhớ-lúng » câu được cái chãng đó thôi.

Có người hỏi tôi rằng : « Sách *Xuân-thu* mà không phải là ngụ-y bao biếm

thường-phạt, thế thì ông Mạnh-tử nói : « Cự Khổng-tử làm sách *Xuân-thu* mà kẻ loạn-thần tặc-tử sợ, » và dẫn lời phu-tử rằng : « Kẻ biết ta chỉ tại sách *Xuân-thu*, kẻ bắt tội ta cũng có ở sách *Xuân-thu* chẵng ; » những lời ấy sẽ chỉ về nghĩa gì ?

Tôi trả lời rằng : Ở về thời-dại quân-quyền chuyên-chế, câu chuyện giết vua là câu chuyện kiêng, sử các nước tuy có chép đề ghi sự biến-cổ, song cũng còn là bí-sử, nay phu-tử đem những việc giết vua cứ thực công-bổ ra sách học để-giảng bàn hằng ngày ; những kẻ loạn tặc ở đời *Xuân-thu*, làm sự thi-nghịch, bị tru-lục cũng nhiều, mà được hiển-dật cũng có. Kẻ dưới làm sự thi-nghịch đáng tội đã đành, mà kẻ trên tự gây nên vạ cũng không ít. Phu-tử đem công-bổ cả ra như thế, người biết thì hiểu được cái thâm-y ấy, còn kẻ gian-ác thì đọc đến mà sợ, hoặc sinh lòng ghét là nghĩa thế, chứ nhà làm sử hà-tất cứ phải ra tay truất họ khủ tên kẻ có tội mới là bao biếm đâu.

Thế nhưng mà hậu-nho thì lại lấy cái nghĩa bao biếm thuyết-lý bóng-lông vô-hằng ấy làm tinh về kinh học mà xô nhau theo. Năm Đạo-quang nhà Thanh xuất-bản sách « *Xuân-thu tập-truyện đại-toàn*, » nghĩa là hợp tất cả các nhà bàn nghĩa kinh-văn *Xuân-thu* từ Hán đến bấy giờ lại làm một bộ sách, tính được 92 nhà, trừ ông Chu-tử ra, hầu hết theo về phái bao biếm thuyết-lý cả. Có sách *Hồ-truyện* tức là sách « *Xuân-thu giải nghĩa* » của Hồ An-Quốc người nhà Tống làm ra, in chữ to, đứng tiếp với kinh-văn làm chủ cho nghĩa kinh. Còn ba cổ-truyện là *Công-dương*, *Cốc-lương*, và *Tả thị* thì thỉnh-thoảng trích lấy một đoạn, in làm tiểu-chú cũng như các bài của hậu-nho, ấy cũng chỉ vì người đời đã cho *Xuân-thu* là kinh-học, là cái học thuần về thuyết-lý chứ không cần gì

sự-thực, nên ai giải nghĩa kinh-văn cho xuôi tai được thì thiên-hạ theo ngay, mà Hồ-truyện mới át được cả ba cỗ-truyện đi là thế.

Nay xét ra họ Hồ chính là học-trò của phái Công Cốc, bấy giờ Trung-quốc về đời nhà Tống đang suy yếu, bị rợ Kim vào lấn cướp, họ Hồ bèn làm ra sách *Xuân-thu giải-nghĩa*, lấy bao biếm làm căn-bản, lấy « tôn-quân thảo-tặc » làm chủ-nghĩa, rồi viện-dẫn phụ-hội cho lời nói có văn-vẻ hơn cả tiên-nho, sách dâng lên vua Cao-tôn nhà Tống, vua lấy làm khen ngợi lắm, từ đó ai học *Xuân-thu* đều theo thuyết của họ Hồ gọi là Hồ-truyện.

Kể Hồ đối với tổ-quốc cũng đã khỗ-tâm, nhưng mượn cổ-kinh để cớ-động nhất-thời thì lắm, bởi vậy đến đời nhà Thanh, vua Đạo-quang bèn lợi-dụng cái thuyết « tôn-quân thảo-tặc » của Hồ, in sách *Xuân-thu đại-toàn*, biểu-chương Hồ-truyện để cớ-hoặc người Trung-quốc nên ở yên dưới quyền chuyên-chế của mình.

Đó là cái học *Xuân-thu* về phái Công Cốc, thuyết-lý vô-bằng, đã hơn hai nghìn năm nay vậy, kỳ-thủy thì tưởng mượn cái danh-nghĩa bao-biếm thi-hành cho người trên lịch-sử mà giết cái lòng ác của kẻ đưng-thời, nhưng mà cái gốc đã giả nên cái quả cũng bất-chân, gây thành một cái phong chuộng danh-nghĩa giả bấy nhiều lâu, người trên lấy danh-nghĩa giả buộc người dưới, người dưới lấy danh-nghĩa giả thờ người trên, kẻ ngu tin danh-nghĩa giả là thánh-thần, kẻ gian dùng danh-nghĩa giả làm mặt nạ.

Về sử-sách thì nhà Mạc đuổi vua Lê vào Thanh-hóa cai-trị gần khắp nước Đại-Việt hầu 60 năm, đến nay các vấn-đề chính-trị, xã-hội, học-thuật, bang-giao trong 60 năm ấy, hay dở thế nào, tuyệt không còn ghi lại điều gì, mà

danh-nghĩa trên lịch-sử vẫn liên-tiếp để-thống nhà Lê.

Về thực-tế thì chúa Trịnh cướp hết quyền vua Lê mà vẫn lấy danh-nghĩa vua Lê giả-ngụ người trong nước, sĩ-phu bấy giờ thì đều là tôi-tá chúa Trịnh, có khi bênh chúa Trịnh ức vua Lê, thế mà danh-nghĩa để đời vẫn là thi đỗ với nhà Lê, chịu chức tước của Lê-đế.

Ở Trung-quốc cũng vậy, đời Tam-quốc Ngụy, Ngô giữ hầu hết nước Tàu, Thực chỉ có một hạt Túc-xuyên, mà cái vấn đề « *Thừa-tướng xuất-sư* » hay « *Gia-Cát nhập-khẩu* » vẫn cãi nhau trên sử-sách. Thậm-chí đời nhà Thanh, bọn họ Tăng phù người Mãn diệt người Hán mà vẫn là danh-nghĩa « tôn-quân thảo-tặc, » tư-tướng làm lẫn lộn thế có chết không ! Lời Tây - ngạn nói rằng : « Có học-thuật mới có tư-tướng, có tư-tướng mới có thực-dụng ». Vậy học-thuật có phải là việc khinh thường được đâu.

Nay lại xét đến truyện *Tả - thị*. — *Tả-thị* cũng có giải cái nghĩa bao biếm như Công Cốc mà không biện-thuyết bằng, đến như tự-sự thì rất tinh-trường, mỗi một đề-mục kinh-văn với một bài truyện-văn, như đầu-hợp với mình làm một toàn-thể, mạch - lạc quán-thông, khiến người ta đủ xét mà phán-đoán lấy. Cho nên ông Chu-tử nói rằng : « *Đọc Xuân-thu phải đọc bộ Tả-truyện*, hiểu thấu ý-tứ đầu đuôi, mới biết được việc đưng-thời và ý phu-tử chép sử ». Và nói rằng : « *Tả-thị* đã từng trông thấy bản *sử-ký* mà phu-tử lấy đề soạn ra sách *Xuân-thu*, chứ Công Cốc thì không trông thấy bản *sử-ký* ấy bao giờ. » Lại ông Tô Tử-Do dạy học trò học *Xuân-thu* chỉ dạy bằng sách *Tả-truyện* mà thôi. Vậy thì biết rằng từ Hán đến nay, hậu-nho tuy ngoài thì chủ-trì cái cách thuyết-lý của Công Cốc để tự-cao là phái kinh-học giảng-cần đạo-lý, mà thực thì vẫn phải lấy sự-thực của *Tả-truyện* để so-sánh ngầm. Vậy thì biết

Tả thị với *Xuân-thu* là một chứ không phải là hai.

**Bốn cái tinh-thần-sử-học
của *Xuân-thu Tả-truyện*.**

Ngày xưa người ta nói *Xuân-thu* thì chỉ là cái phần kinh-văn mà thôi. Bài này xét đến đây, đã giải-quyết rằng *Xuân-thu* với *Tả-truyện* là một. Vậy từ đây trở xuống, nói *Xuân-thu* tức là *Xuân-thu* của phái *Tả-thị* mà kinh-văn của phu-tử hợp với truyện - văn của *Tả-thị* chép lời giảng của phu-tử lại, mới thành sách *Xuân-thu* hoàn-toàn.

Kinh-văn với-truyện văn *Tả-thị* hợp lại thì thấy có bốn cái tinh-thần sử-học như sau này :

1^o *Chủ-nghĩa*. — Phàm sách sử về lịch-đại là sử phổ-thông, mà sách sử nào chỉ chép có một cuộc thế-biến đặc-biệt thì là sử có chủ-nghĩa riêng. Sử *Xuân-thu* chính là sử có chủ-nghĩa riêng đó. Nhà Châu từ khi thiên sang Đông - đô gọi là Đông-Châu, cho đến hiện-thời Khổng-phu-tử, là một cái thời-kỳ đại-biến-cách trên lịch-sử Trung-quốc chưa từng có. Thiên-tử nhà Châu thì hèn yếu, vua các nước chư-hầu tranh nhau bá-quyền, xâm lấn đánh dẹp, không ngày nào ngơi, nước nào mạnh thì lên, nước nào yếu thì diệt, cái chế - độ phong-kiến dần đổi ra cái thế liệt-cường cạnh-tranh, đó là một sự đại-biến.

Các nước tứ-di dần thịnh, vào lần cướp các nước Trung-hoa, nhất là ba nước, Sở-Ngô-Việt ở nam-phương mà Trung-quốc vẫn khinh-bĩ, nay lần lượt vào làm minh-chủ ở trung - nguyên, cái giới-hạn hoa-di đổi ra cái chiến-trường dân-tộc, đó là hai sự đại-biến.

Đại-thần các nước chuyên giữ quốc-quyền, chính-thê quân-chủ dần đổi ra chính-thê quý-tộc, đó là ba sự đại-biến.

Nhân ba cái đại-biến ấy mà các việc xã-hội, chính-trị, luân-lý đều thấy canh-cải dị-thường, phu-tử yết lên

một cuộc thế-biến 242 năm ấy, đề cho đời nhân cái dấu quá-khứ, đoán biết cái ảnh - hưởng tương-lai, mà chỉnh-dốn lấy cuộc hiện-tại, cho nên trong sách từ quốc-lễ, quốc-gia, dân-tộc, đến cá-nhân, xã - hội, không một vấn-đề nào không nói đến, lại bàng - cập đến cả các vấn-đề về thiên-nhiên để làm tài-liệu cho các nhà bác-vật nghiên-cứu, thật là phong-phú thay.

2^o *Thể-tài*. — a) *Xuân-thu* là thể-sử liệt-quốc chứ không phải là thể-sử một nước Lỗ, xem nhiều việc của nước khác không can-thiệp gì đến nước Lỗ mà cũng chép, thì tài - liệu cũng phải tìm rộng chứ không phải chỉ nhân có một Lỗ-sử như các hậu-nho tưởng lầm, duy Lỗ là tổ-quốc của tác-giả, nên lấy Lỗ làm kinh-tuyến mà các nước làm vĩ-tuyến, việc đều theo về số năm của Lỗ. Ngày nay những sử giáo-khoa về toàn-châu, như Đông-dương-sử, Tây-dương-sử cũng thấy dùng lối sử này.

b) Cứ mỗi việc, câu kinh-văn tức là đầu bài mà truyện-văn *Tả-thị* tức là bài, chính là lối sử chia chương phân tiết ngày nay, chỉ khác có sự ngày nay thì việc quan-hệ mới ghi ngày tháng và ghi xuống dưới bài, sử *Xuân-thu* thì ghi ngày tháng lên đầu bài mà ghi nhiều quá, tựa như sổ nhật-ký vậy; còn những chỗ có mùa có tháng mà không có việc, tưởng cũng là khuyết-văn chứ chẳng có nghĩa gì.

Ở Trung-quốc, sau sách *Xuân-thu* thì lối sử phân chương-tiết này thất-truyền. Tư-mã Thiên soạn bộ *Sử-ký* làm ra lối liệt-truyện, không theo thể *Xuân-thu Tả-truyện*, đến Tuân Duyệt làm bộ *Hán-ký* mới phục cổ, bắt chước lối biên-niên của *Xuân-thu* lại đến Chu-tử nhà Tống làm ra bộ sử *Cương-mục*, cương tức là bắt chước kinh-văn, mục tức là bắt chước *Tả-truyện*, song cách viết đều chưa được chỉnh - đốn như sử tây bây giờ.

30 *Nghĩa-lệ*. — Phạm diên một khoa học nào, trước cũng phải định lấy nghĩa cho những chữ dùng làm công-lệ. Về sử-học cũng thế, những chữ nghĩa-lệ sách *Xuân-thu* rất tinh-vi. Ông Mạnh-tử dẫn lời phu-tử nói rằng: « Văn thi vốn của sách sử, nghĩa thi tôi mới đặt riêng ra. 其文則史其義則邱竊取之也. » Nghĩa mới đặt riêng ra tức là những chữ công-lệ có minh-văn ở trong những câu đề-mục đó, những chữ ấy trước kia thì nghĩa nó, cũng thông-dụng hàm-hồ, nay định cho nó một cái nghĩa mới duy-nhất, để dùng làm lệ chung mà chỉ về cái trạng-thái tinh-cách hành-dộng của việc gì, đến khi gặp những chữ ấy, nhớ cái nghĩa-lệ của nó, tức là hiểu cách hành-dộng của việc ấy thế nào, hiểu cách hành-dộng của việc ấy thì phải trái khen chê đã bày ra đấy, ai cũng phán-đoán ngay được, ấy sách *Xuân-thu* mà phải giảng nghĩa, chỉ có những chữ nghĩa-lệ có minh-văn ấy, và cũng chỉ có những chữ ấy là cái định-án khen chê mà thôi. Còn cái thuyết « bao biếm » mà không thấy có minh-văn thì lấy gì làm bằng. Thí-dụ ba chữ nghĩa-lệ sau này :

滅 *Diệt* = Đánh chiếm lấy thổ-địa, nhân-dân, chính-quyền, và khử quốc-hiệu nước ấy đi mà giữ làm thuộc-địa là *diệt*

殲 *Tiêm* = Chết tiết, bị giết hết cả bọn tà *tiêm*,

人 *Nhân* = Người, việc nước mà chép *nhân* (người) thì việc ấy bởi công-chúng làm. Như câu kinh văn :

齊人滅遂 弑 *Tề-nhân diệt Toại* = Người *Tề* *diệt* nước *Toại*.

Đã biết nghĩa-lệ chữ *nhân* (người), chữ *diệt* trên kia rồi, thì hiểu ngay việc *diệt* *Toại* này là bởi cả công-chúng nước *Tề* mà cách hành-dộng ấy là thế nào.

Kể đó đến câu kinh-văn: 齊人殲于遂 弑 *Tề nhân tiêm vu Toại* = Người *Tề* chết tiết ở nước *Toại*.

Đã biết nghĩa chữ *tiêm* (chết tiết) là bị giết hết cả bọn, thì hiểu ngay việc hành-dộng của dân vong-quốc *Toại* là thế nào, và bọn người *Tề* ở thuộc-địa *Toại* bị thảm-trạng là thế nào.

Đọc hai câu này, hiểu được hai việc này, thì biết cái nghĩa-lệ ở đó mà công-lý cũng ở đó, cái « án sắt » phải trái khen chê đã yết ra đấy, chẳng còn phải giảng cho người ta mới biết, còn sự thực thế nào đã có truyện-văn. Thế mà ban nhà *Công-dương*, *Cốc-lương* và *Tả-thị* đối với những chữ nghĩa-lệ có minh-văn và tinh-vi nghiêm-nhất ấy, tuy cũng có giảng nghĩa qua, nhưng không lấy làm khấn-yếu lắm, lại *án-cần* chú-trọng về cái nghĩa « bao biếm » hông-lông vô-lý vô-bằng kia, thật là cái làm thiên-cổ.

40 *Văn-pháp*. — Văn *Xuân-thu Tả-truyện* rất có phép-tắc nghiêm-chỉnh, những nghĩa-lệ đầu bài đã nói trên rồi, còn bài truyện-văn thì tự sự tinh-tường lắm, việc gì cũng có đầu có cuối, có nhân có quả, lời giản mà nghĩa rõ, mạch-lạc tiếp-tục quán-thông nhau, đến như những lời từ-mệnh thì lại càng cò-kính, hùng-hồn mà thâm-thúy, từ lời đàn bà đến đàn ông, từ lời kẻ hèn đến người sang, trong khi ứng-đối thành ra những lời danh-ngôn cả, đối với kinh như một giọng văn vậy. Trung-quốc từ *Xuân-thu Tả-truyện* về sau, làm ra nhiều thể sử, nhiều lối văn sử mà không nhà nào sánh được với *Xuân-thu Tả-truyện*, thật cũng là tuyệt-tác.

Hợp kinh-văn với *Tả-truyện* mà xét bốn cái tinh-thần như trên ấy thì mới biết *Xuân-thu* là một sách sử-kỹ kết cấu rất hoàn-toàn, một khoa sử-học rất tinh-vi, ra đời sớm nhất trong thế-

giới vậy. Vương An-Thạch nhà Tống chế sách *Xuân-thu* làm vụn-vật. Một nhà văn-sĩ nước Pháp ngày nay cho sách *Xuân-thu* là một quyển sổ nhật-ký ở trong vương-cung, đều là chỉ xét ở phần kinh-văn mà vội phán-đoán cả.

Những chỗ biệt-điểm của Tả-truyện.

— Tuy-nhiên, văn *Tả-truyện* không phải là được toàn hay cả, những chỗ hay đã nói như trên, còn những chỗ dở cũng nhiều, hệt như hai người viết, về giảng-nghĩa thì câu-chấp cái thuyết « bao biếm », cũng như *Công Cốc* đã đành mà lời lại vụng, không biện-thuyết được như *Công Cốc*.

Về tư-sự trong một bài, đang một giọng cồ-kinh, hùng-hồn, thâm-thúy, pha ngay vào vài câu phê-bình kém quá. Những lời phê-bình ấy, hoặc dẫn sách *Thi* sách *Thư*, hoặc đặt ra lời người quân-tử. Lời *Thi Thư* thì không mấy chỗ đúng nghĩa, lời người quân-tử thì vừa non vừa loãng. Hậu-nho đều công-nhận như thế cả. Chu-tử nói: « Văn *Tả-thị* thật là ý-tử tung-hoành, chỉ phải cái bệnh hay lấy sự thành-bại nghị-luận người ta. » Lại nói: « Phạm chỗ *Tả-thị* đặt ra lời người quân-tử nói, đều chẳng có ý-tử gì ». Coi đó thì biết văn *Tả-thị*, chỗ hay là chỗ sở-dặc của thầy, nhờ được đúng lời giảng, còn chỗ dở là chỗ tự ý mình thêm vào.

Văn-lý *Tả-thị* đại-đề như thế, còn những chỗ kinh có đề mà truyện không có bài, hoặc truyện có bài mà kinh không có đề, chắc là bị thất-thoát đi. Lại truyện có bài từ năm trước đến năm sau kinh mới có đề, hoặc kinh có đề từ năm trước đến năm sau truyện mới có bài, chắc là sao-lục làm-lần thứ-tự đi, chớ như hậu-nho bảo như thế đều là tự *Tả-thị* làm ra mà cho là hay cả, thì chẳng có nghĩa gì.

Cách van-dịch. — Kể ra thì *Xuân-thu* là một khoa sử-học kết-cấu hoàn-toàn

và tinh-vi sớm nhất trong thế-giới thật. Song không được thoát-cáo thành sách ngay một lúc, ở đời phu-tử mới viết được phần đề-mục mà phần toàn-văn thì còn khâu-truyền, đó là thời-kỳ thứ nhất của sách *Xuân-thu*. Từ Hán tìm ra được ba truyện, vừa tàn-khuyết sai-suyễn, lại phân ra làm hai học-phái là lý-luận với sự-thực, cùng phản-đối nhau; người ta không biết phải nào là phải, đó là sách *Xuân-thu* ở thời-kỳ thứ hai. Từ Tống đến gần đây, Hồ-truyện thịnh-hành, phái lý-luận đắc-thắng, đó là sách *Xuân-thu* ở thời-kỳ thứ ba. Tóm lại ba thời-kỳ thì sách *Xuân-thu* vẫn có sách mà vẫn chưa thành sách, thời-kỳ thứ nhất, tác-giả vừa dọn sách vừa dạy học, văn với nghĩa không sai, nên sách sớm có ảnh-hưởng và giá-trị to lắm; còn từ thời-kỳ thứ hai trở đi, tam sao thất bản, chỗ hiểu cũng học, chỗ ngờ cũng học, thành ra bao nhiêu người đọc *Xuân-thu* là bấy nhiêu nhà bác-cổ chưa phán-đoán cả; song chịu hoài-nghi còn khá hơn là phán-đoán một cách bông-lông vô-bằng thì lại càng di-hại nhiều.

Ngày nay nhân có sử tây, phép thực-nghiệm của tây, chúng ta quay về tìm lại cồ-thư, mới biết sách *Xuân-thu* là một khoa sử-học tinh-vi, cồ-nhân mình đã sở-dặc sớm lắm rồi, chỉ vì lru-truyền thất-chân, mà người sau không biết chọn-lọc xếp-đặt lại đó thôi.

Xuân-thu là thời-kỳ trung-tám về học-thuật tư-tướng của người Á-Đông, muốn biết gốc nguồn tiến-hóa, phải đọc lịch-sử đời *Xuân-thu*, mà đời ấy chỉ có một bộ sử của *Xuân-thu Tả-thị* này còn truyền lại mà thôi. Từ Hán trở đi, làm sử về thời Đông-Châu đều căn-cứ ở đây, chính bộ *Sử-ký* của Tư-Mã Thiên, về phần Đông-Châu liệt-quốc là lấy ở *Tả-truyện* cả, vậy khoa sử-học Đông-Á ngày nay không có *Tả-truyện* không được cho nên học-qui Nhật-bản bây

giờ, lớp trung-học cũng phải đọc *Tả-truyện*, thế thì học-giới Việt-nam ta há không nên có một bộ *Xuân-thu Tả-truyện* bằng dịch-văn để bổ khuyết cho khoa sử-học về thời thượng-cổ dư?

Song le trong sách nguyên-thư *Xuân-thu Tả-truyện*, kinh với truyện, phần nào cũng có những chỗ tàn - khuyết sai-suyễn, nếu cứ câu-nệ như xưa, y nguyên-thư mà dịch thì không học được. Vậy trước phải lập lấy một cái chương-trình, sau định cho có phép-tắc, quyền nguyên-thư để làm sách

khảo-cổ, quyền dịch-thư thì lược bớt những nghĩa nhỏ việc nhỏ mà lọc lấy những nghĩa rõ việc to, những chỗ thứ-tự diên-đảo thì xếp đặt lại sao cho kinh với truyện đều được tinh-hành, không sai - lạc nguyên-văn mà càng thêm thuần-túy chân-chính, thì mới là có ích.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

TÙNG-ĐÀM

MỘT DÂN-TỘC RẤT KHOẢI-LẠC (1)

Người ta đương lúc buồn-bã không vui, thường phát-sinh ra lòng cảm-tưởng, một là thương đời người ta ngẩn-ngủi, hai là nghĩ đến cõi đời người ở vất-vả khó-khăn, xem thấy đàn kiến bọ nó sinh-hoạt một cách vui-vẻ, thì lại tưởng-tượng ra một cái trạng-huống sinh-hoạt ở trên một trái hành-tinh nào, bấy giờ tự-nhiên lòng người ta quên hết cả sự đời đi được. Từ khi phát-sinh ra trận Âu-chiến đến giờ, loài người ta ở đâu cũng bị phải biến-động rất lớn, ta thử ngó ra bốn phía đâu cũng thấy cảnh buồn mà khó lòng sinh ra cái quan-niệm lạc-quan được. Đương lúc ấy giá có một dân-tộc

nào cùng ở một trong thế-giới này, mà không từng nghe biết cái trận chiến-tranh ghê-gớm ấy, không mắc phải một tí ảnh-hưởng chiến-tranh gì của các dân-tộc vẫn tự cậy là văn-minh, chúng ta há chẳng muốn nghe chuyện cái dân-tộc ấy ra làm sao ư? Dân-tộc ấy ở đâu? Chính là dân-tộc ở lánh về phía cực-bắc châu Bắc-Mĩ và những nơi cù-lao Cách-lâm-lang, tên là Ái-ti-ki-mã (Eskimo) dân-tộc.

Nguyên có Lôi - đặng - thị (Mr. Christian Leden) là một nhà thám-hiêm tuổi trẻ ở nước Na-uy, từng sang lưu - ngụ ở xứ Ái-ti-ki-mã đã lâu năm. Lôi-thị đã từng xem xét kỹ-càng mới

(1) Nguyên hán-văn của Nhận-sơ dịch bài của Gregory Mason người nước Mĩ, đăng trong *Đông-phương văn-khố*.

biết ra rằng dân-tộc Ái-ti-ki-mã là một dân-tộc rất sung-sướng vui-vẻ ở trong thế-giới đời nay, mà lại là một dân-tộc văn-minh rất cao hơn cả đời nay, nghe nói thế ai chả lấy làm lạ. Ai chẳng bảo rằng ở cái cõi đời gấm-vóc về-vang thế kỷ thứ hai mươi này, há chẳng phải là cái hoa văn-minh của người giống trắng ta ư? Nào là chính-trị quang-minh, vật-chất tiến - hóa, khoa-học phát-minh, cái hạnh-phúc của loài người ta tăng-tiến biết chừng nào, há chẳng phải là cái quả văn-minh của người giống trắng ta ư? Có lẽ nào lại có một dân-tộc thứ hai nào nữa hay vượt hơn lên được chẳng? Xin sẽ xem sau này thì biết.

Lôi-thị bắt đầu từ năm 1909 đi sang khảo-sát cái trạng - huống sinh - hoạt của dân-tộc ấy, phàm dân-tộc Ái-ti-ki-mã đã từng trải qua người giống trắng tìm thấy, thì ông ấy đều xem xét kỹ-lưỡng cả. Lôi-thị khi trở về Gia-nã-dại có báo-cáo ra những điều gì đều là mắt trông thấy và thân mình đã trải qua cả, chứ không phải như những người chỉ nghe lồm dàu. Cái mục-đích thám-hiềm của Lôi-thị, khác với những nhà thám-hiềm về phía bắc-cực, nghĩa là ông ta không những là một nhà thám-hiềm về thổ-địa mà lại là một nhà nghiên-cứu về nhân-chúng nữa. Lôi-thị tìm thấy được một dân-tộc xưa nay chưa trông thấy người giống trắng nào đến qua, lấy làm mừng-rỡ lạ thường. như là tìm thấy được một cõi đất nào ở nơi băng-lãnh không có thứ cây cỏ nào mọc cả thì mừng biết là chừng nào!

Lôi-thị có nói rằng: — Người ta thường cho cõi đời này đến cái chỗ rừng rậm là cùng-tận, và tự chỗ bắc-cực rậm-rạp là khởi-thủy. Ái-ti-ki-mã dân-tộc thì bảo rằng cõi đời này đến cái chỗ băng-kết là cùng và cái chỗ rừng rậm là khởi-thủy. Thứ xem cái kết-quả mỗi đàng xét về một phương-diện,

thì biết Ái-ti-ki-mã dân-tộc thực là văn-minh rất cao hơn thế-giới đời nay. Lại xét như những việc sau này: Ái-ti-ki-mã dân-tộc xưa nay trong đồng-chủng không có tranh-chiến với nhau bao giờ, trong óc dân-tộc ấy hình như tuyệt hẳn không có cái dã-tâm lấy một nước mà đi đánh nhau với nước khác. Song bọn dân ấy cũng có khi khởi ra cái mỗi tranh cá-nhân với nhau, nhưng cũng chẳng có mấy khi. Giá mà có tranh nhau thì cái cách bài-giải cũng buồn cười, như là hai anh Giáp Ất tranh cãi không chịu nhau, thì hai anh tất sinh ra đánh nhau, ví như anh Giáp đánh vào vai anh Ất, thì anh Giáp lại nhường cho anh Ất đánh vào vai mình, anh Ất nếu đánh vào đầu anh Giáp, thì anh Ất cũng nhường cho anh Giáp đánh vào đầu mình, đợi cho đến khi nào một người xin thôi thì thôi. Cái cách bài-giải như thế cũng giống như cách cạnh-tranh về đường vận-dộng, để quyết-định xem người nào hay chịu đánh được đến độ chừng nào. Còn như cái tranh cãi nhau xoàng, thì lại giải-quyết một cách khác. Ví như hai người đều muốn tranh thắng nhau, nếu đã đến phép quan phân-xử, thì đều phải bằng lòng chứ không dám tranh nhau nữa. Còn như giết hại người giống khác thì dân-tộc ấy coi là làm càn vượt ra ngoài phạm-vi. Ta thường thuật chuyện trận Âu-chiến cho họ nghe, thì họ lấy làm kinh-hãi lạ-lùng mà kêu lên rằng: « Chúng tôi lấy làm khiếp sợ lắm. » Nếu đem chuyện Âu-chiến mà thuật cho người trí-thức trong dân-tộc ấy nghe, thì họ bảo rằng: « Chỉ có người giống trắng làm như thế, chứ chúng tôi thì tuyệt không có làm thế, hay là người giống trắng không phải hoàn - toàn là loài người, trong huyết - quản ý chừng còn có lẫn huyết giống khác chẳng! »

Lôi-thị có xét về cõi rã dân-tộc

Ái-ti-ki-mã nói rằng : Người đời luận về cõi-rê giống dân-tộc Ái-ti-ki-mã có hai thuyết : Một thuyết bảo giống ấy là một giống người Mông-cổ, từ trên đại-lục rồi thiên mã đến đảo Cách-lâm-lan; Một thuyết thì bảo rằng giống dân-tộc ấy là những kẻ di-dân ở bắc-bộ châu Mĩ. Sóng Lôi-thị xét về âm-nhạc của giống người Ái-ti-ki-mã, thì tin chắc rằng dân-tộc ấy là người giống đen ở châu Mĩ, chứ không phải người Mông-cổ.

Lôi-thị lại cực khen cái cách sinh-hoạt và ân-ái trong gia-đình của dân-tộc Ái-ti-ki-mã, Cái cách gia-đình sinh-hoạt của họ tuyệt-nhiên không giống người giống trắng. Trai gái giống người ấy có thể đổi vợ đổi chồng cho nhau được, nhưng không phải là cái chế-độ lấy nhiều vợ, chỉ là một vợ liên-tục lấy nhau mãi, Người giống ấy rất là tôn-trọng đàn-bà, nếu người chồng không được người vợ đồng-ý thì không được đổi vợ cho người. Cái thói đổi vợ ấy người ta lo thay cho rằng sợ quên nhãng mất cả con-cái, nhưng người giống ấy thì không thế. Nếu có người nào bỏ rẽ con-cái đi, thì dân giống ấy coi là một tội đại-nghịch, hoặc là thấy con-cái của người khác mà không chịu trông nom giúp-đỡ, thì cũng bắt phải tội nặng. Vì ở đất ấy nhiều giống dã-thú hay ăn thịt người, vậy nên cái sự hộ-vệ cho con-cái thực là một cái thiên-chức tất là phải thế.

Lôi-thị lại bảo rằng chúng ta cứ tự-đắc rằng văn-minh rất cao song người giống trắng chúng ta nghe những lời của giáo-sĩ tuyên-giảng về đạo-đức, thì không mấy người hay thực-hành làm theo, vì với dân-tộc Ái-ti-ki-mã thì mới biết rằng là còn kém xa. Nguyên chốn ấy vẫn có các giáo-sĩ đi truyền-bá đạo-giáo, nhưng các người ấy không biết được cái thực-trạng của dân-tộc ấy. Lôi-thị có thuật chuyện lại một việc của người giáo-sĩ rất là lý-thú : nguyên có một người giáo-sĩ muốn làm

cho người giống Ái-ti-ki-mã phải tin cái thuyết ma-quỉ, song người ấy thủy-chung vẫn cự-tuyệt những cái việc ma-quỉ thần-quái mờ-mịt. Giáo-sĩ cố bắt ép phải tin nghe, đã toan dùng đến võ-lực để cố-ép, người ấy kêu lên rằng : «Khốc-hại thay ! Cõi đời nào lại ti-bị như thế kia, lại sinh ra cái truyện thầy tu đánh người thế kia ! Ta bị phải mày thúc-bách thì ta phải tin cái thuyết mày vậy, » Đầu đuôi cái truyện ấy là bởi một người giáo-sĩ ở tự-đảo Cách-lâm-lan trở về thuật chuyện lại cho ông trưởng-lão ở Đan-mạch.

Lôi-thị lại thường tập tiếng nói giống người Ái-ti-ki-mã, vì phần nhiều các giáo-sĩ chỉ tại không thuộc tiếng nói, nên cái chí mình muốn làm đạt đến, đều không ăn thua gì cả. Mấy năm trước kia có mấy người giáo-sĩ nước Anh sắp muốn mở một cái hội tuyên-giảng tôn-giáo bằng tiếng Anh ở đất Gia-nã-đại thuộc về dân-tộc Ái-ti-ki-mã, hiện đã thông-cáo hết cả dân-chúng đến họp, song chí-kỳ chỉ có đôi ba bà lão già và ba bốn đứa trẻ con đến hội mà thôi.

Người giống Ái-ti-ki-mã không có chữ-nghĩa để làm ra sách-vở gì cả, cho nên không có văn-học, chỉ có những câu ca-đao từ đời cổ truyền lại, mà toàn là nhờ thuộc lòng cả. Giống dân-tộc ấy đàn bà hưởng thọ nhiều lắm, còn như đàn ông mà muốn tìm lấy một người râu tóc trắng xóa thì không thấy có mấy người, vì dân-tộc ấy chỉ quen thói du-liệp cho nên nhiều lúc bị nguy-hiểm.

Lôi-thị đã từng tìm-tâm nghiên-cứu về âm-nhạc của người Ái-ti-ki-mã, muốn nhân thế để dò cho biết giống người Ái-ti-ki-mã cùng với giống người di-dân đời thượng-cổ lúc nguyên-thủy có khác nhau hay giống nhau thế nào. Lôi-thị có nói rằng : «Tôi đã nghiên-cứu về âm-nhạc người Ái-ti-ki-mã, tôi dám đoán quyết chắc rằng: giống dân-tộc ấy cùng

với người giống đen ở Bắc-Mĩ thực có quan-hệ mật-thiết, vì âm-nhạc ở Bắc-Mĩ với âm-nhạc của Ái-ti-ki-mã thực là giống nhau, chỉ có hơi khác mà thôi. »

Lôi-thị lần cuối cùng đi xem xét về bắc-cực, thì chuyên chú-y xét về các thứ xuất-sản ở chốn ấy. Lôi-thị tin chắc rằng bắc-bộ đất Gia-nã đại và các đảo ở Bắc-cực thực là sản-xuất rất nhiều những loài trân-cầm dị-thú và khoáng-vật nếu mà khai-thác ra thì tất là hay cung cho thế-giới đủ dùng.

Lôi-thị nói rằng: « Ở các đảo bắc-cực có các khoáng-vật và các thứ dầu, lông mao, da thú, thịt-cá, hiện đương lúc Âu-chiến thì các thứ da thú, dầu thịt, giá đắt vô-chùng. Nếu lúc ấy mà mở-mang ra đem tàu vận - tải về được thì thực là một mối đại-lợi. Ta nghe ở Hắc-chân-hải - loan (Hudson Bay.) và các nơi gần đấy, về khi cuối mùa hè thường trong ngày chủ-nhật bắt được giống hải-mã và giống bạch-kênh đến hơn 500 con, còn bắt được những giống hải-bào hải-cẩu thì không biết bao nhiêu mà kể. Hiện nay da con hải-mã mỗi một bạng trị-giá ba bốn giắc (tiền Mĩ) mà mỗi một tấm da con hải-mã nặng đến trên dưới 500 bạng. Chỉ cứ kể một cái lợi về da con hải-mã thì mỗi một năm có thể được lợi là 75.000 đồng (tiền Mĩ), lại còn như

thú hải-mã-nha và dầu thì cũng lợi lắm. Nếu ta hay mở được sở buôn-bán và xưởng trang - hóa ở Hắc - chân-hải-loan thì năm thứ nhất cứ kể được lợi về loài da thú, dầu, lông mao, cá thịt đến 400.000 đồng (tiền Mĩ, như phi đi mất tám triệu đồng là đủ. Sau này nếu cứ theo ven Hắc-chân-hải-loan mãi cho đến Gia-nã-dại, Cách-lâm-lan và các đảo ở bắc-cực đều mở ra các chi-xưởng, thì mỗi năm có thể được lợi đến hàng trăm vạn. Huống-chi những thứ da và dầu đương khi Âu-chiến thì giá rất cao, chắc rằng sau khi đi h-chiến rồi lại còn cao nữa. Ta muốn sưu-hợp được phần nhiều các nhà thám-hiềm ở bắc-cực mà lục ra những lời báo-cáo về các thứ xuất-sản ở các nơi ấy, để giúp về đường thực-tế sinh-lợi, thì tưởng rằng người đời ai cũng thích. »

Người đời vẫn chê những người d thám-hiềm về nam-bắc-cực, chỉ là một cách đi chơi sẵn ở trên chôn bất-mao-chứ không có quan-hệ gì đến cuộc văn-minh đời nay. Song như Lôi-thị thì thực là một nhà giỏi nhất ở trong bọn người thám-hiềm, không những làm lợi cho những nhà du-liệp, nhà lý-tượng, nhà khoa-học đời nay, mà lại làm lợi cho những nhà thực-nghiệp đời nay nữa.

Đ. - Ch. dịch

TƯ - TƯỢNG ĐẸP

... Si donc, parmi les actions vertueuses, celles de la vie publique et de la guerre l'emportent par la beauté et la grandeur, il leur manque cependant le repos de l'âme (inoi-spensable au vrai bonheur), et on les veut pour autre chose, et elles ne sont pas d'elles-mêmes des vertus. L'activité de l'in eligence, au contraire, présente cette particularité distinctive importante elle: est spéculative et ne poursuit pas d'autre fin qu'elle-même, elle s'accompagne d'une joie parfaite et bien à elle, et qui accroît encore sa vigueur,

... Trong các việc công-dức ở đời, việc trị dân đánh giặc vẫn là những việc lớn-lao hiên-hách, tuy-nhiên không làm cho tâm-hồn được bình-tĩnh (mà tâm-hồn có bình-tĩnh mới là hạnh-phúc châu-chinh), người đời ham những việc ấy là vì lẽ khác, những việc ấy vốn không phải là việc công-dức. Đến như sự tác-dụng về trí-tuệ thời lại khác hẳn, có cái đặc-tính như sau: là thuộc về lý-tượng, mục-dịch là ở mình,

elle se suffit à elle-même dans un loisir sans fatigue, autant du moins qu'il est permis à l'homme, elle semble enfin réunir toutes les conditions du bonheur. C'est donc elle qui serait le parfait bonheur de l'homme, si toutefois elle remplissait la durée totale de la vie, rien d'inachevé ne pouvant constituer le bonheur. Une telle vie serait trop belle pour être une vie humaine ! Si l'homme peut vivre ainsi, ce n'est pas en tant qu'il est homme, mais en tant qu'il y a en lui quelque chose de divin ; et autant cette partie inférieure du composé humain, autant son activité diffère de celle des autres vertus. Si donc l'intelligence est divine par rapport à l'homme, la vie selon l'intelligence est divine en comparaison de la vie humaine. Par suite il ne faut pas, comme on nous le conseille, étant homme avoir des pensées humaines, mortels des pensées mortelles, mais autant qu'il est possible nous rendre immortels, et faire tout pour vivre selon ce qui dans notre vie est le meilleur ; ce meilleur tient, sans doute, peu de place, mais par sa puissance et sa dignité, il est tellement au-dessus de tout !

ARISTOTE

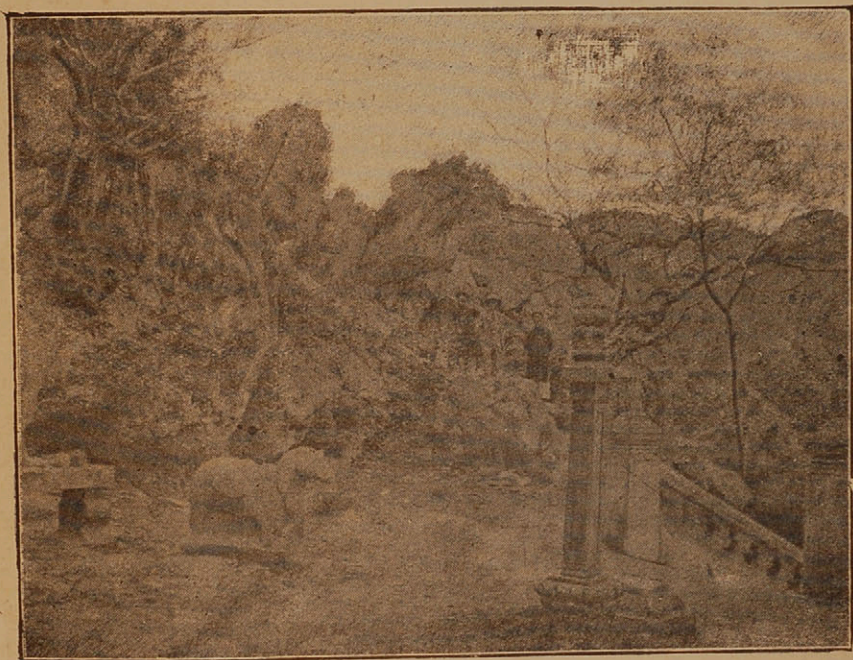
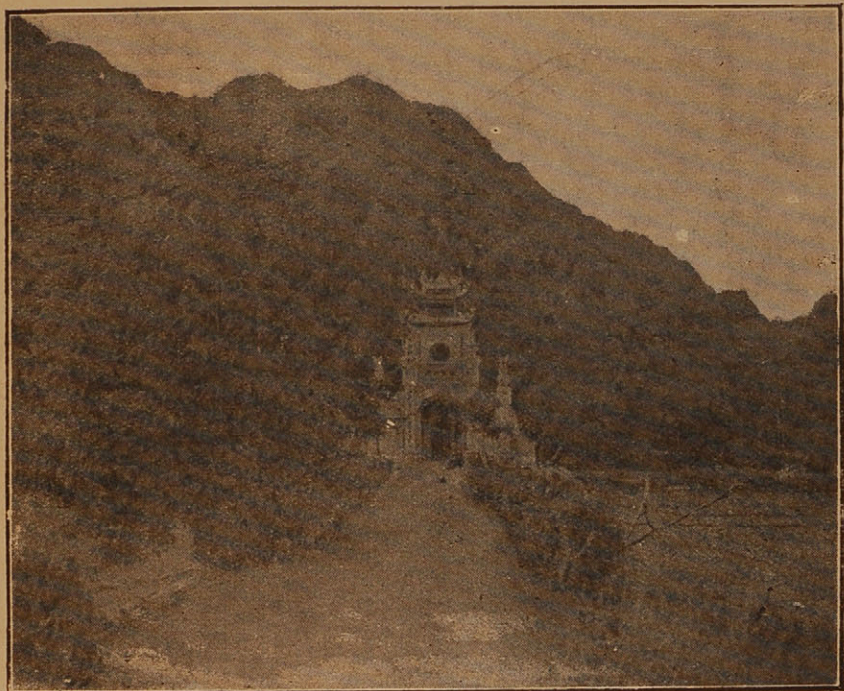
— Si quelqu'un se tenant près d'une source limpide et douce, l'injure, elle ne cessera point de faire jaillir son eau ; et s'il y jette de la boue, du fumier, elle aura vite fait de la dissiper, de la laver, et n'en sera nullement souillée. Comment auras-tu donc en toi une source intarissable ? En te maintenant, à toute heure, dans ta liberté, avec bienveillance, avec simplicité, avec modestie.

MARC AURÉLE

mà kết-quả là một cái khoái-lạc riêng, lại làm cho trí-tuệ mạnh mẽ thêm lên nữa, có cái vẻ ung-dụng khoan-khoái, không phiền nhọc gì, nói tóm lại là gồm được cái hạnh-phúc hoàn-toàn. Vậy nếu trí-tuệ làm cho đầy đủ được cả đời người, thời trí-tuệ tức là sự hạnh - phúc hoàn - toàn của người ta, (vì nếu không được đầy - đủ thời chưa phải là hạnh-phúc), Đời người mà được như thế thì tốt đẹp quá, không phải là đời người nữa. Người ta mà sống được như thế, thời không phải là tự cái nhân-tính mà được, thực là nhờ có một cái mối thiêng-liêng gì thuộc về thần-tính ở trong người vậy; thần-tính khác nhân-tính thế nào, thời sự tác-dụng cũng khác các đức-tính khác như thế. Trí-tuệ đối với người ta đã có cái tinh-cách thiêng - liêng như thế, thời sự sinh-hoạt của trí-tuệ đối với sự sinh-hoạt của người đời cũng có cái tinh-cách thiêng-liêng như thế. Vậy thời không nên nghe lời những kẻ khuyên ta rằng làm người phải có cái tư-tưởng làm người, ở cõi phàm-trần phải có cái tư-tưởng phàm-trần; không nên nghe họ như thế, mà phải cố cho siêu-việt ra ngoài cõi đời, phải lấy cái hay nhất trong đời người làm mục - đích cho cuộc đời: vẫn biết rằng cái hay nhất ấy nó không là bao, nhưng nó tôn-nghiêm, nó mãnh-liệt, nó siêu-tuyệt biết đường nào !

— Có người đứng cạnh một cái suối nước trong và ngọt, chửi mắng cái suối, cái suối nó cứ vẫn chảy hoài ; ném bần xuống suối. nó đánh phẳng, nó rửa sạch đi ngay, không còn chút bọt gì. Nay ta làm thế nào cho trong lòng ta cũng có một cái suối vô-tận như thế? Nên lúc nào cũng giữ lấy sự tự-do của mình, mà tập lấy cái đức khoan-nhân, giản-dị, khiêm-nhường.

Núi Kính-chủ ở Hải-dương



LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

III

Chế-độ và học-thuật

Nước Tàu khi xưa là một chính-thể phong-kiến, đời nhà Châu 周 lấy các đời trước làm gương mà sửa-sang lại, nên văn-vật rất đủ. Toàn-quốc chia làm chín châu, kinh-đô nhà vua ở trung-trong, ngoài ra đều phong cho các nước chư-hầu, chia trước làm năm bậc: Công 公, Hầu 侯, Bá 伯, Tử 子, Nam 男. Lại đặt ra các quan Khanh 卿, Đại-phu 大夫, Sĩ-Thứ 士庶, vua tôi trên dưới đều có thống-thuộc. Lại có nước nhỏ là nước phụ - dung thì phụ theo với nước chư-hầu. Nước chư-hầu càng gần thì càng lớn, càng xa thì càng nhỏ; nước ở gần thì năng vào châu, nước ở xa thì thưa vào châu. Những nơi hình-thể hiểm-trở, núi to chằm lớn, thì không phong cho các nước. Lại khiến quan đại-phu ra làm giám-sát ở nước phương-bá, trước quan đại-phu thì tỉ bằng vua một nước vừa, lộc quan đại-phu thì lấy tại nước phương-bá. Lộc của vua nước chư-hầu thì gấp mười lộc quan Khanh, từ quan Khanh trở xuống thì cứ theo thứ bậc mà kém bớt dần. Ruộng khâu-phần của mỗi một quan Phu là một trăm mẫu, thì phân ra có ba bậc, bậc thượng-nông-phu đủ nuôi được chín người, trung-nông-phu nuôi được bảy người, hạ-nông-phu nuôi được năm người. Lộc của kẻ hạ-sĩ và kẻ thứ-nhân làm việc ở chốn quan-phủ cũng coi bằng bậc hạ-nông. Theo bậc mà tăng lên thì lộc của hạ-sĩ nuôi được chín người, trung-sĩ nuôi được mười tám người, thượng-sĩ nuôi được ba mươi sáu người, hạ-đại-phu nuôi

được bảy mươi hai người, trung-thượng-đại-phu lộc cũng bằng thế. Vua thiên-tử đi đến nước chư-hầu, thì gọi là đi tuần-thứ, mười hai năm mới đi một lần; mỗi lần đi tuần-thứ thì sai quan thái-sư chép nhật lấy những bài ca-đao thơ-từ hiệp vào âm-nhạc mà tâu lên, để xem xét chính-hóa hay hay dở. Lại khiến quan điển-thị khai tường vật-giá, và những đồ cần-dùng, đồ xa-xỉ thứ nào đắt thứ nào rẻ, để xét xem phong-tục xỉ hay kiệm. Lại xét điển-lễ, định giờ ngày, chính lại luật-độ, lễ-nhạc, và những qui-chế cửa nhà, xe cò, xiêm áo. Nước nào đòi bỏ chế-độ, đòi sắc áo mặc thì phải trách-phạt; vua nước nào có công-đức với dân thì được phong thêm đất, tiến thêm tước. Thời-thường sai quan Tiều-hành-nhân đi biện xét chính-sự các nước và những điều lợi-hại của muôn dân, những việc thuận nghịch về chính-trị, đều làm ra thành sách rồi phục - mệnh lại triều-đình. Nước chư-hầu nào có việc tốt thì sai sứ đến mừng, việc tang thì phúng, việc hung-hoang thì trần-tuất, việc quân-dịch thì khao-thưởng, việc tai-vạ thì viếng thăm. Trong triều thiên-tử có quan Chung-tề, quan Tôn-bá, quan Tư-dờ, Tư-mã, Tư-khấu, Tư-không, gọi là lục-quan. Lục-quan thì Chung-tề đứng đầu, sáu quan đều thống - suất các kẻ thuộc - lại, gọi là quan - liêu. Cũng có chức không phải quan-liêu mà cũng đều liên-thuộc cả, như là những việc quân-túc-vệ, việc tế-tự, việc tân-khách, việc tang-lễ, việc cơ-hoang, việc quân-lữ, việc

(1) Xem Nam-Phong từ số 125, 126.

đi săn, đi thu-liêm, đi chần-thí, những việc ấy thì sai khiến các kẻ thuộc-quan khác, tham coi về những chính-sự ấy, nên không có cái tệ trái mất chức quan, lia bỏ vị-thứ, mà cũng không có cái lo chia ra phe-dảng nữa. Lại có quan Tam-công ban-thứ ở trên ngôi Chung-tể, cốt để giúp đỡ mình vua, làm sự-phạm cho các quan. Đến như các liêu - thuộc hầu trong cung nhà vua, dầu đến những việc coi cửa rất hèn, cũng đều dùng những kẻ sĩ-dại-phu hiền-tài trông coi, chớ không cho kẻ gian-tà lọt vào đấy. Có sai kẻ quần-thần đi sứ ra bốn phương thì tất thăng chức lên cho. Khi nào có sứ-giả là khách nước khác đến thì sai chức hoàn - nhân 環人 đi đưa đón, ra tận ngoài cửa quan cho đến khỏi cõi. Vua thiên-tử cung-kiệm, tiếp-đãi kẻ dưới có lễ, thiên-tử có tiếp quan đại-phu các nước không có gọi tên. Làm chính - trị đều theo ý dân - chúng, ở ngoại-triều thì coi hết muôn việc, mà cứ theo lễ thì trước nhất phải hỏi ý dân. Phàm lúc nào có những việc điền-lê lớn, những điều nghi-nạn lớn, thì nhà vua lất ngự ra ngoài cho với cả muôn dân đến, có quan Tiên-tu-khấu ra thừa-tiếp cho thứ-tự tiến lên mà hỏi, để giúp cho trí nghĩ mà định mưu, như hỏi về những lúc nước nguy-biến, lúc thiên-dò, lúc lập vua mới. Lúc trong nước có binh-tranh việc lớn thì đến nhà học-hiệu bàn đề định mưu, các tướng phải vâng theo cái định-mưu ở nhà Học. Nghị-định đã quyết rồi cũng phải cáo với đấng tiên-thánh ; lúc kéo quân về lại làm lễ điện kinh cáo để dâng nộp thủ - quốc. Cái qui-chế về việc học thì mỗi nhà có một nhà Thực 塾, làng có nhà Trường 庠, châu có nhà Tự 序, trong nước thì có nhà Đại-học 大學. Quan Tư-dồ cứ lệ ba năm một lần sát-hạch học-trò, những kẻ tú-sĩ ở nhà hương-học dâng văn-thư lên vua mà được thăng-tuyên lên thuộc

về quan Tư-dồ, thì gọi là bậc tuyên-sĩ 選士 ; quan Tư-dồ khảo-thí lại một lượt, nhắc lên cho làm kẻ lại ở chốn hương-tự ; lại còn những kẻ tuần-tú thì xét-hạch cho thăng lên nhà Đại-học gọi là kẻ tuần-sĩ 俊士. Qui-chế nhà Đại-học thì có quan Đại-học-chính dạy học-trò, những kẻ sĩ-tuần tuyên trong nước và thái-tử nhà vua, nguyên-tử vua các nước chư-hầu, đích-tử các quan khanh đại-phu, quan nguyên-sĩ, đều đến nhà học thụ-nghiệp, cứ kể tuổi làm hơn, chớ không kể chi kẻ sang người hèn. Công-khóa thì dạy cả lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số (phép tính) ; về mùa xuân hạ thì dạy tập giáo mác, mùa thu đông dạy mùa vũ-thuộc, cứ theo công-thứ mà cấp cho áo mặc lương ăn cho đến bốn mươi tuổi. Nhà Đại-học lại xét những kẻ tuần-tú lên hầu vua, rồi thăng lên thuộc về quan Tư-mã gọi là bậc tiến-sĩ 進士. Quan Tư-mã lại kén chọn lấy kẻ tài bỏ ra làm quan ở triều-đình, làm quan giỏi thì được phong tước, phẩm-tước định thì được hưởng lộc.

Quân-chế thì cứ theo cái khu quốc-dò vuông nghìn dặm, chung quanh phân ra trăm dặm là một giao, mỗi giao có sáu hương ; hai trăm dặm là một châu, mỗi châu có sáu toại. Mỗi hương đều có một vạn hai nghìn năm trăm nhà, sáu hương sáu toại tính gồm lại là mười hai vạn nóc nhà, mỗi nhà, phải ra một suất lính. Sáu hương là chính, mà sáu toại là phó, chia ra chỉ lấy một nửa ra lính, còn một nửa lưu-thủ. Các tướng thì mệnh cho sáu quan khanh. Quân vẫn không lộ là quân đều ẩn ở trong sáu hương, tướng vẫn không lộ là tướng đều ẩn ở sáu chức quan khanh. Mà điểm-kiểm quân-ngũ thì thống cả ở quan tư-dồ, quân-lễ thì giữ ở quan đại-tôn-bá, quân-pháp thì phải theo quan sĩ-sư. Quan Tư-mã tuy rằng là chức thống-binh mà không dám tự-chuyên. Cho đến những quân túc-vệ,

quân quốc-tử hồ-bôn, đều có hệ-thuộc riêng cả để cho phân binh-quyền ra.

Phép chia ruộng thì cứ vương một dặm là một *tỉnh* 井, mỗi tỉnh chín trăm mẫu, ở giữa là một trăm mẫu công-diền, còn mỗi một phu thì được riêng một trăm mẫu tư-diền, cùng cây giúp cho công-diền để cung làm thuế ruộng. Trong một *tỉnh* thì khai ra ngòi rãnh ngang dọc, chia vạch ra bờ cõi, để giữ-gìn cho chính-tề, không cho xe ngựa chạy giông; mỗi ba trăm phần ruộng đất thì bỏ đi một phần làm đường thủy-dạo để lấy nước tưới cho ruộng đất. Giới-hạn phân - minh, mỗi một dân-dinh được một phần đất ở năm mẫu, chung quanh nhà ở phải trồng dâu, để nuôi tằm lấy tơ mà mặc. Những kẻ không có chức - sự thì phải chịu thuế phu-dịch. Những chỗ núi chằm thì có từng mùa nghiêm-cấm không được phá, phải theo phép giữ-gìn chớ không đánh thuế, đương lúc mùa cây cỏ mọc tươi tốt thì không được dùng đến búa rìu, không được đốt núi rừng; chuôm chằm không được đánh thuế độc, ao chuôm không được dùng lưới mau đánh cá. Những chỗ chợ búa cấm bán những đồ xa-xỉ, cấm làm những đồ giả-dối. Phạm những đồ ngọc khuê-bích, áo chường-phục, đồ tế-khi nhà tôn-miếu, và các đồ nhung-khi binh-xa, đều không được đem bán. Chỗ cửa quan-ải xét hỏi các đồ hóa-vật chở vào, đồ hóa-vật nào không do cửa quan mà đem vào lậu thì bắt thu lấy. Quan giữ tiền hễ thấy khi nào có đồ hóa-vật bán ế thì chiếu nguyên-giá mà mua lấy, để dành bán cho người khác. Người mua hóa-vật có khi cứ tính ra giá tiền, xem cái đồ mình dùng đáng giá bao nhiêu thì cứ trả dần mà chịu lãi, như mua những đồ tơ bông vải lụa, mỗi một vạn đồng thì ăn tiền thưởng được năm trăm đồng. Nếu gặp năm mất mùa, gặp lúc tang-lễ thì ở chợ cho làm vải mà không

đánh thuế. Dân tiêu tiền sợ khinh rẻ quá thì lại làm thứ tiền trọng-tê, nếu không dùng được tiền trọng-tê, thì lại làm thứ khinh-tê để thông-bành. Khi mất mùa đói kém thì cửa quan bờ dâm không đánh thuế, núi chằm cũng không đánh thuế. Vua mặc áo vải, bữa ăn không có đáng thức ngon, ngựa không được cho ăn thóc, vua ngự ra đường không bắt dọn-dẹp, tế nhà miếu không có treo chuông trống, quan khanh ra đông thóc ở nước ngoài, quan đại-phu không ăn thức ngon, không chễ làm xe, kẻ sĩ uống rượu không vui đùa. Nghề bách-công thì có quan công-sư định ra chương-trình hàng ngày đốc-thúc, nhưng cấm không được làm đồ dâm-xảo để cho mê đắm lòng người. Hằng năm đến tháng mạnh-dông thì hiến công, tất so-sánh các đồ-vật để dâng công, rồi ghi lấy tên người thợ, nếu công người thợ nào không xứng-dáng thì phải phạt.

Phàm dân những kẻ quan-quả có-dộc đều có cấp cho lương ăn. Người già năm mươi tuổi không phải đi phu-dịch, sáu mươi tuổi không phải đi lính, bảy mươi tuổi không phải ra tiếp khách, tám mươi tuổi thì một người con được miễn-dịch, chín mươi tuổi thì cả nhà được miễn-dịch, kẻ tàn tật phải nhờ người nuôi thì cho một người được miễn-dịch. Những người công lưng, kẻ uốn ngực, cầm diếc què lè, đui mù lùn-thấp, người nào cũng cho giữ một việc để nuôi thân.

Việc chi-dụng trong nước thì do quan chưởng-tề chế-dịnh, cứ xét trong một năm giống ngũ-cốc thu vào được bao nhiêu chia làm bốn phần thì để dành lại một phần. Khi nào gặp phải việc tang ba năm, cứ hội tính cái số để dành trong ba năm ấy chi dùng đi một phần trong mười phần. Quan chưởng-tê phải xét xem sổ-sách của quan tucối tính-toán có đích-dáng không, rồi

giao cho quan Nhạc-chính, quan Tư-khẩu, quan Tư-thị đều đem sổ sách cùng với quan Tư-cối lên trình vua. Vua và sáu quan Khanh nhận lấy sổ để dự-toán cái số chi-xuất sang năm, rồi báo ra cho biết.

Vua thiên-tử tự mình giữ tiết-kiệm, khi nào hội-yến uống rượu, đã có quan Tư-chính tính số cung-đốn, cứ phép thì vua cũng không được tự-chuyên lấy dùng. Bày tội ngồi hầu vua ăn yến, uống đến quá ba chén thì là vô-lễ. Lại đặt ra quan giám quan sử để xét-nét phạt những kẻ uống rượu say thất-nghĩ. Trên dưới đều nghiêm-trang có trật-tự. Vua thiên-tử không có kẻ chi nhiều hay ít, vua chư-hầu không có tính đến lợi với hại, đã làm vua trong một nước thì không nuôi trâu dê riêng, nhà quan đại-thần không nuôi gà lợn, nhà quan khanh không chứa tiền của, nhà quan đại-phu không làm vườn-tược, từ quan sĩ trở lên đều xấu hổ không nói đến điều lợi, không muốn tranh nghề nghiệp với dân. Kẻ sĩ thì đến họp chốn nhàn rảnh, kẻ công thì đến làm việc chốn quan-phủ, kẻ nông thì ra cày ngoài đồng nội, còn những kẻ tạp-hộ du-dân thì không được ở lẫn với kẻ nông-công để làm loạn mất phong-hóa. Những kẻ nào đi chơi đêm, đua đàn đi uống rượu đều bị phạt không được tha. Việc hình thì có năm : *mặc* 墨 là hình thich chữ vào mặt, *tị* 劓 là hình sẹo mũi, *phỉ* 剕 là hình chặt chân, *cung* 宮 là hình thiến, *dại-tch* 大辟 là hình chém, ấy là năm hình. Người nào bị tội nặng thì bêu ra ở ngoài đồng, người nào bị tội nhẹ thì yết ra ở trong triều. Tội bắt đi đầy là để khoan cho năm hình, tội bắt đánh đòn là phép quan-hình 官刑, tội bắt đánh roi là phép giáo-hình 教刑, tội cho chuộc tiền là phép thực-hình 贖刑, còn những kẻ nào lầm-lỡ thì tha cho, kẻ nào cố-ý làm ác thì phải giết. Kẻ

nào tội còn ngờ thì khép án nhẹ, kẻ nào công còn ngờ thì thưởng cho hậu. Hình-phạt không có bắt tội đến con cháu, tước thưởng thì thưởng cho đến đời sau. Khi hỏi kiện kết án, thì dụng thực tình mà tra hỏi, để xét nghĩ cho kỹ và rộng hỏi những lời khen chê của kẻ lại-dân, để định tội khinh trọng. Khi nào có án tử-hình thì các quan cứ phép mà nghĩ án, quan sĩ-sư cân nhắc thăng-bằng, rồi đến quan tam-công thăm xét lại tâu lên vua, vua còn ba lần bảo tha cho, lại bảo rằng hoặc kẻ có tội quên làm chẳng, rồi sau mới định án. Những người già tám chín mươi tuổi và những đứa trẻ tự bảy tuổi trở xuống đều có tội cũng không bắt chịu hình. Kẻ đàn bà bị tội thì không bắt giết ở chợ. Họ nhà vua và những người có quan tước, có tội cũng không đem chém ở chợ. Quan đại-thần có tội thì cho tự-tử, chứ không đem làm nhục. Những người hiền người tài và người có công-lao, người tân-khách khi bị tội cũng có nghị giảm. Những lúc gặp năm hung-hoang và khi tang-chế thì đều khoan xá hình-phạt. Mùa hè thì đem kẻ trọng-tù ra mà cấp thêm lương cho ăn. Phạm những kẻ dân nào làm hại ở chốn làng xóm thì bắt gọt đầu không cho đội mũ mà phải đi phu-dịch. Tội nặng thì phải phục-dịch một năm, vừa thì chín tháng, thứ nữa đến bảy tháng, hoặc năm tháng, tội nhẹ thì phải phục-dịch ba tháng, khi nào có làng xóm bảo-lĩnh cho thì được tha, nếu không thì vẫn phải để ở trong ngục, bắt làm việc mà dạy bảo, hễ biết đổi lỗi thì tha cho về, nhưng dân làng vẫn không thêm kẻ đến người ấy. Nếu ba năm mà không biết đổi lỗi lại vượt ngục ra thì phải giết. Kẻ sĩ-phu mà phải tội đồ thì khác, ở riêng một nơi không được ở lẫn với người thiện. Những kẻ bị tội đại-nghịch thì phải phá nhà đi làm thành ra ao để chứa

nước. Những học trò ở nhà Quốc-tử-giám, thụ-giáo chín năm, nếu không từng-giáo thì phải ruộng đuổi ra ngoài phương xa suốt đời không kể đến nữa. Những con nhà thường-dân vào học nhà Hương-học một năm, ở bên hữu học một năm lại di sang bên tả, bên tả lại di sang bên hữu, nếu không biến đổi tính-chất thì phải đuổi ra ngoài cõi giao, mà vẫn không biến đổi thì lại đuổi ra ngoài cõi toại, vẫn không biến đổi nữa thì lại ruộng đuổi ra ngoài phương xa, suốt đời không kể đến nữa. Cứ lệ chín năm một lần khảo-duyet. Những lúc xử kiện thì có quan sử để ghi chép lấy, tùy chỗ lượng đất xa gần định kỳ hỏi kiện, trong kỳ mới hỏi đến, còn ngoại - kỳ thì thôi. Những người nào đi kiện thì phải nộp tiền, rồi mới tâu vào trong triều phải nộp một bó tiền kể nào có oan ức thì được tư kêu lên, ở tòa quan lư-khẩu thì có hòm phế-thạch để đựng giấy, quan Thái-bộc thì có trống để cho những người đến khiếu oan đánh. Kể trai gái bị kiện thì hỏi ở nền xã-tắc của một nước vong-quốc, nhưng không tuyên lộ cái tội ra. Những người mệnh-phu mệnh-phu thì không phải giam trói trong ngục. Cuối năm sai các quan xét lại những sổ kiện-cáo án-tử, rồi đệ lên tòa Thiên-phủ. Ấy đại-khái cái pháp-chế trị nước là như thế còn các chế-độ trăm điều đều hay cả, có thể truyền được đến muôn đời, nhưng cũng nhiều điều sinh tệ.

Cả vua đời tam-đại có đặt ra phép dạy thế-tử, lúc mới đẻ ra đã dạy lấy lễ, quan hữu-tư phải trai-giới rồi dẫn đến bái kiến Thượng-đế ở nền Nam giao. Bà nữ-mẫu thì nuôi vú ba năm, nhưng lại chọn vợ quan sĩ hoặc thiếp quan đại-phu để giúp đỡ, phải chọn người nào có tính khoan-du g, từ-huệ, cần thận, mà ít nói, để làm thầy cho thế-tử, đều ở luôn với thế-tử, còn người khác thì

không được vắng-lai. Khi đã lập lên làm thái-tử rồi thì lấy tên đem cáo tổ-tông xã-tắc và các thần sơn-xuyên. Các quan qui-thích đại-thần và trai gái trăm họ không ai được đặt trùng tên với thái-tử. Khi thái-tử đã có tri-thức rồi thì cho ra ở ngoài, mười tuổi trở lên thì tới nhà ngoại - phò để học tập, đã có quan thái-phó, quan thiếu-phó để nuôi dạy đều hay cho thế-tử, lại có quan thái-bảo để giữ-gìn, quan thái-sư để dạy-dỗ. Khi thế-tử đã lớn thì cho vào nhà Thái-học để cùng học, lại phải kén những kẻ sĩ doan-chính trong thiên-hạ, người nào có nét hiếu-đễ, học rộng và có học-hạnh ấy thì được cùng cư xử ra vào với thế-tử. Khi thế-tử có lỗi thì trách-phạt những người cùng ở ấy để làm răn. Lại có quan sử để ghi điều lỗi, quan tể để coi cơm nước. Lại có cơ tình để dâng điều thiện, có bảng gỗ để viết lời phỉ-báng, có trống để báo sự can-ngăn. Lại có quan cổ đọc những bài thơ, kể công đọc những lời trâm, đều là để sửa chữa những chỗ thế-tử còn thiếu-thốn. Khi thế-tử lên ngôi thì dẫn ở trong cung cũng rước ra ngoài, lại khiến quan đại-thần đi đón rước về để lập lên, các vua chư-hầu và các quan khanh-sĩ đều ở ngôi để giúp-dỡ. Khi thế-tử chết thì tất lập người em cùng mẹ lên thay, nếu không có người em cùng mẹ, thì lập người lớn tuổi, tuổi đều nhau thì chọn người hiền hơn, nghĩa bằng nhau thì hễ bói được ai thì lập lên.

Phép lập bà hậu-phi, thì tất chọn lấy những dòng giống con nhà tiên-thánh nước chư-hầu lớn, không thì chọn lấy ở nước họ ngoại con nhà cậu; khi cưới bà phi lại có chị em họ đồng-tính cùng theo về gọi là đảng-thiếp 媵妾. Vua nước chư-hầu lấy bà phu-nhân cũng như lễ trên. Bà chính-đích mà mất đi thì bà thứ-phi nhiếp coi nội-sự, rồi thăng lên ngôi bà hậu, bà phu-nhân.

Trong cung lại còn hàng nữ-ngư là những kẻ cung-tần để hầu nhà vua. Các chúng-thiếp thì cứ sớm tối vào hầu. Lại có quan nữ-sứ để gọi công ghi quá. Về mùa tắm thì bà vương-hậu đóng-dà các kẻ mệnh-phu trong ngoài phải ra chậu tắm ở ngoài cõi bắc. Cấm đàn bà con gái không được trang sức quá, mà phải chăm việc tâm-tang. Cuối năm thì cho các bà dâng công, người nào làm tốt thì thưởng, xấu thì phải phạt.

Phép tôn-tộc thì thiên-tử phong cho các nước chư-hầu đều cho lấy tí h-thị. *Linh* 姓 thì cứ theo cái dòng của mình sinh ra, *thị* 氏 thì cứ theo cái tên phần đất của mình mà gọi. Vua chư-hầu thì lấy tên tự mà đặt cho các quan đại-phu, nên về sau cứ theo cái tên thụy của tiên-nhân mà chia ra từng tộc 族. Người nào làm quan đã mấy đời cơ công thì thành ra một quan-tộc. Trong các làng cũng phân ra từng họ, cơ họ đại-ông, họ tiều-tông. Họ đại-tông thì tuy cách xa đến trăm đời vẫn còn có trở, họ tiều-tông để trở đến năm đời thì thôi, từ ông cao-tổ trở lên là hết thân, lại biệt ra một tông thì không còn có phục nữa. Người trong họ công-tộc mà mắc tội thì ba lần xét để tha, nếu không tha được mới phải tội, vua cũng thương mà mặc áo trắng, đổi biển lễ thường mà ra ở ngoài, tùy kẻ thân sơ mà tặng cho đồ phúng, nhưng không đến thăm. Lễ tang thì để trở cha mẹ phải mặc áo tư-thôi, ăn cháo, tự vua thiên-tử cũng phải như thế. Kẻ sĩ-thứ mà có tang cha mẹ, khi mới mất, thì hàng xóm nấu cháo đưa đến cho ăn, chớ không dám ăn thịt nướng rượu. Lúc tế thì tùy cái lộc của người sống mà làm, lúc táng thì phải theo cái phẩm-lước của người chết mà cất đám chớ không được tùy ý làm đám ma cho hậu. Những đồ tre đồ sành, đàn cầm đàn sắt, kèn sáo, đều làm bằng gỗ gọi là minh-khí, nghĩa là

đồ của thần-minh, không dám phí của mà làm bằng đồ thật. Việc tế-lễ thì vua thiên-tử tế trời đất, vua chư-hầu tế thần xã-tắc. Nhà vua thì thân coi giết con sinh để tế giao tế đế, bà hậu thì thân coi giã gạo tế, dệt áo tế. Vua thiên-tử tế tiên tổ dựng ra bảy nhà miếu, vua chư-hầu được dựng năm nhà miếu, bốn mùa đều tế ở các nhà miếu ba năm thì hợp-tế ở nhà thái-miếu. Còn các lễ-nghi về việc lớn việc nhỏ đều sửa-sang đủ cả, trị-công đã hòa-hiệp mới làm ra nhạc-ca, gọi là nhã-nhạc, không để cho những âm-thanh tục-nhạc làm loạn được nhã-nhạc, mà tinh-tinh đều cảm về điều chính-dáng cả, thực là lo-liệu cho thiên-hạ đời sau rất là sâu-xa.

Từ đời Châu 周 đến nay, quốc-thống các đời nối nhau được là hai mươi ba triều, theo giữ cái chính-thê quân-chủ chuyên - chế, chia trong nước làm quân - huyện. Khi trị khi loạn bất-thường, mà chính-pháp phong-tục thì các đời sau đều không bằng đời Tam-dại. Đời Tam-dại trở về trước thì đạo đức tu-minh, có những các bậc thánh-nhân ra đời, đạo chấp-trung của vua Nghiêu 堯, vua Thuấn 舜, thì rất là trung-chính, truyền đến các vua Vũ 禹, Thang 湯, Văn 文, Võ 武, Châu-công 周公, Khổng tử 孔子. Từ Châu-công trở lên đều hết lòng vì vua cho nên chính-sự tốt, Châu-công trở xuống đều hết lòng vì dân cho nên luận-thuyết hay. Vua Nghiêu gọi ông Thuấn mà bảo rằng: « Thuấn kia, lịch-số trời trao ở thân người, người phải tin giữ lấy đạo trung ». Ông Thuấn cũng đem đạo trung ấy bảo ông Vũ rằng: « Nhân-tâm thì nguy-hiểm lắm đấy, đạo-làm thì huyền-vi lắm đấy, phải tinh-vi, phải nhất-tri mà giữ vững lấy đạo trung ». Vua Vũ nói rằng: « Làm vua không dễ, hết được đạo làm vua là rất khó, làm tôi không dễ, hết được đạo làm tôi cũng rất khó, phải sửa-sang chính-trị, để

cho lê-dân theo đức-hóa cho nhanh. » Vua Thang nói rằng : « Trời phú tính cho kẻ hạ-dân, ai ai cũng có tính lành, mà về phần giáo-dục thì phải nhờ về vua » Võ - vương nói : « Dân trông đến thì trời cũng trông đến, dân nghe theo thì trời cũng nghe theo. Dân mà có lỗi là lỗi tại vua. » Châu-công nói : « Người quân-tử lúc nào cũng không dám giơng chơi, phải biết việc nông-tang là khó nhọc, mà nhà-dân đều trông nhờ về đấy cả. » Vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Hạ Vũ, Văn-vương, Châu - công, đều là bậc thánh vốn tính tự-nhiên, vua Thang, vua Võ còn phải sửa lại mới giữ được bản-tính. Khổng-tử thì tập-dại-thành để làm phép cho muôn đời, thiên-hạ đều tôn, nên có nói rằng : « Từ vua thiên-tử cho đến kẻ thứ-dân, đều phải lấy tu-thân làm gốc. » Lại nói rằng : « Đạo ta chỉ có một lẽ mà suốt cả, là điều trung điều thứ mà thôi. » Lại rằng : « Người nào hay trị bỏ lòng riêng, mà giữ lấy lẽ công, thì tức là nhân. Đã là người vô tư-dục mà hay hoàn-toàn thiên-lý thì thiên-hạ đều khen là người nhân. Làm điều nhân tại mình chớ có tại người dẫu. Lúc nào cũng phải giữ cung-kính, khi ra cửa như là gặp quan khách, khi sai dân như là vào tế thần, phải có ý kính-cần. Điều gì mình không muốn thì không nên bắt người phải chịu. » Lại nói rằng : « Người quân-tử xử việc thiên-hạ, không chuyên- chủ hần, không cự-tuyệt hần, cứ theo nghĩa phải mà làm. » Lại nói rằng : « Người ta sinh ra bẩm-finh vốn ngay thẳng, những kẻ lừa dối mà sống được là may. Nếu sớm ngày được nghe điều phải mà buổi chiều chết cũng cam. » Lại nói rằng : « Khâu này kỳ-đào đã lâu, nếu ở trái đao mà phải tội với trời thì còn kỳ-đào gì nữa. » Học trò của Khổng có thầy Nhan Hồi là rất hiền, nhưng phải chết non. Khổng-tử có khen rằng : « I hầy Hồi không có giận người; nọ lại lấy đến người kia, đã

lầm lỗi lần trước không đến nỗi lại lầm lỗi đến lần sau nữa » Khi Khổng-tử mất rồi thì học trò tan đi các nơi, chỉ duy thầy Tăng-tử 曾 子 là hay truyền được đạo. Thầy Tăng có nói rằng : « Người quân-tử cốt nhất là phải giữ ba điều : Dáng dấp cử-dộng đứng có thô-bao khinh-mạn. Nhan-sắc phải cho chính-dính thực-thà. Từ-khi phát ra đừng có thô-bỉ trái ngược. » Tăng-tử truyền đến Tử-tư 子思 là cháu Khổng-tử. Tử-tư có làm ra sách *Trung-dụng* nói rằng : « Mệnh trời phú cho thì gọi là tính, nơi giữ lấy cái bản-tính ấy thì gọi là đạo, phải sửa-sang tu lấy cái đạo ấy thì gọi là giáo. Đã gọi là đạo thì không thể một lúc nào lia bỏ đi được, nếu còn lia bỏ đi được thì không phải là đạo. Vậy nên người quân-tử ở chỗ người ta không trông thấy cũng phải răn giữ cẩn-hận, chỗ người ta không nghe biết cũng phải sợ hãi lo nghĩ. Tuy rằng ẩn dấy nhưng mà thực là lộ, vì dấy nhưng mà thực là rõ, vậy nên người quân-tử lúc ở một mình cũng phải cẩn-thận. » Lại nói rằng : « Tự-nhiên chân-thành là đạo trời, phải cố gắng giữ lấy chân-thành là đạo người. Tự lẽ thành-thực mà suy sáng mãi ra ấy là bản-tính, tự suy sáng mới rõ lẽ thành-thực ấy gọi là giáo. Đã thành thì tất là sáng, đã sáng thì tất là thành. Thành là chung-thủy cho mọi việc, đã bất-thành thì không ra việc gì cả. Vậy nên người quân-tử phải lấy thành làm quý. »

Thầy Tử-tư truyền đạo đến thầy Mạnh Kha 孟 軻. Thầy Mạnh làm ra sách *bây thiên*, có nói rằng : « Người sĩ phải thượng-chí, phải giữ cái chí mình cho vững mà đừng bạo-dộng cái khí lên. Ta phải khéo nuôi lấy cái khí hiệu-nhiên của ta, cái khí hiệu-nhiên thì khó lấy lời nói mà hình-dung ra được. Nhưng tất phải chăm-chủ hàm-dưỡng dần-dà, chớ đừng vội mong mà dưỡng nó lên vội » Lại nói rằng : « Những điều không học mà đã hay là lương-

năng của người ta, không nghĩ mà đã biết là lương-tri của người ta.» Lại nói: «Hàn về tính thì theo như cũ, cho tính là bản thiện thì thuận mà phải hơn. Tính người ta ai cũng thiện, cũng như nước thì nước nào cũng chảy chỗ trũng.» Lại nói rằng: «Lễ mở vật đều đủ cả ở thân ta, ta xét lại thân ta mà hành-thực thì vui gì bằng. Cố giữ lấy lòng thứ mà làm, thì cầu đến đạo nhân để.» Mạnh-tử mất đi rồi thì không mấy người truyền được đạo-học. Tuy cũng có nhiều bậc thạc-học đáng khen, nhưng cũng không thoát khỏi cái phạm-vi của cổ-nhân.

Đời Tây-Hán có Đổng Trọng-Thư 董仲舒 là bậc thuần-nho, thường nói rằng: «Cái gốc lớn đạo là bản tự trời, trời bất biến thì đạo cũng bất-biến.» Đời Đôn-Hán có Hoàng Hiến 黃憲 hơi giống như ông Nhan Hồi 顏回. Những người danh-hiền là lũ Trần Phồn 陳蕃 bảo nhau rằng: «Trong khoảng độ hàng tháng mà không được gặp Hoàng-sinh, thì trong tâm mình lại sinh bỉ-lận bản lảm!» Quách Thái 郭泰 nói rằng: «Ông Thúc-Độ 叔度 độ-lượng mông-mệnh như nghìn dặm sóng, khuấy lên không thấy đục, để lắng cũng không thấy trong, không biết đầu mà tưởng được.» Đời nhà Tùy có Vương Thông 王通 thường dâng mười hai bài sách thái-bình, vua không dùng, ông bèn về dạy học ở trên sông Hà-phần, kẻ đệ-tử từ phương xa đến học đông như kiến, dạy được nhiều người hào-kiệt, về sau khởi lên giúp nhà Đường, thành được thịnh-trị năm Trinh-quan, năm Khai-nguyên. Đời Đường lại còn Hàn Dũ 韓愈, Lục Chí 陸贄 đều khen là bậc đại-nho. Hàn Dũ có nói rằng: «Rộng yêu ấy là điều nhân, làm mà đáng phải ấy là điều nghĩa, cứ theo một đường phải mà đi ấy là đạo, học-thức đủ ở mình mà không đợi ở ngoài ấy là đức.» Đến đời nhà Tống có Châu Đôn-Di 周敦頤, nhân-

phẩm rất cao, hung-hoài sai-lạc như là gió mát trắng trong. Thường làm ra sách *Thất-cực-dồ thuyết* 太極圖說 nói rằng: «*Vô cực nhi thái-cực*», 無極而太極. Người học-giả lấy lời nói ấy làm rất phải, bảo là hay nổi được thầy Mạnh-Kha mà truyền được đạo-học. Học trò là Trình Hiệu 程顥, Trình Di 程頤 là hai anh em mà cùng học giỏi. Thầy Trình Hiệu thì có công hàm - dưỡng chín-chấn, suốt ngày ngồi nghiêm-trang như ông bụt đất, thế mà cái khí hòa - nhã tinh - túy hiện ra nét mặt, học trò và các bạn giao-du, thường cùng qua lại, và mười năm trời không thấy lúc nào nổi nét mặt giận-dữ. Ông thường nói rằng: «*Tính vốn là lẽ trời, lẽ phải thì tự vua Nghiêu*» vua Thuấn đến người đi đường cũng đều một lẽ cả.» Khi ông mất tên thụy là Minh-đạo. Trình Di là người phương-chính giữ lễ cùng với học trò là Trương Tải 張載, Tạ Miên-Đạo 謝顯道 đều nổi tiếng một thời. Lại còn Thiệu Ung 邵雍 là người cao-minh mà hồn - hậu, không lộ khuê-giác, người nào chơi với ông lâu lại càng tôn-tin ông. Trình Di khen ông có cái học nội-thánh ngoại-vương Văn-vận đương lúc bấy giờ rất hưng-thịnh. Đến đời Nam-Tống có ông Chu Hi 朱熹 là người học-vấn sâu-xa, học cốt cùng-lý trí-tri, thực-hành thực-tiễn, mà lấy điều kính làm chủ, kẻ học-giả tôn theo nhiều lắm. Bạn ông Hi là Lã Dĩ-Khiêm 呂祖謙 cũng đều nổi tiếng với ông Hi, khi ông mất rồi tên thụy là Văn-công. Người đời sau bàn rằng: «*Từ khi nhà Châu dời sang bên đông thì có đức Khổng-tử sinh ra, nhà Tống dời sang bên nam thì có ông Văn-công sinh ra.*» Đồng-thời với ông Chu Hi lại có Lục Tử-tĩnh 陸子靜 là người rất mực thông-minh, chê ông Hi học chi-li quá, có nói rằng: «*Việc trong vũ-trụ đều là việc phận-nội của mình, việc phận-nội của mình đều là việc*

trong vũ-trụ ». Lại nói rằng : « Đông-hải có sinh ông thánh ra, nếu cùng một tâm thì đều cùng một lý cả, cho đến Tây-hải, Nam-hải, Bắc-hải có ông thánh - nhân sinh ra cũng đều cùng một tâm-lý ấy cả. Trên trăm nghìn năm có ông thánh-nhân sinh ra, đồng thủ-tâm đều là đồng thủ-lý ; dẫu đến sau trăm nghìn năm có ông thánh-nhân sinh ra, đều cùng một tâm-lý ấy cả. » Lại nói rằng : « Người ta có tai có mắt thì vẫn có thông-minh, thờ cha thì phải hết đạo hiếu, thờ anh thì phải hết đạo đễ, vốn không khiếm khuyết được, mà cũng không phải đi cầu ở đâu, chỉ tại mình tự-lập mà thôi ». Học-trò theo học rất nhiều. Sau lại có Trần Lượng 陳亮 chỉ suy-tôn Vương Thông bảo rằng sau thầy Mạnh-tử chỉ có Vương Thông mà thôi. Lại nói rằng : « Đi học thì phải suy cùng nghĩa-lý tinh-vi, biện-bác cò-kim đồng-dị, xét tâm mình cho cần-thận, so-sánh nghĩa-lý từng li từng tí, phải tích-lũy dần mà hàm-dưỡng lâu, rồi sau phát-hiện ra nét mặt tự-nhiên hòa-nhã, học đến như thế thì ta còn kém. Còn như trận bày đường-chính, gió mưa sấm chớp phát-sinh, rồng rắn hồ beo biển-hiện, mà tâm-hung vẫn bao-la thiên-cổ, trí-dững hay khuynh-đảo một đời, ta cũng hơi học được như thế! » Ông có ý bài bác ông Chu Hi và ông Lã Tử-Khiêm. Song đại-đề học trò đời Tống đều tôn-trọng ông Chu Hi và ông Lục Tử-Tĩnh, đua nhau giảng bàn tâm-tính. Đời Nguyên có Hứa Hành 許衡 khéo dạy người, bảo rằng người ta nhân có giác thì mới rõ được điều thiện, nhân hiểu rõ được điều thiện mới khai được điều ngu. Tiết Tuyên 薛瑄 dạy học trò bảo trước phải lực-hành rồi sau mới đến văn-nghệ, mà đề lòng về chốn cao-minh.

Trần Hiến-Chương 陳獻章 có công học hàm-dưỡng rất thuần-thục, nói rằng : « Phải bỏ những điều phiền đi mà cầu lấy điều ước, cứ ngồi yên lặng ít lâu thì tự-nhiên xét thấy cái tâm-thể của mình ần-nhiên trình-lộ ». Vương Thủ-Nhân 王守仁 học cũng giống như Lục Tử-Tĩnh, mới xướng lên cái thuyết lương-tri bảo rằng : « Tri-hành hợp-nhất, đã tri thì tất là hành được, chứ không khi nào biết mà không làm được bao giờ. » Lại rằng : « Đạo của thánh-nhân dù cả ở trong bản-tính người ta, nếu hiểu-sự nói bày vẽ ra thì không phải, mà cứ xét lẽ ở các sự-vật thì đều làm cả. » Thiên-hạ đều tin theo cái thuyết ấy. Cái tâm-pháp tương-truyền về đạo-học càng suy cùng thì càng tinh mãi ra, nếu mà lại lập ra môn-hộ khác thì không đủ kể nữa. Nói rút lại học-thuyết từ ông Mạnh-tử trở về sau thì các học-giả chỉ giảng bàn về những chương-cú văn-tự và tâm-pháp tương-truyền mà thôi, chứ còn như cái đạo an-dân tế-thế của đấng tiên-vương thì đều không bàn đến cả : cũng có người giảng bàn đến cái thuyết ấy, nhưng lại phụ-hội xuyên-tạc, không hay châm-chước đề thi-thố ra cho hợp-thời, chỉ than rằng đời sau không khi nào kịp được cò-nhân, nếu có người khá thì mới làm được chính-sự hay, không có người khá thì chính-sự hay cũng vụt đi. Than ôi ! Từ đời Châu đến đời nay cũng cùng một thế-giới, sao đời kim không bằng đời cổ, thực khá thương thay. Đại-lược Trung-quốc lịch-sử là như thế, tôi tóm-tắt lại đây không dám vi với các bậc tiền-bối. Nhưng so với các sách ở Tây-phương dịch ra thì cũng có phần yếu-ước hơn.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU DỊCH

THIÊN-NAM BẢO-LỤC DIỄN-CA (1)

III

敬宗懦弱。鄭松嚴苛。
東津計漏。內殿鞠查。

Vua Kinh-tôn chịu bề thế bức,
Chúa Trịnh Tông càng nhưc uy
[thiêng ;

Ngang đường sùng nỗ tự-nhiên,
Đông-tân kể lỵ trong đền hỏi tra.

神宗繼承。平安追寵。
丹穴見薰。曾無哀痛。

Vua Thần-tôn dựng ra thừa-tập,
Chúa Bình-an tôn lập tin yêu :

Hang sơn thấy ngải hun vào,
Từng không đau-dớn lại theo tôn-sùng.

文階參錄。籌賚居多。
中興績奏。靖難寵加。

Nguyễn Văn-Giai mản nhung kể sách,
Việc quân-cơ lính vạch rất nhiều ;

Giúp nên giữa dấy công cao,
Sức an giúp nạn ân trao công-thần.

阮實清醇。事君盡道。
諫納玉帛。尋加國老。

Nguyễn Thực tinh thanh-thuần-
[chính-trực,

Lòng thờ vua rất mực trung-thành ;
Liên can nạp ả Ngọc-Hành,

Gia ngôi quốc-lão nên danh cao-hiễn.

真宗受禪。鄭樛持綱。
神宗復辟。明帝封王。

Vua Chân-tôn chịu truyền tị tuổi,
Chúa Trịnh Tráng noi nổi tước
[vương ;

Thần-tôn trở lại ngôi hoàng,
Minh-triều mới cải quốc-vương phong
[hiền.

樛掌兵權。明求象騎。
明封副王。杜益得志。

Chúa Trịnh giữ quốc-quyền tông-
[chuồng,

Nhà Minh cầu binh-tượng giúp sang ;
Gia ban sắc ấn phó-vương,

Minh nay phong Trịnh Trịch càng vinh-
[hoa.

玄嘉襲位。鄭柝持衡。
設座御右。贊拜不名。

Vua Huyền đến vua Gia trị nước,
Chúa Trịnh là chúa Tạc phủ đời ;

Bèn vua đặt ghế sánh đôi,
Vào châu không lạy dấng lời không tên.

熙宗晉光。鄭根裁決。
克復高平。掃除莫燹。

Vua Hi-tôn thừa truyền nghiệp thịnh,
Chúa Trịnh Côn tài-dịnh chính to ;

Cao-bằng được lại bốn châu,
Quyết trừ rễ Mạc tôn-phù-ho Lê.

裕宗受禪。政出鄭榻。
古碑立府。制度更張。

Truyền mối lớn trao về vua Du,
Cầm quyền to lại có chúa Cương ;

Cổ bi mời lập phủ-đường,
Binh-dân tài-phú mở mang thi-hành.

阮邁神明。爲政簡易。
擒伏發奸。山西作記。

Nguyễn Mai-Tượng thần-minh thánh-
[đoán,

Làm việc dùng thanh-giản khoan-
[nhân ;

Tài hay vạch giấu móc gian,
Bài ghi đức-chính lưu miền Sơn-láy.

士 邈 慷 概。無 二 直 臣。
鄭 逼 內 禪。十 事 啓 陳。

Bùi Sĩ-Tiêm thẳng ngay chẳng hối,
Bác trực-thần có một không đôi ;

Trịnh mưu đổi dựng nhương ngôi,
Mở bày mười việc can thôi một chiều.

永 慶 先 傳。鄭 枉 誣 廢。
再 立 純 宗。肆 行 專 制。

Vua Vĩnh-Khánh dời vào dựng trước,
Chúa Trịnh Giang chứng thác bỏ liền ;

Thuần-tôn Giang lại dựng lên,
Phúc-uy chuyên giữ chính-quyền ở
[trong.

懿 宗 虛 位。鄭 枉 假 封。
賈 盈 雷 降。穴 地 爲 宮。

Vua Ý giữ đồ không an-tọa,
Chúa Giang làm sắc giả man-phong ;

Tội dầy sét giáng hư không,
Huyệt hang tỉnh-địa làm cung thờ-ông-
[chì.

鄭 擅 襲 封。賈 怒 請 赦。
擇 賢 輔 之。稽 其 福 力。

Lũ Qui-Cảnh xin tui để-sắc,
Chúa Trịnh Doanh tập đặc vương-
[quyền ;

Muốn cầu hiền-đức tôn lên,
Nương nhờ phúc lớn vững bền quyền
[thêm.

顯 宗 兆 應。鄭 擅 僭 扶。
掃 清 亂 略。拔 用 文 儒。

Vua Hiến-tôn ứng điềm mộng khác,
Chúa Trịnh Doanh định tháp phủ lên ;

Cáo rừng chuột núi dẹp yên,
Cắt dùng nho-nhã giúp nên thanh-bình.

吳 仕 文 臣。諒 山 出 錢。
流 民 旁 招。荒 田 開 墾。

Quan Ngô-Sĩ dương-danh văn-mạc,
Trấn Lạng-sơn nhiệm chức tuần-
[tuyên ;

Tùy phương điều-tễ dân an,
Triệu đoán dân tán vỡ miền ruộng
[noang.

廷 重 儒 將。追 變 逆 梁。
乂 安 督 率。士 民 立 祠。

Phạm Đình-Trọng tài lương nho-
[tương,

Bắt giặc Cầu khao thưởng đại-quân ;
Nghệ-an đốc-suất như thần,

Địa-phương an tỉnh thổ-dân lập đền.

鄭 森 專 權。凶 悖 無 道。
絕 謁 殺 儲。廢 長 立 少。

Chúa Trịnh Xám chuyên quyền ròm-
[rời,

Càng hung-hăng trái lời đạo thờ-ông ;
Đứt triều-lễ giết trừ-hoàng,

Bỏ con đích trưởng dựng hàng thứ-chi.

惡 浮 操 懿。睥 睨 皇 圖。
上 求 封 表。嚙 武 紹 扶。

Quá Tào Tháo hơn Tư-mã Ý,
Phụ ác-danh gấp-nghé đồ hoàng ;

Cầu phong dâng cần biểu-chương,
Đạn-dò Võ Thiệu tùy phương hộ-thành,

洞庭表焚。靖 王 事 混。
果 若 程 言。奉 佛 喫 餒。

Võ Thiệu đến Động-đình đốt biểu,
Trịnh-vương thôi đành chịu tác-ư ;

Lời Trịnh-công nói chẳng hư,
Bụt thờ thì cúng oản thừa thì ăn.

鄭 椿 偏 立。三 府 兵 圍。
尊 扶 鄭 楷。阮 惠 破 之。

Trịnh Cán bé tư-tình lập chủ,
Gặp phải quân ba phủ phá ngang ;

Tôn-phủ Trịnh Khải chủ-trương,
Tây-sơn đánh đuổi Nguyễn Trang bắt
[liên.

惡 帝 登 光。鄭 棡 臨 位。
阮 整 逐 之。鄭 家 滅 矣。

Vua Mãn-đế cải-nguyên Chiêu-thống,
Trịnh Phùng ra cư chống vây thành ;

Vua vờ Nguyễn Cảnh về Kinh,
Cảnh ra đuổi đày Trịnh đành mất tai !

鄭 十 二 主。擅 執 國 權。
非 帝 非 伯。二 百 餘 年。

Trịnh truyền tập mười hai đời chúa,
Giữ quốc-quyền cung-phủ thành-thời ;

Chẳng để bá cũng nghiêng trời,
Hai trăm ngoài lễ bốn mươi năm trường.

阮整威揚。西山疊起。
黎帝北奔。黎基南墜。
Đến Nguyễn Chính uy-dương lĩnh-
[lấy,

Đề Tây-son phán dậy góm-ghe ;
Gặp Tôn-Sĩ-Xác thơ đề,
Vua Lê ra trốn nghiệp Lê sa cùng.

燕臺中露。編鞞相隨。
黎黎昕維。案日肇陳。
Buổi Yên-dài ở trong sương-tuyết,
Cương-cường cùng một tiết trung-
Lê Duy-Án với Lê Hán, [quán ;
Nguyễn Viêt-Triệu với Lê Văn-Trương
[cùng.

黎允文張。黎松黎式。
阮允阮恭。如松啓德。

Lại Lê Doãn, Lê Tùng, Lê Thức,
Trần Huy-Phấn Khải-Đức hiệp-đồng;
Bế Nguyễn-Doãn, Bế Nguyễn-
[Cung,
Lê Qui-Thích, Phạm Như-Tùng theo
[sang.

國棟貴適。益曉廷縣。
迂衡令胤。黎灝文涓。

Nguyễn Quốc-Đống cùng Hoàng Ích-
[Hiệu,
Đình Nhạ-Hành, Lê Hiếu tâm kiên ;
Đình Lệnh-Dận, Nguyễn Đình Miên,
Mã-đồng là Nguyễn Văn-Quyền hết lòng.

黎個嘉猷。鄭憲黎值。
四人同心。髮不肯薙。

Lê Quỳnh mưu hợp-đồng Lê Trị,
Trịnh Hiến gan cùng Lý Gia-Du ;
Bốn người cùng một tinh-u,
Tóc dài chẳng gióc gan to vẫn bền.

黎朝前後。二十六傳。
歷該三百。五十七年。

Xem lịch-số Lê tiền Lê hậu,
Ngôi truyền hai mươi sáu đời vua ;
Lịch-niên trải ba trăm thu,
Lại năm mươi bảy niên-chu vững bền.

午日當天。阜元持統。
兆協童謠。光平勳衆。

Câu « Ngô-nhật dương thiên » hát
[thông,
Tiếp « Phu nguyên tri thống » liên-
[thank ;

Ứng diêm trẻ hát linh-linh,
Tây-son dậy đất Quang-Bình nổi quân.

一舉滅鄭。再舉破清。
君權整頓。國統持撐。

Thứ trước nổi một lần đánh Trịnh,
Thứ sau ra một trận phá Thanh ;
Anh-hùng vụt dậy tung-hoành,
Giữ bền mỗi nước dựng thành quyền vua.

光中紀元。武人得志。
催集簿民。圖恢淪地。

Quang-trung mới cải đồ nhuận-vi,
Võ-nhân càng đắc-chí thịnh-danh ;
Bắt khai tên bạ ruộng bình,
Ráp thu đất hãm vào Thanh những
[ngày.

光續襲位。景盛改元。
僞西二世。纔十四年。

Quang-Toản nối ngôi nay sa sút,
Cảnh-thịnh xưng hiệu phát biển ròi ;
Ngụy-tây truyền-tập hai đời,
Trước sau sẩy được vừa mười bốn niên.

本朝肇基。鎮順廣始。
拓東浦疆。開占城地。

Bản-triều khởi gáy nền đế bá,
Tự Quảng-nam Thuận-hóa dấy ra ;
Cối bờ đẹp mở rộng xa,
Đẹp vào Đông-phố mở ra Chiêm-thành.

豪傑歸附。土宇保安。
兵強財富。二百餘年。

Ngoài hào-kiệt hiệp-tình qui-phụ,
Trong đất dân vui thú hi-phong ;
Hai trăm hai mươi năm rông,
Quán rèn mạnh mẽ của dùng giàu thay.

世祖龍興。富春鼎定。
日月光華。山河明盛。

Vua Thế-tổ rồng bay bệ thánh,
Kinh Phú-xuân vạc định thành vàng;

Mặt trời tỏ mặt trăng quang,
Bề cang êm sóng núi cang lạnh máy.

越南改號。嘉隆建元
版圖經畫。十有八年。

Việt-Nam định đổi thay hiệu nước,
Gia-long tôn dựng trước kỷ-nguyên;

Bản-đồ sửa vạch vẽ truyền,
Trị vì mười tám năm liền quang hoa.

大定云初。諸臣功最。
宗性文誠。與宗室會。

Xưa chán-chúa dấy ra đánh dẹp,
Các tướng-thần hội-hợp kinh-doanh;

Vũ Tôn-Tĩnh Nguyễn Văn-Thành,
Cùng Tôn-Thất Hội-tổng-chính hiệu cần.

左軍文悅。贊理陳常。
右軍黃德。中軍文張。

Lê Văn-Duyệt tả-quân tài trí,
Đặng Trần-Thường tán-lý đảm-đang,

Nguyễn Hoàng - Đức hữu - quân
[cương,

Trung-quân là Nguyễn Văn-Trưng
[tài lãnh.

聖祖振興。憂勤庶政。
改號大南。紀元明命。

Vua Thánh-lô nghiệp bình đức dấy,
Việc lo siêng ngày thấy tinh-hoa;

Tân-quân tân-chính đổi ra,
Kỷ-nguyên Minh-mệnh nước là Đại-

[Nam.

經理清乂。保護高綿。
神功聖德。二十一年。

Cõi Thanh Nghệ sửa làm qui-củ,
Nước Cao-miên bảo-hộ an-hòa;

Thần-công thánh-đức bao xa,
Trải hai mươi một năm ra thanh-bình.

公著營田。開荒立邑。
鏡海金山。二縣別立。

Nguyễn Công-Trừ kinh-doanh điền xứ,
Chiêu lưu-dân về ở khai-hoang;

Dựng ra hai huyện tân-cương,
Một đường Tiền-hải, một đường Kim-

[sen.

憲祖嗣位。紹治紀元。
修文振武。守成七年。

Vua Hiến-tô triều ban ngự-vị,
Cải-nguyên là Thiệu-trị thánh-quân;

Nhức việc võ sửa việc văn,
Bảy năm xưng trị muốn dân nức lòng.

傳帝翼宗。紀元嗣德。
成憲式遵。民風敦飭。

Truyền đến vị Đức-tôn dấng-cực,
Dựng ra năm Tự-đức kỷ-nguyên;

Hiếu-văn giữ nghiệp dựng nên,
Nhân noi phép cũ vạn-loàn thói dân.

崇信儒學。察舉英賢。
歐西和好。三十六年。

Đốc một mực tin cần nho thuật,
Đặt mười điều xét cát hiền-tài;

Áu-tây thông-hiểu hòa-hải,
Trải ba mươi sáu năm dài ung-dung.

傳祚簡宗。改元建福。
咸宜蒙慶。宗臣窘蹙。

Truyền nghiệp lớn Giản-tôn tự-tục,
Cải-nguyên năm Kiến-phúc canh-tân;

Vua Hàm-nghi bước gian-truân.
Vị tôn-thần phải mông-trần long-đoan,

景宗承緒。同慶紀元。
陸隣守國。在位三年。

Nói dựng vua Cảnh-tông thụ-mệnh,
Đời ra năm Đồng-khánh kỷ-nguyên;

Thanh-bình ngự vị ba niên,
Giao-hòa nước lớn giữ-gìn dân đen.

成泰登尊。國家興旺。
十有九年。深宮安養。

Vua Thành-thái lớn lên vững-vắc,
Hồi quốc-gia dấy đức rầm rầm;

Trị vì mười lại chín năm,
Tôn như ởng ngôi báu yên nằm cung sáu.

皇上受禪。維新建元。
保護施設。政策完全。

Ngôi hoàng-thượng nối sau thụ-thiện,
Hiệu Duy-tân sáng kiến kỷ-nguyên;

Trên ơn Nhà-nước giúp nên,
Sửa sang chính nước chu-tuyên việc

[dân.

火車火輪。鐵橋鐵路。
閱文字座。著生死簿。

Hỏa-xa với hỏa-luân kiên-cố,

Thiết-kiều cùng thiết-lộ chỉnh-trang ;

Duyệt văn-tự ở sử đường,

Giá-hòn sinh-tử khai tường bạ quan.

設會議院立審案座。
定學試法。教格致科。

Hội Nghị-viện họp bàn lợi ích,

Thẩm-án-tòa thẩm-thính công đang ;

Phép thi phép học cải-lương,

Day khoa cách-tri mở đường đồng-
[móng.

教學普通。耕農技藝。
官吏章程。兵丁條例。

Phép dạy học phổ-thông đã thể,

Cuộc canh-nông kỹ-nghệ mở-mang ;

Chương-trình quan-lại đình tường,

Đặt điều quân lính phân hàng đỏ xanh.

置同文館。開關巧場。
郵政商局。醫院福堂。

Đồng-văn-quán nhất-trình ấn xuất,

Đấu-xảo đường đi vật bày ra ;

Nhà bưu-điện cục thương-nha,

Đựng lên y-viện đặt ra phúc-đường.

百事恢張。九年稱治。
啓定承傳。國家護理。

Trên trăm việc mở mang phấn phát,

Trong chín năm ngợi hát hưng-long ;

Truyền vua Khải-dinh thiên-thông,

Được Nhà-nước giúp mở công-ích nhiều.

金錢通鑄。泉貨充盈。
土田擴度。租稅公明。

Tiền đồng đúc thông tiêu tiền lợi,

Của báu nhiều tấn-lời tranh đua ;

Xa gần ruộng đất trích đo,

Cối bờ minh bạch thuế tô công-bằng.

開設水涇。入興農事。
培築湖堤。提防洩水。

Mở máng nước nước hằng đầy đầy,

Tiền mùa nông nóng thấy phong-
[nhương ?

Năm năm bồi đắp đê đường,
Phóng ngựa nước lụt giữ giàng việc
[nông.

會同設置。風俗改良。
衛生傳播。合濟開張。

Đặt tộc-biểu hội-đồng trừ nghi,

Đem dân-phong xa-phi cải-lương ;

Vệ-sinh truyền khắp địa-phương,

Đựng nhà hợp-tế mở đường dục-anh.

登秩百神。覃恩列辟。
庶績咸熙。十年多益。

Thông cả nước thần-linh phong sắc,

Khắp ba kỳ quan chức giá ân ;

Nhiều đường ích nước lợi dân,

Mười năm chính-trị muôn phần tinh-hoa.

右言世次。略述史書。
欲詳國事。須讀地輿。

Trở lên trước nói là thế thư,

Nói từ xưa chép ở sử thư ;

Muốn xem việc nước bây giờ,

Sử Nam nên biết địa-dư nên tường.

南國山河。天書定分。
地接揚荊。星分翼軫。

Ngâm tự cổ Nam-bang phân dã,

Ở thiên-thư vốn đã định ra ;

Trên tinh-tú dưới san-hà,

Sac là Dục Trần đất là Kinh Dương.

歷朝區畫。四至提封。
長於南北。短於西東。

Trải triều trước mở-mang mấy lớp,

Định cõi này tiếp-giáp bốn bề ;

Hình như nhất cống nhị ky,

Dài về nam bắc ngắn về tây đông.

北廣雲疆。西牢營界。
南運羅灣。東中國海。

Mặt bắc giáp cõi trong Vân Quảng,

Phương tây liền biên-khoảng Lao
[man ;

Cối nam đến Xiêm-la-loan,

Bề đông gần bề ngoài ven nước người.

地卅一萬。千百箕臚。
民皆餘兆。人物頗稠。

Mặt đất rộng ba mươi mốt vạn,
Một nghìn thêm trăm món ki-lô ;
Quốc-dân nhân-số và trừ,
Hơn hai mươi triệu kể do tự thời.

國分三圻。曰中南北。
京外四支。兩畿兩直。

Nước nay định ba kỳ cương-vực,
Giữa là Trung ngoài Bắc trong Nam ;
Kinh thành bốn mặt chia làm,
Tả-hữu-kỳ nọ bắc-nam-trực này.

中十二省。面海背山。
承天清化。河靜又安。

Mười hai tỉnh ở nay trung giới,
Bề mặt tiền mà núi sau lưng ;
Thừa - thiên Thanh - hóa giữa
[chùng,
Một rằng Hà-lĩnh một rằng Nghệ-an.

平定慶和。廣南廣義。
平順富安。廣平廣治。

Khánh-hòa lại một bên Bình-định,
Bình-thuận nay cùng tỉnh Phú-an ;
Quảng-nam Quảng-ngãi gần liền,
Kia bên Quảng-trị nọ bên Quảng-binh.

名西貢者。號南圻焉。
邊和巴地安江河仙。

Vào trong ấy nhất danh Tây-cống,
Thuộc cõi kia hiệu thống nam cương ;
Biên-hóa Bà-ri-a đôi phương,
Hà-liên một dải An-giang một vòng.

碧巖西宇。龍川朱篤。
朔庄北遼。澗箋沙的。

Tây-ninh thẳng đến trong Chợ-lớn,
Châu-đốc quanh vào mạn Long-
[xuyên ;

Sóc-trang cùng Bắc-liêu liền,
Kia miền Sa-đéc nọ miền Bến-tre.

新安嘉定。定祥永隆。
芹苴瀝架。美湫暹公。

Tân-an giáp một bề Gia-định,
Vĩnh-tường nay ra lĩnh Vĩnh-long :

Kia Mi-tho, nọ Gò-công,
Qua vùng Rạch-giá sang vùng Cần-thơ.

一是綦綦。二十一省
外屬北圻。舊新分定。

Ky-trà mới đặt từ tân-định,
Gồm hai mươi một tỉnh cõi Nam ;
Choài ra cõi Bắc nhận xem,
Chia xan cũ ấy đặt làm mới ra.

河東河內。福安北寧。
宜光富壽。廣安寧平。

Hà-đông ấy xưa là Hà-nội,
Phúc-an này gần cõi Bắc-ninh ;
Tuyên-quang Phú-thọ liền quanh,
Quảng-yên hải-đảo Ninh-bình sơn-châu.

河南舊南。北江前北。
和平西邊。海寧東極。

Hà-nam trước cõi đầu Nam đó,
Bắc-giang xưa đất cũ Bắc đày ;
Hòa-bình lĩnh mở phía tây,
Hải-ninh mới đặt ở rày cực-đông.

太原北潁。高平諒山。
老街安沛。山西永安。

Thái-nguyên giáp liền vùng Bắc-kạn,
Cao-bằng bên trên mạn Lạng-son ;
Sơn tây liền cõi Vĩnh-an.
Ngược lên Yên-bái thẳng hoàn Lão-nhai.

建安海陽。太平南定。
中界興安。二十四省。

Thái-bình giáp mặt ngoài Nam-định,
Kiến-an liền dưới lĩnh Hải-dương ;
Hưng-yên cõi giữa trung-trương,
Hai mươi bốn tỉnh địa-phương Bắc-kỳ.

三圻山嶺。一帶岷巖。
溯其發脉。皆自雲南。

Ba cõi đột nguy-nguy đất núi,
Một giải cao vòi-vòi trời nam ;
Nhận từ mạch phát ra xem,
Đều là khởi tự Vân-nam dẫn hoán.

廣平橫山。慶和大嶺。
廣南海雲。又安鴻嶺。

Quảng-bình núi Hoành-son trung-
[chính,

Khánh-hòa non Đại-đỉnh chénh-vènh;
Quảng-nam Thiên-hiêm Hải-vân,
Vút cao Hồng-linh đầu phần Nghệ-an.

安江臺巽。嘉定婆丁。
邊和龜嶺。西寧西寧。

An-giang ngát một làn Đai-tốn,
Gia-định cao kia chốn Bà-đình ;
Tỉnh Tây-ninh núi Tây-ninh,
Non là Qui-linh cõi danh Biên-hòa.

藍山那山。清化岌業。
轉出寧平。名為三疊。

Núi Lam cùng núi Na kia nữa,
Tỉnh Thanh là tỉnh giữa cõi đây ;
Bắc-kỳ chuyển đến ngoài này,
Núi là Tam-điệp cõi nay Ninh-bình.

海陽安子。建安塗山。
太原三島。山西傘圓。

Hải-dương cảnh u-thanh Yên-tử,
Kiến-an màu thú-vị Hồ-sơn ;
Núi Tam-đảo tỉnh Thái-nguyên,
Sơn-tây sơn-sắc Tản-viên lãn-hình.

高廉該荆。諒山峻嶺。
韜山砮街。廣安絕頂。

Cao-liêm cùng Cai-kinh hai núi,
Tỉnh Lạng-sơn cao chói ngát trời ;
Nào Thao-sơn nào Mang-nhai,
Ấy là tuyết-đỉnh ở ngoài Quảng-yên.

高平聳峭。高察高皇。
老街律萃。詞繡詞儉。

Cao-bằng đột Cao-sơn bát-sát,
Cao-hoàng cùng Cao-sát treo-leo ;
Lão-nhai hai ngọn cao-cao,
Kìa non Từ-xô nọ đèo Từ-sang.

維河及江。分支別派。
涓公珥河。血脉最大。

Sông nước khắp địa-phương thông
[đạo,
Dòng thứ từ thiên tạo phân ra ;
Mê công-hà với Nhị-hà,
Nguồn ra xa lắm mạch là lớn ghê.

中南圻界。有涓公河。
源西藏出。支派尚多。

Trung-kỳ đối Nam-kỳ giáp-giới,
Mê công-hà một dải xuyên ngang ;
Nguồn ra từ xứ Tây-làng,
Chia dòng ngang dọc chuyển dằng gàn
[xa.

邊和福隆。廣義茶曲。
永隆新洲。安江朱篤。

Tỉnh Quảng-ngãi dòng Trà-khúc đục,
Xứ Biên-hòa dải Phúc-long sáu ;
Vinh-long sông Hậu Tân-châu,
Sông Tiền Châu-độc cõi đầu An-giang.

柴根嘉定。灑江廣平。
藍江屬乂。馬江屬清。

Ngọn Sài-gòn giữa phương Gia-định,
Cửa Linh-giang trong tỉnh Quảng-
[bình ;

Lam-giang tỉnh Nghệ cầu quanh,
Mã-giang dằng-dặc tỉnh Thanh dài dài.

北圻諸江。珥河爲大。
源出雲南。流通境界。

Xứ Bắc-kỳ mọi nơi giang độc,
Sông Nhị-hà là gốc đại-xuyên ;
Từ Vân-nam xứ phát-nguyên,
Chảy thông trong cõi chuyển-truyền
[các chi.

興安涿口。南定滌江。
沱流興化。瀘繞宜光。

Lạc-giang rẽ ngã đi Nam-định,
Lộc-khâu phân dòng chính Hưng-
Lô là sông cả tỉnh Tuyên, [yên;
Sông Bờ Hưng-hóa hiệu nguyên sông
[Đà.

太平關東。天德居北。
廣安白藤。北江日德。

Bắc-ninh nọ sông là Thiên-đức,
Hải-dương kia sông tức Thái-bình ;
Bạch-đồng ngoài Quảng-yên-
[thành,
Này sông Nhật-đức phân ngành Bắc-
[giang.

六頭湊會。東海湍奔。
三圻海汛。百州七門。

Sông Lục đầu dọc ngang sáu ngọn,
Bề Đông-minh hợp hỗn một dòng ;

Ba kỳ ngàn bề tinh-thông,
Trăm ba mươi bảy cửa trong cửa ngoài.

田土膏腴. 農桑便利.
土貨富饒. 物華秀美.

Rượu đất khắp nơi nơi mường mỡ,
Lúa dàu liền thửa thửa mào-nùng ;

Cửa trong vùng đất phú-phong,
Vật nuôi sinh lắm màu trồng tốt ghé.

清化之桂. 慶和之椅.
土蝦桂蠶. 鐵木荔枝.

Nhân quế ấy thờ nghi Thanh-hóa,
Kỳ nam kia vật lạ Khánh hòa ;

Nào quế đở nào thờ-hà,
Gỗ là thiết-mộc quả là lệ-chi.

花石瑋琛. 珍珠玳瑁.
植物成林. 動物成隊.

Đá hoa nọ cùng thì chai sắt,
Ngọc châu kia cùng sắc đôi-mỗi ;

Thực-vật sầm-uất nên đời,
Chứa-chan động-vật dầy dôi ngày thêm.

承天香米. 北寧香粳.
嘉定黑稻. 穀米有名.

Thừa-thiên có gạo thơm hương-mễ,
Bắc-ninh thì lúa gié hương-canh ;

Nếp đen Gia-định thơm danh,
Những phường thóc gạo có danh tiếng
[đồn,

海陽之柑. 香芹之橘.
宜光之膠. 興化之漆.

Hải-dương trồng cam ngon có một,
Hương-cần trồng quit ngọt vô chừng ;

Đồi sơn san sát lĩnh Hưng,
Dựa cây kia ở ngàn rừng Tuyên-quang.

錦麗錫荔. 煙藥芳妍.
瑞英百姓. 先朗牢煙.

Cầm-lệ lại cùng phương Tích-lệ,
Lá thuốc thơm ngon kể chừng nào ;

Thụy-anh Bách-tinh Lãng-cao,
Cùng miền Tiên-lăng thuốc lão đầu hơn.

鐘山桂參. 平順荳蔻.
廣南南珍. 茶香香附.

Xâm-nhắm xứ Chung-sơn đất nhuận,
Đậu khấu miền Bình-thuận hiện thần ;

Quảng-nam có quả nam-chân,
Tốt thay hương-phụ đầu phần Trà-
[hương,

靈沼薤菜. 春長芥苞.
亭榜山薯. 卷山薯芽.

Cải bao đất Xuân-trường tốt dẻo,
Rau muống làng Linh-chiều ngon ghé ;

Quyền-sơn có giống cỏ thì,
Củ mài Đĩnh-bảng thờ-nghi chợ Dầu.

嘉定絳珠. 白鶴朱柿.
乂安檳榔. 芳林紫蟻.

Gia-định quả giáng-châu rất quý,
Bạch-hạc dòng chu-thị không thương ;

Nghệ-an đất sản tán-lang,
Vẻ màu cánh-kiến đời Phương-lâm này.

宋山甘蔗. 七溪芳梨.
藤樓芋泉. 茴紇茄批.

Tống-sơn ngọt là cây cam-giá,
Thất-khé ngon là quả phương-lê ;

Gai đay máy móc tốt ghé,
Hạt hồi cũng lắm cà-phê cũng nhiều.

慶協蜚蜚. 柴山蝙蝠.
西湖參禽. 山圍鯉魚.

Làng Khánh-hiệp quý sao giống cây,
Núi Sài-sơn tốt rậy loài giới ;

Sâm-cầm vật lạ hồ Đoài,
Béo sao cá chép ở ngoài Sơn-vi.

鶴江鸚鵡. 靈潭過山.
動物最美. 水產可餐.

Cá Anh-vũ vật kỳ sống Hạc,
Cá Quả-sơn giống khác đầm Linh.

Tốt thay động-vật nổi danh,
Vả xem thủy-sản rõ rành vật ngon.

(Còn nữa)

TỤC-NGŨ PHŨ

Dùng 100 chữ làm văn là : khôn giốn ra mặt, sự thật mất lòng, trong câu tục-ngữ, chẳng chữ nào sai, nhấn nhủ ai ơi, nghe lời chuyện góp, hợp dờ thu hay, bày như phơi thóc, lộ là đàn đóc, mới động tình vui, bao nhiêu khách chơi, phàm người có học, đức văn rèn tiếng, đừng biếng bút nghiên, trên bậc quan-viên, dưới miền tông-lý, cùng thầy nho-sĩ, với chi nữ-sinh, kịnh trình các đấng, cả mọi tân-bằng, mở trí rộng ghi, nên vì sửa chữa, mà chớ chê cười, hậu thứ cho tôi, cảm-ơn vạn-bội.

1. Văn khôn. — Hiền sách khi buồn, hợp tục-ngữ hề chép phương-ngôn; năng nhứt chặt bị, nhiều cây rùm lại hề nên cõn. Lời hay lời dở; câu đại câu khôn. Bia miệng không mòn; ngàn năm vẫn còn. Được hồng tùy người, văn hay thì khen, văn bèn bịt mũi; khuyên răn có ích, người khôn nói mảnh, người đại đánh đòn. Kể khuôn mực ra, hai thưng cũng vào một dấu; thói đich-đáng cả, ba vương sánh với bảy tròn.

2. Văn giốn. — Xét lời trần-ngôn; nhiều câu ôn-tồn. Có đầu có cuối; vừa xinh vừa giốn. Chữ nghĩa lối-lãng, có học mới hay có đi mới đến; chân tay ngoan-ngoãn, mài son đánh giặc mài mực ru con. Thử kỳ ngón chi kiến ư nơi thành-thị chốn hương-thôn, giai phong-đao chi tự-nhiên, nhi ngụ ý khôn, tiếng lảnh đồn. Rộng nhi chí ư cái lịch lịch-xếch bờ ao, gặp trần mưa dào chui vào hang lỗ; con cò lặn lội bờ sông, gánh gao đưa chõng nước mắt ni-non. Tắc hựu kỳ văn chi ôn-ôn - hồ sâu như hề cao như non. Ôi há như kẻ khôn thẳng đót, giàu lái buôn giả chi xuất ngôn vô-vị đồ - tri đánh rượu giưc ồn. Lùng-nhung như thịt bụng mỡ này, nói lầy xử xô; hùng-hực chỉ ẩn tục nói khoác, mặt nhăn ăn giốn. Kim thí hỗn củ câu, hát phong-tục, cùng lời vi-von; trích lấy đại-lược mà chia vận chép luôn.

3. Văn ra. — Tắc kiến : khoẻ nỏ như quỉ; xem bói ra ma. Xương vương vào nạc; gân gàn với da. Làm mãi chẳng nên cơm cháo; nhà giàu lắm kẻ vào ra. Chạy ngược chạy xuôi, hết ông lớn đến ông bé; bỗng nhếch bỗng nhác, yếu con người như con ta. Mặt rõ tỏ ga, bóp tay trên hững tay dưới; miệng khôn tròn đại, vào lỗ hồng ra lỗ hà. Quan xa bán nha thì gàn, chận nước răng nhe cười ngựa; học dốt đồ tốt lại muốn, ưa có tóc thả đuôi gà

4. Văn mặt. — Buồn mồm ăn vất; đi quanh về tất. Có làm cho ăn; không cấy không gặt. Ăn chát vất đi thời tiếc, xanh vỏ đỏ lòng; nói khéo làm chẳng nên thân, vụng tay hay mắt. Công-danh tại phạ, khôn làm lại, đại ở nhà; giố chấp nhà nghèo, có mời ông, không ai bắt. Lôi-thời sôi đầu gấp đấy, ruột dễ ngoài da; lầy-nhảy nay lấy mai đừng, sơn ăn tùy mặt.

5. Văn sự. — Mặt ta rười tro; mắt gánh nặng như. Không có có không; sự sinh sinh sự. Xơi no lại cho vào lòng; ăn mây chẳng tây giữ bị, Cai nét đánh chết cái đẹp, giềnh-giàng tốt mã giế cùi; thẳng đại làm hại thẳng khôn, nhân-nhó như mặt lợn ý. Bạc lối dài đen người khát nước, ngồi chờ tiếng được, chững hậu hồi-lùng; cớ gặp bi như bị trời mưa, tính đến nước thua, xe cang mã bị.

6. *Văn thật*.— Vui hơn xem chèo; nhọc như đánh vật. Chết kèn trống sống dầu đèn; tốt vàng son ngon mỡ mật. Ăn chẳng hết thết chẳng đủ, biết xử thế nào; cất thì đau đê thì buồn, như trò cái lật. Hòn đất quăng đi hòn chì quăng lại, có đi có lại mới toại lòng nhau; gánh một thì xa gánh ba thì gần, nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Mơ-mít rừng xanh núi đỏ, biết đâu quê mẹ nhà trời; cảnh-hoảnh làng lớn xã to, làm được đàn anh có đất.

7. *Văn mất*.— Uống rượu uống chè; đánh bài đánh bát. Vô tình vô tâm; bán đặc bán thất. Chả được mấy khi cùng gặp, anh em năm thuở mười thì; có phải hoa dâu mà đeo, công nợ nhất trả nhì khất. Thực thà là cha nói dối, cơm có bữa chợ có chiều; tiền của là chúa trên đời, người ăn còn con ăn mất. Bán hàng nói thách, làm khách trả rẻ, trăm người bán vạn người mua; kẻ cướp thành tiên, bà vải gù liền, chín phương trời mười phương phật.

8. *Văn lòng*.— Một dòng một thớ; ba cọc ba đồng. Đi trưa về tối; đậu cao rĩa lòng. Chẳng giỗ thì nếp còn đây; có cò thì chợ cũng đông. Trăm nhát cước giạt vào lòng, ăn no to bụng; một nửa miếng cũng không sót, nói nhau đau lòng. Nói quàn nói quanh, buồn như châu-chấu; đâm so đâm rui, rối như bông-bong. Giận thì mắng lạng thì thương, cơn chi mà thiệt; đi chẳng dứt dứt chẳng đã, thế nào cho xong.

9. *Văn trong*.— Đắt như là thuốc; rẻ hơn rau rong. Gà tức nhau tiếng gáy, chim khôn cả về lòng. Cơm treo dề mèo nhịn đói; thóc bỏ thương kẻ ăn đong. Trăm mái chèo đi chẳng bằng một mái chèo lại; ba tháng trồng cây chẳng tày một ngày trồng bông. Thuốc đắng đã tật, sự thật mất lòng, làm người nên biết phải; ở đừng chẳng lành, đọc canh phải tội, cơn chi nhay

vào chòng. Lia-lâu như thuyền sáu cái chèo, đi gát về lắc; lưng-bụng như nhà ba con ngọng, ăn có làm không. Bền xá ít dò, mười người thì đầy bảy người thì đợi; cờ bạc về sáng, một quan ngồi ngoài hai quan ngồi trong.

10. *Văn câu*.— Khéo có thì ăm; chẳng đánh mà đau. Vuốt mắt không nề mũi; được chân lại lán đầu. Chờ có rước lời, cơn sôi nên rập lửa; cũng đừng can khéo, lửa cháy đồ thêm dầu. Đang chỗ nọ xọ chỗ kia, ăn nó bỏ nó; làm không chừa múa không trống, chẳng đầu ra đầu. Nói thật hay mất lòng, cây ngay không sợ chết đứng; người khôn giỡn ra mặt, kim vàng ai nỡ uốn câu. Một câu nhin là chín câu lành, ở nhữn là hơn, làm ơn không sợ thiệt; trăm cái tên nhắm một cái dạn, trời sinh ra vậy, một làng mấy kẻ giàu.

11. *Văn tục*.— Ăn uống phải mùi; chơi bời tùy tục. Oặt-ọo như kim chi; ngập-ngừng như khóa hóc. Chồng như rỏ, vợ như hom; con có cha nhà có nóc. Vô tác gác mỏ, việc nhà bác thì chăm; tham thực cực thân, ăn của dân có nọc. Chồng chung vợ lẽ, mỗi kẻ mỗi nơi; em có chị không, chịu tủi chịu nhục. Thũng-tha thũng-thỉnh, chán như con dĩ chơi trắng; bước thấp bước cao, ngại như bà già xuống giốc. Nói cho ngon miếng xôi trời miếng thịt, lém-luốc ai hơn anh; chỉ chực mượn đầu cá và đầu tôm, lạt-lẻo như nước ốc.

12. *Văn ngữ*.— Bạc chầy tiền đồng; gạo hừ cơm hứ. Trước lạ sau quen; nay kinh mai sử. Ăn cả rần thần-lần; còn vẽ con sư-tử. Có học thì có biết, không thầy đổ mảy làm nên; bằng mặt chẳng bằng lòng, dương lành lại bành ra dữ. Dục hà dục hĩ tùy sở thích, hữu-thỉnh hữu-lai; kiến thực bất thực vị chi cuồng, vô-tư vô-lự. Một người thì kín chín người thì trống, nói phải liệu lời mà ra; nời năm chẳng dấy nời bảy chẳng thừa, ăn biết thế nào là ngữ.

13. *Văn chẳng*. — Nết chẳng hiền-lành; bụng không ngay thẳng. Quỉ tha ma vờ; anh thối tôi chẳng. Lừ-thừ như dáng vô tình; nhấm-nhầu ra điều bất-không. Đi chơi roi khố, thang bắc lên hỏi ông trời; khỏi rên quên thầy, thuốc đau mà chữa người lảng. Mỗi tuổi mỗi khác, khôn đau đến trẻ, khỏe đau đến già; chẳng nói chẳng hay, mẹ bẽ thì khóc, ranh bẽ thì lạng. Đắt không làm biếng, có công làm có công ăn; trời chả riêng ai, bỗng khi mưa bỗng khi nắng.

14. *Văn chữ*. — Bất-nghĩa bất-nhân; vô-ý vô-từ. Chỉ quen những thói luông-tuồng; chẳng biết liệu đường cư xử. Ra đường hào-hoa, về nhà rỗng tuếch, nói ra phết giầu; trong lòng hủ dật, ngọn bút chỉ thiên, khoe mình lắm chữ. Giấy trắng mực đen làm then thiên-hạ, chẳng có hồ-dồ; chông hit vợ hôn rắng con xứ đoài, đánh tiếng ừ-hự. Được miếng nào xào miếng ấy, thêm của trái chua, của ăn thừa ai thêm; dành cái khó bỏ cái khôn, cứ kể có tóc, kể trọc đầu ai cứ.

15. *Văn nào*. — Rờng leo cây nghệ; voi dõ cãnh rào. Trống xuôi kèn ngược; chuông hồi mõ rao. Làm đã được thì được cả; so ra ai kém ai nào. Xa nhau ghét nhau, cơi nhau như nước Tần nước Việt; chán đại miệng đại, nói đại đồ bèn Ngô bèn Lào. Chẳng oan chẳng kêu, oan kiến kiến bò, oan hồn hồn hiện; mỗi đời mỗi khác, đời cua cua máy, đời cây cây đào. Có bụng ăn chẳng bụng lo, hết bà đi lại đi bà thím; không quan trị thì quan nhậm, vắng ông trắng đã có ông sao.

16. *Văn sai*. — Đi thi đi cử; làm văn làm bài. Làm thầy có sách; chẳng ăn cũng hoài. Sách quên hơn hủ nút; dốt đặc như cán mai. Hết xứ đồng lại giọng sang đoài, nay chỗ này mai chỗ nọ; chữa đồ nghề đã đe hàng đồng, nói chẳng nghĩ ăn chẳng nhai. Đám

kỳ này chẳng hội thi chay, tiếng trống ngày rằm tháng bảy; trời làm đôi ăn khoai cùng ráy, chớ mừng lúa giỗ tháng hai. Ở đời liệu xử với đời, kẻ đại ra tay, khôn hay miệng đầy; thế được chẳng thế cũng được, không rắng hàm gặm, miếng nào chẳng sai.

17. *Văn nhần*. — Chẳng nói chẳng cười; hỏi cần hỏi vắn. Chữ xấu mèo cào; học nôn chó cắn. May ra gặp thì làm; biết thế nào kẻ chần. Trăm ơn chẳng bằng hơn của, được gia bán chơi; một mặt còn hơn mười bàn, mặc ai trách nhần. Khách đến nhà ra gốc chuối, xua quá xua ruồi; học chẳng biết viết không hay, đánh như đánh rầu. Mùa nào thức ấy, tháng ba ăn khoai tháng hai ăn cà; tính lại suy đi quan tám thì dài quan hai thì ngắn.

18. *Văn nhủ*. — Tiếng kêu như bò; người đẹp hơn cù. Ăn chẳng biết ăn; nhủ rồi lại nhủ. Giận anh về đánh em; xây cha thì còn chú. Không-nhông như chó đường quai; thui-thủi như lợn ăn củ. Cảnh nhà nghèo được chẳng hay chớ, gặp cháo ăn cháo gặp cơm ăn cơm; trò nhà hiềm bán sấu mua vui, có hoa mừng hoa có nụ mừng nụ. Thấy sang bắt quàng làm họ, cào-cào châu-chấu già gạo cậu xem; chẳng chơi nửa đời ra ma, ruộng ruộng trâu trâu cũng xấu và lọ.

19. *Văn ai*. — Người đứng sống lếch; chuyện nói ngổ ngoài. Khôn chẳng nói nói đại; dẫu không phải phải tai. Không công để có công nuôi, mẹ nào chả là mẹ; phi bên nội tắc bên ngoại, ai coi cũng như ai. Ăn chẳng ra miếng, nói chẳng ra lời, nọ đồ chết rắp; chọc không nên lỗ, vỗ không nên đồng, rành của sống hoài. Xách nón lè tròn vào, hàng chả chớ ba đồng một gắp; dọa già cho trẻ hãi, ông bị quai ba bị chín quai.

20. *Văn ôi*. — Khôn dùng khôn lỗi; tài chi tài loi. Con sông có khúc; bắc cầu mà noi. Ngay sừng-sững như chân voi đứng; đen thui-thúi như đầu chó thui. Dầm dẫm dò dò, lò-dò như cò dói; ngơ ngơ ngác ngác, ngơ-ngác như vạc lòi. Chồng thảo vợ hiền, liễu yếu đào tơ đang độ; cha sinh mẹ dưỡng, xuân già huyền cổ thương ôi. Lừ thừ như từ vào đền, khoan chân nhẹ bước; lanh-chanh như anh hàng mã, nhanh miệng giòn môi. Nồi bẫy quăng ra, nồi ba quăng vào, chỉ đánh nó là thích; quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật, thế nào xong thì thôi.

21. *Văn nghe*. — Việc làng việc nước; hàng giáp hàng phe, Ra giầy vào dép; đi ngựa về xe. Hút thuốc kêu sòng-sọc; đánh rượu dức be-be. Cây thế cây thần, mình khôn thì để ai dại; ra đầu ra cuối, kể nói còn có người nghe. Đất tổ quê cha, cáo chết quay đầu về núi; cửa khôn người hiểm, ngựa ai buộc ngõ ông nghề. Bán đi trả nợ cho chồng, và cân bông, dăm ba thúng thóc; đẹp duyên thì chớ nghe họ, một cành tre năm bảy cành tre. Mồng ba ăn rốn, mồng bốn ngồi không, ngày tết ngày nhất; thứ nhất nêu dài, thứ hai pháo nổ, năm mới năm me.

22. *Văn lời*. — Miệng nói chân bước; đầu lọt đuôi xuôi. Đem chuông đi dấm; đánh trống bỏ dùi. Vào mồng ba ra mồng bốn; đêm tháng năm ngày tháng mười. Ăn thì no, cho thì tiếc; vui xem hát, lạt xem bơi. Lý-nhí như chị bán dây khoai, đầu đuôi chẳng rõ; lằng - nhằng như thẳng giảng bè muống, nói hay rậm lời. Có công có hơn, nhai kỹ no lâu cây sáu tốt lúa; làm biếng làm nhác, ăn no ngủ kỹ, chồng tỉ lên trời; Công cha như núi cao, kính cha tấm lụa tấm là, trọng cha tấm quà tấm bánh; thương con để trong da, ghét con cho bụi cho ngọt, yêu con cho vọt cho roi.

23. *Văn chuyện*. — Sinh ký tử qui; văn ôn vũ luyện. Tử-qui kêu hè; cóc già dớp kiến. Khuất lời vắng mặt, văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình; thờ mẹ kính cha, xuất tất cáo phần hồi tất diện. Đồng tiền không chân chạy được, nhiều tiền là tiền cõi trần; có trâu mới em chẳng xanh, miếng trâu là đầu câu chuyện. Già được bát canh, trẻ được manh áo mới, thỏa cảnh già chẳng; chị lấy ông nghề, em trở về lấy vua, nói cho chị biết.

24. *Văn góp*. — Nói xa nói gần; thăm tha thăm thỏm. Rửa mặt con láng diềng; điếc lỗ tai hàng xóm. Con người coi long-sòng-sọc, mắt ra mắt bạc thau; lỗ miệng thời liến-liền-liền, chối như chối tiền góp. Đã hồng nổi thì lời lấy rế, lại còn chảnh-hoảnh râu trẻ; sên được xu nó thu đồng hào, thôi đừng câu-cóp cho cọp. Còn trời còn nước còn non, còn người còn trăng bạc, lo chi sự đời; bớt cơm bớt gạo bớt làm, bớt đồng bớt cù-lao, nói đến câu thóp.

25. *Văn hợp*. — Chân bước lau-chau; miệng thở hơi-hóp. Trống thúc thùng-thùng; mõ khua dớp-dớp. Mặt coi sắc biểu di; nói thì hơi chẳng hợp. Thông gia hai nhà cũng như một, nghĩ vẹn nghĩa ở đời; anh em bát máu xẻ làm đôi, như thề tre cùng khóm. Chẳng ưa nên dưng có họ, lấy thì cũng khó bỏ thì cũng rầy; ô vậy trở dậy mà về, trái kia ai vo quả này ai bóp. Khư-khư như ông sư giữ tay ấn, lòng họ có dám rời; ngằm-ngằm như con gái đá gốc đầu, lau đến chốn chi-chộp.

26. *Văn giở*. — Mặt đỏ trái hăm; mắt trắng hoa sớ. Nước chảy đá phải mòn; ăn không núi cũng lở. Bỏ công ngày đợi tháng chờ; phỉ sức đêm năm năm ở. Cháu bà nội tội bà ngoại, gian-diu hay; mình nhà lính tính nhà quan, đài-các dỡ. Bé xí nên lớn, lè-nhè như chề thiu;

ít xít ra nhiều, lát-sát như bát vỡ. Nọ kẻ hay hèn nữa, cơm chẳng nhá cá chẳng ăn ; không kỹ tốt xấu chi, cá kẻ đầu rau kẻ mở.

27. *Vân thu.* — Ông cả bà lớn ; bố dĩ thẳng cu. Tiếng cả miệng rộng ; thịt bắp vai u. Đứng giở trò ở bạc ; làm gì được đồng xu. Trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã hay, đi hóng đi hớt ; ra coi việc làng về sàng việc họ, quyền bỏ quyền thu. Còn ông thì gọi bằng bà, mất ông thì gọi bằng da cái đồ, hay cũng tùy từng lúc ; vắng mặt cho là thẳng ngo, có mặt thì lại cho là ông sù, coi như thề quân thù. Bờ-nông cả mỏ khó kiếm ăn, dẫu to cũng đứng cạy ; con cò vẽ lên trên thúng gạo, xóa đi chẳng được du.

28. *Vân hay* — Giấu đầu hở đuôi ; xảy vai xuống tay. Ngay như bụi mọc ; chữi quá hát hay. Trâu lành không ai mặc cả ; gà què ăn quần cối xay. Đường chẳng đi đường còn lại ; lời không cánh lời hay bay. Giậu đồ thim-bim leo, chó cắn áo rách ; vện húng tía-tô mọc, quỉ quấy nhà trây. Cơm ba bát áo ba manh, no lòng ấm cật ; nói một lời xoi một bát, vạc nhọn so tầy. Chim chích chực ghẹo bờ-nông, không sợ đến khi nó mổ ; bìm-bịp rình bắt gà trống, làm chi những thói cầu may.

29 *Vân bày.* — Thấp lườn bé lúi ; trống đánh quân bày. Uống nước thì phải chừa cạn ; ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, nhà khó gặp bệnh trọng ; khách thì khách đông, sông thì sông rộng, con một đi dò-dây. Ăn lấy thời chửi lấy thì, gặp chẳng hay chớ ; bảo một đàn quàng một nẻo, giả dại làm ngây, Tần-mẫn như cua bò sàng, quanh đi quanh lại ; lúng-túng như ếch vào xiếc, rầy đó mai đây, Ti-hâu mà liệng cho tròn, mai gả cho mây con què ; chuột nhất sa vào chĩnh gạo, tha-hồ ăn phồng dạ dày.

30. *Vân như.* — Xực-phần nhậm châu, mông-xi me-sừ. Hối anhanh chối ; bảo chú chú ừ. Lời nói chẳng mất tiền mua, sách có chữ nhất ngôn ký hứa ; cái nghèo mảy theo tao mãi, nhớ đến câu vạ tội bất như. Dậy sớm thức khuya, trồng canh một chưa năm, trồng canh năm đã dậy ; năm qua tháng lại, thiếu tháng tư mất đậu, thiếu tháng sáu mất ngư. Việc nợ chẳng việc kia, kéo con mè dè con ngỗng ; đồng nào ra đồng ấy, khôn như mại đại như lu.

31. *Vân phơi.* — Trứng khôn hơn vịt ; gáo dài quá chuôi. Nhiều vốn nhiều lãi ; có lẽ có loi. Trâu ho cũng bằng bò rống ; lươn ngắn lại chề chạch dài. Khôn cho rải đại cho thương, tre già măng mọc ; đi nẻo nào vào nẻo ấy, nước chảy bè trôi. Ít gạo cạo thêm khoai, nuôi người lấy việc ; đồng tiền liền khúc ruột, trói trẻ gọt ngói. Lục đồng thân, bán đồng sinh, diêm thì một đồng, thuốc pháo làm cho phải phép ; ba nông tám năm nông kén, tơ mười chín nén, lay trời nắng cả tời phơi.

32. *Vân thóc.* — Ti-hi mắt lươn ; xù-xi da cóc. Mẹ hát con khen ; cha chung ai khóc. Đổng-đà đổng-đợt, dùi đục quăng chực nội rang, nhúc-nbích nhúc-nha, trong nhà đóng ba cây thóc. Chiều người dễ, chiều ma thì khó, môn như môn có hồn ; kẻ ngay ít, kẻ gian có nhiều, lừa như lừa miếng mọc. Kẻ phải người chẳng nợ biết, mất thang-lác ra, đường hơn lẽ thiệt bảo nhau, nói xoắn-xoắn cóc. Thầy đồ thầy lẽ, thầy về đun bếp, thầy gì thầy tầy ; học trò học troẹt, học bẹt ra mo, học là học chọc.

33. *Vân lọ.* — Dạy khỉ trèo cây ; trói voi bỏ rọ. Tránh lưới mắc dò, xây lờ vào đó. Làm như vậy cũng hay ; còn thế kia chẳng lọ. Trâu ngã vạ kẻ cầm dao, ngựa đau cả tàu chề cổ. Buồn đầu đường bán cuối chợ, tay xách nách

mang ; ăn xó bếp ngồi đống tro, mặt đen mày ủ. Rõ nhà ai quai nhà ấy, chim có lỗ người có tông ; ăn thì có ngó thì không, chó quen nhà ma quen ngõ. Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ, lay đất mất tiền ; cửa vào quan như than vào lò, bới bèo ra bọt.

34. *Vần là* — Tờ ruồi thầy mặt, con mọn cha già. Há miệng mắc quai nón ; vì thần nê cây đa. Cửa bụt lại thiếu cho bụt ; da gà học lấy xương gà. Rút dây sợ động rừng, dây lỏi không bao giờ đứt ; cái kiến bò miệng chận, kiến đùn lâu cũng nên mà. Đạo vợ nghĩa chồng, tấm da đá vàng chẳng đổi ; cơm cha gạo mẹ, của anh nghiên bút thực là. Chó cậy nhà gà cậy chuồng, cây là cây cây ; trâu hà tro bò hà trấu, hà cái lỗ hà.

35. *Vần đàn*. — Lâu ngày dày kén ; quá ruộng xuống làn. Lấy chồng xem họ ; làm dĩ có gan. Trâu chậm uống nước đục ; chó khôn chớ cắn càn. Quan chi còn hơn quan tiền, kim-ngân phá lẽ luật ; ông nào chẳng bằng ông của, danh-lợi bất như nhân. Đi rất chóng bóng rất nhanh, thoang-thoảng như ngựa vĩa ; đùn chẳng đi ghi chẳng lại, sừng-sừng như voi nan. Trồng khoai ưa lạ, gieo mạ ưa quen, ruộng tư đất mãi ; câu ca cũng chất, tiếng hát cũng giỏi, dịp phách cung đàn.

36. *Vần đọc*. — Nở ngọn xanh ngành ; đào cây đánh gốc. Chanh chua thì khế cũng chua ; húng mọc tía-tô cũng mọc. Kẻ đánh còn người đỡ, xin đừng ném đất giấu tay ; chi ngõ có em nâng, khác nào như giậu nương cọc. Tay có ngón dài ngón ngắn, đố ai nắm tay thâu ngày ; mắt tỏ kẻ hay kẻ hèn, rõ rành con mắt có ngọc. Hay ở đỡ bước, biết đâu là lỗ chuồn-chuồn ; cần được ước nên, làm cho đứt đuôi nông-nọc. Tay buộc chỉ rầy đi chừa đứt, làm ơn nên oán, đánh bạn thiệt

minh ; lười không xương lắt-léo nhiều điều, đàn lỏi tay pha, câu ca miệng đọc.

37. *Vần mấy*. — Mặt ít ong nhiều ; rau nào sâu ấy. Sự dở cũng thường ; người hay chẳng mấy. Nợ ngày mọn con ngày lớn, tiền ngắn mặt dài ; mặt tầy rá má tầy mâm, ăn càn nói bậy. Miệng cam tai diếc hỏi chẳng nói gọi chẳng thừa ; chân chậm mắt lòa, bới không ra sà không thấy. Miệng ăn không bằng lời nói, ăn đã vậy múa gậy làm sao ; trống người lại ngấm đến thân, người làm sao chiêm bao thế vậy. Sống cũng bởi làng sang cũng bởi họ, xin đừng lên mặt vác mày ; khôn chẳng qua lẽ khỏe chẳng qua lời, chớ có khoe mình cậy mảy.

38. *Vần động*. — Bờ-nhìn coi đũa ; đười-ươi giữ ống. Gươm kè cò chẳng long ; súng bắn bên không động. Ông-à ống-ot, như trò công-cộng vái trời ; thập-thà thập-thò, đừng thói ba-ba ấp bóng. Vẽ mặt cho ma, ma nát trả, khỏi trông cong đuôi ; nào ai hãi mày, mày hãi người, nóng nước đỏ gọng. Bà chẳng ra bà, nhãi chẳng ra nhãi, bà gì bà dẫn ; ông cũng dở ông, thằng cũng dở thằng, ông là ông ông. Học đã chẳng hay, cây lại chẳng biết, còn khoe học ít hành nhiều ; đường đi hay tối, nói dối hay cùng, chớ có ăn càn nói xông.

39. *Vần tình*. — Nhà giàu mở đám ; thất nghiệp năm đình. Ngựa hò qua cửa sổ ; cóc chết có mình-tình. Con gái xem chèo, chuốt leo vào lòng, chi nào vô-ý ; bà cốt đánh trống, ong đốt âm-hộ, câu nói hữu-tình. Cha già quyền con, cha chỉ làm cột cái cho dựa ; trai giàu về vợ, vợ không như phần gỗ long đanh. Gái có chồng như gông đeo cổ, trai có vợ như lỗ tiền chôn, chồng đẹp vợ đẹp ; anh yêu em má lúng đồng tiền, em yêu anh râu liềm quai nón, anh xinh em xinh,

40. *Vần vai*. — Dày mặt chịu chửi ; to đầu khó chịu. Cha con Khả làm ngã bia

tóc; anh em rề đánh nhau xê dùi. Được đàng chân lân đàng đầu, mía ngọt toan đánh cả cụm; bắt được tay ray được tóc, mít như pháo nổ tịt ngòi. Chắc đầu mà lên mặt lên râu, vọt yếu chỉ quật vào cẳng; dẫu dại cũng là cha là mẹ, dao sắc không gọt được chuối. Bụng đói dạ thèm, ếch chết về miếng; tham ăn, tục uống, chả mắc vì mồi. Chị cậy của chị, em cậy của em, chẳng thà đừng có của; già vui đạo già, trẻ vui đạo trẻ, làm trò ai giấu vui.

41. *Vần bao*. — Người ốm đánh vật; thẳng xằm trông sao. Cắm sào đợi nước; bắc bậc làm cao. Phải gai lại lấy gai nhẹ, dâm lao lại phải theo lao. Em chiếu manh anh tàn vàng, lay trời làm cho cả gió; vào vườn hoa sa xuống giếng, thân em như hạt mưa dào. May gặp nơi thanh-nhàn, vợ bán thóc chồng văn-chương đàn độc; sinh ra cùng bác-mẹ, chị áo manh, em quần quanh lụa đào. Chân đạp đất, đầu đội trời, to đầu càng to cái dại; thức thâu đêm, ngủ trừ bữa, lấm ngủ thì lấm chiêm-bao.

42. *Vần nhiều*. — Biết người biết của; đủ ăn đủ tiêu. Đánh cao gào thấp; bán xā mua nhiều. Xương đầu chếp, mép cá trôi, người khôn nhá được; dạ bò he gan cóc tía, ai đặt nên điều. Cắt gánh đi buôn, một tiền gà mất ba tiền thóc; nuôi lợn lỗ vốn, năm đồng cám là tám đồng bèo. Anh lấy em về, có nồi cơm nếp và đệp bánh chưng, lại lượm hũ rượu; trai chơi cho trải, học đánh tổ-tôm, uống chè Chính-thái xem nôm Thúy-Kiều.

43. *Vần khách*. — Người đứng xù-xù; chân đi lách-tách. Phụ-tử tình-thâm; quan dân lễ cách. Biết đầu chiều hết cả, được ông trăng mắt ông sao; tỉnh ở vẫn không thương, vắng mặt ngô có mặt khách. Mấy anh lòng bất-trắc, gâu mặt lòng chân; chúng bạn chẳng chơi cùng,

thối tai hôi nách. Ở gần nhà giàu đau răng ăn cốm, không lọ cầu-kỳ; làm bạn kẻ khó nổi khổ người khôn, chẳng còn chọc-chạch.

44. *Vần chơi*. — Mượn mỡ rán bánh; bắt sống ăn tươi. Đi buôn ăn lãi; cho vay lấy lời. Đưa đến tận mồm, ăn chẳng biết ăn thì thiệt; đóng cọc lỗ đít, đốt sao mà đốt có chuối. Miếng khi đói bằng gói khi no, mặt xanh nanh nhọn; nói thể này tay làm thể khác, miệng già dạ buổi. Giàu thì nhà có vạn, nghèo cả góc chạn cũng nghèo, ai mà chẳng có phận; khôn từ thuở lên ba, dại thì đến già còn dại, thục vậy chẳng phải chơi.

45. *Vần phạm*. — Ăn chuột bao-tử; nói chuyện dã-dâm. Chân gioe chữ bát; đứng gầy đàn tam. Có tiếng không có miếng; hay ăn chẳng hay làm. Lấy em thờ mẹ cha, tan cửa nát nhà ai lấy; tham anh về ghiền bút, ao liền ruộng cả chẳng tham. Mất ít trả nhiều của bút xin đèn chữa lấy; sa chân lỡ bước, đào tiên đã bén tay phạm. Khôn khéo là cái méo để ra ngoài, thua thắng vận gấc; lon-son hồ vo tròn lại bóp bẹt, thương kẻ khăn trùm.

46. *Vần người*. — Bắt mồi chưa sạch; giở thói trêu người. Hươu trở là ngựa; đĩa cũng như rươi. Nhất nọ nhị kia, được làm vua thua làm giặc; tam khoanh tứ đốm, suy bụng ta ra bụng người. Đông có mây tây có sao, mười người giùm một; khôn ăn cái dại ăn nước, chín bỏ làm mười. Chân nam đá chân chiêu, rề-rà như đàn bà đi chợ; tay sốt đỡ tay nguội, lờng-cờng như mẹ chồng dơm xôi. Văn ông Thủ, thi phú ông nghề, tiếng khen làm cỏi đất; bệnh nhà giàu, đau đầu nhà khó, động tí kêu ồn trời.

47. *Vần có*. — Nọ giống đầu trâu; kia phường bọ chó. Làm chả ra mèo; nhanh như thể thỏ. Con cò mây đỏ

trên cây, tao đón dưới gốc mây bay
lối nào ; cái kiến mây nghiền củ khoai,
mây chế tao nghèo lấy ai cho có. Giơ
cao đánh sê, mèo vật đồng rơm ; tiền
mất tạt mang, voi uống thuốc gió. Coi
hào bạc bằng liếp, còn toan lấy thịt dè
người ; lấy đồng tiền làm lão, lại chực
đếm đầu bồ sỏ. Bảo chẳng nghe vọt
tre vào đít, cày là cày củ tre ; coi lỗ-mổ
như gổ trời sông, nói chỉ nói sẹo gổ.

48. *Vần học*. — Bò dẻ ra bò ; ốc
mang mình ốc. Lếu-láo bố cu nhặng ;
nhếch-nhác con mẹ mốc. Nói chẳng
hở hàm răng ; xe không lọt cái tóc.
Bà đầu mười rút hai thiếu một, chín
nhịn mười ăn ; khách bến vạn buồn
trăm bán nghìn, năm lừa bảy lọc. Ba
năm hai mươi bảy tháng, kẻ ngày là
bao ; cửa đời ba vạn nghìn tư, ngăn
cánh khôn móc. Ăn chữa no lo chữa
đến, khôn trải mùi đời ; buôn có bạn
bán có phường, liệu đường mà học.

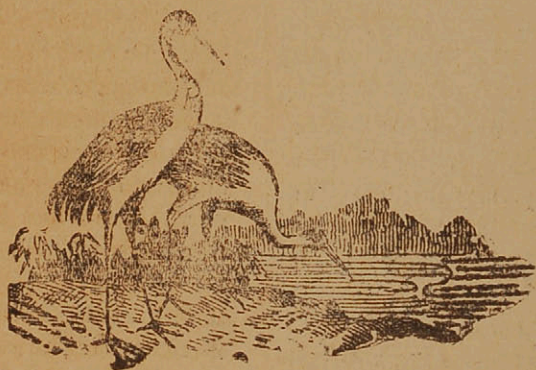
49. *Vần dục*. — Sên chuối lầy-nhầy ;
bọ mề lúc-nhúc. No cơm tấm ấm ở rơm ;
đỏ nước vang vàng hoa cúc. Chả đi lấy

gì làm bữa, nay cắt gánh trà em ra Hà-
nội, mai cắt gánh ôi, em về tỉnh đồng ;
trông mặt mà đặt được tên, tay nhấn
như đá, là bá hàng nem, mặt nhem như
ranh, là anh lò dúc. Nghe ba tiếng cồng,
cậu lòng xuống lỗ, cậu ơi là cậu, cậu
đậu trái cà ; một trăm gánh ốc, đổ
thốc vào cô, cô gi mà cô, cô ló cô lốc.

50. *Vần vãn*. — Răng long đầu bạc ; mặt
nhọ tóc quăn. Bụng phồng hơn bong-
bóng ; nằm dấy như tẩn-mẩn. Đến
đầu cũng giữ dáng, chữa làm đã chực
ăn. Ở nhà chẳng bảo con, cha mà béo
cùn béo cụt ; về chợ kêu ngang dạ,
mẹ còn đau vẫn đau vãn. Trước xa
nay ta về gần, có nhân nhân lại mọc ;
số khó làm có sao được, cấy lúa lúa
ra năn. Cái khó bó cái khôn, dạ thì
đói cật thì rét ; kẻ no gò kẻ thiếu, đít
không khố dầu không khăn.

(Còn nữa)

PHẠM NHƯ-MÔN



VŨ-TRUNG TÙY-BŪT

雨 中 隨 筆

VII

Việc tế-tự

Kinh *Thu* rằng: « Có lúc tế thần Thượng-đế. » Lại rằng: « Duy hoàng Thượng-đế 惟皇上帝 ». Kinh *Thi* rằng: « Thần Thượng-đế vẫn soi xét đến luôn ». *Truyện* rằng: « Hoàng hoàng hậu-đế 皇皇后帝 ». Nghĩa là vị thiên-thần rất tôn thì gọi là Thượng-đế, nói về nghĩa tôn hơn cả thì gọi là *thượng* 上, nói về nghĩa chủ - tể khắp cả thì gọi là *đế* 帝, đã tôn không ai hơn thì chỉ có một đế mà thôi. Nhưng về Đạo-giáo với Thích-giáo thì không thế. Đạo-giáo thì ngoài vị Ngọc-hoàng thượng-đế 玉皇上帝 ra, lại còn vị Tử-vi đại-đế 紫微大帝, Phù-tang đại-đế 扶桑大帝, Trương-sinh đại-đế 長生大帝, Chân-võ đại-đế 真武大帝, Đông-hoa đế-quân 東華帝君; những vị đề trên này đều đứng về bậc dưới vị Tam-thanh thiên-tôn 三清天尊, Thích-giáo thì có vị Thiên-đế 天帝, Đê-thích 帝釋, Phạm-vương thiên-tử 梵王天子, Nhật-nguyệt thiên-tử 日月天子, kể số-mục ra thì nhiều lắm, đều đứng về bậc thứ hai dưới vị Tam-thế 三世 (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai). Ôi, lấy cái nghĩa che trùm khắp cả thì gọi là thiên 天 chủ-tể khắp cả thì gọi là đế 帝, thế mà lại còn có vị tôn hơn thiên, hiệu tôn hơn đế, như thế thì ra ngoài trời lại có trời, trên đề lại thêm bậc đề nữa, vì thế lại bịa ra những thuyết cứu-thiên, tam-thập-tam thiên, tứ-đế, ngũ-đế, chu-tôn thánh-chúng, đều là cái thuyết dị-đoan

hoang-đường cả. Nhưng chúng ta lấy là người trần mắt thịt mà muốn biện-biệt những việc trên trời không tiếng không hơi, nếu không viện được lẽ gì mà bàn cãi, thì chỉ là bộ-phong chóc-ảnh, mơ-màng không sao đích-thực được, vì thế nên đức Khổng-tử mới không bàn đến việc quỷ-thần.

Đền Đê-Thích

Đền Đê-Thích ở làng Liêu-xá huyện Đường-hào, nguyên là thờ một vị Đê-Thích trong ba vị phật ba vị thần. Những sự linh-dị chép ở trong sách *Tiếp-ký* của Võ-công Phương-Đề, tưởng cũng không phải là vô-kê cả. Nhưng vị ấy đã hiệu là sư mà sao lại giữ trong một ấp? Giáo ấy đã gọi là *Thích* mà sao lại có hai bà phi? I ế ấy thực không thể lường biết được. Ý-hùng làng ấy có một vị thần nhân tức về lời rói anh Trương Ba thách đánh cờ mới hiển-linh lên để đối-thủ, nên thế-tục mới gọi liền ngay là Đê-Thích chẳng?

Gần đây cái thói thượng-quỉ lại càng tệ lắm, những kẻ tăng-đạo thuật-sĩ bịa-dặt ra nhiều sự bất kinh. Ta thường đi qua các dọc đường thấy các nhà dân-gian bày ra đàn tray kỳ-đạo, thì ban trên nhất là đề cúng phật, thứ hai bày một vị mặc áo cồn nũ miện giấy vàng là đề cúng Đê-Thích, thứ ba đến nai vị ác cồn mũ miện xanh và vàng là đề cúng Thiên-đế và Địa-kỳ, còn các ban dưới thì cứ tự-tự bày các vị từ Chân-võ-đế trở xuống. Ôi! bày ban cúng phật

ở trên trời thì sự quái-dãn ấy ai cũng biết không cần phải biện-bác nữa. Còn như bày vị Đế-Thích ở trên vị Thiên-đế thì thực là bất-thông đáng tức cười. Đã bảo rằng Đế-Thích là một vị thiên-thần rất tôn, thì sao vị ở dưới lại còn hiệu là Thiên-đế, chẳng hóa ra lại tiếm hiệu hơn ư? Đi bảo rằng Thiên-đế là một vị thiên-thần chủ-tể hết cả, thì sao lại còn vị Đế-Thích ở trên, dễ thường ở vượt ra ngoài bầu trời che trùm chăng? Không những thế mà thời ; từ năm kỷ-dậu Thiệu-thống, dân-gian thường phát chứng tật-dịch, chỗ nào cũng thấy dựng ra rạp đề cúng tế trời, bày ra đàn trai cúng, đặt ra vị cồng miện, gọi là đàn tray cúng trời đất. Ôi ! trời đất rộng lớn thế kia, mà còn tất phải cần đến đồ cúng thức dưng của dân-gian, rồi mới giáng phúc cho dân, như thế thì sao hay vận-hành được bốn mùa, phát-sinh được muôn vật. Người đời không biết nghĩ thế mà chỉ mê-hoặc như thế kia, chẳng hóa ra khinh trời mà mạn thần lắm ru ! Sở-dĩ thánh-nhân đời xưa phải cần cho biết thấu đạo trời đất mới được.

Thần hồ

Làng Ngọc-cục 玉局 ở huyện ta, khi xưa truyền rằng vẫn thờ yêu-hồ, phải bắt lấy người làm muông hi-sinh để cúng. Cứ mỗi năm trong làng phải một người làm tế đám, người ấy phải lừa dối những kẻ hành-khách nào đi một mình bắt lấy đem giam ở hầm dưới đất và đem mài da gọt chân cho mỏng đi, đến khi tế thần thì đem giết người ấy, thái nhỏ chộn lẫn với thịt trâu, thịt bò đem cúng tế, rồi thừa-huê cùng ăn, người nào gặp được miếng thịt người thì hi-hởn lấy làm mừng, cho là cái triệu năm ấy được thuận-lợi. Sau có một người tế-đám, đem giam người ở hầm dưới đất, thế nào người ấy nhân lúc chủ nhà đi vắng trốn ra được, song gót chân bị mài mỏng không thể đi

được, phải bò khúm-núm mà trốn đi, lên đến trấn-thành mách tố sự ấy, người làng ấy phải lên chạy-chột dứt lốt quan trấn-tướng, thì sự ấy mới yên. Từ đấy trở đi, tế thần phải gết trâu bò để thay, nhưng nếu bắt được người nào đi một mình cũng tất đem giết đi để tế thần, đó cũng như cái tục Nhà N. Ngao tế thần sươg-cuồng vậy. Từ năm canh-thân trở về sau, cái thói ấy mới bỏ đi, nhưng hành-khách đi qua làng ấy vẫn lấy làm rần sợ.

Thần trẻ con

Làng Dương-xá 楊舍 ở tổng ta khi xưa có đứa trẻ con bị đàn nỗng nó đuổi, rồi ngã xuống hồ mà chết. Sau hiền linh làm thần làng ấy, nên tục làng ấy vẫn nghiêm-cấm không nhà nào được nuôi ngỗng, ý là sợ phạm phải vía thần. Cuối năm Cảnh-hung trong làng ấy có một nhà nuôi ngỗng, thì bỗng thấy trong làng người sinh ốm đau không được yên, người làng đều qui-cửu cho nhà nuôi ngỗng, bắt phải giết ngỗng đi, rồi đón thầy cúng về cúng-cấp, đem rước kiệu vòng đi chung quanh các gò đồng ngoài làng để đón thần về. Ta nghe thấy truyện ấy lấy làm buồn cười. Đời xưa cúng tế ngoài các vị thiên-thần địa-kỳ ra, thì chỉ người nào có công-đức mới thờ làm thần, hay vị nào có cứu giúp được đại-tai đại-hoạn cho dân thì mới được lập đền thờ. Còn như những người nào chết đuối, chết chệt hay sợ quá mà chết thì không cần đến thăm viếng, hưởng-chi lại còn cả làng đều thờ làm thần ư ? Cái người khi sống đã không hay chống-chọi với muông cầm muông thú nó nhờn mình, thì khi chết sao hay giáng phúc cho dân được. Ôi, cái lễ-giáo của đấng tiên-vương khi xưa đã mất đi rồi, thế-tục sinh ra lắm điều mê-tin, nào có những một làng ấy thờ thần trẻ con đâu,

Miếu bà chúa ngựa.

Về vùng huyện Cẩm-giang Gia-phúc có miếu thờ bà chúa ngựa. Tục truyền rằng bà chúa vốn là một người đàn bà, có tính cực-dâm, hễ gặp đàn ông là tư-thông, mà không ai xuê được lòng dục. Sau đến tai quan, quan mới bắt đ n một cái rỏ hình như con ngựa cái, nhét người đàn bà ấy vào trong, để cho thông-dâm với ngựa đực, rồi người đàn bà ấy chết mà thành thần, kỳ-đảo được nhiều điều linh-nghiệm, những người đến cầu cúng thường lấy lõi quả mít làm hình dương-vật để cúng. Ôi! Lấy là một đũa dâm-phụ như thế, mà lại được hương-hỏa thiên-thu, thì có khác gì như đèn Phạm Nhan ở Đông-triều, thực là quái-dản. Các quan bộ Lễ nếu không hay xét mà triệt bỏ đi, thì sao không tâu lên mà sức cấm tiết đi, đừng để cho làm mê-hoặc kẻ ngu-dân mới phải.

Đền thờ Cao tướng-công

Làng Minh-luân 明倫 tổng ta có đền thờ quan Nhập-nội thượng-thư Cao tướng-công tên là Y 高依, ngài ở về đời vua Thần-tôn nhà Lý, có công làm đến chức Thái-bảo, khoảng năm Thuần-phúc đời nhà Mạc lại được bao-phong chép ở trong tự-diễn, thường khi kỳ-tình đảo-vũ rất là linh-ứng. Phía tây làng Minh-luân gần xã Bình-đê 平堤, có một nơi cổ-trạch quan thừa-tướng, truyện quốc-ngữ tiều-thuyết truyền rằng đó là nơi chàng Đặng Xuân 鄧春 đọc sách, nàng Ngọc-Châu 玉珠 dệt cửu.

Xét Đặng Xuân có ngôi mộ mẹ ở núi Bảo-lâm huyện Quế-dương, nguyên ông ấy vốn là người Kinh-bắc, đời truyền rằng Đặng-công đăng-khoa tự đời nhà Lý, thế thì quan thừa-tướng là người đời nhà Lý, không còn phải ngờ gì nữa. Và lại quan thượng-thư Cao tướng-công làm phúc-

thần làng Minh-luân, nay không còn xét thấy di-tích gì cả. Mà quan thừa-tướng có nơi cổ-trạch ở Bình-đê, thì không rõ quan-tước là thế nào. Nhưng cùng là người đời nhà Lý cả, biết đâu quan thượng-thư kia chẳng cùng với quan thừa-tướng cũng là một người. Còn như gọi là thừa-tướng chẳng qua là kẻ lại-tục họ suy-tôn đẩy mà thôi, Cũng như trong truyện tiều-thuyết quốc-ngữ họ thường gọi là ông trưởng-giả vậy. Thế-đại đã xa không biết đâu làm đích, hãy ghi chép lại đây để đợi người thức-giá

Nền cổ-trạch quan thừa-tướng ở làng Minh-luân, địa-thế sáng-khải, có cái ao bán-nguyệt, và ao sen là nơi di-tích. Ta khi nhỏ thường đi du-lãm bồi-hồi thăm viếng, muốn tìm nhận lấy cái di-tích chỗ nào là buồng học của Đặng Xuân và nơi nào là buồng dệt của Ngọc-Châu, song bờ bụi đào cuốc thay đổi khác đi, sân-thềm biến-thiên không biết đích là chỗ nào. Khoảng năm binh-ngộ đình-mùi Nhữ Công-lân có đến thăm nơi cổ-trạch có câu thơ rằng:

閨闈舊傳丞相女。
風流長屬狀頭人。

*Phiệt-duyet cụ truyền thừa-tướng nữ,
Phong-lưu trường thuộc trạng đầu nhân.*

Nghĩa là : *Thừa-tướng gái xưa dòng
phiệt-duyet,
Trạng-nguyên người cũ
truyện phong-lưu.*

Đó là theo cái sự-tích trong truyện tiều-thuyết quốc-ngữ mà vịnh ra như vậy.

Phạm Trấn, Đỗ Ông.

Người làng Lam-cầu, huyện Gia-phúc là Phạm-công Trấn 范鎮, lúc binh-sinh lục học không bằng ông Đỗ Ông 杜汪 người làng Đoàn-tùng, đến khi vào thi đình đối-sách thi ông Phạm Trấn lại đỗ đầu, làm quan đến Thừa-

chính-sứ. Đỗ Ưông thì làm đến Thị-lang đời nhà Mạc, sau lại qui-thuận nhà Lê, làm đến Thượng-thư phong phúc-thần. Người ta cho là tạo-hóa thừa-trừ cũng khéo. Nhưng ta không cho làm phải, học-thức của Đỗ Ưông tuy có hơn Phạm Trấn thật, nhưng nếu hay theo cái nghĩa cầu-chí hành-đạo của cô-nhân, mà hay tị-trọc đãi - thanh như ông Phùng Khắc-Khoan ở Thạch-thất và ông Lương Hữu-Khánh ở Hoảng-hóa thì hay lắm. Nếu không được như thế thì cứ chớ học mà giữ lấy cho phải đạo được như Nguyễn - công ở Vĩnh-lại, và Trần-công ở Đông - ngàn, thì cũng không đến nỗi phụ sở-học. Nhưng ông lại không làm được như thế, rồi phải mắc đến tai vạ. Thế thì so với ông Phạm Trấn hay sạch mình tự-thủ không làm điểm-nhục đến khoa-danh, thì biết là ai hơn?

Đời truyền rằng khi ông Phạm Trấn ở Lam-câu đỗ Trạng vinh-qui về, có đắp một con đường từ phía nam làng Minh-luân thẳng suốt đến làng Lam - cầu, nay vẫn còn truyền là con đường Trạng-nguyên. Sách *Tiếp-ký* của Võ-công Phương-Đề có chép cái truyện Phạm Trấn và Đỗ Ưông khi đỗ về vinh-qui ganh nhau đi trước, khi đến cầu Phú-cốc 富 穀, có thi nhau làm bài thơ « *Cô Lan bán hàng cầu Cốc* ». Thiết-tưởng đó là cái việc sau khi đã đỗ rồi, chẳng thế thì trước khi Phạm Trấn chưa đắp con đường mới ấy, phía tây cầu Phú-cốc, vẫn sẵn có một con đường đi thẳng đến Cầu-lam, việc gì lại còn phải qua cầu Phú-cốc nữa. Lại trong truyện *Tiếp-ký* có chép cái việc Phạm Trấn có tặng cho cái nhà mới người làng Minh-luân một câu thơ cổ rằng : « *Nhật nhật thọ vinh hoa 日 日 壽 榮 華* ». Chữ thọ 壽 nguyên là chữ thụ 受, về sau mới kiêng chữ thụ-tử 受 死 đọc tránh ra là chữ thọ 壽, sách *Tiếp-ký* cứ nhận theo thế mà không đổi.

Bùi Thế-Vinh

Các bậc tiên-triết làng ta thì chỉ thấy truyền có Bùi-công Thế-Vinh 裴 世 榮 từ đời nhà Mạc trở về sau, còn từ đấy trở về trước thì không nghe thấy nói có người nào cả. Ta khi nhỏ thấy các bậc trưởng-giả nói lại rằng làng ta còn có Quỳnh quận-công 瓊 郡 公. Vân quận-công 雲 郡 公, theo đi đánh nước Chiêm-thành có công, nhưng không xét rõ được tên họ là gì. Đến khi ta lớn lên đọc sách *Tiền-triều thực-lục* thì thấy đầu năm Quang - thuận có những bậc Tĩnh - mạn công-thần, khoảng năm Hồng-đức có các quan ngũ-phú đại-thần, cứ theo chế-độ hồi Lê-sơ thì được phong huyện-hầu, hương-hầu, đình-hầu, á-hầu, quan-phục-hầu, chứ chưa có người khác họ nào được phong đến quận-công cả, mới nghi đời truyền thế là không phải. Sau đọc đến sách *Ô-châu cận-lục* 烏 州 近 錄 thấy chép ở Thuận - hóa có Thanh quận - công 淸 郡 公 theo Vua Thánh-tôn đi đánh Chiêm-thành, có công cũng được phong tước, thế thì những các quan dị-tính lúc bấy giờ cũng được gia phong tước, tiếc rằng sách-vở bỏ sót không biết tra xét đầu cho đích-xác được.

Bùi-công Thế-Vinh người làng ta đỗ tiến-sĩ đời nhà Mạc, bà thủy-tổ-ti họ bản-tôn ta là về dòng họ ấy. Đấng tiên-đại-phụ ta đã phụ chép hành-trạng ngài vào gia-phả, còn sự-trạng đại-lược lúc bình-sinh ta cũng đã chép vào sách *Tang-thương ngẫu-lục*. Khi ngài mất chôn ở phía đông-nam làng ta, người ta vẫn gọi là lăng quan Tự-khanh. Sau người làng ta là An-bình Võ-hiệu-quan lập trường giảng-học ở đấy, bóng thông luống đất không còn di-tích gì cả. Ông ngoại-cửu ta là Thượng-thư Võ-công lại lập sinh-phần ở chỗ đất ấy, về sau lập ra nhà thờ, đắp ra vườn trại, bản-lai diện-mục chỗ đất ấy lại

càng làm sai-lạc mãi đi. Ông Ngai là bậc tiên-đạt làng ta, cách nay mới độ hơn hai trăm năm, thế mà nơi làng mộ xây đắp không được cẩn-thận đến sai-lạc đi, thì người sau không thể chối-từ được cái trách ấy. Song tỉnh Hải-dương ta từ đời Lê trung-hưng trở về sau, loạn-lạc luôn mãi, những lăng-tăm của các bậc tiên-hiền mai-một đi mất nhiều, không những là một lăng-mộ của Bối-công Thử-Vinh, vậy nên cồ-nhâu đã có cái qui-chế lập ra thiên-biểu mộ-chi phải xây đắp cho kỹ-càng cẩn-thận.

Võ công Thạnh

Người làng ta là Võ-công Thạnh 武公晟, tổ là Hồng-linh-hầu làm tru-thủ xứ Hải-dương, phụ là quốc-lũ-sinh Võ-công khi nhỏ nhà rất nghèo, cha con không thể nuôi nhau được. Người làng đắp lũy bắt đi phu-dịch, nhưng sức ông yếu không thể kham nổi, phải bỏ đi ra ở chùa Báo-thiên huyện Thọ-xương, rồi vào thụ-nghiệp trường quan Võ-công người Mộ-trạch. Trường quan Mộ-trạch khi ấy ở về ngõ Thừa-tử phía đông nhà Thái-miếu. Cậu con quan Võ Mộ-trạch vẫn có tiếng hay chữ. Khi ông vào nhập-môn là n mấy kỳ văn đều đệ-nhất cả. Cậu công-tử ghen tức, dặn anh em đồng-môn cứ buổi sớm đón eo ở trước ngõ nhà ông, thường là n quân-phục ông luôn, ông phải lần đi đường khác, mà cũng thường bị phải học-trò làm khổn-khổ, sau phải bỏ học không dám đi nữa. Quan Mộ-trạch hỏi ra mới biết, từ bấy giờ cậu công-tử không dám ghen tức nữa. Ông học-nghiệp càng ngày càng tấn-tới, hơn mười tuổi đỗ hương-nguyên trường Phụng-thiên (thực Hà-nội). Đến hơn hai-mươi tuổi đỗ thám-hoa, làm lên đến Tự-khanh được vào bồi-tụng phủ-đường, chúa Trịnh lấy làm luyện-ái lắm n. Một ngày kia, gặp bữa ngự-thiện nhà chúa xơi cá chằm rất ngon, chúa mới sai lấy một

khúc cá dọn cơm, với ông vào cho ăn ở trước mặt. Ông ăn cơm mà đề cá lại, nhà chúa lấy làm lạ mới hỏi. Ông thưa rằng: « Xin đề dành đem về cho mẹ ». Chúa lấy là n khen, lại sai lấy khúc cá khác ban cho mẹ ông. Đến khi lấy ra thì chỉ còn khúc đuôi cá, ông mới ăn khúc đuôi cá mà đề nguyên khúc trước đem về cho mẹ. Nhà chúa lại càng lấy làm kính-trọng lắm. Chúa được bao lâu, vì can-ngăn về sự nữ-sắc trái ý chúa Trịnh, phải bãi quan về, mới mở trường dạy học ở trại Hào-nam huyện Quảng-đức (tức là làng Thnh-hào huyện Hoàn-long bây giờ). Học trò trường ông thành-đạt đến hơn bảy-mươi người. Ông cùng với Nguyễn-công Đình-Trụ 阮廷柱 người làng Nguyệt-áng huyện Thanh-trì đều là bậc sư-phạm cho kẻ học-giả. Một hôm nhà ông có giỗ, các học trò làm quan tại triều, đều về họp cả ở nhà ông, chợt khi ấy Trịnh-phủ cho đòi các quan vào hầu, mà không có một người nào chực hầu cả. Chúa Trịnh mới hỏi, kẻ lại-phòng mới nói thực là các quan về lễ giỗ nhà ông thầy ở Hào-nam. Chúa Trịnh cũng cho xong việc rồi thì sẽ vào hầu. Em ông là Huyên 暉, con ông là Huy 暉 đều đỗ tiến-sĩ đồng-khoa. Ngày hôm vinh-qui, ông có câu đối rằng:

Hồng triều tam tiến-sĩ,

同朝三進士。

Nhất nhật lưỡng vinh-qui.

一日兩榮歸。

Người ta vẫn còn truyền-tụng. Sau ông mất ở làng Hào-nam, chôn ở xã Quang-liệt huyện Thanh-trì, đến nay phong-thanh vẫn hãy còn. Những người hành-khách đi ngoài quan-lộ qua làng ta thường tỏ bảo rằng: « Kia là làng cũ quan Võ Thám-hoa đấy! »

Văn-thê

Từ đời Lê trung-hưng trở về sau, văn-thê càng ngày càng ti-nhược c, đã

hàn rõ ở trong tập *Cát-xuyên tiệp-bút* 吉川捷筆 của Trần Công-Tiến 東公龍. Ta thường xét về văn-hiến nước ta, văn đời Lý thì cò-áo xơ g-kính, phẳng-phất như văn đời nhà Hán, xem như bài chiếu vua Lý Thái-tôn thiên-dô Long-biên, bài hịch vua Lý Thái-tôn kê tội Vương An-Thạch, và bài di-chiếu của vua Nhân-tôn thì biết. Đến văn đời Trần thì lại hơi kém đời Lý, nhưng cũng còn điển-nhã hoa-thiệm, nghị-luận phò-bày đều có sở-trường cả, so với những văn các nhà danh-gia đời Hán Đường, cũng phần nhiều còn tương-tự. Gián-hoặc cũng có đôi ba bài giá đề lẫn vào trong tập văn Hán Đường cũng không khác gì, chữa đề mấy người đã biện ra được.

Đời Tiền-Lê từ năm Thuận-thiên trở về sau, các bài văn còn truyền lại cũng nhiều, duy có văn ông Nguyễn Trãi 阮 應 như bài *Vĩnh-lãng thần-đạo bi*, bài chế *Hạ giá Vệ-quốc trường-công-chúa*, và văn ông Võ Vĩnh-Trình 武 永 禎 như bài chế tiến-phong Su-g-viên phụng-sự lạy vua Thái-tôn. Tuy rằng công-phu sức-lực không đều, nhưng cái thể-tài khí-hách cũng còn theo gót được cò-giá. Còn như bài *Bình Ngô đại-cáo* năm Thuận-thiên, những bài sớ của các quan đại-gián năm Thiệu-bình, bài chiếu *Nam-chinh Chiếm-thành* năm Hồng-đức thì những bài ấy đều là tay đại-thủ-bút khi bấy giờ thảo ra cả, nhưng khí-lực không được hậu, mà lập thể văn lại chuộng mới, cũng còn có từng câu từng chữ không được ổn-thỏa, hoặc trước sau đầu đuôi có chỗ tinh-thô thuần-tạp không được chái-chuối đều nhau, so với văn đời Lý đời Trần hình như đương ở trên núi mà xô xuống dưới bờ thấp, kể ra còn nhiều, xem đại-khái đó thì biết.

Khoảng năm Minh-đức Đại-chính, khi-thế càng ngày càng kém, những kẻ tao-nhân văn-sĩ đều đua nhau theo lối văn khinh-phủ, so với đời Tiền-Lê lại càng kém lắm. Song sĩ-tập còn chữa đến nỗi hủ-lậu, vậy nên học-vấn, văn-chương, chính-sự, công-nghiệp, cũng không kém gì cò-nhân mấy, vì là học-hành cũng không đến nỗi mếch-lệch hủ-lậu sai-lầm lắm. Đến đời Lê-trung-hưng thì cái danh-nghĩa khôi-phục tuy rằng chính-đáng thật, nhưng quyền về Trình suy-phủ, những người thân-sĩ Thanh Nghệ phần nhiều được chiếm-cử nơi yếu-tân, cái phong-thanh khí-tập có khác với cái thời khoan-hòa bình-dị đất Tư-Tuyên (1) ta. Về lại cái đức-chính của đời Minh-đức Đại-chính nhà Mạc vẫn còn cò-kết nhân-tâm chữa đã quên hết. Vậy nên vận trời đã về nhà Lê mà nhân-tâm hướng theo nhà Mạc vẫn chữa về hết, những kẻ thông-nho văn-sĩ đời bấy giờ còn nhiều người nấu hình giấu bóng không chịu ra, mà những kẻ ra ứng với đời thì ít kẻ bác-học mà nhiều phường bỉ-lậu. Các người học trò Thanh Nghệ thì trải qua buổi loạn-lạc không được học mấy, đến khi ra làm quan chiếm-cử được nơi yếu-tân coi giữ việc công, thì chỉ tự-dụng ý mình muốn thắng hơn tiền-nhân, những khi giảng học và thi học trò, thì phạm nững đại-nghĩa Kinh Truyện và nguồn gốc trị-loạn đặc thất cò kim, không mấy người đề ý đến đề khảo xét cho tinh, chỉ chuyên học những bài chú-thích, bài nghị-luận của các nhà hậu-nho, và nhặt lấy những câu đầu đề hiềm-học để ra văn cho hay. Những kẻ hòng lấy công-danh thì chỉ theo đòi hóng gió, nhặt lấy những chữ bã mía của tiên-nho, tập làm cái lối văn-chương chi-diệp chớ không có căn-bản gì cả, cái ý

(1) Đất Bắc-kỳ khi xưa về đời Lê chia làm bốn trấn Thừa-tuyên, nên gọi là Tư-Tuyên.

lập-giáo tác-nhân của đời Lý đời Trần khi xưa vì thế mà biến đổi hết sạch, tích-tập quen đi đã lâu thành ra những kẻ học cử-tử chỉ đem những bài chính-văn trong Kinh Truyện cắt đứt ra từng đoạn từng câu, chuyên học thuộc lòng những bài tiêu-chú đề làm văn, mà nhất là những bài bàn luận trong sách Sử thì lại càng phải học thuộc lòng lắm. Đến khi may mà đỗ đạt, phải đương đến đại-sự, bàn đến đại-lễ, thì chỉ cầu-thả vơ-váo làm cho xong việc thì thôi, còn đến như chế-độ văn-vi tặt-vật cũng lắm điều khó coi lắm. Sĩ-tập như thế mà mong làm được công việc kinh-bang tế-thế để giúp cho nhà nước sao được.

Phép thi

Từ đời Lê trung-hưng trở về sau, đình-thí 廷試 thi thi bài chế-sách, hội-thi 會試 hương-thí 鄉試 cũng toàn thi lấy văn-chương cả, những kẻ vu-nho khúc-sĩ chỉ biện-nạn lém-lỉnh mấy câu khẩu-dầu, cách thi-cử như thế thì sai mất cả cái sơ-ý đời xưa làm-hiên sách-sĩ. Còn như bài phán-văn 判文 là một lối văn phán-đoán lý-sự, ta thường thấy thi khoa Đông-các có ra một bài phán về việc « dụ cửu-giáo cử di-sĩ », ông thám-hoa là Phạm Khiêm-ich 范謙益 có làm bài phán ấy mà thể văn không hợp cách-thức, thực là buồn cười. Ôi ! Cái việc tuyên-dụ cửu-giáo, cử lấy kẻ di-sĩ, thì có phải trái khúc trực gì mà phải phán-đoán, ra đầu bài như thế thì dấu bậc Hàn, Liễu, Âu, Tô, cũng ki ông thể lý-hội ra thế nào mà làm được, không những là Kim-son Phạm-công mà thôi.

Đời nhà Hán có đặt ra khoa hiên-lương phương-chính, thực là một thịnh-diễn đề dãi kẻ phi-thường, mà cầu lấy người tài. Đời Đường, đời Tống có đặt ra chế-khoa, chia ra có năm bậc, ăn-diễn trong các loại khoa tiến-sĩ. Ông

Bạch Cư-Dị 白居易 đời Đường, ông Tô Thức 蘇軾 đời Tống, lấy là bậc cao-tài thực-học mà chỉ đỗ đến bậc thứ hai. Từ năm Gia-hựu trở về sau, chế-khoa đệ-nhất-danh vẫn đề không, không lấy ai đỗ đến bậc ấy, là đề cho trọng-vọng. Nước ta từ đời Lê trung-hưng mới mở ra thi Chế-khoa, ông Nguyễn Văn-Giai 阮文階 đỗ nhị-giáp đứng đầu khoa thi ấy, sau làm bậc danh-tướng đời trung-hưng. Đầu năm Chiêu-thống lại mở ra thi Chế-khoa, tòa Bình-chương các quan hội lại ra đầu bài văn sách, khi bấy giờ Bằng-quận-công là Nguyễn Hữu-Chỉnh 阮有整 làm quan Đại-tư-mã, các quan văn hội ra đầu bài, soạn xong rồi đem trình Nguyễn Hữu-Chỉnh, Chỉnh xem rồi cười mà rằng: « Tôi là võ-thần đâu dám vọng-nghị, nhưng Chế-khoa là cốt tuyển-cử lấy bậc hiên-lương phương-chính, mà bài chế-sách lại ra như thế ư ! » Các quan nín lặng không trả lời. Sau đem đầu bài ấy tiến lên ngự-lâm, rồi cho học trò thi, thi khoa ấy lấy đỗ được hai ông là: Trần Bá-Lãm 陳伯覽 và Nguyễn Gia-Cát 阮嘉吉.

Thể văn kinh-nghĩa

Đời Lê trung-hưng thể văn kinh-nghĩa thi chia ra có bảy tiết, từ câu phá câu thừa đến đoạn khởi-giảng khai-giảng, trung-cổ, hậu-cổ, thúc-kết là hết; trong bài văn thi cứ phải theo nghĩa đại-chú mà làm, chứ không được cầu-kỳ làm mới ra, nên học trò chỉ chuyên học lấy nhớ nghĩa chú-thích là đủ, như thế thi không phải là cái chế-độ minh-kinh thi-sĩ của người đời xưa. Về sau này lại cứ quen dùng đầu bài cũ, học thuộc lòng lối văn cũ là được, nên càng ngày càng sai-lạc mãi đi. Khoảng năm Ch� h-hòa Bảo-thái ông Nguyễn Công-Hăng 阮公沆 sang sứ Tàu xét hỏi được bên Tàu có thi khoa minh-kinh, khi trở về vào làm tướng có khởi-nghị muốn đặt ra khoa minh-kinh để thi học trò,

nhưng sau lại thôi. Trong sách *Kiến-văn tiêu-lục* 見聞小錄 của ông Lê Qui-Đôn 黎貴敦 đã thường bàn đến lối văn bát-cổ có dẫn lời dụ-chỉ của vua nhà Thanh nói rằng: «Lối văn bát-cổ không có quan-thiết gì đến trị-thể cả.» Ý là ông ấy không muốn đòi theo phép thi đời nhà Minh. Ôi, lối văn bát-cổ tuy rằng không có quan-thiết gì đến trị-đạo, nhưng tập làm được lối văn ấy không phải người học quán-suyển cả kinh truyện thì không hay hạ-bút mà viết đi được. Thế thì lối văn bát-cổ đời nhà Minh so với văn kinh-nghĩa cựu-thể của nước ta chỉ y-dạng họa-hồ, lại chẳng còn hơn ư? Lời vua nhà Thanh mà nói như trên kia là trở những lối văn phá-toái liệt-diệt đương lúc đời nhà Thanh, chứ không phải chỉ-trích gì đến những văn hùng-hồn bác-nhã của ông Vu Khiêm 于謙, Hồ Sĩ-Trinh 胡士貞, Vương Ngao 王鏊, Vương Thế-Trinh 王世貞, Hùng Đình - Bất 熊廷弼. Khoảng năm canh-tí đời Cảnh-hung có bàn cải-định lại thể văn kinh-nghĩa, khi bấy giờ ông Nhữ Công-Trân 汝公瑱 lấy là chức phiên-liêu được dự vào soạn-định văn-thức, mới đem những bài đại-chủ tiêu-chủ trong sách cứ theo thứ-tự chấp nối lại sửa sang cho thành ra một bài văn-thức, rồi đem niêm-yết ra ngoài phủ-đường và các học-đường, để làm qui-thức cho học trò cứ thế mà theo. Nhưng thể-văn ấy lại vụn-vặt phù-hoa không bằng thể văn cũ là hơn. Cuối đời nhà Lê ông Ngô Thời-Nhiệm 吳時任 lại thích lối văn bát-cổ mà cử ông Nguyễn Hiến 阮憲, ông Trần Văn-Vĩ 陳文偉 ra làm trưởng-giáo nhà Thái-học để dạy học trò, quan trưởng-giáo đã không thiết-phục sĩ-vọng, nên học trò lúc bấy giờ chỉ quen tập lối văn sáo cũ, không hay giảng-minh được đại-nghĩa Kinh Truyện, những bài văn-nghệ làm ra, chỉ nhặt nhạnh những cái thuyết nông nổi hoang-đường để cùng khoe-khoang mà thôi.

Thể văn tứ-lục.

Lối văn tứ-lục 四六 là một biến-thể của lối cổ-thi. Lối cổ-thi có *phong* 風 nhã tụng 頌 phú 賦 tỉ 比 hứng 興 sáu nghĩa, mà phần nhiều là thể tỉ thể hứng. Lối văn tứ-lục thì chỉ dùng câu biền-lệ mà chuộng làm cho điều-chác dụng công. Đời nhà Hán thể văn tứ-lục rất hùng-hồn không có kể gì thanh-luật cả, đó là một lối văn tứ-lục cổ-thể. Đời nhà Đường mới bắt theo vào thanh-luật, văn-từ rất là hoa-lệ. Người đời nhà Tống cứ nhân theo lối văn ấy, nhưng khi-lực hơi kém. Từ đời vua Tống Nhân-tôn trở về sau, có nhà họ Tô Đông-pha mới sáng-nghĩ ra một thể-cách mới, trong bài văn tứ-lục không chuộng khắc-hoạch lấy lời hoa-diêm, chỉ cốt làm những câu đối-ngẫu cho nhất-khí, thành ra một lối văn riêng một nhà, phần nhiều là thể phú chứ ít câu theo thể tỉ thể hứng, đó cũng là thể văn tứ-lục nhất-biến. Từ đời Nguyên đời Minh trở về sau, thể văn tứ-lục ý-từ hàm-súc không bằng đời Đường, thể-cách hùng-hồn không bằng đời Tống, tưởng cũng là khí-vận xui nên thế vậy.

Thể văn tứ-lục nước ta thì theo thể văn đời Nguyên đời Minh, khoảng năm Hồng-đức những bài văn tứ-lục chép trong *An-bang thi-lục* đã từng được người Tàu khen ngợi, xem đó cũng đủ biết được một phần. Ta thường xét những bài văn tứ-lục từ đời Lý, đời Trần, đời Mạc, và những bài biểu-chương chế-sách đời Lê, thì biết rằng trong khoảng trước sau đời Đoan-khánh chính là một đại-cơ đương lúc thuần ly thăng giáng. Từ đời Đoan-khánh trở về trước, những bài văn tứ-lục có nhiều câu cảnh-cú, mà lập-ngôn đại-ý thông-thiên có khí-phách, không mấy bài kém lắm. Từ năm Đoan-khánh trở về sau, thì văn tứ-lục đã thiệp về lối khinh-phù sơ-tán, đến

đời Lê trung-hưng lại càng tệ lắm, hoặc chỉ đặt câu-kỳ từng câu một, mà ít thấy bài nào xan-xê thêm bớt cho đặc-nghi.

Thể thơ

Nguyên ủy thơ như thế nào, thì các tiên-nho xét đến thơ đã phản-phúc bàn nói kỹ cả rồi không cần phải kể ra đây nữa. Đến đời Hán lấy bốn chữ năm chữ làm ra thơ tứ-ngôn ngũ-ngôn, lại còn lối thơ theo đúng thanh-luật mà hiệp vào đàn sáo, tùy từng xoang - điệu có câu dài câu ngắn sâm - si khác nhau, thì gọi là thơ *nhạc-phủ* 樂府. Thơ thất-ngôn thì phần nhiều hiệp theo vần bằng mà làm trùng vào âm-luật, thì gọi là *ca* 歌, đó cũng là chi-lưu lối thơ *nhạc-phủ*. Còn những bài phò-tự bằng-phẳng, đặt ra nhiều câu, mỗi câu nhiều chữ, hoặc trước lưng lên mà sau giồn lại, hoặc giống như bài ca mà cũng gồm cả lối thơ, thì gọi là bài *phủ* 賦. Đến như những bài *tụng* 頌 tán 贊 châm 箴 minh 銘, cũng là chi-lưu về lối *phủ*. Từ đời Ngụy Tấn trở về sau, lối văn *thi ca phủ lục* từ-điệu càng hay bao nhiêu thì khi lại càng kém. Đến đời thiêu-đô Giang-tả lại lần thêm thuyết hư-vô mà lưu về đường ti-nhược, cũng là thể-văn xui nên thế vậy. Đời Lý-Đường khởi lên, thì thơ ngũ-ngôn chia ra có cổ-thể, cận-thể, và ngũ-ngôn luật, ngũ-ngôn bài-luật, ngũ-ngôn tuyệt-cú. Thất-ngôn cũng chia ra có cổ-thể cận-thể, và thất-ngôn luật, thất-ngôn bài-luật, thất-ngôn tuyệt-cú, cùng là lối trường đoản ca hành 長短歌行. Các thể thơ thì có thể tỉnh-thí, phủ-thí, ứng-chế ứng-giáo, thư-hoài, tức-sự, lẵng-đáp, phú-vịnh và những bài họa-vần, bài liên-cú. Ấy cái thể-tài âm-luật của các nhà làm thơ đến thế đã đủ kỹ lắm rồi, mà cái phép thi học-trò từ đó cũng mới lấy thơ làm trọng. Tỉnh-thí phủ-thí thì chuyên dùng lối thơ ngũ-ngôn

bài-luật, ứng-chế ứng-giáo thì kiêm dùng cả lối thơ ngũ-thất-ngôn-bài-luật. Tự-trung cũng có bài quan-vận 關韻 là hạn dùng một vần gì đó, hoặc đề-vận 題韻, là lấy một chữ đầu đề mà hạn vần. Còn các bài *nhạc-phủ thi-vận*, *tụng tán châm minh* và các thể *phủ*, thể văn nào cũng đều chia ra có điều-tự, rõ-rệt thành-chương, vậy nên học trò thời bấy giờ người nào cũng cấp hồn châu, chứa ngọc bích, đua tài với đời Tấn Ngụy, đảo bước lên bậc phong-tao, thực là thịnh-mĩ không đời nào hơn vậy. Thơ đời nhà Tống thì cũng có nhiều câu cảnh-cú, nhưng phú-vịnh thì thiệp về lối thô-sơ, tỉ-hứng thì mắc về đường chướng-tế, so với thơ đời Đường gần theo kịp được kinh Thi ba trăm thiên thì đời Tống không bằng. Người đời Nguyên thì khéo làm từ-khúc hay, nhưng mà thơ thì ủy-mĩ. Người đời Minh thì chỉ chuộng làm thời-văn cho giỏi, mà thơ thì tiêm-mĩ quá, ý cũng muốn học theo thơ Đường mà sai-lạc đi vậy.

Nước ta, thơ đời Lý thì cổ-áo, thơ đời Trần thì tinh-diễm thanh-viên, đều có sở-trường hay cả, cũng như là thơ đời Hán đời Đường bên Tàu vậy. Từ đời hai họ Hồ trở xuống, năm Thái-bảo trở lên, cũng còn giữ được cái mối thừa của đời Trần, nhưng mà thể-tài khí-phách càng ngày càng kém. Từ năm Quang-thuận cho đến năm Diên-thành thì lại theo học lối thơ người đời Tống; lối thơ đời Lý đời Trần đến đó là một hồi nhất-biến. Thơ đời Lê trung-hưng thì chỉ nệ về hành-sích, hru về ty-bỉ, không kể làm gì. Trong khoảng năm Vĩnh-hựu Cảnh-hưng các bậc tiền-bối danh-công cũng có nhiều ông lưu-ý về thi-luật, mà Nguyễn-công Tôn Khuê 阮宗室 thực là một tay lĩnh-tự về thời ấy, thứ hai đến Nguyễn-công Huy-Oánh 阮輝瑩, rồi đến Hồ-công Sĩ-Đống 胡士棟, cùng kế-khởi lên mà đều tự-lập làm một nhà danh-thi. Ta

lại thường xem xét thơ của các bậc tiền-bối, như thơ của Phúc-khê-công 福溪 thì tinh-tiêm đẹp-đẽ mà có phần vụn-vặt quá, Lai-thạch-công 萊石 thì vị-trí thanh-cao, nhưng mà vẫn ra cố ý mô-phỏng. Thơ của Hoàn-hậu-công 完厚 thì chủ lấy khí-phách, không thêm lấy điêu-khắc vẽ-vời làm khéo; thi-học đến đời ấy đã trung-hưng lên được, nhưng so với các nhà thi-gia đời Lý đời Trần, thì cũng chưa thể sánh bằng được.

Còn đến như lối thơ trường-ốc của các cử-tử, thì từ đời Tiền-Lê trở lên, tuy chữa bằng được cồ-nhân, nhưng cái ý mệnh-đề cũng còn phảng-phất. Đến đời Lê trung-hưng thi-cử chuyên dùng lối thơ thất-ngôn-luật, có câu phá-đề, nhập-đề, câu thượng-trạng hạ-trạng là hai câu tam tứ, câu thượng-luận hạ-luận là hai câu ngũ lục, rồi đến hai câu thượng-kết hạ-kết; quan-vận thì tất phải áp vần vào câu nhập-đề thứ hai, câu-nệ cục-súc quá, xưa nay không có thể bao giờ, vậy nên những bài thơ cử-tử, đều là cẩu-thả su-thời, toàn là bỉ-lái cả. Thiết-tướng trong khoảng đời Lê hai trăm năm, những bậc cao-tài thạc-học xuất-hiện ra ở đời cũng nhiều, mà chỉ ách về trình-hạn, nên không được mấy bài thơ truyền-tụng. Ứng-chế đông-các thi dùng lối thơ tràng-thiên ngũ-ngôn bài-luật, bài dài thì có đến bảy mươi vắn, ngắn thì năm mươi vắn hoặc ba mươi vắn, quan-vận thì phải áp vần vào câu đầu, đầu đề đã khó mà vần thơ lại ngắt-ngồi cố làm bó buộc đề cho khó khăn. Ta thường xem những đầu đề và vần thơ về thi hội thi hương thì rất khó; đến khi ta xem sách *Cát-xuyên-tiếp-bút* thấy có câu thơ ứng-chế mà viết liều rằng: « *Thời hàn phùng tri-trị 時欣逢至治. thần nguyện thú tam thê 臣願娶三妻.* » thì ai cũng phải bật cười!

Thề văn sách

Sách *Châu-quan* chép rằng: Lời của nhà vua phát ra gọi là sách 策, tức như những lời sách-mệnh 策命 lời điển sách 典策, chép ở trong các truyện ký. Đến đời Hán vua thiên-tử mới lấy bài sách thi học trò, kể ra có hai thể sách. Một là thể chế-sách 制策, là đem cái nguồn gốc trị loạn cồ kim và những điều chỉnh-sự đặc-thất hiện đương thi-hành lập ra đầu đề đề hỏi học-trò, học-trò cứ lấy sở-kiến mà điều-trần đối-dáp, gọi là đối-sách, trước nhất có những bài văn đình-đối của Đổng Trọng-Thư 董仲舒, Công-Tôn Hoảng 公孫弘. Đời Đường thì có Lưu Phần 劉蕡 vì đối sách nói thẳng quá mà phải hạ-đệ, đời Tống thì có Diệp Tồ-Hợp 葉祖洽 đối sách a-dua mà được đỗ đầu. Tô Đông-Pha 蘇東坡 có soạn bài đối-sách ngự-thí tiến-sĩ đem tiến trình. Đời Nam-Tống có bài văn đình-đối của ông Văn Thiên-Tường 文天祥, các quan đọc-quyền phải khen quyền văn đình-đối ấy: « Cồ-nghị như qui-giám, trung-can như thiết-thạch ». Cùng là những bài văn sách thi trạng-nguyên đời gần đây, đều là thể văn đối-sách cả. Còn như Chế-sách tức là đầu đề bài đối-sách, như là vua Võ-đế nhà Hán ngự ra ngoài hiên ra ba bài sách thi học trò. Đời Nam-triều nhà Lưu-Tống có ra năm bài sách thi kê tú-tài, nay đều chép ở trong sách *Chiêu-minh văn-tuyển*. Cùng là những đầu bài chế-sách của nhà vua ra khi đình-thí. Hai là thể văn thí-sách 試策 là khi ở ngoài quận-quốc có cử những người học trò minh-kinh lên, thi hoặc thiên-tử thân ra bài sách hay là quan Thái-thường bộ Lễ ra đầu bài, thì chỉ chuyên hỏi về đại-nghĩa trong một kinh của mình học-tập và những nghĩa trong sách *Hiếu-kinh Luận-ngữ* đặt ra đầu đề mà hỏi gọi là thí-sách. Người nào chuyên học kinh nào thì cứ lấy cái thuyết của

minh số-học mà đem ra đối-đáp, lối văn ấy thì chỉ cốt ghi nhớ những điều truyền-thu, chứ không phải làm cho điều-chác, gọi là lối văn xạ-sách.

Sách Hán-thư : Vua Hà-gian Hiến-vương vào châu, vua Vũ-đế có ra bài sách hỏi ba mươi điều, Hiến-vương đều hay đối-đáp được cả. Vua Vũ-đế xuống chiếu khen rằng : « Xưa kia vua Thang khởi lên từ bảy mươi dặm đất, vua Văn khởi lên từ một trăm dặm, nay vương nên học cho cố gắng lên ! » Hiến-vương từ khi trở về nước lại vui chơi uống rượu quá mà mất.

Đời Đường ông Dương Duy 楊維 xin đổi cái phép thi khoa minh-kinh và những lối ra năm bài sách hoặc ba bài sách. Đời Tống ông Phạm Thuần-Nhân 范純仁 khi vào thi gặp bài sách hỏi về Tử Sản có bốn điều đao quân-tử là những gì ? Ông đáp lại rằng : « 1^o Trị mình phải cung, 2^o chấp-sự phải kính, 3^o lấy điều nghĩa sai khiến người, 4^o lấy điều huệ yêu dân. » Ấy đại-khái cái thể-văn thi-sách, xạ-sách là như thế. Từ đời nhà Minh trở về sau mới hợp nhà học-hiệu và việc khoa-cử làm một, đến khi tuyên người vào chốn công-triều thì chỉ lấy khoa tiến-sĩ làm định-thức để tuyển người, lúc thi đình thi kiêm cả thể văn chế-sách và thi-sách mà ra một bài chế-sách đề hỏi, đến khi học trò làm văn đối-đáp thi kiêm cả thể văn đối-sách và xạ-sách, gọi là thể văn đối-sách. Làm như thế là để cho những người học chuyên-kinh không những chỉ thiên về học huấn-hồ mà thôi, mà những người học kinh-thế thì không đến nỗi hư-phù thành ra lông-bông quá, cái ý ấy thực là hay. Nước ta đời Lý đời Trần những bài sách thi học trò ta chưa được từng trông thấy. Đời Tiền-Lê thì học-qui thi-pháp chép đủ cả ở trong thực-lục, mới chuyên lấy văn-sách đề làm qui-thức thi hương, thi hội, thi

đình, đó cũng là theo phép nhà Minh mà châm-chước lại. Ta thường thấy năm Hồng-đức thứ hai mươi mốt có ra bài chế-sách rằng : « Từ đời xưa các đấng minh-vương thánh-chúa trị trong cõi đời, đều phải lấy cử-thanh sách-trọc, lý-tài khừ-tham làm việc đầu trước nhất, v. v. . . » Đầu bài văn sách ước độ hai trăm chữ đại-lược trước hỏi về những sự đặc-thất của đời xưa rồi thứ đến những việc thi-hành đương-thời bấy giờ. Hỏi ra một cách hờn-dung rộng rãi, không phải người học quán-xuyến cò-kim thì không thể hạ-bút mà viết đi được, vậy nên đặc-nhân thịnh lắm, không phải những đời gần đây kịp được. Từ năm Diên-thành trở lên cái phong-thói ấy hãy còn, đến năm Quang-hưng trở về sau, thì người ra đầu bài chỉ chuyên hỏi về những câu hiểm óc khó khăn, mà người đối-sách thì chỉ cốt ghi nhớ được văn cũ là hơn. Trong một bài thi-sách có đến và mươi mục, mỗi một mục có đến ba bốn đoạn gọi là mục văn-sách. Người nào xem rộng nhớ nhiều thì mỗi đề trả lời lại được mười sáu mười bảy đoạn, mỗi đoạn chỉ nhớ được vài ba mươi chữ chứng-thực ở trong sách thì có thể đoạt-giáp tranh-khôi được, làm văn như thế thì sao hay thương-xác việc cò-kim, bình-luận sự đặc-thất, đề cho tỏ cái số-học ra được. Gần đây đầu bài văn-sách lại chỉ chuyên hỏi về một mục, bài nào dài thì độ và mươi đoạn, ngắn thì độ hơn mười đoạn, ít ra thì độ bốn năm đoạn, chỉ đem những nghĩa vật trong kinh truyện sử sách rồi vận-veo hỏi đi hỏi lại, gọi là văn-sách đề-án. Kể đối-sách thì chỉ khiến - cưỡng ý - nghĩa tùy theo từng chỗ giải-thích mà trả lời, chỉ cầu cho trúng ý khảo-quan là được, còn đến như ý nghĩa tinh-vi của cò-nhân thì không rồi xét đến nữa. Vậy nên kẻ đỗ-đạt làm quan thì ít kẻ công-chính mà nhiều người thiên

lệch. Đến lúc tri-sĩ về ở nhà, hoặc là phải giải-chức thôi làm quan, thì ngày thường vô-sự, chỉ xui giục kẻ kiện cáo điều-toa, đó cũng là thời-vận xui nên thế vậy. Khoảng năm giáp-thìn ất-tị đời Cảnh-hưng, nhà Giám-trụ (văn-miêu Ha-nội) thường khi trước ngày sóc ngày vọng họp học trò lại bình văn, các quan văn đều đến hội-họp, người đến nghe bình-văn vòng trong vòng ngoài đông như kiến. Khi ấy có một người đàn bà đến trước cửa nhà Giám muốn xin vào chiêm-yết, lính canh đuổi ra không cho vào. Người đàn bà ấy mới

đứng trông vào trước nhà Giám vái lạy mà rằng: « Chẳng hay khi xưa ông thánh-nhân lập-giáo thế nào mà nay các quan hễ hạ ngòi bút xuống phán-đoán một lời, thì là không còn kêu vào đâu được nữa. » Người đàn bà ấy vừa lạy vừa khóc mà đi, Ôi ! kẻ đàn-bà hạ-ngu ấy chẳng trách làm chi, nhưng các ngài lấy là bậc văn-học làm nên quan mà để cho dân đến nổi thế, thì nỗi lòng nào !

(Còn nữa)

HÔNG-CHÂU dịch

MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XIX

滕文公章句下

THIÊN ĐẰNG-VĂN-CÔNG HẠ

凡十章

(Phàm 10 chương)

I

也。尋。曰。則。大。然。諸。陳
宜。枉。以。則。今。侯。代
若。尺。霸。以。一。曰。
可。而。且。王。見。宜。若。
爲。直。志。小。之。小。見

Dịch-âm. — Trần-Đại viết : « Bất-kiến chư-hầu, nghi nhược tiểu nhiên ; kim nhất kiến chi, đại tắc dĩ vương, tiểu tắc dĩ bá. » Thả Chi viết : « Ưông xích nhi trực tâm ». Nghi nhược khả dĩ dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Trần-Đại nói rằng : « Nhà thầy chẳng đi yết-kiến các vua chư-hầu, điều đó dường như là tiết nhỏ vậy. Nay một đi yết-kiến để thi-thố cái đạo mình, lớn thì nên được nghiệp vương, nhỏ thì nên được nghiệp bá. Và sách Chi có nói rằng : « Khuất công một thước mà hay thẳng ruổi được một tầm. » Sự yết-kiến chư-hầu, dường như nên làm vậy. »

Chú-giải. — Trần Đại = Học - trò thầy Mạnh. Chi = Sách chép những lời thông-tục nói thường. Tâm = Tầm thước. Ưông-xích = Khuất công một thước. Trở về sự yết-kiến chư-hầu. Trực tâm = Thẳng ruổi một tầm 8 thước. Trở về sự nên nghiệp vương-bá.

Đây là Trần-Đại khuyên thầy Mạnh không nên chấp-nệ quá, vì điều mình phải khuất mà

(1) Xem Nam-Phong số 126.

yết kiến là việc nhỏ, mà điều mình thân được nêu nghiệp bá vương là sự-nghiệp lớn.

而	往	取	忘	忘	至	田	孟
往	也	焉	喪	在	將	招	子
何	如	取	其	溝	殺	虞	曰
哉	不	非	元	壑	之	人	昔
待	其	孔	勇	志	以	齊	
其	招	子	士	士	旌	景	
招	不	奚	不	不	不	公	

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Tịch Tề Cảnh-công điền, chiếu Ngu-nhân dĩ tình, bất chí, tương sát chi. » Chi-sĩ bất vong tị câu-hác ; dưng-sĩ bất vong láng kỳ nguyên ». Không-tử hề thủ yên ? thủ phi kỳ chiếu bất vãng dã. Như bất dã kỳ chiếu nhi vãng, hà tại. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ngày xưa vua Cảnh - công nước Tề đi săn, lấy cớ tình vờ kể Ngu-nhân, Ngu-nhân không đến, vua Tề toan giết Ngu-nhân. Ông Khổng khen rằng : « Kể chi-sĩ thường nghĩ dành ở chốn ngôi hang mà không hạn, kể dưng-sĩ thường nghĩ chết đến mất đầu cũng không sợ, kể Ngu-nhân chính tỵ giữ được như thế. » Ông Khổng khen về lẽ gì ? Khen về điều Ngu-nhân biết tự thủ không phải cái đồ vờ mình thì không đi. Ngu-nhân còn thế, nữa là quân-tử, nếu chẳng đợi chur-hầu vờ mình mà mình đi yết-kiến sao nên ?

Chú-giải. — Ngu-nhân = Một viên-chức coi giữ vườn-được cho nhà vua. Tình = Lệ thường, vua vờ qua đại-phu thì lấy lá cờ tình, vờ quan Ngu-nhân thì lấy cái mũ da. Bất vong = Không quên, thường đề lòng nghĩ đến mà không sợ hãi không ân-hạ. Nguyên = Cái đầu. Chi-sĩ = Trỏ người cố gìn-giữ lúc cùng-túng đầu chết ở ngôi hang cũng dành. Dưng-sĩ = Trỏ người coi binh sự chết. Hề thủ = Khen về lẽ gì ?

Đây là thầy Mạnh biện rõ ra cái ý không nên đi yết-kiến chur-hầu.

爲	而	枉	如	以	而	且
與	利	尋	以	利	直	夫
	亦	直	利	言	尋	枉
	可	尺	則	也	者	尺

Dịch-âm — « Tả phù ưỡng-xích nhi trực tâm giả, dĩ lợi ngôn dã. Như dĩ lợi, tắc ưỡng tâm trực-xích nhi lợi, diệc khả vi dư ?

Dịch-NGHĨA. — « Vả lại khuất một thước mà thân một tâm đó, là kể về phần lợi mà nói vậy. Nếu kể về phần lợi, thì khuất một tâm thân một thước mà lợi, cũng nên làm dư ?

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh biện-chính cái lợi ưỡng-xích trực-tâm là không phải.

矢	之	可	也	朝	或	不	昔
如	詭	曰	簡	而	以	獲	者
破	遇	吾	子	獲	告	一	趙
我	一	爲	曰	十	王	禽	簡
不	朝	之	我	禽	良	嬖	子
貫	而	範	使	嬖	良	奚	使
與	獲	我	掌	奚	曰	反	王
小	十	馳	與	反	請	命	良
人	詩	驅	女	命	復	曰	與
乘	云	終	乘	曰	之	天	嬖
詩	不	日	謂	天	下	下	奚
辭	失	不	王	下	之	之	乘
	其	獲	良	之	後	賤	終
	馳	一	良	良	可	工	日
	舍	爲	不	工	一	也	而

Dịch-âm. — « Tịch giả Triệu Giản-tử sử Vương Lương dữ Bế Hề thặng, chung nhật nhi bất hoạch nhất cầm. Bế Hề phản mệnh viết : « Thiên-hạ chi tiện công dã, » Hoặ dĩ cáo Vương Lương, Lương viết : « Tả hình phục chi » Cường nhi hậu khả, nhất chiếu nhi hoạch thập cầm. Bế-Hề phản-mệnh viết : « Thiên-hạ chi lương-công dã ». Giản-tử viết : « Ngã sử chưởng dữ như thặng », Vị Vương Lương. Lương bất khả, viết : « Ngô vị chi phạm ngũ tri-khu,

chung nhật bất hoạch nhất ; vị chi qui-
ngộ, nhất chiêu nhi hoạch thập ». Thi
vân : « Bất thất kỳ tri, xả thử như
phá ». Ngã bất quán dữ tiều-nhân
thặng. Thỉnh từ ».

DỊCH-NGHĨA. — « Xưa kia Triệu Giản-
tử sai người Vương Lương ngựa xe cho
Bế Hề đi bắt, suốt ngày mà chẳng
được một con chim. Bế Hề trả lời với
Giản-tử rằng : « Vương Lương là anh
thợ đánh xe kém nhất trong thiên-hạ
vậy. » Hoặc có kẻ đem lời ấy báo
Vương Lương, Lương nói rằng : « Xin
lại ngựa xe lần nữa ». Cưỡng bách Hề,
rồi sau Hề mới nghe. Một buổi sớm
mà được mười con chim. Bế Hề trả
lời với Giản-tử rằng : « Vương Lương
là thợ đánh xe khéo trong thiên-hạ
vậy ». Giản-tử rằng : « Ta khiến Vương
Lương chuyên-chủ ngựa xe cho mày ».
Báo với Vương Lương, Lương chẳng
nghe, nói rằng : « Ta vì kẻ ấy theo
khuôn-phép ta giống ruồi, thì suốt
ngày chẳng được một con chim, vì kẻ
ấy chạy quanh-co đón gặp loài cầm, thì
một buổi sớm mà bắt được mười con.
Kinh Thi có nói rằng : « Người ngựa xe
chẳng sai phép giống ruồi, mà người
bắt cứ phóng tên ra đều tin như phá »
Ấy mới là chính-phép ngựa xe, ta
chẳng quen lối ngựa xe cho kẻ tiều-
nhân. Xin cáo từ. »

Chú-giải — Triệu Giản-tử = Quan đại-phu
nước Tấn. Vương Lương = Kẻ giỏi về nghề
ngựa xe. Bế Hề = Kẻ tòi-tớ yêu của Giản-tử
tên là Hề ; bế nghĩa là yêu. Thặng = Ngựa xe.
Chuyên = Chuyên giữ. Qũ = Quanh-co chạy
không thẳng đường. Thi = Thơ Xa - công
車攻 trong thiên Tiều-nhũ

Dẫn lời kinh Thi để chứng rằng người ngựa
xe vẫn theo chính-pháp mà người tài bắn vẫn
bắt được tin, chứ không có quan co qui-
quyệt như kẻ tiều-nhân vậy.

者 未 過 彼 如 丘 得 射 御
也 有 矣 何 枉 陵 禽 者 者
能 枉 也 道 弗 獸 比 且
直 已 且 而 爲 雖 比 義
人 者 子 從 也 若 而 與

Dịch-âm. -- « Ngựa giả thả tu dữ xa
giả tí, tí nhi dắc cầm thú, tuy nhược
khâu lăng, phát vi dã. Như ồng đạo
nhi tông bí hà dã. Thả tử quá hĩ, ồng
kỷ giả vị hữu năng trực nhân giả dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Kẻ ngựa xe còn xấu-
hồ cùng với kẻ bắn tên a-dua mà
được chim muông, tuy nhiều như gò-
đống, chẳng thêm làm vậy. Huống
người quân-tử vốn lấy đạo giữ mình,
nếu khuất cái đạo mà theo kẻ kia, sao
lại thể được. Vả lời người nói là làm,
kẻ đã công mình, không có thể chính
được người vậy. »

Chú-giải. — Ti = A-dua theo ý. Bí = Kia, trở
các vua chư-hầu.

Đây là thầy Mạnh nói người quân tử nếu
khuất đạo mà theo người, thì so với kẻ ngự-
giả lại không bằng, để rõ ra rằng cái sự
không đi yết-kiến chư-hầu, chính là tiết liêu
không nên coi là tiết nhỏ vậy.

II

天 安 謬 一 丈 不 張 公 景
下 居 侯 怒 夫 誠 儀 孫 春
熄 而 懼 而 哉 大 豈 衍 曰。

Dịch-âm. — Cảnh Xuân viết : « Công-
tôn Diễn, Trương Nghi, khởi bất thành
đại-trượng-phu tại ! Nhất nộ nhi chư-
hầu cụ, an cư nhi thiên-hạ tức. »

DỊCH-NGHĨA. — Cảnh Xuân nói rằng :
« Người Công-tôn Diễn, người Trương
Nghi, há chẳng thực là kẻ đại-trượng-
phu thay ! Một nổi giận mà chư-hầu
sợ-hãi, ngòì yên thì thiên-hạ im lặng. »

Chú-giải. — Cảnh-Xuân = Người thời bấy giờ.
Công-tôn Diễn, Trương Nghi = Đều là người
nước Ngụy, giỏi về nghề đi du-thuyết các chư-
hầu, thường xui nước họ đánh nước kia. Đại-
trượng-phu = Đàn ông thông-thường gọi là
trượng-phu, đàn ông đặc-biệt hơn người gọi
là đại-trượng-phu. Tức = Lửa tắt, việc rồi-loan
yên lặng ví như lửa tắt.

Dịch-âm. — Chu-Tiêu vẫn viết : « Cỗ chi quân-tử sĩ hồ ? » Mạnh-tử viết : « Sĩ ». Truyện viết : « Không-tử tam nguyệt vô quân, tắc hoàng-hoàng như dã, xuất cương tất tái chi ». Công-Minh Nghi viết : « Cỗ chi nhân, tam nguyệt vô quân tắc diếu ».

DỊCH-NGHĨA. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Đấng quân-tử đời xưa có muốn ra làm quan không ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Sao lại chẳng ra làm quan. » Truyện có chép rằng : « Ông Không-tử ba tháng không có vua mà thờ, thì ấy-náy không yên ; đi ra cõi nước, tất đem đồ chi-kiến. » Ông Công-Minh Nghi nói rằng : « Người đời xưa, ba tháng không có vua mà thờ, thì người ngoài lại yên-úi hỏi thăm. »

Chú-giải. — Chu Tiêu = Người nước Ngụy. Xuất-cương = Ra khỏi cõi, khi mất ngôi quan ở nước mình mà đi sang nước khác. Tái-chi = Đem lễ-vật để yết-kiến, như người sĩ thì dùng chim trĩ để làm lễ yết-kiến vua nước khác, là có ý muốn gặp được vua để lại ra làm quan. Công-Minh Nghi = Người hiền ở nước Lỗ ngày xưa. Điếu = Thương kẻ bất-đắc-ý mà viếng thăm yên-úi.

急 不 則 無 三
乎。 以 弔。 君 月

Dịch-âm. — « Tam nguyệt vô quân tắc diếu, bất dĩ cấp hồ ? »

DỊCH-NGHĨA. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Ba tháng không có vua mà thờ, mà đã viếng thăm, thì chẳng là kịp lắm ư ? »

Chú-giải. — Dĩ 以 = Thông dùng với chữ dĩ 已 là đã.

曰。 士 之 失 位 也。 猶 諸 侯 之 失 國 家 也。 禮 曰。 諸 侯 耕 助。 以 供 粢 盛。 夫 人 蠶 繅。 以 爲 衣 服。 犧 牲 不 成。 粢 盛 不 潔。 衣 服 不 備。 不 敢 以 祭。 惟 士 無 田。 則 亦 不 祭。 牲 殺 器 皿 衣 服 不 備。 不 敢 以 祭。 則 不 敢 以 祭。 亦 不 足 弔 乎。

Dịch-âm. — Viết : « Sĩ chi thất vị dã, do chư-hầu chi thất quốc-gia dã » Lê viết : « Chư-hầu canh-trợ, dĩ cung tư-thành ; phu - nhân tâm tao dĩ vi y-phục. » Hi-sinh bất thành, tư-thành bất khiết, y-phục bất bị, bất cảm dĩ tế. « Duy sĩ vô điền, tắc diếu bất tế. » Sinh sát khí mãnh, y-phục bất bị, bất cảm dĩ tế, tắc bất cảm dĩ yển, diếu bất túc diếu hồ. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người sĩ mất ngôi quan, cũng như chư-hầu mất quốc-gia vậy ». Lê có nói rằng : « Vua chư-hầu cày ruộng tịch-diễn, dân giúp cho vua trợn-vện mẩu ruộng, để cung-cấp đồ tư-thành về việc tế-tự ; bà phu-nhân chần lằm uơm tơ, để chế làm đồ y-phục về việc tế-tự. » Chư-hầu đã mất quốc-gia, thì đồ hi-sinh không thể nên được, đồ tư-thành không thể sạch được, đồ y-phục không thể đủ được, thì không dám cử hành việc tế-tự. Lê lại nói rằng : « Duy người sĩ không có ruộng tế thì cũng không dám tế. » Người sĩ đã mất ngôi quan thì muông sinh-sát đồ khi-mãnh và đồ y-phục không đủ, thì không dám cử-hành việc tế-tự ; chẳng tế-tự thì trong lòng chẳng được yên, thế thì chẳng đủ viếng thăm ư. »

Chú-giải. — Canh-trợ = Giúp đỡ cày cấy. nguyên vua chư-hầu đặt ruộng tịch-diễn trăm mẫu, tự mình cầm chuỗi cây cây trước để làm phép, rồi dân thì giúp sức cho vua, để trợn-vện công việc trăm mẫu ấy ; khi gặt trăm mẫu lúa ấy về, thì chứa ở kho vua, để cung-cấp về việc tư-thành nhà tôn-miếu. Tâm-tao = Tâm là lằm, lao là uơm kén ra tơ. phu-nhân là vợ vua chư-hầu sai vợ các quan chần lằm ở chỗ vườn dâu công, khi được kén, đem biểu phu-nhân để uơm, phu-nhân ba lần dùng tay vào nời uơm, để làm phép cho sự uơm tơ ; khi được tơ, nhà vua nhà quan đều dùng, chế làm mũ áo lễ, để lễ đấng tiên-vương tiên-công. Tư-thành = Gạo thừ tấc thơm tốt thì thành xôi gọi là tư ; đựng xôi, vào mâm gọi là thành, thành nghĩa là đựng. Hi-sinh = Con vật đem giết để tế tự, như trâu dê lợn v.v.v., Sinh-sát = Con vật đem giết tươi. Khi-mãnh = Cái đồ để dùng gọi là khi, cái nắp đồ dây cái đồ gọi là mãnh. Yển = yên.

Đây là giải ra cái nghĩa kẻ sĩ ba tháng không được gặp vua thì đáng nên viếng thăm. Vì trong một năm có bốn mùa, bốn lần tế tiên-tổ, nếu kẻ sĩ mất ngôi quan thì không đủ lễ tế, mà lâu đến ba tháng thì khiếm-khuyết mất một lần tế thì lòng không yên, cho nên đáng viếng thăm.

也。質。必 出
何 載 疆

Dịch-âm. — « Xuất cương tất tái chi, hà dã ? »

DỊCH-NGHĨA. — Chu Tiều hỏi rằng : « Đi ra khỏi cõi nước, tất đem lễ chi - kiến, ý muốn kịp gặp vua, là có sao ? »

哉。其 出 夫 耕 農 仕 曰。
未 疆 豈 也。夫 也。士
耜 名 爲 農 之 猶 之

Dịch-âm. — *Viết* : « Sĩ chi sĩ dã, do nông-phu chi canh dã ; nông-phu khởi vị xuất cương, xả kỳ lỗi chi tai ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người sĩ làm quan để thi-thổ cái đạo, cũng như người nông cấy ruộng để mưu tính sự ăn. Người nông há vì xa khỏi cõi nước, mà bỏ cả cái cây cái bừa đi hay sao ? »

Chú-giải. — *Lỗi* = Cái đồ đồ cấy ruộng. *Chi* = Cái đồ đồ bừa cỏ.

Đây là nói người sĩ đi đến đâu cũng đem lễ chi-kiến để ra làm quan, cũng như người nông đi đến đâu cũng không bỏ cây bừa được.

鑽 惡 皆 穴 有 生 也。其 曰。
穴 不 賤 之。古 之 人 未 嘗 不 欲 仕 也。又
不由其遺。不由其道而往者與
鑽穴隙之類也。

Dịch-âm. — *Viết* : « Tấn quốc diệt sĩ quốc dã, vị thường văn-sĩ như thử kỳ cấp, sĩ như thử kỳ cấp, quân-tử chi nan sĩ, hà dã ? » *Viết* : « Trương-phu sinh, nhi nguyên vị chi hữu thất, nữ-tử sinh, nhi nguyên vị chi hữu gia ; phụ-mẫu chi tâm, nhân giai hữu chi, bất dĩ phụ mẫu chi mệnh, môi-chước chi ngôn, toàn huyết-khích tương khuy, du tường tương tông, tắc phụ mẫu quốc-nhân giai tiện chi. Cổ chi nhân vị thường bất dục sĩ dã, hựu ó bất do kỳ đạo, bất do kỳ đạo nhi vãng giả, dĩ toàn huyết-khích chi loại dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Chu Tiều hỏi rằng : « Nước Tấn cũng là một nước nhiều kẻ sĩ đến làm quan, chưa từng nghe cầu sự làm quan kịp như thế ; sự làm quan nếu kịp như thế, người quân-tử sao lại ngần-ngại khó lòng không chịu ra làm quan, là có sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Con trai sinh ra, mà cha mẹ muốn vì con dựng vợ ; con gái sinh ra, mà cha mẹ muốn vì con gả chồng ; cha mẹ ai cũng đều sẵn có lòng ấy. Nhưng nếu người con chẳng đợi cái mệnh mẹ cha, cái lời mối-lái, khoét lỗ hồng dòm nhau, trèo qua tường theo nhau, thì cha mẹ và người trong nước đều khinh-bĩ nó. Người đời xưa chưa từng chẳng muốn ra làm quan, lại ghét về sự chẳng noi theo cái đạo chính-dáng ; chẳng noi cái đạo chính-dáng mà đi cầu làm quan đó, cũng là cái loại khoét lỗ hồng vậy. »

Chú-giải. *Tấn* = Một nước lớn đời Xuân-thu, đến đời Chiến-quốc chia ra Hàn, Triệu, Ngụy, ba nước. *Chu Tiều* người Ngụy, cho nên đem sự Tấn mà nói. *Thất-gia* = Con trai có vợ là thành-thất, con gái có chồng là thành-gia. *Toàn huyết khích* = Khoét lỗ hồng.

Đây là thí-dụ về sự dựng vợ gả chồng tuy là sở-nguyên, nhưng khi đi lấy vợ lấy chồng, phải nên theo về đường chính-dáng ; để giải ra nghĩa làm quan tuy là cần-kíp, nhưng khi ra làm quan, cũng nên theo về đường chính-dáng, không nên cầu-thả mà khuất mình đi cầu-kiến người.

IV

彭更問曰。後車數
 以傳食於諸侯。不
 以泰乎。孟子曰。非
 其道。則一簞食不
 可受於人。如其道。
 則舜受堯之天下。
 不以爲泰。子以爲
 泰乎。

Dịch-âm. — Bành Canh vấn viết :
 « Hậu xa số thập thặng, tụng giả số
 bách nhân, dĩ chuyển thực ư chư-hầu,
 bất dĩ thái hồ. » Mạnh-tử viết : « Phi-
 kỳ đạo, tắc nhất đản thực ư
 nhân ; như kỳ đạo, tắc Thuấn thụ
 Nghiêu chi thiên-hạ, bất dĩ vi thái, tử
 dĩ vi thái hồ ? »

DỊCH NGHĨA. — Bành Canh hỏi rằng :
 « Nay có người đi đâu thì xe theo sau
 vài mươi cỗ, kẻ đi hầu vài trăm người,
 cứ lần từng trạm đi ăn ở các nước chư-
 hầu, chẳng là xa-xỉ lắm ư ? » Thầy
 Mạnh nói rằng : « Quân-tử ở đời giữ
 cho phải lẽ, nếu chẳng phải đạo-lý, thì
 một rổ cơm chẳng nên chịu nhận ở
 người ; nếu phải đạo-lý, thì vua Thuấn
 chịu nhận thiên-hạ của vua Nghiêu,
 chẳng cho là xa-xỉ, người cho sự đi
 như thế đã làm xa-xỉ lắm ư ? »

Chú-giải. — Bành Canh = Học-trò thầy
 Mạnh. Chuyển = Cung trạm ở đường, lần lượt
 nước này sang nước khác. Đản = Cái đồ
 đựng cơm làm bằng trúc.

Thầy Mạnh khi ấy đi lịch-sinh ác nước
 chư-hầu xa mã đồ-độ rất nhiều, đồ cung-cấp
 rất phong-hậu, cho nên Bành Canh ngờ là thái-
 xỉ mà hỏi.

可食。事士曰
 也。不而無否。

Dịch-âm. — Viết : « Phủ, sĩ vô sự nhi
 thực, bất khả dã. »

DỊCH NGHĨA. — Bành Canh nói rằng :
 « Không phải ý thế. Trộm nghĩ rằng
 người sĩ không làm việc mà ăn không,
 thì không nên vậy.

曰。子不通功易事。
 不。則農有餘粟。以
 補不足。則女羨
 有餘布。子如粟。
 匠輪與皆得食。則
 此有先王之入。則
 梯守。先王之入。則
 之學。先王之入。則
 子何尊梓匠輪輿而輕
 爲仁義者哉。

Dịch-âm. — Viết : « Tử bất thông
 công dịch sự, dĩ tiện bổ bất-túc, tắc
 nông hữu dư túc, nữ hữu dư bố ; tử
 như thông chi, tắc tử tượng luân dư
 giai đắc thực ư tử. Ư thử hữu nhân
 yên, nhập tắc hiếu, xuất tắc dĩ, thử
 liên-vương chi đạo, dĩ dĩ hậu chi học-
 giả, nhi bất đắc thực ư tử. Tử hà tôn
 tử tượng luân dư, nhi khinh vi nhân-
 nghĩa giả tại. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 « Người chẳng giao-thông công việc
 đổi chác sự làm, đem đồ thừa bù cho
 đồ chẳng đủ, thì người nông có thóc
 thừa, người nữ-công có vải thừa.
 Người nếu giao-thông đi, thì
 người thợ mộc người thợ xe đều được
 ăn lộc ở người. Bây giờ có người, vào
 thì hết lòng hiếu, ra thì theo đạo dĩ,
 giữ cái đạo đáng tiên-vương, để đợi
 về sau làm phép cho kẻ học-giả, mà
 lại chẳng được ăn lộc ở người. Người
 sao tôn-trọng người thợ mộc thợ xe,
 mà khinh rẻ người làm điều nhân-
 nghĩa thế ».

Chú-giải. — Thông-công dịch-sự = Đổi chác
 công việc mà làm, người nào làm việc có công
 thì đều được ăn lộc cả.

Đãylà kể ra cái công người sĩ rất to, đáng
 tôn đáng trọng gấp mấy người thợ mộc thợ
 xe, để giải cho cái lời ngờ rằng người sĩ
 không làm việc gì mà ăn không.

dương. Cát-bá thực chi, hựu bất dĩ tự. Thang hựu sử nhân vấn chi, viết : « Hà vi bất tự ? » Viết : « Vô dĩ cung tu-thình dã. » Thang sử Bạc chúng vãng-vị chi canh, lão-nhược quĩ tư. Cát-bá suất kỳ dân, yêu ky hữu tửu tự thử đạo giả đoạt chi, bất thụ giả sát chi. Hữu đồng-lũ dĩ thử nhục hương, sát nhi đoạt chi. Thư viết : « Cát-bá cửu hương. » Thử chi vị dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Vua Thang ở đất Bạc, cùng nước Cát làm láng-diềng. Trước Cát-bá phóng-túng mà chẳng tế-tự lễ-tiên. Vua Thang sai người hỏi Cát-bá rằng : « Làm sao chẳng tế-tự ? » Cát-bá trả lời rằng : « Không lấy gì cung-cấp làm đồ hi-sinh, » Vua Thang sai đem cho Cát-bá trâu dê. Cát-bá ăn thịt trâu dê lại chẳng đem cúng tế gì cả. Vua Thang lại sai người hỏi Cát-bá rằng : « Làm sao chẳng tế-tự ? » Cát-bá trả lời rằng : « Không lấy gì cung-cấp làm đồ tu-thình. » Vua Thang sai dân đất Bạc đi cày giúp, kẻ già yếu đi đưa cơm. Cát-bá đem dân mình đón dân vua Thang kẻ nào có rượu cơm lúa thử lúa đạo thì cướp lấy, kẻ nào không cho thì giết đi. Có kẻ đồng-tử đem cơm và thịt để đưa ăn. Cát-bá giết đi mà cướp lấy. Kinh Thư nói rằng : « Cát-bá thù kẻ đưa cơm. » Chính là sự ấy vậy. »

Chú-giải. — Hi-sinh tu-thình = Nghĩa đã thích ở chương trên. Quĩ-tư = Đưa cơm. Bất thụ = Không trao cho. Hương = Đem lương-hương, cũng như chữ Quĩ. Thư = Thiên Trọng-hỷ chi cáo 仲虺之誥 trong sách Thượng-thư.

婦 爲 富 內 之 童 爲
 復 匹 天 皆 四 子 其
 離 夫 下 曰 海 而 殺
 也 匹 也 非 之 征 是

Dịch-âm. — « Vị kỳ sát thị đồng-tử nhi chính chi, tư hải chi nội giai viết

« Phi phú thiên-hạ dã, vị sắt phu sắt-phụ phục thù dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Vua Thang vì Cát-bá giết đũa đồng-tử ấy mà đi đánh Cát-bá. Trong bốn bề đều nói rằng : « Vua Thang chẳng phải là tham thiên-hạ đâu, là vì kẻ sắt-phu sắt-phụ báo thù đấy. »

Chú-giải. — Phú thiên-hạ = Chữ phú nghĩa là lợi, lấy thiên-hạ làm lợi mà tham muốn lấy được.

后 降。誅 歸 望 狄 征 而 湯
 來 民 其 市 之 怨 西 無 始
 其 大 君 者 若 日 夷 敵 征。
 無 悅 弔 弗 大 彘 怨 於 自
 罰 書 其 止 旱 爲 南 天 葛
 曰 民 芸 後 我 面 下 載。
 後 如 辰 者 雨 民 而 東 十
 我 辰 者 雨 民 而 東 十
 后 雨 變 也 之 北 而 征

Dịch-âm. — Thang thủy chính, tư Cát tái, thập nhất chính nhi vô-dịch tr thiên-hạ, đông-diện nhĩ chính tây-di oán, nam-diện nhĩ chính bắc-dịch oán, viết hề vi hậu ngã. Dân chi vọng chi, nhược đại-hạn chi vọng vũ dã ; qui thị giả phát chi, vân-giả bất biến ; tru kỳ quân, điều kỳ dân, như thời-vũ giáng, dân đại duyệt. Thư viết : « Hề ngã hậu, hậu lai kỳ vô phạt. »

DỊCH-NGHĨA. — Vua Thang bắt đầu đi đánh tự phen đánh nước Cát trước. Đánh mười một nước, mà thiên-hạ vô-dịch. Đi đánh mặt đông thì tây-di mong, đi đánh mặt nam thì bắc-dịch mong, kẻ mong ấy nói rằng : « Làm sao vua Thang đến đánh nước ta sau. » Dân thiên-hạ mong vua Thang, như lúc đại-hạn mong mưa vậy. Kẻ về chợ cứ việc về chợ, kẻ vợ cò ruộng cứ việc vợ cò. Vua Thang đến đánh giết những vua tàn-ngược, thăm những dân bị khổn-khổ, như trận mưa phải thời đỡ xuống dân thiên-hạ bằng lòng cả. Kinh Thư nói rằng : « Mong đợi vua ta, vua ta lại thì không bị ngược-chính trách phạt nữa. »

Chú-giải. — *Tái* 載 = Cũng như chữ *thủy* 始, nghĩa là mới bắt đầu *oán* = Oán-vọng, nghĩa là mong, mỗi quá rã đường như oán hận *Bất chí* = Chẳng thôi cứ việc đi về. *Bất biến* — Chẳng biến sự, cứ việc làm. *Hễ* = Mong đợi.

Đây là thầy Mạnh kể sự vua Thang làm vương-chính đi chinh-phạt trừ kẻ tàn-bạo mà dân đều mong đợi hoan-ngheh.

已 水 以 子 玄 子 我 厥 有
 矣。火 迎 其 小 人 簞 食 其 壺 漿
 之 其 小 人 簞 食 其 壺 漿
 中 小 人 簞 食 其 壺 漿
 取 人 簞 食 其 壺 漿
 其 救 食 迎 君 惟 玄 東
 殘 民 壺 其 子 臣 黃 征
 而 於 漿 君 實 附 紹 綏

Dịch-âm. — « *Hữu du bất vị thần, đông chinh tuy quyết sĩ nữ, phủ quyết huyền hoàng, thiệu ngã Châu-vương, kiến hưu, duy thần-phụ vu đại ấp Châu. Kỳ quân-tử thực huyền-hoàng vu phủ dĩ ngheh kỳ quân-tử, kỳ tiều-nhân dân-tự hồ tương dĩ ngheh kỳ tiều-nhân, cứu dân ư thủy hỏa chi trung, thủ kỳ tàn nhi dĩ hi.* »

Dịch-Nghĩa. — « Có kẻ nào theo vua Trụ làm ác mà chẳng làm tội nhà Châu, thì Vũ-vương sang phương đông đi đánh, dể yên cho kẻ sĩ nữ. Kẻ sĩ nữ dựng lỵa huyền-hoàng vào cái phủ, mà đón rước, nói rằng: Nay nối thờ vua nhà Châu ta mong nhờ ơn tốt, chỉ xin một lòng, thần-phục theo về ấp lớn nhà Châu. Quân-tử nhà Thương thì dựng lỵa huyền-hoàng vào cái phủ để đón người quân-tử nhà Châu, tiều-nhân nhà Thương thì lấy rỏ mang cơm lấy hồ mang nước để đón tiều-nhân nhà Châu. Vì Châu Vũ-vương cứu dân ở trong nước lửa, bắt giết kẻ tàn-bạo mà thôi vậy. »

Chú-giải — *Du Quyết* = *Du* 攸 cũng như chữ *sở* 所, *Quyết* 厥 như chữ *kỳ* 其 là chữ hư-tự, thường dùng làm đại-tự. *Tuy* = Yên. *Huyền-hoàng* = Lỵa nhuộm màu huyền màu hoàng. *Phủ* = Cái đồ đựng lỵa làm bằng trúc. *Thiệu* = Nối, nghĩa là nối thờ, trước thờ vua Thương, sau thờ vua Châu. *Quân-tử* = Người có chức vị. *Tiều-nhân* = Người dân quê.

有 張。殺 取 之 揚。我 太
 光。于 伐 于 疆。侵 武 誓
 湯 用 殘。則 于 惟 曰。

Dịch-âm. — *Thái-thê* viết : « Ngã vũ duy dương, xâm vu chi cương ; tặc thủ vu tàn, sát phạt dụng trung, vu Thang hữu quang. »

Dịch-Nghĩa. — *Thiên Thái-thê* nói rằng : « Việc vũ ta phần-dương, lần bờ cõi kẻ kia, bắt giết kẻ tàn-bạo, uy sát-phạt lòng lấy, vì vua Thang càng sáng-sủa. »

Chú-giải. — *Thái-thê* = Trong sách *Châu-thư*. Nói về việc vua Vũ-vương đánh vua Trụ vì với việc vua Thang đánh vua Kiệt lại có phần sáng-sủa.

Đây là thầy Mạnh dẫn kinh *Thư* mà kể ra sự vua Vũ-vương làm vương-chính đi đánh giết kẻ tàn-bạo mà dân đón rước.

何 齊 欲 首 之 王 云 不
 畏 楚 以 而 內 政 爾 行
 焉 雖 爲 望 皆 四 苟 王
 大 君 之 舉 海 行 政

Dịch-âm. — « *Bất hành vương-chính vân-nhĩ, cầu hành vương-chính tứ-hải chi nội giai cử thủ nhi vọng chi, dục dĩ vi quân, Tề Sở tuy đại, hà úy yên.* »

Dịch-Nghĩa. — « Nước Tống chẳng làm vương-chính đó vậy. Nếu làm vương-chính, thì trong bốn bề, đều cất đầu mà mong nước Tống, muốn thờ vua nước Tống làm vua, nước Tề nước Sở đầu lớn có sợ gì. »

Dịch-âm — Công-Tôn Sửu vẫn viết : « Bất kiến chư-hầu hà nghĩa ? » Mạnh-tử viết : « Cò-giả bất vi thần bất kiến.

DỊCH-NGHĨA. — Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Chẳng đi yết-kiến vua chư-hầu là nghĩa gì ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Đòi xưa kẻ sĩ chữa từng đi làm tôi thì chẳng đi yết-kiến.

Chú-giải. — Bất vi thần — Chữa từng đi làm tôi, nghĩa là chữa làm quaa với nước chư-hầu nào.

矣。可甚。是而柳避踰段
以迫。皆不閉之。垣于
見斯已內。門泄而木

Dịch-âm. — « Đoàn Can-Mộc du viên nhi lệ chi, Tiết Liễu bễ môn nhi bất nạp, thị giai dĩ thậm; bách, tư khả dĩ kiến hi.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Đoàn Can-Mộc vượt qua tường mà tránh vua Văn-hầu nước Ngụy, ông Tiết Liễu đóng cửa mà chẳng cho vua Mộc-công nước Lỗ vào yết-kiến, hai ông ấy đều khi quá. Nếu ông vua cầu-kiến bách-thiết, thì nên ra yết-kiến vậy.

Chú-giải. — Đoàn Can Mộc = Người đời Văn-hầu nước Ngụy. Tiết Liễu = Người đời Mộc công nước Lỗ.

Đây là dẫn sự hai người nên yết-kiến mà còn chạng ra yết-kiến.

貨往子而貨家於惡陽
先登之。當其亡也。陽
不登。是也。時也。而
見。當其亡也。而
不登。是也。時也。而
見。當其亡也。而

Dịch-âm. — « Dương Hóa dục hiện Khổng-tử, nhi ố vô lễ. Đại-phu hữu tư ư sĩ, bất đắc thụ ư kỳ gia, tắc vãng báo kỳ môn. Dương Hóa hám Khổng-tử chi vong dã, nhi quĩ Khổng-tử chung-đôn; Khổng-tử diệc hám kỳ vong dã,

nhi vãng báo chi. Dương thị-thời, Dương Hóa tiên, khởi đắc bất kiến.

DỊCH-NGHĨA. — « Người Dương Hóa muốn ông Khổng lại yết-kiến mình, mà sợ người cho mình là vô-lễ. Nhân lễ có nói rằng quan đại-phu có đồ gì đem cho kẻ sĩ, người sĩ đi vắng mà chẳng được báo-nhận ở nhà mình, thì phải đến báo-tạ ở cửa quan đại-phu. Dương Hóa mới dòm ông Khổng lúc không có nhà, mà đem cho ông Khổng con lợn luộc chín. Ông Khổng cũng dòm người Dương Hóa lúc không có nhà, mà đi báo-tạ Dương Hóa. Dương lúc ấy, người Dương Hóa đưa lễ trước, ông Khổng không đi báo-kiến sao được.

Chú-giải — Dương Hóa = Quan đại-phu nước Lỗ. khi ấy Khổng-tử là kẻ sĩ, mà Dương Hóa là quan đại-phu, cứ lễ thì quan đại-phu có cho kẻ sĩ cái đồ gì mà kẻ sĩ đi vắng không được đối trước mặt sứ-giả mà báo-tạ ngay, thì phải đến báo-tạ tận nhà quan đại-phu. Hiện = Vời đến yết-kiến. Hám = Dòm nhìn. Vong = Đi vắng.

Đây là dẫn sự ông Khổng tuy đi yết-kiến mà vẫn nhưng-nhiên không yết-kiến,

可君由由色同畦。詔會
知子是之赧而子笑。子
已之觀所赧言。路病曰。
矣。所之。知然。觀曰。于脅
養則也。非其未夏肩

Dịch-âm. — Tăng-tử viết : « Hiếp kiền siểm tiển, bệnh vu hạ huê » Tử-Lộ viết : « Vị đồng nhi ngôn, quan kỳ sắc noãn-noãn nhiên, phi Do chi số tri dã. » Do thị quan chi, tắc quân-tử chi sở dưỡng khả tri dĩ hi.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tăng nói rằng : « Xo vại nịnh cười, kẻ ấy nhọc hơn kẻ đi làm ruộng mùa hè, » Thầy Tử-Lộ nói rằng : « Cùng người chữa hợp mà gượng nói, xem cái sắc mặt, đỏ tấy thẹn-thùng, hạng người ấy chẳng phải Do này sá biết vậy, » Do hai lời ấy xem

ra thì người quân-lữ bình-nhật hàm-dương thế nào khá biết vậy.»

Chú-giải. — *Tăng-tử tử Lộ* = *Đều bậc hiền-triết của Không*. *Huê* = *Khô ruộng*. *Ma huê* = *Là kẻ làm ruộng mùa hè*. *Noãn-noãn* = *Dáng bộ thẹn mặt đỏ*. *Do* = *Tên thầy Tử Lộ*. *Sở dưỡng* = *Hàm-dưỡng cái tâm chí của mình cho chính trực quang-minh tự lúc bình-nhật*.

Đây là dẫn hai lời người hiền-triết lúc bình-nhật giữ cái đạo thẳng không chịu câu-thả a-dua, để cho rõ rằng người quân-tử không khi nào chứa đời lễ đến đón mà đã vội đi yết-kiến chừ-hầu.

Toàn chương này là nói đấng thánh-nhân như Không-tử, khi xuất xử tiến-thoái đều hợp với lễ-nghĩa trung-chính. Còn như người hiền thì hẹp-hòi quá, thương về đường bách-thiết mà không được rộng lượng, kẻ tiều-nhân thì dua-nịnh quá đắm về đường bèn hạ mà đáng xấu hổ.

(Còn nữa)

TÙNG-VĂN VÀ ĐÔNG-CHÂU dịch

HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-ký sợ vợ)

IV

XII. — Nhục giữa đám đông

(Ngày 28 tháng 11)

Từ khi tôi bị cái đau-dớn thích chừ đến nay, hôm mai nức-nở, lúc nào vắng người, lại gào-khóc thảm-thiết, đêm hôm tuy cùng chăn chung gối, nhưng vợ tôi chưa hề có hỏi đến một câu nào, tôi mới biết rằng vợ tôi nó nhẫn-tâm khác hẳn mọi người vậy. Sáng sớm hôm nay, tôi thấy vợ tôi ăn mặc khác mọi khi, biết rằng lại sắp đi chơi, nhưng chưa biết là đi đâu, trang-sức xong, lại bươm nước hoa, bôi sáp bóng, nhìn hương ngẩng-nghía, nhoeo miệng cười thắm, tôi thấy vợ tôi có dáng vui mừng, y-như trận mưa đại-hạn, lòng riêng thú lạ. (Ấy mới thiệt là thuốc không thể cứu được!). Nghĩ bụng kể sĩ vì người tri-kỷ liễu mình, con gái vì kẻ yêu mình làm dáng, nhìn xem con mắt sao sa, nét cười hoa nở, chẳng phải là yêu mình là gì, giá cho những

người có lòng sắt đá, gặp cảnh ấy cũng phải núng lòng, ta là người nào, mà như bậc thái-thượng vô-tình được du? (Văn hay!) Mới bước lại gần, tàn-dương nịnh-ọt, hết dạ kính yêu, miệng cười hơn-hở rằng (thật là đủ cả khóc cười!): «Người yêu của ta hôm nay ăn mặc lối mới đẹp lắm thay! Mơn-mỏn như phù-dung sương nhuần, mềm-mại như cánh liễu gió đưa, mày không phải vẽ mà nhạt nồng đủ vẻ, tóc không phải uốn mà óng mượt đều nhau, thật chẳng khác gì Nam-uy Tây-tử đời xưa vậy. Vợ tôi» mới dền cho tôi một cái «liếc», một cái liếc này, từ hôm mới cưới cho đến hôm nay mới là hai bận, càng thấy mê hần mẩn phách, tôi lại hỏi rằng: «Người yêu của ta ăn mặc sang thế định đi đâu đấy, có thể cho tôi được biết không?» Vợ tôi nói: «Chào! anh muốn biết việc của gái này làm gì? Vả lại, nét mặt tôi đẹp, không phải chỉ hôm nay mới đẹp, để phải đời lời tán ta đẹp mới

(1) Xem N. P. từ số 124.

được đẹp sao? dễ phải nhờ quần áo đẹp mới được đẹp sao? Thôi anh đừng lè-nhè nữa. (*Gãi lại gãi phải chỗ không ngứa.*) Song le, hôm nay tôi rất bằng lòng cho anh cùng đi. » Tôi nghe rõ hai tiếng cùng đi, sướng rún cả người, nở mày nở mặt, toàn-thể tinh-thần đều cùng phấn-chấn, vội lại gần trang-dài ngọc-ngào hỏi rằng : « Người yêu của tôi ơi, mới rồi bảo cho cùng đi, là đi vào đâu, xin bảo rõ cho tôi biết. » Vợ tôi nói : « Làm gì mà vội lắm thế, tí nữa tự-khắc biết. » Tôi lặng yên không nói nữa, nghĩ đến sự được cùng đi, bất-giác mừng nở cả tim vậy. (*Chớ vội mừng, nhục ở sau đó!*) Vợ tôi ăn cơm sáng xong ngồi yên bảo tôi rằng : « Ngồi đây tôi bảo... Bạn cùng học ngày trước với tôi là Vương-nữ-sĩ, tên tự là Huệ-phân, học thông cả Trung-Tây, giá quý ngang bằng ngà ngọc, lúc còn ở nhà trắng, nốt thi bao giờ cũng hơn trăm điểm, khi tốt-nghiệp tên đậu hạng ưu, tình chơi với tôi trước rất nồng-nàn ; khi tốt-nghiệp rồi, lại thường đi lại luôn, nói tóm lại cái ái-tình của hai người ta mặn-mà khăng-khít, không phải như đồ chông hăng-hờ như anh theo kịp được đâu ! (*Nghe chuyện đáng tức chết!*) Nay chị ta cùng cậu học trò sư-phạm là Lục-quân làm lễ tự-do-kết-hôn, hôm kia đã viết thiệp cho tôi biết và mời tôi làm người giới-thiệu về phần danh-dự, hôm nay định-tinh, tôi tất phải đi, cho anh cùng đi để cho con mắt tối mờ trông thấy những cái nước mới-mẻ, mới biết phép mới văn-minh, không có cái xấu-hồ gục đầu rập mặt, như là ngựa trâu, ý anh thế nào? » Tôi vàng vàng xin đi, vợ tôi cũng y lời. Gần trưa sắp ra đi, vợ tôi lại soi gương ngắm lại một lát mới đi, chân vợ tôi khỏe lạ, đi bộ như bay, tôi hết sức theo vẫn lo không kịp, đi độ nửa giờ, xa trông thấy trong lầu cao kia thấp-thoáng có bóng cờ năm sắc phất-phới như cờ bài hàng rượu, vợ tôi trở bảo tôi rằng : « Chỗ có

bóng cờ thấp-thoáng kia tức là nhà Lục-quân đó. » Vương-nữ-sĩ đã vào ở nhà họ Lục từ hôm qua rồi, ta chả cần phải vào nhà cô ta nữa. » Tôi nói rằng phải, đi theo vào trong phố, nghe thấy tiếng quân-nhạc vang cả tai, khi tới ngoài cửa, thấy đến hơn mười người đứng sắp hàng hai bên, ngực đeo thẻ bài là : « người tiếp khách », thấy có khách tới, cúi khom như tôm bễ, bước vào trong thấy hoa tết treo cao, lẫm cờ sắc lạ, trong nhà bày một cái bàn dài phủ khăn vải trắng, hai bên bày đầy những đàn tranh, dưới đất giải thuần thắm dệt bằng sợi gai trắng, hoành-phi treo cao có chữ rằng : « *Cổ-vũ bình-quyền.* » Nhìn xem qua-loa, tức-thì có những người tiếp khách dẫn vào chái đông, tôi nhìn thấy năm hồng bảy tía, bất-giác mặt mờ thần mẫn, ngồi không yên chỗ. Vợ tôi vào trong nhà trong, tôi ngồi đến lúc quá trưa, thấy quân-nhạc lại rầm-rĩ, khách-khứa đầy nhà, gái trai lẫn-lộn không hẹn mà cùng đến tới hai ba mươi người, hai bên mé tường đều dán giấy, đề rõ là chỗ khách đàn bà ngồi, chỗ khách đàn ông ngồi, chỗ người giới-thiệu ngồi, chỗ người làm chứng ngồi, chỗ người chủ-hôn ngồi, đâu ra đây cả, không có lẫn-lộn chút nào. Một thoáng, có người rung chuông boong-boong như những người xe đầu hỏa đi bán ở phố Thượng-hải, tiếng vang bốn phía, khách-khứa đều đứng cả lên, ai nấy đeo thẻ bài lớn, khi-khái nghênh-ngang, tôi sức thấy vợ tôi vào chỗ người giới-thiệu ngồi, mặt-mày hớn-hở, rồi thấy chú rề ra đứng bên tay phải, đội mũ lễ, mặc áo lễ, nét cười tươi-tắn, liếc gần nhìn xa, ra dáng vui mừng tự-đắc, khách xem ai nấy đều tấm-tắc khen đẹp, trong bọn khách đàn bà phần nhiều là các cô nữ-học-sinh áo quần xúng-xính đều ghé mắt nhìn chú rề, cũng có cô xôn-xao bình-phàm nữa. Một thoáng, viên phù-dâu nghênh cổ nói một tiếng : « Cô dâu vào chỗ ngồi. »

Khách-khứa trong nhà im lặng, không ai dám huyền-hoa gì nữa. Cô dâu mắt đeo kính đen, mái tóc tết đầy hoa tươi, quần dài chấm đất, áo ngắn ngang lưng, giày da trắng bóng, để cao đến năm tấc, tôi nhìn kỹ cách ăn-mặc của cô dâu này thật chẳng khác gì lối vợ tôi vu-qui ngày trước; thoáng thấy viên giúp lễ xướng to rằng: « Cô dâu chú rể đứng đối mặt nhau cúi đầu vái ba vái, rồi vái người chủ-hôn hai vái, vái người giới-thiệu một vái. » Đàn nhạc âm-âm, người làm chứng đọc tờ làm phép cưới, người chủ-hôn ký tên, người làm chứng ký tên, người giới-thiệu ký tên, cô dâu chú rể đều ký tên, xong rồi, ấy là đại-diễn hoàn-thành, lâm-li đến mực. Bốn bên vỗ tay như sấm, y như lúc thăng hề ở rạp hát lên đài, xong lại vãn đàn cử-nhạc, chú rể cô dâu, còn phải đứng đợi, không có đưa vào đồng-phòng ngay. Viên giúp lễ lại xướng: « Người chủ-hôn ban lời dạy. » Tức-thì có người đại-biểu ra diễn-thuyết qua-loa mấy câu. Lại xướng: « Người làm chứng đọc văn. » Liền thấy có một chàng thiếu-niên ăn mặc tây ra đọc văn chúc. Lại xướng: « Chú rể cô dâu trả lời. » Chưa dứt tiếng đã nghe thấy có tiếng nói to rằng không ai được đại-biểu, nhìn ra người nói ấy là một cô nữ-học-sinh đứng chót-vót trên bàn, chúng lại vỗ tay ran cả nhà cửa, cô dâu tranh lên đàn trước, cúi đầu vái một cái rồi diễn-thuyết về cái lợi-hại sự tự-do-kết-hôn, vãn cái miệng như thác chảy, lưỡi như sóng cồn, điệu giọng giang-giảng như giót vào tai, trong nhà muôn đầu chen-chúc, vỗ tay như pháo ran; cuối cùng nói về cái hại bó chân, cô dâu hiện thân thuyết-pháp, giờ chẵn cho khách xem. Lại tháo cả giày ra để lên bàn nói rằng: « Chân tôi to lớn thế này, đi đường tiện-lợi mà đứng ngồi thư-thái biết bao, coi như kẻ gót sen ba tấc, đôi dép vòng cung, thì thật là thân tù gông trói, ưỡng phí mất đời người;

vây. » Khách-khứa xi-xào, nói cười âm-ỹ, cô dâu vẫn ung-dung tự-nhiên, nói hơn một giờ mới nghỉ. Chú rể thì rụt-rè không dám lên đàn, ai chế cũng đành nín thít. Một lát, người giúp lễ lại xướng: « Người giới-thiệu và khách-khứa đến mừng ra diễn-thuyết. » (Đến lượt sự-tử hần!) Liền thấy có một người nhẩy lên trên đàn, nhìn ra chính là vợ tôi yậy, lắng nghe vợ tôi khảng-khái tức-tối nói rằng: « Tôi xin nói về vấn-đề « sự so-sánh lễ cưới cũ và lễ cưới mới, » tiếng vang rầy bốn bên, khách khứa ai nấy đều hết lòng-chú-ý, ngheh đầu lắng tai, mắt nhìn trông-trọc. Vợ tôi cũng hiện-thân thuyết-pháp đem những lễ cưới cũ ngày trước, nào sụp lạy thế nào, nào rạp đầu thế nào, hình-dung hết cách, tôi nghe nói cũng hơi thèn-thẹn, núp vào xô nhà. Vợ tôi lại nói cái dã-man của gia-dình chuyên-chế những thế nào, mê-tin những thế nào, chẳng sót một tí; lại đem cả cái lịch-sử của tôi kể cho người biết hết; lại nói cả những cách-thức-dùng để đối-đãi với tôi, bảo rằng cái chủ-nghĩa nô-phu làm thật có hiệu. Nói rồi trở tôi bảo khách-khứa rằng: « Các ngài không xem cái người ăn núp ở xô nhà như lợn, giống người mà không phải người kia, tức là cái công-phu tôi thực-hành cái chủ-nghĩa nô-phu mới ba tháng nay đã kết-quả đấy. » (Văn đột-ngột lạ - lũng thay!). Khách-khứa nghe nói quay cả mặt lại nhìn vào tôi trông-trọc, mà một thân tôi mới thành ra cái « dich » cho muôn nghìn tia mắt chiếu vào, (Báng xấu thay!) Bản-tâm tôi là định đến xem mặt cô dâu chú rể, mà nay cô dâu chú rể lại đưa hai con mắt lòi-lọi lại xem mặt tôi, bấy giờ tôi muốn lần mà không được, về phần tinh-thần xấu-hỗ lạ-lùng, không sao nói cho thấu được. Nghe thấy vợ tôi lại nói rằng: « Về phần tôi đã thành-công như thế rồi đấy, trong hai vạn vạn nữ-dồng-bào ta có ai lo sợ sau này

bị chồng hà hiếp thì lúc mới cưới, phải bắt-chước làm ngay, trong hòm trang-sức, phải để sẵn một cái côn, mu tay ông chồng, phải thích cho một chữ *sợ*». Bấy giờ khách-khứa đàn ông ai nấy đều tái mặt, nhìn chú rề mờ-hôi muốt trán, khách đàn bà thì lại vỗ tay chanchát, cô dâu quên cả sự mình cũng vỗ tay cười sảng-sặc. Tôi thì sử tay nép ở xó nhà, mặt như chàm đỏ. (*Chớ có thò tay trái ra!*). Nghĩ nhằm ra đời hai mươi năm trời nay, chưa có bao giờ nhục như hôm nay, thế chẳng sao được, đành mặc nó ngóng-cuồng. Vợ tôi lại nói: «Bấy giờ tân-học sáng rực, quyền gái lên dần, lời nói quý trai khinh gái, rồi đây cũng phá quang dần hết, mà xét ra bây giờ, những hạng tay hùm mắt vọ, coi vợ như là tôi-tớ cũng còn nhân-nhân, xét kỹ ra chỉ vì trong bọn nữ-đồng-bào ta, còn có nhiều người giàu lòng bồ-tát, (*nhân-tâm như cỏ thật hiếm lắm!*), tự làm mất uy-nghiêm của mình mà thôi! Than ôi! bên giường mình nằm, dễ cho ai ngủ, bạn đồng-chí ta phải nên tỉnh mau theo riết, lấy ngay tôi đây mà làm gương phản-chiếu cũng nên. Tôi nói đã nhiều lời rồi, xin cho tạm nghỉ, sau này gặp dịp, lại cùng trò-chuyện với các liệt-qui và bày tỏ cái công-phu thực-hành chủ-nghĩa nô-phu trong ba năm về sau kết-quả ra thế nào, chắc các liệt-qui cũng vui lòng nghe vậy». Bấy giờ tiếng vỗ tay lại rầm-rầm, trong cuộc cũng có người hăm-hè mắng nhiếc là nói láo nói bậy, nhưng số ấy thì như rêu rờng lòng phượng, hiếm có lắm thay! Vì rằng những hạng bụng cho là xằng, nhưng không dám nói ra miệng, chỉ trừng mắt lờm vợ tôi, cũng đã là to gan lắm rồi. (*Oai sư đáng sợ thật!*). Tôi vì ai cũng nhìn trông-trọc vào mình, không sao chịu được, đành phải nhắm mắt như sư cụ ngồi đàn, nghe vợ tôi nói đến đấy rồi cúi đầu bước xuống, bấy giờ chú rề thì đứng trơ như bù-nhìn, cô dâu thì vui mừng

như phượng múa. Người giúp lễ lại xướng: «Đưa hoa lẵng khách, phủ đầu vào đồng-phòng.» Tôi nghe câu ấy, như người tội được tha, thần-trí yên yên một chút, trừng mắt thấy khách-khứa ri-rầm, đầu về đấy cả, tôi mới được tự-do hành-dộng, lủi vào chái trong. (*Duyệt-giả xem một chữ «lủi» có thể tưởng được cái cảnh khốn-nạn lúc bấy giờ là thế nào!*) Tìm chỗ kín ngồi, không ngờ họ lại theo chân vào xem tôi lủ-lướt, so với số vào trong buồng cô dâu có phần lại hơn không kém. Tôi thẹn quá, ngồi chết đếng chẳng nói gì, một chốc có người vào mời tôi ra tiệc uống rượu lòng tôi bàng-hoàng, nghĩ hai đường cùng khó, nếu không ra tiệc mà trốn về, lúc vợ tôi về nhà khó lòng khỏi cái cầu pháp-luật, mà ra dự tiệc ngay, thì về phần tinh-thần tất phải chịu sự kích-thích lạ-lùng. (*Thật là hai đường khó nghĩ*). Trong khi ngần-ngừ, người tiếp khách đến mời luôn mãi, tôi nghĩ rằng kích-thích về tinh-thần, may còn cố-nhẫn được, nếu không mà phải bị đau-đớn về phần xác, khó nổi chịu qua; lập-tức theo người tiếp khách ra, đến nhà giữa, thấy cỗ-bàn đã dọn chỉnh-tề, khách-khứa ngồi yên chỗ cả, còn để một chỗ ngồi trên, chủ-nhân hòa-nhã vui cười dẫn tôi vào ngồi và nói rằng: «Ngài là người đại-biêu cho người giới-thiệu, nên ngồi chỗ này» (*Nguyên là nhờ cái phúc của phu-nhân!*) Tôi cố từ hai ba lần không nghe, đành phải đánh bạo ngồi xuống, trong nhà có ba cỗ, đông tới hơn ba chục người, lúc mới cầm đũa còn im lặng một chút, đến lúc chủ-nhân rót và tuần rượu rồi, khách-khứa đã ngà-ngà say, mặt đỏ lửng, trước còn nghi-luận ri-rầm, nghe không rõ tiếng, sau nghe nói tưởng lên rằng: «Số người hoạt-bát như phu-nhân diễn-thuyết mới rồi đây thật thiên-hạ không mấy ai đáng sánh bằng, mà hạng người sợ vợ như quý-khách ngồi nhất trong

tiệc này thật thiên-hạ cũng khó kể bằng vai! (*Không thể để lọt vào tai!*) Có kẻ nói rằng: «*Quý-thường tái-thế*». Có kẻ rằng: «*Vạn-thạch phục-sinh*». Có kẻ lại trở tôi hỏi mọi người rằng: «*Họ đề là kẻ điếc không nghe thấy tiếng gì chẳng? Sao mới rồi bà vợ mắng nhiếc tận-từ, thế mà họ vẫn giương mắt trừng-trừng nhìn người, đề không biết giận ư?*» (*Ta cũng nghĩ là điếc!*) Có người nói: «*Không phải, tôi thấy hần thấy người vui cũng vui, người cười cũng cười, tai sáng kia đó*». (*Không điếc*). Khách lại ngờ hỏi rằng: «*Tôi thấy hần mắt đờ miệng đờ, đứng ngẩn không nói gì, hay là anh câm chẳng?*» (*Ta cũng nghĩ là câm*). Có người nói: «*Tôi nghe rõ hần trả lời vang vang rất rõ kia mà sao, lại bảo là câm được?*» (*Không câm*). Hốt-nhiên thấy một người khách ngồi nhòm dáy đập bàn nói rằng: «*Các bác đừng nghi-luận tung-hoành làm gì cho lắm, hần chả điếc chả câm gì đâu, chắc là hần vẫn đề nén phu-nhân tệt, phu-nhân thừa-cơ, kê-lễ hết nổi, rồi về là nghiêm-trách phu-nhân bằng gậy đó!*» (*Nói cũng hơi có lẽ*). Có người nói: «*Anh biết đâu, tôi nghe người ta nói bàn tay trái hần có thích chữ «*sợ*» kia, thế thì đủ chứng rõ ràng là sợ vợ chứ không phải là vợ sợ rồi!*» Khách nói: «*Thế thì anh thấy tay hần bao giờ mà biết rõ thế?*» Khách nói: «*Bàn tay hần kia, xem thì biết ngay.*» Có người nói: «*Thế thì bác ra vạch tay hần xem nào?*» Khách ra dáng e-lệ, cầm chai rượu rót rượu uống. Bấy giờ tôi mặt khiếp như chuột, lòng rối như bông, ù cả tai thườn nghe những tiếng nói đến tôi, mà cả mắt thườn những ánh liếc vào tôi. Ôi! tôi tội-lỗi gì mà y như thằng tù dợi xử, như các đồ bày chơi, để cung cho khách-khứa nói cười, bình-phẩm ru! Song le, ai rắc vạ cho tôi, tôi không thể không đổ cả cho vợ tôi được; vợ tôi đứng

ở giữa tiệc, tĩa-tốt hết những sự ân-vì của tôi, kê-lễ hết tội-lỗi của tôi, khoe-khoang hết cả những cung-cách đối-đãi với tôi, nhiếc tôi là giống người mà không phải người, để cho khách-khứa đều chú-mục vào tôi mà thêm vui câu chuyện, tôi căm làm sao được mà trách lỗi làm sao được. Than ôi! Tôi ngồi trên nhất ăn cỗ to, còn nuốt trôi được nữa không! Chốc lát, cuộc rượu sắp tàn, lòng tôi mừng quá, hốt-nhiên thấy hai người khác lại ân-cần với tôi, một người bắt tay tôi xin lỗi, tôi vội-vàng nhún-nhường cảm-lạ và chia tay phải ra bắt tay, khách ra ý vui-vẻ, nắm chặt không buông, một người bỗng thò tay vào túi móc thuốc lá ra đột-nhiên đưa cho tôi, chỉ cách nhau có một cái bàn, (*kể của khách khéo thật!*) đang lúc tôi vô-ý chia ngay tay trái ra tiếp lấy, chủ thích lộ ra, bị khách trông thấy, vội-vàng rút tay lại mà không kịp nữa, nhìn mặt khách ra sắc sợ hãi, ra cách độ mui bước, nghe mang-máng tiếng khách nói rằng: «*Chà! Anh nói đúng thật, tôi hăng chịu anh một tiệc rượu đó, mai tôi sẽ trả anh một cuộc túy-lý ở lầu Xuân-hoa!*» (*Xem sự thương-tâm của người ta mà đánh cuộc mua vui, khách cũng đa-sự lắm thay!*) Một người thì vui cười nhẩy-nhót cùng khoác tay nhau mà đi, tôi bất-giác mê-mẩn cả người đi, tiệc vừa xong, trời gần gác núi, sức thấy vợ tôi đơn-đả ở trong bước ra dắt tôi từ-tạ ra về, tới nhà đã mờ-mờ tối, lặng ngồi nghĩ bụng hôm nay bị cái nhục lạng lừng thế này, cũng là tự ta rước lấy, lại còn oán ai! Mới rõ sự đời có vui tất có khổ, có vinh tất có nhục, khổ tức là cái nhân được vui, nhục tức là cái nhân được vinh, chẳng sai một mảy; đang lúc ngẫm-nghĩ, sức thấy vợ tôi hỏi rằng: «*Bữa tiệc to hôm nay thích không? Phi gái này dắt đi thì anh chỉ chầy dài nuốt không mà thôi!*» Tôi nói: «*Phải, người yêu, của ta yêu ta, cảm ơn lắm lắm...*»

XIII. — Nỗi ngày trừ-tịch

(Ngày 30 tháng chạp)

Tiếng pháo nổ ran, giá tan tuyết lở, một năm thắm-thoắt, lại hết mùa đông, hôm nay là hôm nào, mà trăm họ rước thờ thần Táo, ấy là ngày đại-trừ-tịch vậy. Chỉ một nhà tôi lạnh ngắt như tờ, nhân như sự cụ là sao? Vì rằng hết thấy những tục-lệ rước thờ thần Táo, đều đã bị vợ tôi cách-mệnh gia-dinh rồi, những vị Táo-thần Trạch-thần đã hầu như quan đại-phu ở nước mắt, trốn núp vào đỉnh núi Thủ-dương rồi! Mẹ tôi cũng không dám trái mệnh, chỉ chấp tay không niệm Phật mà cũng chỉ rì-rầm như tiếng dế, sợ rằng vợ tôi nghe thấy. Bóng được khoe hồng, chén quỳnh năm sớm, vốn là sự vui thú đời người ta, hưởng-chỉ lại là vợ chồng mới, vui lại gấp mấy mươi! Nghĩ lại hôm nay năm ngoài, trong nhà chỉ chụm có hai mẹ con nói chuyện với nhau mà hôm nay thì trong tiệc lại thêm một mỹ-nhân như hoa như ngọc, còn gì vui thú hơn! Tôi nhìn mẹ tôi có dáng bứt-rứt không yên, mà không biết trong lòng toan tính sự gì, chực mời uống rượu, cũng không thấy người. Một lát tôi nghe thấy tiếng gõ cửa rất mạnh, mẹ tôi vội ra mở cửa, tôi thấy một người khách vào cấp cả sổ sách bàn tính lằm-nhằm với mẹ tôi mãi không thôi; hỏi ra mới biết là khách đòi nợ, mẹ tôi ân-cần tiếp-dãi, ước đến sang năm trả hết, khách cứ lặc đầu, ngồi giữa nhà không đi, một lúc lại thấy lần lượt kéo đến, đến hơn mười người, đòi hỏi rối-rít, vang cả láng diềng, mẹ tôi một miệng không sao đối lại được nhiều lời, vợ tôi thấy thế, bỏ ăn lên vào trong buồng, đóng cửa không ra nữa. (Oai sự để đầu!) khách càng lên câu day đi day lại rằng: «Món ấy là nhà già vay để cưới con dâu về, nay mẹ con nhà học trò nghèo mà nàng dâu thì giàu rồi, người đầu giường vàng ngọc đầy đủ, cầm một cái cũng

đủ trả nợ người ta rồi, lại còn chối cãi làm gì nữa?» Mẹ tôi tắc lưỡi không sao trả lời được, bọn khách nợ càng rầy-rà riết, kể thì bảo mười một đồng nợ bắt lấy cái chạn, kể thì bảo nợ ba mươi đồng, si lấy cái bàn, kể thì bảo nợ hơn mười đồng, bắt lấy cái hòm, giờ chân đập tay, toan làm thực ngay. Tôi thấy sự thế, sợ run cả người, liếc nhìn mẹ tôi thấy nhà sắp tan nát, gào khóc mất tiếng. Bỗng đâu có một người ở bên láng diềng đến giải-hòa, bảo lũ khách nợ rằng: « Các ông phá nhà cũng phải, nhưng xem tình bà cụ đáng thương kia thì cũng nên khoan cho hạn nữa, tôi xin làm chứng cho. » Bọn khách mới hơi bằng lòng. Mẹ tôi hẹn đến cuối tháng giêng sang năm, xin trả sòng-phẳng. Khách nói: « Nếu sai hẹn nữa thì ta mời người làm chứng sang quyết phá nhà già chứ không nề nữa đâu! » (Mời cõi được đoạn thư nhất, người láng diềng thật là vị cứu-mệnh Bồ-tát.) Nói rồi ầm-ầm cùng ra về, mẹ tôi mới yên lòng mà tôi cũng yên hồn định chí, mẹ tôi nói: « Tôi hôm nay giá không có nhà láng diềng, thì nhà ta lập-tức tan-tành rồi, tính qua số nợ, dễ đến hơn ba trăm (phĩ-tồn cuộc chơi mặt-nguyệt!) ; thắm-thoắt lại đến hẹn đây, mà có dám mưu tính với vợ mày không? » Tôi nhập-nhù thưa rằng: « Đề con thử ướm xem may ra cũng được. » (tắt không xong, lại không dám nói!) Bấy giờ đã canh khuya trăng xế, tôi từ mẹ tôi vào buồng, thấy vợ tôi đã ngáy khè-khè rồi! (Sự ngủ thật vô lo vô lự!) Cởi áo lên giường, vợ tôi sực tỉnh dậy trách tôi rằng: « Từ khi tôi ra đời đến nay chưa thấy có nhà rào nghèo-ngắt đến thế bao giờ, một bữa trừ-tịch, cũng không được yên, lại còn kêu gào khóc lóc, mất cả ngủ-nghe, nghèo như thế, thà cứ chịu một thân làm chú tiểu lán-la kiếm ăn có được không, còn có gì mà đi lấy tôi, anh lấy tôi thật là đầy-

đọa tôi, tôi ở yên nhà anh làm sao được. Nay tôi sở dĩ còn ăn-nhần, cũng vì có một cơ, anh có biết được đâu, lấy anh bốn tháng trời, một khối thịt đã làm chiu trong bụng, nay đã cựa-cậy động rồi, (kính mừng phu-nhân!) tôi không tự-do được là vì đó (nguyên-lai như thế); anh đừng làm lơ-lãng tôi, có chịu chia rẽ nhau không?» Nói rồi trùm đầu ngủ, tôi nghe nói mà nửa thương nửa mừng, tự nghĩ vợ mình chê mình nghèo, không muốn cùng đẩy xe hươu với mình mà muốn cắt rẽ nhau như vợ Mãi-Thần, nghĩ như nhà mình cơ-nghiệp mỏng-mạnh, lấy gì mà lại lấy vợ khác, thế thì khỏi sao được cái cảnh ở trụi suốt đời, đáng thương xiết bao! Lại nghĩ lại vợ đã có mang, sau này oe-oe ra mà là trai thì Thạch-lân có giống, tôi dẫu làm anh chồng goá mà chết, cũng có thể yên-ủi các vong-linh tổ-tiên ở nơi chín suối, không đến nỗi làm ma đói rồi. Nghĩ ngấm thâu đêm, ruột vò chín khúc, vừa mới chợp mắt, tiếng pháo nhà láng diềng đã nổ ran lên, sớm dậy bừng mắt ra thấy nhà nào nhà ấy, cảnh đảo đảo khé, khí-tượng mới-me, chỉ cái nhà gianh vách nát của tôi là y-nhiên như cũ thôi!....

LỜI PHÉ-BÌNH. — *Phu-nhân vì có mang không tự-do được, không thì vợ đã đổi tổ rồi, thật là câu nói tâm-phúc, chàng Khâu nửa thương nửa mừng cũng là lẽ tất-nhiên.*

XIV. — Bỗng dưng bị chề

(Ngày 20 tháng giêng)

Gió thốc lều gianh, buốt như cắt thịt, chẳng khác gì phùng thê-lợi ăn hiếp kẻ bần-hàn, coi như bác nhà giàu kia mặc áo cừu, sưởi lò lửa, ngồi giữa phòng lớn, tuy cửa kính bốn bề sáng quắc mà gió buốt kia vẫn loanh-quanh không dám hút vào, đành

nhường bóng thiều-quang ấm-áp vào làm khách tri-âm! Ôi! Mẹ tôi nay lại thêm một tuổi là bảy-mươi-mốt rồi, khoác tấm áo bông cũ rách bươm, mặc mảnh quần vải gai bạc phếch, ngồi trong nhà nát, hút gió lạnh mà nức mồi không thôi, nhìn nét mặt hình như có dáng lo-lắng lạ. Tôi vội lại gần yên-ủi, mẹ tôi cầm tay tôi nói rằng: « Con ơi! nay gần đến cuối tháng giêng rồi, khách đòi nợ sắp chen chân nổi gót mà đến, con dùng kể gì mà nói với họ cho xuôi hử con? » Tôi lặng yên không trả lời được nữa. Mẹ tôi nói: « Con thử sang nhà Trương-ông bên mé tây nhà ta mà ngọt lời cầu-cứu xem, may ra cũng được ». Tôi tức-thì từ mẹ tôi ra đi, đến cửa nhà ông, loanh-quanh mãi không dám bước vào, nghĩ lại đến chuyện vợ tôi phá hại nhà ông khi trước, hiềm ấy chưa hòa, còn mong-mỏi gì, cũng đánh bạo vào, thấy ông có dáng hòa-nhã mời tôi ngồi rồi pha nước uống, cười nói tự-nhiên. Một lát hỏi tôi rằng: « Tiên-sinh dễ quên nhãng sự ngày trước ư, hôm nay lại đây đền trả những đồ tồn-hai phải không? Có phải thế để tôi gọi người nhà tính toán lại ». Tôi vội-vàng đứng dậy tạ lỗi và rằng: « Xin khoan cho đến hôm khác ». Ông ra ý không bằng lòng, gương trả lời rằng: « Phải. » Bấy giờ sự đi vay của tôi đã gác ra mái ngoài rồi, không dám nói đến nữa, hàn-huyên một vài câu rồi chút lộ cái cảnh khốn khó qua ngày, sinh-nhai eo-hẹp. Ông cười nhạt nói rằng: « Như ông thật là phúc đẹp trời sinh, ai bì cho kịp, nếu sinh-nhai eo-hẹp, chỉ chịu khuất-tất với bà ấy một chút thì các xuyên vàng đỏ chói kia vào đến tay ngay, tiêu gì cho hết (chê-nhạo khéo thay!) việc gì mà đến nỗi khốn-khó qua ngày ru? » Tôi nghe lời ông nói, thẹn đỏ lừng mặt, lặng bật không còn trả lời được một câu gì nữa, rón ngồi một chút rồi từ-tạ ra về, không biết nói

vội mẹ tôi thế nào, chỉ nhìn mà lắc đầu tỏ ý không xong mà thôi! (*Cám ăn phải đặng biết tỏ ai hay!*) Mẹ tôi nói: « Thế thì làm thế nào, hăng đề già này sang nhà đi một chút xem sao, nếu lại như thế, thì chỉ có chết mà thôi. » Tôi hết sức yên-ùi mẹ tôi, mẹ tôi ra đi, nửa ngày mới về, tôi nhìn thấy mặt có dáng mừng, biết sự đã xong, lòng riêng mừng thầm, mẹ tôi ngồi yên rồi bảo rằng: « Đi mày cũng không có gì, chỉ em Tần mày tích vốn riêng được trăm bạc, đi mày cũng không biết đến, nay đưa cho ta vay tất cả, của này là của nó để sau này làm tiền sắm cưới đấy, khi nào nó lấy chồng mày nên lo trả phân-minh mới được. » Tôi nghĩ Thu-Tần hiền-hậu làm sao, bỏ vốn riêng ra, giúp tôi con túng-cực, mẹ còn giấu không cho biết, mà cam-tâm làm ơn cho tôi, so với vợ tôi thì thế nào? (*Khác gì máy với bùn!*) Nghĩ mà bất-giác nửa cảm nửa then, chín cả người đi. Mẹ tôi lại bảo nay hăng đem trăm bạc này chia ra trả mỗi chủ nợ một ít, còn đâu khát hoãn cũng được rồi. Than ôi! Không có Thu-Tần thì nhà tôi cũng nguy thay! Tôi thấy mẹ tôi có ý mừng, tấm lòng vui quá, từ-biệt mẹ tôi thông-thả đi vào buồng trong, bỗng nghe thấy có tiếng kêu đau, vạch màn ra nhìn, thấy vợ tôi ôm bụng mà kêu, thấy tôi nghiêng rặng nói rằng: « Mày lu-bù ở ngoài, không đoán đến nỗi ta kêu khóc ở nhà, lương-lâm để đâu? (*Oan uổng giết người!*) Ta trả đã ba tháng rồi, bụng đau như cắt, mà mày bỏ mặc không nhìn đến nữa ư? » Tôi sợ cuống cả người, vội dấm bóp cho một lúc rồi nói với mẹ tôi đi mời thầy thuốc về xem mạch, xem xong bảo mẹ tôi rằng: « Kinh mừng cụ, chả mấy ngày nữa đã có cái mừng bẻ cháu rồi đây. » Mẹ tôi mừng nở mặt nở mày, thân sắc thuốc an-thai, bung vào yên-ùi mãi mới đi ra, tôi chực hầu bên giường trông nom vợ tôi,

chỉ sợ không được hết sức thôi. Vợ tôi nôn mửa đầy cả giường chiếu, hôi thối rức mũi, tôi-dòi thấy là chạy trốn, tôi phải thân-hành mang ra ngoài giặt rửa, (*Có gặp ông già không? Trên trán có vết tím không?*) Suốt đêm không được ngủ, nằm ghé bên chần tạm nghỉ, vừa mới thiu-thiu, thấy vợ tôi cựa dậy, liền dậy hỏi có yên không, bệnh vừa mười ngày mới khỏi mà mình tôi đã mỗi-mệt lắm rồi....

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Chàng bi! ché cười cũng là tự mình rước lấy, lời Trương-ông nói, ác độc lạ đường, mời biết cái thế-lợi bác nhà giàu khắc-bạc, nên co-nghiệp có khác người như thế!*

Thu-Tần hiền lắm thay! vốn riêng của mình, mẹ để còn không biết mà đem giúp mẹ chàng trong lúc lỡ-làng, thật là người kỳ-hiệp trong làng khẩn yếm vậy, chàng lòng cảm-kích đến chảy nước mắt cũng là lẽ tự-nhiên. Chàng nôn ra máu, phu-nhân đuổi ra ngoài buồng, phu-nhân ốm đau, chàng hầu-hạ chỉ lo không hết sức, hai đảng so-sánh, khác gì trời với đất, chả biết trong lòng phu-nhân có động hay không?

XV. — Kịch thảm giết con

(Ngày mồng 4 tháng 4)

Xuân-quang hòa ấm, cảnh-vật chiều người, thế mà tôi đối cảnh-vật xuân-quang ấy lại càng thêm tư sầu muộn mới, cũng không biết là tại làm sao! Chỉ thấy mẹ tôi thấy vợ tôi có mang, trong lòng mừng rỡ, gần đây thường mở miệng cười luôn, không có rầu-rĩ như trước, thì lòng tôi cũng khoan-khoan một chút. Vợ tôi ốm mười hôm trời, chi-phí thuốc men đến ngót trăm bạc, sống áo mẹ tôi, cầm cổ hết ráo mà vẫn không oán-hận gì, thường nói rằng: « Sau này cháu hiền làm nên, già này chả lo gì đói rét nữa. » Than ôi! Mẹ tôi tuổi đã ngoài bảy-mươi, lại còn hi-

vọng hưởng cái hạnh-phúc của cháu hiền, kẻ cũng thực-thà lắm thay! Mới tang-tảng sáng, trong bụng vợ tôi chộn-chạo, đau dữ kêu gào rầm-rĩ, mẹ tôi cuống-cuồng mượn cả các người đàn bà làm thuê hàng xóm láng-diềng đến chỉ bảo, đưa thì nấu nước, đưa thì thổi cơm, đưa ngồi sắc thuốc, đưa mời bà đỡ, đưa ôm lưng, đưa lau bần, túi-bụi suốt buổi sáng, vợ tôi đau nửa ngày, bỗng lại yên. (*Vội hã*). Mẹ tôi có ý yên tâm, cho các con ở về. Buổi tối, đồng-hồ đã đến canh ba, hốt-nhiên vợ tôi lại đau ngồi nhồm dậy kêu. Mẹ tôi lại sợ hãi quá, vội-vàng ra cửa gọi các người đàn-bà làm thuê đến bảo làm như trước, các người làm thuê thì chịu khó không ngại đêm hôm lạnh-lùng, mà tôi thì đứng chằm-chằm chực đợi, mãi đến lúc trăng tà gà gáy, vợ tôi lại yên không đau nữa, (*Lại vội hã*), rồi ra lúc đau lúc thôi như thế luôn, mà mẹ tôi chạy đã mệt lử người, các người làm thuê cũng nhọc cả. Sáng hôm nay, mẹ tôi lảng-lặng xuống bếp thấp hương qui khấn, lạy tạ lỗi trước, rồi lại ra trước tượng Bach-y Quan-âm ở am Tĩnh-độ nguyện xin qui-y hương-hỏa. Vợ tôi suốt ngày chả động-tĩnh gì, mà mẹ tôi thì chạy ngược chạy xuôi, mỗi mệt hết sức. (*Đang thương!*) Tôi khuyên mẹ tôi hãy vào yên nghỉ, hễ có sự gì khác sẽ lại trình mẹ, mẹ tôi mới vào buồng nghỉ, tôi không được ngủ đã vừa mười hôm trời, dòm thấy vợ tôi đang ngủ say tiếng ngáy khè-khè, lòng tôi yên-ôn lắm, mới vào giường bên đề cả áo nằm. Bấy giờ đã tới nửa đêm, mỗi-một quá, vừa đặt mình đã thiu-thiu giấc ngủ, đang lúc mơ-màng, bỗng nghe có tiếng oe-oe, giật mình chồm dậy, thấy vợ tôi đã bước xuống giường, đang mở nắp thùng dái, ngồi ở dưới nắp thờ hồng-học. (*Đứa con đã bị tuyên-cáo tử-hình rồi!*) Tôi vội - vàng bước xuống, tưởng là đi dải mới xong, định đỡ lên giường, vợ tôi nhất-định không

nghe, ngồi lý trên nắp thùng dái, lâu tới năm phút đồng-hồ, bỗng dung ngắt đi ngã nhào xuống đất, tôi sợ quá kêu la ầm-ỹ. (*Kêu la cũng vô-ích rồi!*) Con hầu đập cửa chạy vào, mẹ tôi nghe tiếng cũng đến, tôi vội nâng lên để nằm trên giường, sự thấy nửa phần người dưới vợ tôi bần-thỉu mê-mết, nhìn nhau cùng thất-sắc, con hầu cầm đèn soi khắp bốn bên, thấy dưới đất cũng có huyết bần lênh-làng, mở thùng xem, bỗng thấy buong nắp đây xuống, tái mặt chạy ra, mẹ tôi hỏi làm sao thế, con hầu cứng mồm không nói được nữa, tôi vào coi trong thùng xem, thấy cái oe - oe ấy đã chết từ bao giờ rồi, sợ mướt mồ-hôi, dấm chân kêu gào, mẹ tôi vào nhìn thấy một cái, ngắt quay xuống đất, con hầu ôm lên ghế tràng-kỷ nằm. Tôi nghĩ cái oe-oe này đã chết rồi, thương cũng là vô-ích, bẵng ra xem vợ tôi đã, thấy vợ tôi đã dần tỉnh dậy, trừng mắt hỏi rằng: «Ta còn sống ở trên đời nữa không?» (*Hỏi lạ-lùng thay!*) Tôi nói: «Sao mình lại nói thế, tôi đây mà, mình có biết không?» Vợ tôi nhìn tôi, bỗng nhoeùn miệng cười, nói rằng: «Thế thì ta chưa chết rồi phải không?» Tôi nói: «Mình không việc gì, cái oe-oe kia thực chết mất rồi, làm thế nào đây?» Vợ tôi nói: «Giống quái ấy ai cần cho nó sống! (*Lương-lâm đề đầu!*) Chính là ta cho nó chết đấy, may tiếc làm gì!» (*Thương thay! nhân - làm như thế, dẽ không phải là loài người!*). Tôi bất-giác giật lùi mấy bước, ngờ rằng vợ tôi phát điên giết chết mất con, mà nhìn vợ tôi thì vẫn tự-nhiên, mẹ tôi vừa tỉnh, nghe vợ tôi nói lại ngắt đi, con hầu sợ hãi cuống-cuồng, hăm nước gừng nóng đổ vào mới dần dần tỉnh lại, nhồm ngay dậy, vén tay móc dứa bé trong thùng ra, lau mắt nhìn, nức - nở nói rằng: «Con trai mà lạnh cứng rồi! . . . » Vừa nói

vừa nước mắt chan-chứa.—(Không nỡ đọc nốt, thương thay!) Bấy giờ tôi cũng ứa nước mắt ra, không nỡ trông thấy nữa, cố khuyên mẹ tôi rằng : «Cháu đã chết mất rồi, mẹ còn thương làm gì nữa, cốt giữ lấy mình đã, đi ngủ đi thôi, lòng con nát cả rồi!» Mẹ tôi mãi mãi mới buông xuống, khóc rữ người ra. Tôi khuyên mẹ tôi đi ngủ, mẹ tôi cũng không nghe, chưa mấy chốc trời đã rạng đông, mẹ tôi lại toan vờ-về đưa bé, tôi không nỡ trông thấy mẹ tôi lưu-luyến, mới bảo con hầu mang ra sau vườn chôn kỹ. Còi tàu toe-toe, mẹ tôi còn tưởng là cháu lại sống lại, oe-oe khóc ở trong vườn, than ôi, tham thay!...

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Mẹ chàng suốt ngày vất-vả, chạy ngược chạy xuôi, chỉ hi-vọng sự bế cháu thôi, ngờ đâu lại thành một giấc mộng hão, lẽ nào chẳng ruột như dao cắt, cắt tiếng khóc là ngất ngay!*

XVI Tin đầu mắt vía

(Ngày 3 tháng 5.)

Than ôi! Cái cảnh-ngộ của tôi bây giờ là thật ru! ảo ru! Chỉ yếu có vợ mà vợ lại giở mặt, chỉ mong có con, mà con lại thắm-thương! Nghĩ lại cái tiếng oe-oe nghe thấy trong lúc mơ-màng tôi hôm sinh con đến bây giờ, vẫn hình như còn ở bên tai, hồ nhắm mắt là nghe thấy ngay, mà mở mắt thì lại chẳng thấy gì, đề là tại ảo ở lòng ra sao? May mà vợ tôi ở cũ vài ba hôm lại khỏe ngay. (Chết còn chả liếc còn may cái gì!) ngồi dậy bảo tôi rằng : «Có thể rồi bây giờ mới khôi-phục được cái thân tự-do, không thì phải cái của oe-oe ấy nó làm lụy suốt đời, không được ngày nào yên nữa!» (Nguyên lại nghĩ như thế, thật không đáng kể là loài người nữa, giá mọi người trong cõi đời ai cũng như thế, thì còn gì là nói giống nữa!) Tôi nghe nói trăm đường giao-cảm, không trả lời được nữa, nghĩ bụng

nó đã tưởng như thế thì lấy mình làm trò gì mà mình lấy nó còn có ích gì nữa! Từ đấy cái ái-linh tôi đối với nó cũng nhạt-nhạt dần, nó tấm-tức về ngay nhà mẹ, tôi vào buồng mẹ tôi, thấy hai con mắt mẹ tôi sưng húp, sắc mặt xám xi, tinh-thần ủ-rũ, *đáng thương!* hỏi con hầu nói rằng : «Đã ba hôm nay không ăn miếng gì cả?» Tôi ghé ngồi bên giường cố khuyên mẹ tôi rằng : «Mẹ đừng nghĩ quá làm chi, nếu số con có con, tự-khắc rồi có, nếu mà không có thì đâu nuôi được đến lúc lớn-lao, cũng non yếu mất, mẹ thương xót mãi làm gì cho nhọc lòng.» Mẹ tôi nức-nở nói rằng : «Con ơi! Mẹ làm làm con, con không có giống, mẹ lấy gì mà đối với cha con ở dưới suối vàng!» (Lời nói thương-tâm thay!) Mẹ tự nghĩ cha con vốn là người ăn ở hiền-lành công-chính sao lại đến nỗi không có kẻ cùng giỗ không ra hơi, tôi yên-ủi mẹ tôi một lúc, rồi ra nấu một bát cháo loãng bưng vào đưa mẹ tôi, mẹ tôi húp một tí rồi bỏ xuống nói rằng : «Không sao nuốt được, ăn làm sao!» Tôi lại cố khuyên mãi mẹ tôi mới hơi nguôi nguôi, quá trưa, hốt-nhiên thấy dì tôi dắt Thu-Tần lại thăm mẹ tôi, mẹ tôi thấy dì tôi lại thương khóc một lúc, dì tôi cũng nước mắt thánh-thót, Thu-Tần nghe chuyện nói rằng : «Chị ấy nhẫn-tâm làm sự độc-ác như thế, còn lương-tâm gì; người ta ai cũng có mệnh cả, quá thương làm gì.» Tôi gạt đầu rồi nước mắt cũng ứa ra, dì tôi bàn-hoàn với mẹ tôi mãi đến chiều mới từ ra về. Trời mờ-mờ tôi, thấy vợ tôi về, áo quần xúng-xính, trang-sức lại choáng như là tiên, con hầu làm cơm đem lên, ăn không vừa ý, đập mâm đập bát vang cả nhà cửa, lại đập bàn gào thét, oai-cái gớm ghê, lại chõ mồm vào buồng mẹ tôi mắng rằng : «Rau cần cơm hầm, ta chẳng quen ăn bao giờ, mẹ (con mày

gao trắng thịt béo, ăn no ăn chán không hết mà lại đem rau muối cho ta ăn à? Ta thật không sao nhần được nữa, Mày đã không có tài sức cung-cấp ta, thì từ nay lia rẽ nhau!» (*Phu-nhân đã định từ trước rồi!*) Mẹ tôi nghe nói thất-sắc, nắm tay tôi nói: «*Cơ nhà ta bây giờ như thế này, không sao mà chỉnh-dốn lại được nữa rồi, ta tự nghĩ thật không có của đâu mà cung-cấp cho vợ mày nữa, nhưng nếu nó bỏ nó đi, già này lại không lấy gì mà lấy vợ cho mày lần nữa, về đường tử-tức tinh thể nào, mày nên liệu lấy, già này không thể mưu cho mày được nữa rồi...*» Tôi cố khuyên mẹ tôi lâu tôi ngót giờ đồng-hồ mà lắng nghe vợ tôi vẫn găm thét chưa thôi. Tôi lại tự buông mẹ tôi ra, bước tôi trước mặt vợ tôi, uốn gối quì xuống, (*lại quì lạy dưới bóng quần-hồng!*) nói rằng: «*Khoan-khoan, người yêu của ta ơi, tôi biết lỗi rồi, mẹ tôi vì nổi giận ồm, không thì cũng lại khúm-núm tạ lỗi trước mặt người yêu của tôi ngay, từ nay trở đi xin theo những điều yêu-cầu của người yêu của tôi không dám xao-lãng một chút, để cho người yêu của tôi phải gắt. Người yêu của tôi ơi, mình mới sinh-nở, khí-huyết hư-suy, mà gắt đã nửa ngày rồi, xin người đi thôi!*» Vợ tôi thấy tình-trạng tôi, nghe lời nói tôi mới diu-dịu dần, trở vào trong buồng, tôi cũng theo vào, vợ tôi ngồi trên ghế treó thờ hồ-ha hôn-hèn không nói một câu gì nữa. Đồng-hồ vừa đúng canh ba, sực thấy con hầu hốt-hoảng chạy vào, tay thì trở về buồng mẹ tôi, mồm thì kêu-la ầm-ỹ, tôi vội chạy ra, thấy cửa buồng mẹ tôi đóng chặt, vội phá cửa vào, thấy mẹ tôi đã đứt cổ vào ba thước lụa trắng lủng-lẳng ở trên sà nhà rồi, vội vàng cởi dây ôm xuống, thấy hơi thở còn thoi-thóp, chân tay còn mềm, bụng còn hơi âm-ấm, tôi sợ quá, vội bảo con hầu lấy nước gừng đến, cạy hàm đồ vào, một chốc mới dần dần tỉnh lại, tôi

toát mồ-hôi suốt cả người, hỏi mẹ tôi sao lại tỉnh cái nước hạ như thế, mẹ tôi nói: «*Sống không ngày nào được yên, thà chết còn hơn, con cứ mẹ làm gì?*» Tôi vừa khóc vừa khuyên rằng: «*Mẹ muốn như thế, con xin chết trước, nếu mẹ nghĩ lại, con cam lòng đi ăn xin nuôi mẹ, chết cũng không dám oán.*» Mẹ tôi mới nguôi nguôi lòng, tôi ở lại hầu-hạ mẹ tôi suốt đêm, lòng vẫn áy-náy mà tuyệt không thấy bóng vợ tôi lại một lần nào, đang lúc muốn phần nguy-cấp, bỗng nghe thấy vợ tôi the-thế nhiếc rằng: «*Đồ lẩn-cẩn giả cách thất cổ, ta có sợ gì, ta vẫn biết bọn đàn bà ngu dốt ở xã-hội nước Tàu này vẫn dùng bốn phép chân-truyền duy-nhất là: *khóc, nhin đói, không ngủ, thật cổ*, để làm cái phép hay đủ giá-ngự được chồng và dọa được người, ta có sợ gì!*» Nói đi nói lại một mình mãi mãi mới thôi. Than ôi! Như vợ tôi thế phỏng còn có lương-tâm nữa không? Tàn-ác như thế, thật không có khác chi loài chim muông, (*thỏ chết cáo thương, giống muông còn hơn phu-nhân!*) Con hầu lại kể lại cho biết rằng mới rồi nó ở buồng bên nghe thấy trong buồng cụ bà có tiếng ghế đồ rất mạnh, rùng mình ghì sợ, ghé mắt dòm khe cửa vào thấy như thế, sợ quá, mới lại gọi tôi đến cứu. Than ôi! Chậm một chút nữa là mẹ tôi đến rồi mất, lòng tôi ngấu như tương, càng nghĩ càng bàng-hoàng mãi!..

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Phu-nhân bảo cái của oe-oe ấy nó làm trở-ngại mất cái tự-do, cho nên hạ cái thủ-đoạn độc-ác ấy, ôi! tự-do như phu-nhân thật tuyệt-điểm trần-gian!*

Phu-nhân quyết định cái tôn-chỉ bỏ chồng, cố ý gây chuyện gia-đình không ngày nào được yên, mẹ chàng thật bất-đắc-dĩ tình nước hạ ấy, thế mà phu-nhân lại bảo là dọa mình, thật là không còn có tâm-can gì!

(Còn nữa)

LẠC KHỔ DỊCH

TIÊU-THUYẾT

CHÔNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiêu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỬ TRÂM-Á)

IX

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

*Người xem sách trong cơn tật-bệnh,
Khách nhắc trà bàn sự hôn-nhân.*

Mi-quân, Tiêu-Son, Trúc-sĩ ba người ở trong Úc-lan-hiền, còn đương bàn nói chuyện Tử-Dã. Lại nhân vì thương Tử-Dã mà xúc-dộng ra mọi mối cảm-thương, người thì nhân lại thương đời mà tỏ ý thở-than, người thì nhân lại thương mình mà lã-chã hàng lệ. Trúc-sĩ bắt đầu cũng tỏ ý buồn rầu, cuối cùng cười lên một tiếng, nói rằng: « Thôi chúng ta bắt-tắt phát ra những tình-cảnh ô-hô vĩa ấy nữa, mau mau đi đến Hạc-hồn-quán thăm bác Tử-Dã. » Ba người đứng lên trở ra đi, khi đi đường, Mi-quân thông-dong hỏi đến sự Tiêu-Son, và có ý quái rằng sao Trúc-sĩ không tận-lực. Trúc-sĩ thở dài nói rằng: « Trong sự đó còn có nhiều điều ngang-trở. » — Mi-quân nói rằng: « Chỉ vì sự người anh Nhan-nữ-sử đấy chứ gì. » — Trúc-sĩ kịp nói rằng: « Chính thế, vì hấn làm ngại-trở, sỗ-dĩ tôi không dám khinh-suất nói ra, sợ rằng sự nếu chẳng thành, chẳng bỏ cho người khác xem khinh. Nay tôi muốn cùng thương-lượng với bác đã, rồi sẽ tiến-hành. » — Mi-quân ngẫm-nghĩ, rồi nói rằng: « Nhan-Ấu-Cầm nó chẳng qua là một kẻ ngu-xuẩn, nó cũng chẳng phá-hoại được cho đến kỳ-cùng. Nay chỉ dùng chút

thủ-đoạn gì đề lung-lạc nó, thì sự ấy chữa tất đã nhất-vị bất-thành. » — Trúc-sĩ lắc đầu nói rằng: « Bác nói dung-dị mấy! nó tuy là một kẻ ngu-xuẩn, nhưng lạ gì quân-tử có đảng quân-tử, tiêu-nhân có đảng tiêu-nhân; bọn nó thiếu gì giống hồ-quần cầu-đảng, khác với bọn mình lắm. Chỉ sợ rằng bọn mình dùng hết tâm-cơ, phí hết miệng lưỡi, mà rút cục vẫn không bằng trong đảng nó gặt với nhau một cái, nói với nhau một câu. » Mi-quân nói rằng: « Bác đừng nghĩ kỹ quá thế, sự ấy nên thực-hiện làm đi, thành, bất - thành bởi trời. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Tạm gác sự ấy đấy, rồi sẽ bàn tính sau, bây giờ hãy kíp đi thăm bác Tử-Dã. »

Ba người cùng đi một chốc, chợt đã đến Hạc-hồn-quán. Thấy Tử-Dã một mình mặc cái áo cừu lông dê đen, ngồi ở ven cái giếng Thiên-lĩnh, trong tay cầm một quyển sách, đương ngó ra cũi mặt xem. Sịch nghe tiếng giày ba người, ngừng mặt lên, trông thấy ba người, mở miệng cười, liền miên-cưỡng chống tay đứng dậy vái chào, hỏi rằng: « Ngày nay ngọn gió thu đưa các bác lại đây đấy a? » Là ý mừng rằng bất-kỳ được trông thấy bạn. Ba người cùng hóm lại nắm tay đỡ nách cho Tử-Dã, thỉnh Tử-Dã ngồi yên. Rồi ba người cùng ngồi xuống một hòn đá phẳng ở ven chỗ Thiên-lĩnh, ân-cần hỏi « Bệnh

bác cần-trạng thế nào? «Tử-Dã gạt đầu, rồi sẽ-sẽ nói rằng: « Bệnh tôi xưa nay vốn không có chứng gì khẩn-yếu, trong một năm ba trăm sáu mươi ngày có đến hai trăm mấy mươi ngày như thế, tôi với cái ma bệnh đã từng quen nhau. Chỉ cần-lai ăn không thấy ngon, uống không thấy thú, chỉ xem sách còn thấy vui mà thôi, bệnh-thế dường như lại có trầm-trọng hơn trước. Tôi vẫn miên-cường dùng tinh-thần để chiến-dấu với tật-bệnh. Duy mấy bộ lão-cốt của tôi, có điều chi-trị không nổi. Đại-khái đó là sự tiến-bộ về lão-cảnh, cũng chẳng hề chi. » Nhưng ba người trông Tử-Dã, thì tinh-thần đã thấy có phần tiêu-tác thể-lương khác thường, mà xương-cốt gầy-gù, da thịt tiêu giảm, vừa nói có mấy câu, đã thấy thở hồn-hển, tỏ ra tinh-hình mỗi mệt. Ba người đều vì yên-ủi mấy lời, lại nhân nói qua sự Tiểu-Son cho Tử-Dã nghe. Tử-Dã nói rằng: « Mưu sự tại nhân. Vợ chồng bác Trúc-sĩ đã có hảo-ý, nên mau tiến-hành, tùy-cơ liệu sự sợ gì chướng-ngại. Nếu nhất-vị du-di nhứt-nhất, há chẳng làm mất cái hi-vọng của băng-hữu, và cái tính-cách của trượng-phu. Tôi riêng nghĩ rằng sự đó không nên bàn đến thành-công hay là bất-thành-công. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Sự ấy tôi định nhờ bà Dịch-lão phu-nhân Lý-thị làm địa-bộ tiến-hành trước. » Các người đều nói rằng chính phải, sự ấy nên thỉnh bà ấy làm người chủ. — Tử-Dã lại đối với Tiểu-Son nói rằng: « Bác là kẻ kỹ-tài trời phú cho, không nên bỏ phí cái tài ấy để mai-một ở trong đám thảm-vụ sầu-vân. Tương-lai chớ bắt-chước tôi cái dạng lão-hủ suy-phế, làm một con sâu vô-ích ở đời. Như vậy mới là lối hàm-dưỡng của con nhà thánh-hiền, lối hành-vi của bậc hảo-nam-tử. » Tử-Dã nói đến đấy, lại tỏ ra ý cảm-thương. Tiểu-Son kip đứng lên nắm lấy tay Tử-Dã, tỏ lời lĩnh-giáo. Ba người lại khuyên Tử-Dã trân-trọng

bảo-dưỡng lấy thân-thể tinh-thần, Tử-Dã ngỏ lời cảm-tạ cái hậu-ý của băng-hữu. Ba người lại đàm-đạo với Tử-Dã một hồi. Trúc-sĩ thấy Tử-Dã có ý quyện, đối với hai người nói rằng: « Chúng ta trở về mưu-tính sự bác Tiểu-Son, sự ấy may mà thành, thì trong lòng chúng ta đều yên-hả cả. Tử-Dã khi ấy cũng chẳng lư-luẩn ba người, chỉ cười một tiếng mà rằng: « Lòng tôi cũng tưởng như vậy. Tử-Dã nhân lại nói rằng: «Tôi bình-sinh, trừ mấy vị lương-hữu như các bác, ngoài ra ở trên đời không có một người nào là phát-sinh mối quan-hệ với tôi nữa. » Khi nói thì một trận thương-tâm, đôi hàng lão-lệ, chan-hòa lã-chã, tuôn mãi chẳng thôi. Ba người thấy thế, cũng cảm không được giọt lệ, rồi trông nhau than-thở, nhân nói rằng: « Chúng tôi không khi nào dám bỏ bác, tất thỉnh-thoảng lại thăm bác, xin bác cứ yên tâm dưỡng bệnh. » — Tử-Dã nói rằng: «Suối lệ tôi không phải là vì cảnh lão cảnh bệnh mà tuôn ra, thực là vì cái hậu-ân hậu-ý của băng-hữu vậy ». Ba người lại trông nhau ngậm-ngùi một hồi, rồi đứng dậy cáo-từ.

Ba người ra khỏi Hạc-hồn-quán, cùng nhau chia lối, Mi-quân về Ưc-lan; Tiểu-Son về Âu-mộng, Trúc-sĩ tiện đường đi vào ngõ Tử-ngọc, đến nhà họ Dịch, cầu yết-kiến bà Dịch-lão phu-nhân. Phu-nhân khi ấy đương sai bảo một lũ từ-bộc tưới-rội hàng trăm chậu hoa cúc ở trước sân, chợt trông thấy Trúc-sĩ, cười khanh-khách nói rằng: «Thầy Chung-quân, thầy lại chơi được may-mắn lắm! Tôi đương có một việc hay, muốn cầu-thỉnh với thầy đây» — Trúc-sĩ cũng cười nói rằng: «Ấy mới lạ thay! tiêu-diệt tôi cũng có một sự hay, lại cầu-thỉnh với bá-mẫu đây.» Nói xong, hai người cùng cười, phu-nhân dẫn Trúc-sĩ tiến vào trong mé tả hồ một gian thư-thất nhc-nhỏ. Trúc-s

làm lễ chúc mừng mạnh khỏe, rồi tới chỗ ngồi. Đưa thị-tỳ bung khay trà lên. Phu-nhân cười hỏi rằng : « Thầy vừa nói có một việc hay, là việc gì ? hăng nói trước tôi nghe. » — Trúc-sĩ thưa rằng : « Cháu muốn trình-tỏ về sự làm mối. » Trúc-sĩ nói chưa hết lời, phu-nhân đã mừng-rỡ cười nói rằng : « Thế thì lại lạ lắm ! Tôi cũng định bàn với thầy về sự làm mối đây, sao khéo-keo vậy ! Duy chẳng biết thầy định nói với tôi về sự làm mối cho họ Giang đây phải không ? » — Trúc-sĩ càng lấy làm lạ thưa rằng : « Quả là cháu muốn thưa với bá-mẫu về sự người tiểu-khế-hữu của cháu là Giang Tiểu-Son, cùng người lệnh-nghĩa-nữ của bá-mẫu là Nhan Tam-Cô. Hai người ấy tài-lang thực-nữ, trời khéo sinh ra, thật là tốt đời, chẳng phải là hảo-sự đấy dư ! Cháu định lại thỉnh với bá-mẫu, để bá-mẫu ngỏ lời giáo-huấn cho, sao bá-mẫu lại hốt-nhiên có lời nghị ấy, cùng với chủ-ý cháu chẳng mưu mà hợp ? » — Phu-nhân gật đầu nói rằng : « Điều đó không phải là cái ý - kiến trong nhất - thời của tôi, tôi đối với cái cháu Nhan tôi, tôi để lòng đã kể có mấy năm trời. Tự khi sự - tình tên cháu họ tôi là Dịch Đồng - Hậu phát-sinh ra về sau, tôi đã biết rằng tên anh nó Nhan Ấu-Cầm không có cái tư-cách làm người anh, muốn đem em để làm một món đồ hàng. Vì thế cháu Nhan nó phải liệu đường trốn-tránh ra khỏi phạm-vi anh nó, tương-lai tên Ấu-Cầm không khỏi lại có phát-sinh sự ngang-trở về ý-ngoại. Tôi có nghĩ rằng trừ-phi đem cháu Nhan Tam Cô gả cho người khác sớm đi, mới có thể tuyệt được cái tà-tâm vọng-tưởng của chúng nó. Tôi để lòng để dạ đã lâu, chỉ muốn sớm được tiếp-kiến thầy, thương-lượng với thầy về sự ấy. Thầy Giang Tiểu-Son làm người, tôi đã có trộm nghe tiếng, là một người kỳ-vĩ-nam-tử, đa-nghệ đa-tài. Cháu Nhan tôi được phối-ngẫu với

người ấy, chắc cũng không phí mất đời người. Vả chẳng thầy Chung-quân là kẻ đoan - chính quân - tử, thầy giao-du với người ấy, chắc cũng không sai. Hiện nghe người ấy còn chưa lấy vợ, chính là một dịp hảo-cơ-duyên. Tôi tình đàn-bà, khi nóng-nảy, tôi chẳng đợi thương-lượng với thầy. Tôi tưởng rằng đi thỉnh tên Ấu-Cầm lại, khuyên-bảo hẳn năm ba lời là xong. Ngờ đâu, thiên-hạ-sự lại không bởi ý người liệu-lượng được. Tôi mới đi dò xét sự-tình, từng cái tơ cái tóc, thì ra căn-nguyên bởi tên súc-vật Dịch Đồng-Hậu. » Dịch phu-nhân nói đến đây, than thở một hơi dài, lại liền nói rằng : « Nó gian-giảo quá ! Tên Đồng-Hậu tự phen tôi trách mắng nó, cái tà-mưu của nó bất-toại, nó vẫn chơi thân-thiết với tên Ấu-Cầm như cũ. Nó lại khiến bè-dãng nó đánh bạc với tên Ấu-Cầm, Ấu-Cầm đánh bạc thua, bắt-câu đa-thiền, đều do tên Đồng-hậu cấp trả cho cả. Ngoài mặt thì nó vẫn nói giúp cho, không lấy lãi. Bè trong thì nó khiến người khuyên dỗ Ấu-Cầm rằng người ấy đã có hảo-tâm, nên có hảo-ý đối lại, cứ viết vài bức giấy, chiều theo gốc lối lệ thường, đưa lại cho người ấy. Người ấy đã tri-kỷ, hẳn không thẳng-thức gì. Nếu không thế, thì thử sau có muốn nhờ vay, cũng khó mở miệng. Ấu-Cầm vốn là đứa ngu-xuẩn, trong tâm có phân-hiều lẽ gì, tự-nhiên cứ vàng vàng dạ dạ, bảo sao nghe vậy. Lại cho Đồng-Hậu là nghĩa cốt-nhục tử-sinh, cô-nhân bằng-hữu chia vàng, lại thấy ở đời nay. Nghe nói trong một tháng gần đây, Ấu-Cầm thua bạc có đến hàng ba bốn nghìn, hoàn-toàn do một tay Đồng-Hậu trang-xếp cả. Ấu-Cầm đối với Đồng-Hậu, là kẻ có ân, và kẻ có uy. Đồng-Hậu đối với Ấu-Cầm, không chỉ ở tiền, mà chỉ ở sắc. Trụ-trung nó làm mưu-mẹo với nhau thế nào, không biết đâu mà rõ hết được.

Tôi nghe được tiêu-tức ấy, tôi thực như đã chết mất nửa người. Cái trái-khoản của Ấu-Cầm một ngày không trả được thanh, thì sự chung-thân của Tam-Cô vẫn một ngày ở về địa-vị nguy-hiêm. Tôi đã từng đường-đột nói với người bố tên Đồng-Hầu là Dịch Phù-Khanh. Chẳng hay thẳng con đã hiểu-sắc, người bố lại tham-tài, Phù-Khanh không phải là người biết dạy con. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, không có người nào đỡm-nhiệm với tôi về sự thân-thể Tam-Cô nữa. Vì thế tôi muốn thỉnh vợ chồng nhà thầy lại chơi, để thương-lượng cái phương-pháp làm ra thế nào. Cốt phá được cái tà-muru của tên Đồng-Hầu, tỉnh được cái mê-mộng của tên Ấu-Cầm, thì một đoạn nhân-duyên ấy, mới có thể hi-vọng thành-toàn được. »

Trúc-sĩ thoạt liền nghe Dịch phu-nhân nói, vẫn tưởng rằng Dịch-phu-nhân trong bụng đã tìm được phương-pháp gì hơi chắc-chắn một chút. Sau nghe mãi đến cuối cùng, mới biết rằng sự hôn-nhân ấy, chẳng qua là lời bàn còn thuộc về lý-tưởng, không phải là lời nói đã thuộc về thực-hành. Tấm hi-vọng của Trúc-sĩ khi ấy đã hoàn-toàn tiêu-tán, chỉ ngồi nin-lặng như si như ngốc một giờ lâu, mới nói lên rằng: « Sự Nhan Tam-Cô chẳng là trở ngại lắm sao ! Cháu chẳng dám nói man với bá-mẫu, hôm nay cháu lại đây, chính là vì sự ấy. Cháu thiết-tưởng sự ấy, không những là cái lương-duyên thiên-sinh địa-tạo, mà vả lại cái cảnh-ngộ hai người, hợp thì hai người cùng hay, phân thì hai người cùng khổ. Tóm lại về thực-tế, thì sự ấy đã có cái thể không thành-toàn được, thì không ra phương-diện thế nào. » — Dịch-phu-nhân lại gật đầu nói rằng : « Há chẳng thực như vậy. Nhưng mà nếu bảo rằng thay cho Ấu-Cầm mà trả xong trái-khoản, thì có thể ngọc thành được hảo-sự, sự ấy cũng chẳng khó gì.

Duy tôi lại nghe chúng nó đã từng đính-định cái điều-ước bí-mật với nhau thế nào đó, ở phương - diện Đồng - Hầu thì không những không cầu Ấu-Cầm trả nợ, lại tiếp-tục trợ-cấp cho nhau, ở phương-diện Ấu-Cầm thì cảm - kích Đồng - Hầu mười phần quá mười một phần, biết mục-dịch Đồng-Hầu ở Tam-Cô, tóm lại chỉ định duy-trì lấy Tam-Cô khiến chung-thân không lạc về tay người khác. Coi cái vấn - đề ấy, lại không phải là dùng hai chữ kim-tiền có thể giải - quyết được. Tôi định thương-lượng với thầy, tưởng thầy tất có phương-pháp gì cao-minh, có thể vấn-hỏi được nguy-cục. Chẳng hay thầy lại nhờ tôi chủ-trì, thì sự ấy khó lắm, khó lắm ! » — Trúc-sĩ nghe nói, phát run-sợ một hồi lâu, chẳng nói một lời gì nữa. Dịch-phu-nhân ngỏ lời tán khen Trúc-sĩ đối với bằng-hữu có vẻ thâm-tình cao-nghĩa, liền yên-ủi mấy câu, nhân bảo Trúc-sĩ rằng: « Cỗ-nhân thường nói mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Có lẽ chúng ta vì một chút tỏa - chiết ấy, mà đã vội đem chủ-kiến ném bỏ đi ư ! » — Trúc-sĩ chỉ dạ-dạ, thưa rằng bá-mẫu dạy phải. Dịch-phu-nhân lại mời Trúc-sĩ ăn một bát canh lục-đậu tự tay nấu ra, rồi bàn nói qua mọi sự thường của đời nhà. Trúc-sĩ khi ấy nét mặt buồn tênh, không còn thấy tinh-thái gì cả, ngồi một chốc, rồi làm lễ cáo-từ đi về.

Trúc-sĩ nửa đêm mới về đến nhà, cũng không nói gì cho người nhà và Tiểu-Son biết cả. Đến ngày mai, Trúc-sĩ nhờ cậy một người đi đến chỗ Ấu-Cầm, thám-xét ý-kiến Ấu-Cầm. chỉ nghe Ấu-Cầm vẫn khăng-khăng nói rằng: « Sự con em Tam-Cô nhà tôi, đã có tôi là anh tác-chủ. Ngày trước sự Dịch Đồng-Hầu, đã bị vợ chồng anh Trúc-sĩ phá-hoại. Ngày nay ngờ là loát-hợp cho ai. Chứ anh Giang

Tiểu-Son là một kẻ giang-hồ lưu-lạc, lai-lịch bất-minh, gia-thế không biết đầu mà khảo-sát. Gia-chi-dĩ người ấy chỉ tro có một thân cụ, không có một đồng tiền nào dính tay, em tôi mà là người ấy, há chẳng chắc chết đói đấy ư. Chuyện ấy, bất-tất phải đề-khỏi đến nữa, Thăng Nhân-Ấu-Cầm này, hễ chết thì thôi, chứ không khi nào đem em gả cho anh Giang Tiểu-Son. » Trúc-sĩ được tin về báo, liền phát một cơn uất-khi, dường như hồn mê. Được mấy hôm về sau, những lời kia chuyện nọ truyền vào trong tai Tiểu-Son. Tiểu-Son cũng chẳng biết nói ra sao, chỉ lúc nào vắng người, ngửa mặt lên trời, than dài một tiếng mà thôi.

CHƯƠNG THỨ MUỐI TÁM

*Gánh phong-nguyệt quẩy về bắc-địa,
Làng yên-hoa gặp bạn cố-tri.*

Lúc ấy khi trời đã thuộc về mùa thâm - thu, trong Song - thê - biệt - thữ nước chứa băng ngưng, chanh vàng quýt lục, mùa là mùa khói núi mai thưa-thớt, cảnh là cảnh mưa song gió lạnh-lùng, muôn cảnh tiêu-diêu, đây đó đều đủ khổi lên mọi mối sầu-cảm của kẻ ở quê người đất khách. Tiểu-Son hằng ngày ở trong Âu-mộng-hiên, vô-liêu chi-cực, có ngâm một câu rằng :

*Cách-trở quan-san lòng cố-quốc,
Thờ-ơ cừu-mã khách qua đường.*

Ngâm xong, đâm-địa tuôn rọt lệ. Lại than rằng : « Mênh-mang đất rộng, nhà cũ chốn nào ! Người đẹp bên trời, lòng ta đau-đầu ! Ta như chiếc thuyền lênh-đênh, không buồm không lái, lúc nào chốn nào mới được chõ về đó nhỉ ! » Trúc-sĩ biết rằng cảnh là lữ-cảnh, tình là chí-tình, không dám ngỏ lời khuyên-giải. Tiểu-Son nhân ngỏ với Trúc-sĩ rằng : « Tôi bấy lâu đã tỉnh-cực, nay phải tự-động, xin tạm từ-biệt cây-cỏ bằng-

hữu nước non này, trở về đất bắc. » Trúc-sĩ khi ấy cũng không vãn-lưu, chỉ vì Tiểu-Son đạo-đạt cái ý-tử của Tiểu-Son cho Mi-quân, Tử-Dã biết.

Đến ngày hôm sau, về buổi thượng-ngọ, Tiểu-Son tinh-thần mỗi-một, nằm nghỉ ở trong hiên, thiu-thiu nhập-mộng. Đương lúc ngủ say, chợt bên tai có người gọi rằng : « Thầy trở dậy, Tề-tiên-sinh lại thăm. » Tiểu-Son dật mình tỉnh dậy, mở choàng mắt ra trông, nguyên là tên Kiểm-nô đánh thức dậy mà mách rằng Tề Mi-quân lại đó, hiện ở trong phòng Trúc-sĩ chờ-đợi thầy. Tiểu-Son hỏi bây giờ là bao giờ. Kiểm-nô nói : « Đã gần tới giờ ngo. » Tiểu-Son vùng trở dậy, hỏi Kiểm-nô rằng : « Tề-tiên-sinh sao không thấy lại đây ? » Nói chưa dứt lời, thì đã thấy Mi-quân với Trúc-sĩ cùng nắm tay nhau, song-song tiến lại. Hai người trông thấy Tiểu-Son đều cười nói rằng : « Bác Tiểu-Son may lắm ! Hôm nay đi đường trường, lại có một người tuyết-hảo làm bạn cùng đi. » Tiểu-Son nghe nói, vội-vàng lấy tay xoa gãi lên đầu, phát dật mình, cười nói rằng : « Các bác nói sự gì, tôi chữa mình-biêu ra sao cả ! » Trúc-sĩ trở vào Mi-quân, vừa cười vừa nói rằng : « Bác ấy định cùng đi với bác đấy. » Tiểu-Son không tin, nói rằng : « Há có sự ấy. » — Mi-quân gật đầu cười nói rằng : « Sự đó thật là kỳ-xảo ! Tôi chẳng nói dối bác đâu. Nguyên tôi vì một ông chú họ ở Thượng-hải bệnh đau nặng, chiều hôm qua tôi tiếp được tin, giục tôi tức-khắc ngày ấy phải đi ngay. Ông chú tôi ấy tuổi đã lão, nhà rất giàu, nhiều vợ nhiều con, con còn thơ-ấu cả. Phen này bệnh nặng, bình-nhật rất yêu tôi, biết tôi là người tin cậy được, có giấy thủ-thư, giao cho tôi chưởng-lý gia-chính. Tôi định chia gia-sản làm năm phần, một phần để làm học-phi cho các con, một phần để cấp-dưỡng cho các vợ, một phần tan ra

đề cấp đỡ cho người nghèo khổ trong họ, một phần để kính-phi về sự tống-táng và sự phân-mộ, một phần lưu lại để làm của hương-hỏa giỗ tết tế-tự chốn từ-đường, tương-lai tất tổ-chức thực-hành. Việc đó cũng là việc hệ-trọng, phân-phần có lắm việc, phải có một vài ông bạn tốt tất-tâm giúp việc mới được. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Cấp-đường cho các bà vợ mà có một phần, thì hiếm rằng khi ít, » — Mi-quân nói rằng: « Tôi muốn khiến cho nhà chú tôi tư-cách đại-phủ, dáng xuống làm tư-cách tiêu-khang, thì sau này mới khỏi chết đói. Nếu tài hèn sức mọn mà sẵn cửa, tọa-thực sơn-băng, thì sau này tất chết đói. » Hai người nghe nói, rất lấy làm thân-phục. — Mi-quân nhân hỏi Tiểu-Son rằng: « Bác định ngày nay cử-bộ không? » — Tiểu-Son đáp rằng: « Ngày nay cử-bộ, có bác cùng đi, thật thú-xảo chi-cực, trong đường-trường, tôi với bác đều không đến nỗi tịch-mịch, tôi há có lẽ không cử-bộ ngày hôm nay. »

Lúc ấy, Mi-quân, Tiểu-Son, Trúc-sĩ ba người đều ở trong Âu-mộng-hiền lạo-thảo ăn bữa cơm trưa. Cơm xong, Tiểu-Son thu xếp đồ hành-lý, dặn-dò Kiểm-nô xong, Trúc-sĩ đem năm trăm lạng bạc làm đồ tặng-tống. Tiểu-Son từ-chối không chịu tiếp-nhận. Trúc-sĩ hai ba lần khuyên ép mãi. Tiểu-Son chỉ tiếp-nhận hai trăm lạng, và nói rằng: « Tôi là một kẻ bần-sĩ đi ngao-du, không dùng làm gì nhiều bạc. Đã hay bác có lòng khảng-khải với bằng-hữu, nhưng tôi chỉ dùng bấy nhiêu là đã thừa đủ, làm chi cho nặng túi đề khó nhẹ gót đó thay! » Trúc-sĩ bất-đắc-dĩ phải cầm lấy ba trăm lạng thu về. Đến quá giờ vị sang giờ thân, đã thuộc về buổi chiều, Trúc-sĩ thân-hành ra tiễn Mi-quân và Tiểu-Son đến bến đò Phạm-gia-thử ngoài chỗ Tiêu-đông-

môn, đứng bồi-hồi ít lâu, rồi tự mình về Song-thê-biệt-thử.

Thuyền đi một lối ngược lên, Mi-quân với Tiểu-Son hai người tuy-nhiên đồng-hành, song người nào người ấy đều có tâm-sự riêng, cũng không cao-hứng đàm-luận gì cả, chỉ dùng mấy đoạn khôi-hài hoặc tiêu-thuyết để tiêu-khuyến trong buổi hành-trình mà thôi. Kịp đi đến Thượng-hải, hai người cùng vào trọ ở nhà khách-quán đường Ngũ-mã-lộ ngủ một đêm. Sáng sớm mai, Mi-quân thu-nhặt đồ hành-lý, nhảy lên xe ngựa, kịp ruổi đến ngõ Tĩnh-an vào nhà người thúc-phụ. Lúc ấy, Tiểu-Son chỉ một mình hàng ngày ở chỗ Trương-viên, Ngu-viên, Hoàng-phổ-than, Long-hoa-lộ, một giải địa-phương ấy tiêu-dao du-ngoạn, lần thăm đất cũ, phong-cảnh y-nhiên, tự-nhiên có nhiều mối cảm-tưởng. Một hôm Tiểu-Son đương ở chỗ Tứ-mã-lộ bộ-hành trở về, đi đến chỗ ngã ba đầu phố, chợt thấy một cỗ xe ngựa đi như bay tiến lại, người ngồi trong xe chênh-chện là một chàng nam-tử trạc trung-niên. Tiểu-Son liếc trông, rõ-ràng là một người bạn giao-du cũ tên là Lục Giang-Hương. Tiểu-Son liền gọi lên một tiếng. Giang-Hương dừng xe lại, trông thấy Tiểu-Son, rất lấy làm mừng-rỡ, liền tự trên xe nhảy xuống, nắm tay tương-kiến, đứng nói mấy câu, lược-lược tự-tình ly-biệt. Giang-Hương liền quay xe theo gót Tiểu-Son đến chỗ tân-lữ-quán, thỏa-thích đàm-thoại nửa ngày. Tiểu-Son mới biết rằng Giang-Hương cận-lai ở Thượng-hải kinh-doanh thương-nghiệp cũng hơn phát-dạt. Tiểu-Son cũng đem hành-vi tung-tích của mình trong mấy năm nay cáo-tỏ cho Giang-Hương biết. Giang-Hương hốt-nhiên cười nói rằng: « Hiền-huynh phen này đến Thượng-hải, đã từng đi thăm qua bọn chị em trong đám hoa-lâu hôm nào chưa? » — Tiểu-Son thở dài nói rằng: « Ngu-đệ

trong mười năm nay, khác nào thầy Đổ Mục-Chi cỡi phong-lưu đã chuyển vào cỡi mộng-giác, còn tâm-tinh nào mà lại tìm đường sinh-hoạt ở trong đám làng chơi ấy nữa.» — Giang-Hương cả cười nói rằng: «Hiền-huynh trương-biệt voi tiêu-đệ đã lâu, cái cảnh-huống tiên-điều lại hơn ngày trước. Hiền-huynh nên biết rằng tiêu-đệ một lời hỏi ấy, là có thâm-ý ở trong. Tiêu-đệ hỏi hiền-huynh nhé, giả-sử ở Oanh-nương của hiền-huynh ở chốn này, hiền-huynh có ý lại nhất-kiến một chút đây không?» — Tiểu-Sơn đặt mình nói rằng: «Lục-huynh lời nói ấy, bằng-cứ vào đầu mà nói ra, có lẽ nào người ấy còn ở đất Thượng-hải này ru!»

Nguyên-lai, Oanh-nương với Tiểu-Sơn là bạn đồng-tâm cũ, nửa vời xa cách, Oanh-nương đã kết bạn cùng một người khách-thương, vì người vợ cả quá ghen, hiện đã phóng-xuất tự-do; sau này lại nổi hiệu cờ hoa, làm nghề-nghiệp cũ ở Thượng-hải. Tiểu-Sơn vẫn không biết. Lúc ấy Tiểu-Sơn nghe Giang-Hương nói, trong tâm bồi-hồi cảm-động, liền bức-bách hỏi Giang-Hương rằng: «Hiện-trạng người ấy bây giờ thế nào?» — Giang-Hương cười nói rằng: «Oanh-nương bây giờ đích-xác ở đây, người ấy hiện đã đổi danh-hiệu đi rồi, không gọi Oanh-nương nữa. Hiền-huynh nếu bằng lòng thiết tiêu-đệ một tiệc rượu ở nhà người ấy, tiêu-đệ sẽ bảo rõ cho hiền-huynh hay.» — Tiểu-Sơn hân-hỉ nói rằng: «Điều đó có khó gì, Oanh-nương nếu quả-nhiên ở đó, thì Giang-đệ này thế nào không lại thăm, hai người chúng ta một tiệc rượu có là bao.» — Giang-Hương cười nói rằng: «Đã đành thế, nhưng mà tiêu-đệ bắt-tất bảo cho hiền-huynh biết trước, hiền-huynh cứ theo gót tiêu-đệ mà đi, tiêu-đệ có thể tức-khác khiến hiền-huynh được thấy kẻ tâm - thương - nhân.» — Tiểu-Sơn trong tâm rất lấy

làm hoan-hỉ, liền thuận lời Giang-Hương, tức-khắc cùng Giang-Hương cùng nhảy lên xe ngựa, đến một chỗ, xuống xe. Chỗ ấy là chỗ Lạc-dư-lý Xán-lộ-dầu hàng tân-kỹ-viện mới mở. Thập-sắc ngũ-quang, đèn bách-hoa-đăng choáng lộn, nhà chị nào thì tên chị ấy đã thấy yết lên trên cái khung đèn ở ngoài trước cửa. Giang-Hương dẫn Tiểu-Sơn tiến vào ngõ đệ-nhất, hiệu nhà đệ-nhị, thấy treo ba chữ Thu-Mộng-Các, đèn lồng sắc đỏ, chữ thép nét vàng, làm hiệu chiêu-bài. Giang-Hương cười khanh-khách nói rằng: «Nhà Thu-Mộng-Các đây rồi, ấy là nhà Oanh-nương kẻ ý-trung-nhân của hiền-huynh đấy!» Tiểu-Sơn bàng-hoàng nắm lấy tay Giang-Hương, cùng tiến vào. Sớm đã có đưa thị-nhi đứng sẵn ở bên cửa hồng-lâu, thị-nhi trông thấy Lục Giang-Hương, cười nói rằng: «Lục-tiên-sinh đã lại, gia-nương tôi đương mong-mỏi tiên-sinh đấy.» — Giang-Hương cười nói rằng: «Thế à! may đi pha trà uống, hôm nay ta dẫn được một ông bạn cố-tri lại thăm qui-nương mày đây.» Giang-Hương vừa đi vừa nói, phút đã đến mé tả chỗ trang-phòng của Thu-Mộng-Các. Thu-Mộng-Các khi ấy vừa mới soi gương chải đầu, hương-phấn trang-sức xong, một mình ngồi cầm mảnh giấy ngẫm xét câu thơ trong quẻ thế. Chợt trông thấy Giang-Hương, chỉ mỉm cười một cái, gọi lên một tiếng rằng Lục tiên-sinh, nhưng còn nấn-nửa chưa đứng dậy. Lại liếc mắt trông thấy Tiểu-Sơn, bất-giác phát ngay phát ngốc, vùng đứng dậy, để con người nhìn kỹ, hiện ra dáng-bộ ngờ-ngạc rùng mình. Giang-Hương cười trở vào Tiểu-Sơn nói rằng: «Qui-nương có nhận ra vị bằng-hữu này là vị nào đấy không?» Thu-Mộng-Các mới nhận ra đích-xác là vị tinh-lang của mình ngày trước, bất-giác khanh-khách cười nói rằng: «Chao-ôi! quả là Giang-Tiểu-Sơn tiên-sinh, sao mấy năm nay

không thấy, tiên-sinh ở nơi nao, sao tinh-thần tiêu-tụy lắm vậy ? *Thu-Mộng-Các khi ấy miệng thì cười nói, mắt thì thánh-thót có hạt lệ tuôn, hiện ra một cái tinh - trạng vừa kinh - hỉ vừa bi - thương. Tiểu - Sơn vốn là con nhà nhiều tinh-cảm, khi ấy trông thấy Thu-Mộng-Các khác nào á Từ-nương, tuy-nhiên bán-lão, phong-vạn vẫn còn. Lại mình thì khác nào chàng Thôi-Hộ, phen đó trùng-lai, cảnh-tình khôn xiết. Tiểu-Sơn tỏ ra nét buồn-rầu nói rằng : « Oanh-nương, Oanh-nương ! nhất-biệt mấy năm, vạn-bất-liệu tôi với nàng cùng xam về cảnh lão-đại cả. » Hai người cùng thuật qua

mọi đường khổ-huống, mọi nỗi ly-tình mấy lời. Thật là :

*Phấn đỏ phiêu-linh chàng ngại thiếp,
Áo xanh luân-lạc thiếp thương chàng,*

Lục-Giang-Hương ở một bên cũng ngó lời khuyên-giải mấy câu. Thu-Mộng-Các tay đem một cái lồng-ấp nét vàng than đỏ ra, ba người cùng ngồi hơ tay sưởi ấm, nói chuyện nhả-hứng một đôi lời. Rồi Giang-Hương giục Tiểu-Sơn lấy danh-thiếp viết lời đi thỉnh-khách .

(Còn-nữa)

TÙNG-VÂN dịch

VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CÔ

1. — Cảm-tác (1)

Ngán nỗi người sao bứt rứt cùng,
Ta không như có có như không ;
Cháo đông như vậy nhưng lành dạ,
Lúa bắc mà chi cũng mát lòng ;
Một rổ thơm lừng mùi đạo-vị,
Muôn liền góm chết thói kiêu-phong ;
Chẳng cầu no ấm người quân-tử,
Đã có người trên mở gác đông.

2. — Vịnh tổ-tôm

Hiển khai từ thuở có người xum,
Khen kẻ gầy ra trận tổ-tôm ;
Hàng dọc hàng ngang bày mọi tốp,
Quần ăn quần đánh sắp lừng chòm ;
Lên cờ dậy vũ tùy cơ phát,
Rút nọc buồng phần liệu thể nom.
Kẻ đánh lấy nên người mở trại,
Trăm hai mới cũ lại thu gôm.

3. — Thăm quê cảm-tác

Duyên phận ân trên đã sắt son,
Ta về vườn cũ cúc ta còn ;
Nhất thêm phong-nguyệt ngày thừa-
Ôn lại cung tên lũ cõn con ; [thầy,
Vui thú chi lan hầu đã ngán,
Nhớ mùi mực-túic vẫn là ngon ;
Thị phi gác chuyện nhân-gian cả,
Ven lấy phù-sinh một cuộc tròn.

4. — Đau ốm luôn cảm-tác

Chẳng chết nên đeo lấy nợ hằng,
Chuyện đời dăm nghĩ phải hay chăng ;
Bề sâu nên dạn vì làn sóng,
Lòng trắng xin soi với vẻ trắng ;
Ơn nước mã cừu đã mỡ mặt,
Khoản nhà thư kiếm hãy dành lưng ;
Lá thơ thơm nức mùi lan xạ,
Cảm đội tình sáu biết mấy tầng.

5 — Mừng nghĩa huynh thọ
bảy mươi.

Phúc-ấm trời chung lại một nhà,
Linh-xuân tuổi hạc một vầng già ;
Khắp dùn khi thuy mây non tía,
Rộng mở nền nhân nước dải là ;
Vui tiệc chén đua bày ẩm trượng,
Tìm thơm đưng-đỉnh nhật hành xa ;
Tinh trong cõi thọ còn nhiều nữa,
Những cái mùi đời hết lại qua.

6 — Đến chơi trường học ông
Phạm Công-Thuyên.

Chẳng ngại ngàn sương dẫm tuyết pha,
Giác xe thẳng trở đất Kim-hoa ;
Đường hồng phông độ thăm tin khách,
Vó kỹ đề chừng dạo bước ta ;
Một dải non sông e mặt mới,
Mấy chòm cây cỏ rước chân xa ;
Tới đây há phải tưởng nhi-nữ,
Mong lại chi-lan họp một nhà.

7. — Vịnh non nhân nước trí
(Tại huyện Bằng-tuyên)

Thái-nguyên một dải bốn mùa xuân
Non nước rành rành trí với nhân ;
Khơi mạch lưu-thông tuôn róc-rách,
Xây nền trọng-hậu về tàn-vàn ;
An-bài sẵn nếp trên thiên-tượng,
Lạc-thọ làm gương dưới thế-nhân.
Đức tốt dầm thiếng xin sớm thấy,
Mới hay sơn-thủy có tinh-thần.

8 — Họa bài thơ của ông
Phạm Công-Thuyên

Chốn nào là chốn chẳng tương-phùng,
Mặt cách tuy xa chí vốn cùng ;
Cửa mãn rắp gieo duyên cá nước,
Bảng xuân còn đợi hội mây rồng ;
Cung tên như hẳn tài mình có,
Xe ngựa ầu là cửa ấy chung.

Hãy tam Thanh-nhân(1) miền đất Thái,
Dành tài để đẹp lửa con bông.

9. — Đề thuyền buồm

Trải qua non núi mấy thu rồng,
Muôn dặm giang-hồ ghé mắt trông ;
Sóng lợi danh lay vầng dạ nguyệt,
Thuyền cung tiễn hóng ngọn nam-
[phong ;

Lá buồm nhẹ bay trên mạn,
Bánh lái khoan-khoan bẻ giữa dòng ;
Rắp tới Ngũ-hồ mà hỏi Phạm,
Viết Ngô truyện trước thế nào xong.

10. — Tặng thầy chùa (2)

Tháng bụt ngày trời mặc thích ta,
Mới vừa rước đến cũ vừa qua ;
Năm canh giọng kệ chuông kêu nguyệt,
Mấy khúc ca nhân sáo gọi hoa ;
Quyển bạn men lừng mùi cúc rớt,
Chiều người hương nức chén tùng pha ;
Khí xuân nhuận đượm chồi Yên-quê,
Ngõ thấy mai sau rặng dấu nhà.

* * *

長恨演歌

Trường hận diễn-ca. (3)

漢皇重色思傾國。

Vua nhà Hán nhớ người khuy-nh-
[quốc (4).

御宇多年求不得。

Đã nhiều năm tìm chẳng được ai ;

楊家有女初長成。

Họ Dương có gái vừa khơi,

養在深閨人未識。

Nuôi trong buồng thắm mấy người đã
[hay.

天生麗質難自棄。

Kẻ chất tốt khôn dầy đọa nhẽ,

(1) Ông Thuyên dạy học tại xã Thanh-nhân.

(2) Người này tiếng là thầy tu, nhưng rượu chè quanh năm, có đứa con gái làm nghề hát.

(3) Nguyên bài chữ nho của ông Bạch Lạc-Thiên đời Đường, còn bài chữ nôm sau này không biết dịch là ai diễn ra. (4) Khuy-nh-quốc 傾國 = Sắc đẹp nghiêng nước.

一朝選在君王側。
 Phút một mai châu để bên cung ;
 回頭一笑百媚生。
 Một cười trăm vẻ nẻo-nùng,
 六宮粉黛無顏色。
 Sáu cung thấy mặt sáu cung (1) người
 [nào.]

春寒賜浴清華池。
 Ngày xuân lạnh tắm ao Hoa ấy,
 溫泉水滑洗凝脂。
 溫泉水滑洗凝脂。
 Nước suối trong như rây màu da ;
 侍兒扶起嬌無力。
 Con hầu tay nhẹ nâng hoa,
 始是新承恩澤時。
 始是新承恩澤時。
 Nhớ từ ngày ấy mới đã thừa-ân.
 雲鬢花顏金步搖。
 雲鬢花顏金步搖。
 Tóc mây chuốt mặt sơn bước ngọc,
 芙蓉帳煖度春宵。
 芙蓉帳煖度春宵。
 Màn phủ-dang trần-trọc đêm xuân ;
 春宵苦短日高起。
 春宵苦短日高起。
 Đêm xuân ngắn trời gần tới buổi,
 從此君王不早朝。
 從此君王不早朝。
 Bởi vì đâu nên nổi chầu trưa.
 承歡侍宴無休暇。
 承歡侍宴無休暇。
 Khi vui-vẻ lúc say sưa,
 春從春遊夜專夜。
 春從春遊夜專夜。
 Đêm này đêm khác xuân thừa thêm
 [xuân.]

後宮佳麗三千人。
 Ba nghìn gái đương xuân tươi tốt,
 三千寵愛任一身。
 三千寵愛任一身。
 Mà lòng yêu về một mình thôi.
 金屋粧成嬌侍夜。
 金屋粧成嬌侍夜。
 Nhà vàng đêm vắng chầu ngồi,
 玉樓宴罷醉和春。
 玉樓宴罷醉和春。
 Tiệc rồi lâu ngọc chén mời rượu xuân.
 兄弟姊妹皆裂土。
 兄弟姊妹皆裂土。
 Một nhà đủ bốn phần mao thổ,
 可憐光彩生門戶。
 可憐光彩生門戶。
 Lại yêu cho cửa họ về ra ;
 遂令天下父母心。
 遂令天下父母心。
 Cho lòng cha mẹ người ta,
 不願生男願生女。
 不願生男願生女。
 Sinh trai chẳng trọng, trọng là gái sinh.
 驪宮高處入青雲。
 驪宮高處入青雲。
 Cung Ly cao tới mây xanh,

仙樂風飄處處聞。
 Gió bay tiên nhạc rành rành cùng nghe.
 高歌慢舞凝絲竹。
 高歌慢舞凝絲竹。
 Khoan nhất ấy to xe tiếng trúc,
 盡日君王看不足。
 盡日君王看不足。
 Ngày đó qua mà khúc tình dài ;
 漁陽鞞鼓動地來。
 漁陽鞞鼓動地來。
 Trống đầu động dây phương trời,
 驚破霓裳舞衣曲。
 驚破霓裳舞衣曲。
 Vũ-nghê khúc trở rưng rời dây tan.
 九重城闕烟塵生。
 九重城闕烟塵生。
 Thành chín trùng tây-man bụi khói,
 千乘萬騎西兩行。
 千乘萬騎西兩行。
 Ngựa xe đã mau rười mái lạy ;
 翠華搖搖行復止。
 翠華搖搖行復止。
 Bùn trông cờ thùy lay lay,
 西出都門百餘里。
 西出都門百餘里。
 Đô-môn trăm dặm phút ngày bước đi.
 六軍不發無奈何。
 六軍不發無奈何。
 Sáu quân bởi có chi chẳng tựa
 宛轉蛾眉馬前死。
 宛轉蛾眉馬前死。
 Người nga-mi trước ngựa oan riêng ;
 花鈿委地無人收。
 花鈿委地無人收。
 Diên hoa bỏ đó ngã-nghiêng,
 翠翹金雀玉搔頭。
 翠翹金雀玉搔頭。
 Trâm cài ngọc giắt lay trên mái đầu.
 君王掩面救不得。
 君王掩面救不得。
 Mặt nhìn mặt cứu ầu chẳng được,
 回頭血淚相和流。
 回頭血淚相和流。
 Ngảnh đầu thêm tuôn nước lệ đầy ;
 黃埃散漫風蕭索。
 黃埃散漫風蕭索。
 Bụi vàng tan-tác gió bay,
 雲棧縈紆登劍閣。
 雲棧縈紆登劍閣。
 Lối mây quanh quất vào đây non Ba.
 蛾眉山下少人行。
 蛾眉山下少人行。
 Nào ai ở dưới núi Nga,
 旌旗無光日色薄。
 旌旗無光日色薄。
 Bóng cờ tắt sáng, sắc nha nhạt chiều.
 蜀江水碧蜀山青。
 蜀江水碧蜀山青。
 Sông Thục biển xanh xanh núi Thục,
 聖主朝朝暮暮情。
 聖主朝朝暮暮情。
 Lòng vua ta mấy lúc sớm khuya ;
 行宮見月傷心色。
 行宮見月傷心色。
 Thấy trăng đau vì trăng kia,
 夜雨聞鈴斷腸聲。
 夜雨聞鈴斷腸聲。
 Nghe linh (2) mà lại ê-chề vì linh.

(1) Là những người phi-tần ở trong sáu cung không đẹp bằng.

(2) Linh鈴 = Là cái chiêng để cầm canh.

天旋地轉回龍馭。
 Trời đất chuyển trở về Long-ngự,
 到此躊躇不能去。
 Giàng-dằng chi chẳng nỡ rời chân.
 馬嵬坡下泥土中。
 Bãi Ngòi một nấp đất rời,
 不見玉顏空死處。
 Thác đây nào có thấy người ngọc-nhan.
 君臣相顧淚沾衣。
 Trông nhau nước mắt lan-can,
 東望都門信馬歸。
 Nhạc trông đã thấy ngọc-an ngựa về.
 歸來池苑皆依舊。
 Về xem lại vườn hoa như cũ,
 太液芙蓉未央柳。
 Phù-dung tươi liễu rủ tơ-tơ ;
 芙蓉如面柳如眉。
 Nhìn xem mày mặt như xưa,
 對此如何不淚垂。
 Lòng thương ai dứt hạt mưa được nào.
 春風桃李花開夜。
 Gió xuân tới hoa đào mới nở,
 秋雨梧桐葉落時。
 Mùa thu đong buổi rụng lá ngô ;
 西宮南苑多秋草。
 Cung viên lúc-đắc cỏ thu,
 葉落滿階紅不掃。
 Đầy thềm rụng đỏ ai thu quét giò.
 梨園子弟白髮新。
 Gã vườn Lê bạc phơ mây trắng,
 椒房阿監青蛾老。
 Gái buồng Tiêu lắng-dắng tuổi già ;
 夕殿螢飛思悄然。
 Đêm hôm đom đóm lập lòe,
 孤燈挑盡未成眠。
 Đèn khuya giơ bóng sầu đã khôn
 [nguôi.
 遲遲更鼓初長夜。
 Trống điểm nhạt đêm dài mới tới,
 耿耿星河欲曙天。
 Sao mờ-mờ trời buổi rạng đông.
 鴛鴦瓦冷霜花重。
 Ngói yên hoa lạnh sương phong.

翡翠衾寒誰與共。
 Một chăn phi-thúy biết cùng với ai.
 悠悠生死別經年。
 Kể đã mấy năm trời ly-biệt,
 魂魄不曾來入夢。
 Mà chiêm bao chẳng biết người sao.
 臨邛道士鴻都客。
 Hồng-dô có một khách nào,
 能以精神致魂魄。
 Phép tài nhiếp-quỉ tay cao thông-
 huyền (1).
 爲感君王展轉思。
 Cảm lòng vua buồn phiền dòi trăn,
 遂教方士憚勲覓。
 Phưong-sĩ kia gấn bó thăm cầu ;
 排風馭氣奔如電。
 Phép linh như chớp giáy mau,
 升天入地求之遍。
 Lên trời xuống đất đầu đầu thiếu
 [đường.
 上窮碧落下黃泉。
 Trên mây biếc suối vàng dưới ấy,
 兩處茫茫皆不見。
 Hai đường đều chẳng thấy người
 [đâu ;
 忽聞海上有仙山。
 Phút nghe núi ở bề đâu,
 山在虛無縹渺間。
 Dáng hình ảo-hóa khác màu trần-ai.
 樓殿玲瓏五雲起。
 Năm mây dáng lâu-đài lóng-lánh,
 其中綽約多仙子。
 Thấp-thoáng trong nhiều kẻ tiên-
 [nhân.
 中有一人字玉真。
 Một người tên gọi Ngọc-chân,
 雪膚花貌參差是。
 Mặt hoa da tuyết coi gần hao-hao.
 金闕西廂叩玉扃。
 Mái tây sẽ đây cửa vào,
 轉教小玉報雙成。
 Lại cho Tiêu-ngọc truyền trao Song-
 [thành.

(1) Nhiếp-quỉ 攝鬼 Nghĩa là phép thu quỉ-thần. Thông-huyền 通玄 Nghĩa là phép thông suốt sự huyền-bí.

聞道漢家天子使。
 Nghe Hán-sứ dành dành tới đó,
 九華帳裡夢魂驚。
 Mãn cửu-hoa chợt ngổ giấc nồng.
 攬衣推枕起徘徊。
 Ngồi lên sốc áo ngại-ngùng,
 珠箔銀屏邈迤開。
 Rèm châu bình bạc trùng-trùng hơi bay.
 雲鬢半偏新睡覺。
 Tóc mây rẽ khi say mới tỉnh,
 花冠不整下堂來。
 Mũ hoa cài đủng-đỉnh vội ra ;
 風吹仙袂飄飄舉。
 Tay tiên phôi-phối bay qua,
 猶似霓裳羽衣舞。
 Vũ Nghê khúc cũ dường đã còn in.
 玉容寂寞淚瀾干。
 Nước mắt ngọc tuôn liền từng giọt,
 梨花一枝春帶雨。
 Một cành lê mưa thấm-thót xuân ;
 含情凝涕謝君王。
 Xưng-xù lạy tạ thánh-quân,
 一別音容兩渺茫。
 Từ khi nhất-biệt đã phân hai đường.
 昭陽殿裡恩愛絕。
 Đền Chiêu-dương dứt đường ân-ái,
 蓬萊宮中日月長。
 Cõi Bồng-lai mãi mãi trời dài.
 回頭下望人寰處。
 Nghênh đầu trông xuống cõi đời,
 不見長安見塵霧。

Tràng-an chẳng thấy trần-ai bụi lấm
 惟將舊物表深情。
 Vật cũ để tình thâm tỏ dài.
 鈿鈿金釵寄將去,
 Cáp-diễn (1) này gửi lại đem đi ;
 釵留一股鉛一片。
 Vế xao mảnh cáp làm ghi,
 釵擘黃金鉛分鈿。
 Xoa này cáp ấy báu thì rẽ đôi.
 但願心似金鈿堅。
 Xin lòng giữ như lời chó vội,
 天上人間曾相見。
 Cõi trời cùng cõi bụi chẳng xa.
 臨別慇懃重寄詞。
 Sứ về gần bó nhủ qua,
 詞中有誓兩心知。
 Trong lời có thệ vua ta hay cùng.
 七月七日長生殿。
 Ngày Trùng-tất đứng trong thùy-bệ,
 夜半無人私語時。
 Ban nửa đêm vắng vẻ ai hay.
 在天願作比翼鳥。
 Xin cho liền cánh cùng bay,
 在地願爲連理枝。
 Xin cho quấn-quít như cây liền cành.
 天長地久有辰盡。
 Dẫu trời đất khi nên biển-cải,
 此恨綿綿無絕期。
 Mà lòng này như mối tơ vô (2).

VÔ-DANH dịch

(1) Cáp-diễn Là đồ nữ-trang như là loài hoa tai.

(2) Dẫn thêm mấy câu sau cùng :

Giận này có thước khôn đo, Giận này ai nghĩ một vua Đường-hoàng.
 Ai xem ca ấy cũng thương, Thương người mặt ngọc vội-vàng lên tiên.
 Lại khen ông Bạch Lạc-Thiên, Câu câu như vẽ lòng phiến dải ra.
 Nghĩ người lại nghĩ đến ta, Muốn năm nghìn kiếp ai qua chữ tình.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc tổng-tuyển-cử Nghị-viện ở Pháp. — Việc tổng-tuyển-cử Nghị-viện Pháp đĩnh vào ngày 22 và 29 tháng 4, này đã xong cả. Nghị-viện mới, phần đa-số thuộc về các đảng ôn-hòa tán-trợ cái chính-sách của thủ-

tướng POINCARÉ. Như vậy thời thế-lực của Nội-các lại càng vững-vàng lắm, và chính-trị nước Pháp chắc sẽ không có thay đổi gì.

Nghị-viện mới sánh với Nghị-viện cũ bầu năm 1924, chia ra như sau này :

	Năm 1924	Năm 1928
Đảng Cộng-sản (Communistes)	26	14
— Xã-hội (Socialistes S. F. I. O. là bộ-phận Pháp của Quốc-tế Lao động-đảng).	104	101
— Cộng-sản Xã-hội (Socialistes communistes)	19	2
— Xã-hội Cộng-hòa (Républicains socialistes)	43	47
— Xã-hội Cấp-tiến (Radicaux socialistes)	140	123
— Cấp-tiến Tả-đảng (Gauche radicale)	41	49
— Dân-chủ Cộng-hòa Tả-đảng (Gauche républicaine démocratique)	44	49
— Tả-dực Cộng-hòa (Républicaine de gauche)	36	106
— Dân-chủ (Démocrates)	14	17
— Dân-chủ Cộng-hòa Liên-đảng (Union républicaine démocratique)	104	131
— Bảo-thủ (Conservateurs)	19	15
Không thuộc đảng nào (« Sauvages »)	9	2

Trong bảy nhiều đảng thì những đảng thành-thực tả-dẫn cho Nội-các POINCARÉ là Cấp-tiến tả-đảng (49 người), Dân-chủ Cộng-hòa tả-đảng (49 người), Tả-dực-cộng-hòa (106 người), đảng Dân-chủ (17 người), Dân-chủ Cộng-hòa liên-đảng (131 người). Những đảng ấy thì chắc bao giờ cũng bỏ về cho Nội-các ; thế là trong số chừng 660 nghị-viên cả thảy, đã được 352 người, tức là quá nửa phần hoàn-toàn về với chính-phủ. Nhưng thực thì còn nhiều hơn, vì chỉ trừ phe cực-tả (là những đảng cộng-sản 14 người, Xã hội 101 người, Cộng-sản Xã-hội 2 người cộng là 117 người) và phe cực-hữu (đảng

Bảo-thủ 15 người) là công-nhiên phản-đối, còn các đảng Xã-hội Cộng-hòa 47 người, và Xã-hội Cấp-tiến 123 người thì một phần to cũng biểu đồng-tình với cái chính-sách của thủ-tướng POINCARÉ, thành ra phe đa-số của thủ-tướng ở Nghị-viện thực có hơn 400 người, (có người ước tới 460 người), chứ không phải 352 người mà thôi. Nguyên đảng Xã-hội Cấp-tiến có một tả-dực, một hữu-dực, tả-dực lấy ông DALADIER làm lãnh-tụ thì khuyến-hướng về đảng Xã-hội, hữu-dực do ông FRANKLIN-BOUILLON xướng-suất thì có ý tán-trợ cho Chính-phủ, tất sau này rồi hai bên lìa nhau và quá nửa sẽ về phe với thủ-tướng.

Xem như vậy thì Nội-các POINCARÉ còn đứng vững được lâu và chính-trị nước Pháp sẽ không thay đổi vậy.

Việc tuyên-cử ở Nhật và ở Đức
— Bộ này là mùa tuyên-cử ở các nước. Trước cuộc tuyên-cử Pháp thì có cuộc tuyên-cử Nhật

Ở Nhật có hai đảng lớn : đảng Seiyukai (Chính-hữu-hội) là đảng bảo-thủ, tả-dân cho Nội-các của Nam-tước TANAKA, và đảng Minseito (Dân-chủ-đảng) là đảng tự-do, phản-đối với Nội-các.

Kết-quả cuộc tuyên-cử mới rồi, thì hai đảng cũng sấm-si nhau, đảng Seiyukai được 221 ghế, đảng Minseito 214 ghế, phe tán-trợ Nội-các hơn phe phản-đối Nội-các có mấy ghế. Như vậy

Đảng Xã-hội (Socialistes)	152 người	(kỳ tuyên cử năm 1924 được 131 người)
» Trung-ương (Centristes)	62 —	(— — — 68 —)
» Quốc gia (Nationalistes)	73 —	(— — — 103 —)
» Bình-dân (Populistes)	44 —	(— — — 51 —)
» Cộng sản (Communistes)	54 —	(— — — 45 —)
» Dân-chủ (Démocrates)	25 —	(— — — 32 —)
» Bình-dân xứ Bavière (Populistes bavarois)	16 —	(— — — 19 —)
» Quốc-gia Xã-hội (Nationaux socialistes)	12 —	(— — — 14 —)
» Nông-dân (Agrariens)	8 —	(— — — 8 —)

Các đảng ấy đại-khái chia ra làm hai phe lớn : một phe Quốc-gia bảo-thủ (nationaliste) và một phe Xã-hội dân-chủ (Social-démocrate). Kỳ tuyên-cử

thời thế-lực của Nội-các cũng không được vững gì. Vì ngoài hai đảng lớn ấy có mấy đảng con-con nữa, hoặc đứng trung-lập, hoặc đứng độc-lập, nếu phụ về với đảng phản-đối thì đảng Chính-phủ thành ra kém. Cho nên Chính-phủ hết sức vận động để thu-phục lấy mấy đảng nhỏ ấy.

Tuy-nhiên ở Nhật-bản việc tuyên-cử không có quan-hệ lắm như ở Pháp. Nội-các đầu không được phần đa-số ở Chúng-ngli viện cũng có thể đứng được, miễn là được các tay nguyên-lão có thế-lực tán-trợ cho là đủ.

Ở Đức thì cuộc tuyên-cử Quốc-hội (Reichstag) vào ngày 20 tháng 5. Theo điện-tin, kết-quả như sau này :

này là phe trên thất-bại mà phe dưới đắc-thắng, Nghị - viện khuyng-hướng hẳn về bên tả.

Thời-cục nước Tàu. — Cuộc Nam-Bắc phân-tranh nước Tàu cứ theo như điện-tin hằng ngày mà xét thì tin Bắc bảo là Bắc-phương thắng, tin Nam lại bảo là Nam-phương hơn, không lấy gì làm đích-xác được. Nhưng cứ xem như đại-thể hiện bây giờ thì Nam-phương có phần thắng thế, mà Bắc-phương mỗi ngày kém thế dần. Mặt Sơn-đông thuộc đường Tân-Phổ từ sau khi Hàn-trang Lâm thành thất-thủ, thì Lễ-ninh, Duyên-

châu cũng theo nhau mà mất, rồi đến Thái-an, Lễ-nam cũng phải mất về quân Nam. Mặt Hà-nam thuộc đường Kinh-Hán, quân Bắc cũng phải thua luôn mấy trận, phủ Đại-danh đã phải mất về quân Phụng. Mặt Sơn-tây thuộc đường Kinh-Tuy thì trước kia quân Phụng-thiên định đem toàn-lực mà đối-phó với Diêm Tích-Sơn định là chiếm lấy phủ Thái-nguyên để tuyệt hẳn cái lo bên cạnh nách, rồi sau sẽ chuyên-lực chống nhau

với quân Trương quân Phùng. Nhưng đánh mãi Sơn-tây cũng không ăn thua gì, lại phải xoay ra cái kế-hoạch chặn đường quân Sơn-tây không cho liên-hợp với quân Phùng. Song từ khi Tế-nam thất thủ, quân Phùng-thiên phải thu hẹp trận-tuyến lại, quân Sơn-tây thừa thế lai đồni thế thủ ra thế công. Xem như thế thì suốt ba mặt trận Nam-quân đều đã chiếm được wu-thể, quân Nam đã sang qua được sông Hoàng-hà, đã cơ-hồ chiếm được toàn-tỉnh Sơn-đông. Không bao lâu nữa đánh qua Thiên-tán lên Trục-lệ, Bắc-kinh đã nguy núng lăm rồi.

Song đương lúc Nam-quân tiến vào thành Tế-nam (thủ-phủ Sơn-đông), thì quân Nhật mượn tiếng là bảo-hộ kiều-dân sinh sự xung-đột với quân Trung-hoa, đôi bên đánh nhau đều chết hại cả, có tin quân Nhật chết đến ngoài ba mươi người, lại có tin chết đến hàng nghìn, mà quân Trung-hoa chết cũng khá nhiều. Chính-phủ Nhật định phái sang Tàu những sáu sư-đoàn, tuyên-ngôn là chỉ cốt bảo-hộ tính-mệnh tài-sân cho kiều-dân Nhật, nhưng lại muốn chiếm giữ lấy đường hỏa-xa từ Giao-châu đến Tế-nam-phủ, và muốn tạm giữ cả Sơn-đông. Việc xung-đột trên ấy thì đổ lỗi cho người Tàu mà đòi tiền bồi-thường.

Người Trung-hoa đối với việc này lấy làm giận cho người Nhật ra mặt ức-hiếp, làm ngăn-trở việc bắc-phạt. Chỗ thì hô hào đề chế Nhật-hóa chỗ thì xin tuyệt-giao đường kinh-tế với người Nhật. Nơi thì điều-đinh Nam Bắc đều hợp sức đề đối-phó với người Nhật. Dân khí Trung hoa cũng hăng-hái lăm, người Nhật vị-tát đã bắt nạt được như năm xưa.

Chính-phủ Nam-kinh có phát-biểu lời kháng-nghị về việc Nhật đem quân đến Sơn-đông rằng : Nước Nhật mượn cơ bảo-hộ kiều-dân đem quân đến Sơn-đông là ngầm có ý làm ngăn-trở cuộc

bắc-phạt lần thứ hai, đề giúp cho bọn quân-phiệt Bắc-phương còn giữ được thế-lực, không những là trái điều-ước và lại trái với công-pháp của quốc-lẽ nữa.

Trương Tác-Lâm nhân dịp này cũng hô-hào muốn xin bãi chiến, cũng chẳng qua là một kế hoãn binh đó mà thôi. Thế-lực Bắc quân đã thấy thu-sức nhiều. Trương đã quyết-nghị rằng : 1^o Phá cầu sắt sông Hoàng-hà lấy phía bắc sông Hoàng-hà làm phòng-tuyến thứ nhất ; 2^o lấy Đirc-châu, Hà gian, Bảo-định làm phòng-tuyến thứ hai, lấy quân Cát-lâm, Hắc-long-giang hiệp cùng với quân cảnh-bị ở đường Kinh-Phụng tất cả là ba vạn người và thu-dụng đạo quân bại-binh ở Sơn-đông, liều chết giữ lấy hai phòng-tuyến ấy ; 3^o lấy Mã-xưởng Trương-tán-điểm làm phòng-tuyến thứ ba, Ngô Tuấn-Thăng làm cảnh-bị tổng-tư-lệnh ở mặt sau ; 4^o rút ngắn đường trận Kinh Hán và Kinh Tuy.

Tướng Giới-Thạch đối với tình-thế hiện bày giờ vẫn giữ một thái-độ ôn-hòa, một mặt phái đại-biêu điều-đinh với tướng Nhật, và một mặt cứ đem đại-đội kéo lên đánh miền Bắc. Tướng đã thương-nghị với Phùng rằng công cuộc bắc-phạt cứ tiến-hành cho tới mục-đích, không để vì việc xảy ra ở Tế-nam mà phải trung-chỉ. Tướng sẽ cử Phùng tọa-trần ở Tế-nam, chuyên việc giao-thiệp với quân Nhật, còn Trương thì cất quân đi Bắc-phạt.

Trước kia Tướng đã phát-biểu lời thế-sự cho ba lập đoàn-quân rằng : a ! áng-quốc còn hay mất chủ-nghĩa thành hay bại, nhân-dân họa hay phúc, đồng-chí vinh hay nhục, là quan-hệ ở trận chiến-tranh này. Vậy toàn-quân phải đồng-chí muốn người phải một lòng, nghiêm giữ kỷ luật, phục tùng mệnh-lệnh không tiếc hi sinh làm hết trách-nhiệm, đem hết tinh-lhàn, làm cho tới mục-đích, quyết trừ bọn quân-

phiệt Sơn-dông và Phụng-thiên, làm cho xong cuộc Quốc-dân cách-mệnh, thực-hành chủ-nghĩa tam-dân, hết sức cứu dân cứu nước. »

Xem đó thì biết Tưởng đã quyết làm cho xong cuộc thống-nhất Nam Bắc đã, rồi mới đối-phó với người Nhật được. Chưa biết cuộc Bắc-phạt kết-kiểu ra làm sao, có quả được như lời đến tiết Hoan-dương này lấy được Bắc-kinh không ?

Vân-nam. — Ở Vân-nam-phủ có tin rằng Đường Kế-Ngu vẫn ở phía tây Vân-nam, quân của Chính-phủ vẫn đuổi theo. Nghe chừng Đường không bỏ Vân-nam mà đi dự cuộc Bắc-phạt

như Đường đã định trước đây. Còn Đường Kế-Lân thì nghe đâu đã hội-kiến với viên đại-biêu của Chính-phủ để điều-đinh việc đầu hàng. Như vậy ở miền ấy các tướng phản-đối đã hết.

Chính-phủ ủy-viên nhận chức từ đầu tháng tư tây mới rồi, có lời tuyên-bố tỏ ý muốn binh-định cho trong tỉnh được yên, tổ-chức lại việc tài-chính và việc quân-sự và hết sức tẩy-trừ bọn giặc cướp và đặng phiến-loạn. Việc học sẽ chỉnh-đốn lại, khiến cho học-sinh không được can-dự vào việc chính-trị.

Ông đại-biêu mới của Chính-phủ trung-trong Nam-kinh là Hà Phong Thu đã tới Vân-nam-phủ.

Việc trong nước

Chính-sách chủng-tộc. — Trong bài diễn-thuyết của quan Khâm-sứ PASQUIER đọc ở Paris, bản-chí dịch đăng trên kia, có xướng lên cái thuyết nên lập cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang, mà các bộ-phận trong đoàn-thể ấy phải cai-trị theo những phương-pháp riêng, tùy với trình-độ của dân-tộc mỗi nơi ; thế gọi là cái « chính-sách chủng-tộc » (politique des races). Chính-sách ấy có lẽ không lợi cho sự thống-nhất của Việt-Nam đế-quốc ta. Nhưng nay hẵng biết cái ý-kiến của ông PASQUIER như thế, và thử xem các báo tây nghị-luận ra làm sao. Báo Courrier d'Haiphong gần đây có bài đề là « Chính trị chủng-tộc » của ông LE GAC chủ-bút báo ấy như sau này :

« Quan Khâm-sứ PASQUIER bàn nên đặt cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang. Thực ra cái ý-kến ấy cũng không có mới lạ gì. Từ khi đặt ra phủ Toàn-quyền đã ngụ có cái ý đó rồi, mà kể ra về chính-trị-thượng, địa-lý-thượng, cũng không phải là không có

căn-cứ. Trong năm xứ hợp lại thành ra cõi Đông-Pháp, thời ba xứ phần nhiều là người dân An-Nam cả, tuy cũng có gián-tạp ít nhiều giống khác, nhưng thực là một chủng-tộc hồn-nhiên thuần-nhất. Theo số điều-tra năm 1921, người An-Nam ở Trung-kỳ là 899 phần 1000, ở Nam-kỳ là 853/1000 và ở Bắc-kỳ là 886/1000. Vậy ba xứ ấy có thể cho là thuần thuộc về dân-tộc Việt-Nam, chủng-tộc, phong-tục, tôn-giáo, chính-trị đều là cùng một nguồn-gốc như nhau cả.

« Còn như Cao-miền, Ai-lao, thì khác hẳn. Người An-Nam ở hai xứ ấy không có mấy : ở Cao-miền có 58 phần 1000 và ở Ai-lao 12 phần 1000. Song tuy về đường chủng-tộc hai xứ Cao-miền và Ai-lao không thuộc vào đoàn-thể Việt-Nam, nhưng về đường địa-lý thì có mật-thiết quan hệ lắm. Xứ Cao-miền giao-thông với ngoài phần nhiều là do con đường sông Cửu-long, xứ Ai-lao sau này nhờ có đường xe lửa cũng phải mượn đường duyên hải Bắc-kỳ Trung kỳ mà giao-thông với ngoài. Nhân sự liên-lạc

về đường kinh-tế đó mà thành ra có liên-lạc về đường lợi-quyền, khiến cho liên-hiệp mấy xứ đó thành một đoàn-thể liên-bang cũng là chính-đáng vậy.

«Cứ theo như một bài của ông Bác sĩ LÊ QUANG-TRINH đăng trong báo Le Progrès annamite thì cái tư-tướng thống-nhất của quan Toàn-quyền SARBAUT xướng lên từ năm trước vẫn có ảnh-hưởng trong dân-gian lắm. Tư-tướng ấy chắc cũng có chịu kích-thích ở ngoại-giới nhiều. Dù thế nào mặc lòng, cái quan-niệm quốc-gia của dân-tộc Việt-Nam gần đây đã phát-khôi ra rõ-ràng, tinh liên-lạc trong ba xứ Bắc, Trung, Nam càng ngày càng mật-thiết, nhất là Bắc-kỳ với Trung-kỳ, là nơi cái quốc-túy hãy còn đậm-thấm hơn. Phép chính-trị của Nhà-nước không thể không chăm-chước điều đó.

« Song cũng còn nhiều lẽ khác phải chăm-chước nữa. Ngoài dân-tộc Việt-Nam, còn có dân-tộc khác, Nhà-nước không thể không chú-ý đến. Như dân Mên, dân Lào, cổ-nhiên là không thể cai-trị giống như dân An-Nam được. Hai dân ấy, cũng có chế-độ phong-tục riêng, chế-độ phong-tục ấy cũng đáng tôn-trọng lắm. Lại có cách cai-trị riêng, có quan-lại riêng, tuy phải thay đổi cho hợp-thời, nhưng cũng phải bảo-lần lấy cốt-cách.

« Và lại ở ngay trong hạt tam-kỳ, cũng còn có gián-tạp các dân-tộc khác. Như ở Trung-kỳ có 406.000 người thuộc giống Ấn-độ — Mã-lai, như người Mọi, người Hời, (tức là 82 phần 1000), ở tụ-hợp về các miền Darlac, thượng-lưu sông Đong-nai, Kontoum và tỉnh Quảng - Ngãi. Lại còn 71.000 người Mường ở miền thượng-du tỉnh Thanh tỉnh Nghệ. — Ở Bắc-kỳ có 95.000 người Mường, một nửa ở tỉnh Hòa-binh, 500.000 người Thái, Thổ, Nùng, vãn-vãn, 67.000 người Mán, 60.000 người

Mèo, 32.000 người Khách, phần nhiều ở các miền sơn-lâm người An-Nam không năng đi đến. — Ở Nam-kỳ có 16.000 người Mọi (trong số đó thời một tỉnh Tây-ninh đã tới 11.000 người), và ngót 300 000 người Mên, ở thành làng xóm đông ở sáu tỉnh, còn các lĩnh khác thời ròi-rạc ít nhiều.

« Đó là cái tình-trạng hiển-nhiên mà Chính-phủ Pháp phải đối-phó. Cái chính-sách của Chính phủ vẫn lấy hai điều sau này làm tôn-chỉ: 1^o Nhất-thiết tôn-trọng các chế-độ, phong-tục, cùng cái văn-minh cổ-hữu của người bản-xứ; 2^o Cái phương-pháp cai-trị phải tùy mỗi dân một khác.

« Ấy cái chính-sách chằng-tộc là như thế, nhiều người bài-bác mà không biết rằng không thể dùng cách khác được; chính-sách ấy, chính người bản-dân yêu-cầu như thế. Chủ-ý là không muốn làm mất lòng người dân. Như đem quan-lại An-Nam mà coi-trị người Mường ở Hòa-binh hay người Thái ở Lai-châu, thì chắc là dân các nơi ấy không bằng lòng. Nhưng giả đem quan thổ-ti Mường để làm tổng-đốc tuần-phủ các lĩnh Trung-châu, thì phỏng người An-Nam có bằng lòng không? Phàm việc đời phải lấy sự thực trước mắt làm cốt. Như ở Ấn-độ, trong quân-đội Ấn-độ có chia ra đội Ấn-độ, đội Hời-dân, lại có mấy tiền-đội những thổ-dân các miền núi. Có người cho người Anh làm như thế là có cái mưu sâu hiểm-độc. Thực ra thì chỉ vì những đội nào mà có tạp các giống ở lẫn nhau thì sự ăn uống khó nghi quá, người Ấn-độ với người Hời-giáo chỉ đánh lộn nhau hoài, không bên nào ưng ở cùng với bên nào cả. Xem gương đó cũng nên suy xét.

« Nói tóm lại thì cái chính-sách của quan Khám-sứ PASQUIER chủ-trương

tuồng cũng thích-hợp với tình-thế chính-trị địa-lý trong bản-xã.

« Cuộc liên-bang vẫn là thống-nhất, mà các bộ-phận vẫn khác nhau, vì khác nhau nên phép hành-chính trong mỗi xứ không thể nhất-thiết giống nhau được.

« Ý-kiến đó xem ra một phần trong đảng trí-thức Việt-Nam cũng cho làm phải, vì ông LÊ QUANG-TRINH kết-luận bài báo của ông có nói rằng : « Bài diễn-thuyết của ông PASQUIER có nhi u điều có thể căn-cứ ở đó mà thảo-luận được, Mẫu-quốc không nên bỏ quá đi mà không chú-ý đến. »

« Như vậy thời ý ông cũng cho là cái chính-sách chủng-tộc không phải là chủ-dùng giống nọ để đối lại giống kia vậy. »

Lược-thuật các việc trong tháng.

— Cuộc bầu-cử đại-biêu Tây ở Bắc-kỳ, lần thứ nhất không thành, lần thứ nhì vào ngày chủ-nhật 15 tháng 4 kết-quả như sau này : Ông BOREL được 995 vé, ông Dr FOREST được 861 vé, các người ra ứng-cử lần trước đều lui về cả. Vậy ông BOREL được trúng-cử.

Ở Nam-kỳ cuộc tuyển-cử nghị-viên Tây lần thứ nhất vào ngày chủ-nhật 22 tháng 4 cũng không thành, số người biên vào sổ bầu-cử là 4973, số người đi bỏ vé là 2837, mà số vé của các người ra ứng-cử được như sau này : Ông OUTREY 1130 vé ; ông CANCELLIERI, 604 vé ; Ông GOURDON, 438 vé ; ông ARDIN, 350 vé ; ông PHAN VĂN-TƯỜNG, 175 vé. Bấy nhiêu người cùng không được đủ số vé (nghĩa là quá nửa số người đi bầu một vé) không ai trúng-cử cả. — Ngày chủ-nhật sau 29 tháng 4 bầu lại, thì trong những người ứng-cử lần trước duy chỉ còn có ông OUTREY lại ra nữa, còn mấy người kia rút về cả mà hiệp nhau lại đem ông ROUELLE là đốc-lý thành-phố

Sài-gòn ra đề chống lại với ông OUTREY. Kết-quả như sau : số người bỏ vé, 2957 ; ông OUTREY được 1657 vé, ông ROUELLE được 1261. Vậy ông OUTREY là nghị-viên cũ lại được tái-bầu.

Ở Pháp thì quan nguyên Toàn-quyền VARENNE lại được tái-cử lần bỏ vé thứ nhì ở hạt Puy de Dôme, vào đảng Xã-hội cộng - hòa (*républicain socialiste*).

Quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT đầu tháng 5 đáp tàu về Sài-gòn, rồi lên Dalat nghỉ mát, đem cả văn-phòng theo. Công việc Phủ Toàn - quyền ở Hà - nội thì giao cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ quyền-nhiếp thường-vụ.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN hết hạn nghỉ bên Pháp, ngày 20 tháng 5 đã sang đến đây, ngày 21 liền nhận việc. Quan quyền Thống-sứ GRAFFEUIL thời lục-lục về Pháp nghỉ,

Ở Trung-kỳ quan Khâm-sứ FRIÈS cũng về Pháp nghỉ. Quan thanh-tra chính-trị JABOUILLE quyền chức Khâm-sứ.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Hán-học danh-ngôn*. Sách tập những câu cách-ngôn hay trong sách nho. Chia ra ba mục : 1^o Đối với bản-thân ; 2^o Đối với gia-tộc ; 3^o Đối với nhân-quần xã-hội. Của ông Huấn TRẦN LÊ-NHÂN biên-dịch. — Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51 Phố Hàng Đường, Hà-nội, xuất-bản ; sách dày 108 trang, giá 2 hào.

2. — 47 Điều Giáo-hóa triều Lê (dịch ra chữ Pháp). *Les 47 Articles du Catéchisme moral de l'Annam d'autrefois*, expliqués et traduits en français, par TRẦN TRỌNG-KIM. Vừa quốc-ngữ, vừa chữ Hán, vừa chữ Pháp. — Imprimerie du « Trung-bắc Tân-văn » ; 80 trang, giá 3 hào.

3. — *Nữ-huấn*. Lời dạy con gái khi về nhà chồng. Của ông BÙI HUY-TIẾN, tuần-phủ Bắc-giang soạn. Có tựa của quan Thượng-thư hữu-tri PHẠM VĂN-THỤ. In ở Đông-kinh ấn-quán, bán ở «Việt-Nam thư-xã», 85 phố hàng Bông, Hà-nội; sách dày 34 trang, giá 1 hào.

4. — *Thơ buồn*. Tập thơ văn tự-do lối mới, của LÊ KHÁNH-ĐỒNG soạn. Có thêm bài *Gia-huấn-ca* của ông LÊ KINH-HẠP, người Hà-tĩnh về đời Tự-đức. — Nhà in Chân-phương Hà-nội xuất-bản; sách dày 56 trang giấy nhỏ, giá 1 hào rưỡi.

5. — *Anh hàng phố lấy vợ có đầu*. Tập đoản-thiên tiểu-thuyết của NGUYỄN MẠNH-BÔNG soạn, — Hương-hát thư-điểm ở Hải-phòng xuất-bản; sách dày 100 trang, giá 3 hào rưỡi.

6. — *Mộc-lan tông-quân* 木蘭從軍, Tiểu-thuyết tàu, NGUYỄN ƯỚ-LĂNG dịch. In ở Nam-hoa thư-quán Nam-định, mới xuất-bản quyển I, 32 trang, giá 1 hào,

7. — *Le Français par soi-même*. Méthode rapide pour apprendre le français sans maître. Par NGUYỄN HOÀI ĐÌNH, instituteur. Sách học tiếng Pháp chóng biết không phải thầy. Có dịch và cắt nghĩa ra tiếng ta. — In ở nhà in Kim

Đức-Giang, bán tại nhà tác-giả ở trường Thực-hành, phố Đồn-Hữu-Vị Hà-nội, Sách dày 194 trang, giá 8 hào.

8. — *Tiếng chuông nhà học*. Bulletin de l'Amicale des fonctionnaires indigènes de l'Enseignement en Annam. Publication bimestrielle en français et en annamite. Mới xuất-bản số đầu. — In ở nhà in Đắc-lập Huế.

9. — *Tranh quốc-sử* của ông TẠ ĐÌNH-NINH vẽ, bản-chí đã giới-thiệu trước, nay mới hợp thành sách, quyển thứ I về đời Hùng-vương, 50 bức, giá 1 đồng 2 hào. Bán ở hiệu Hoán-văn, phố hàng Bông Hà-nội.

Nam-Phong Tùng-Thư
Đã xuất-bản:

1. *Văn-minh luận*,
2. *Ba tháng ở Paris*.
3. *Văn-học nước Pháp*,
4. *L'Idéal du Sage dans la philosophie confucéenne* (Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng).

Sắp xuất-bản:

Chính-trị nước Pháp, 2 quyển (quyển I in gần xong, quyển II dương in).

Mỗi quyển giá 4 hào, tiền cước ngoài, Bán ở Đông-kinh ấn-quán Hà-nội.

